

EDWIDGE DANTICAT

DƯƠNG MẠNH HÙNG DỊCH

Mùa
thu
hoạch
xương



HOI NHAİ PUBLISHING HOUSE
Hoi Nhai Văn

Mục lục

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

Lời cảm ơn

Kể ấy, Jephthah hiệp lại hết thủy dân Gilead, giao chiến cùng Ephraim. Người Gilead chiếm hết những chỗ cạn để vượt sông Jordan dẫn vào Ephraim. Và khi một người Ephraim sống sót nào nói rằng, “Xin để cho tôi đi qua”, thì những người Gilead nói rằng : “Người có phải người Ephraim chẳng ?” Nếu anh ta nói, “Không,” chúng bèn nói cùng người đó rằng, “Thế thì, hãy nói ‘Shibboleth.’” Nếu người đó nói “Sibboleth”, vì anh ta không thể phát âm chính xác chữ đó được, chúng sẽ bắt và giết họ tại chỗ cạn của sông Jordan. Khi đó, đã có bốn mươi ngàn người Ephraim bị sát hại.

Kinh Judges 12:4-6

Dâng kính lên người, Metrès Dlo,

Bà mẹ của Những dòng sông

Amabelle Désir

1

Tên anh ấy là Sebastien Onius.

Gần như đêm nào anh cũng đến để dập tắt cơn ác mộng mà tôi luôn thấy về cái ngày cha mẹ tôi chết đuối. Trong lúc tôi kháng cự lại giấc ngủ, anh thì thầm bảo “nằm yên trong lúc anh đưa em trở lại.”

“Trở lại đâu?” Tôi hỏi mà không cảm thấy môi mình động đậy. Anh trả lời, “Anh sẽ đưa em trở lại hang đá phía bên kia con suối.”

Tôi loạng choạng rướn người về phía anh, gắng gượng để đứng lên. Anh giúp tôi giữ thăng bằng với những đầu ngón tay dài mà cong, những ngón tay sống động trườn mò về phía tôi. Tôi bám vào người anh, đầu tôi suýt chạm tới giữa vòm ngực anh. Anh đẹp một cách hào sảng trong ánh sáng tù mù của ngọn đèn dầu thốt nốt, mặc dù gương mặt đen bóng của anh đầy rãnh sẹo đan xen do những thân mía để lại. Cánh tay anh lớn bằng cả vòng đùi tôi. Chúng là những thanh thép, tôi luyện bởi bốn năm thu hoạch mía.

“Nhìn em này,” anh vừa nói vừa nâng mặt tôi lên bằng bàn tay rộng lớn hình bát úp, nơi lòng bàn tay đã mất đi chỉ tay do những con dao chặt mía. “Em ngồi sáng như một ngọn đèn lồng Giáng sinh, ngay cả với làn da màu tro tàn của gỗ vụn trong mưa.”

“Đừng nói với em kiểu đó,” tôi lẩm bẩm trong lúc vẫn đang giằng co với bóng đen của giấc ngủ. “Nói chuyện kiểu này làm em thấy trần trụi.”

Anh đưa bàn tay vuốt ve dọc theo lưng tôi. Lòng bàn tay thô ráp và chai sần của anh day miết như muốn bào mòn da thịt tôi, trong khi chiếc vòng đeo tay làm từ những hạt cà phê màu vàng của anh lăn qua lăn lại và mơn trớn sống lưng tôi mềm mại.

“Hãy cởi váy ngủ của em ra,” anh gợi ý, “và thực sự trần trụi đi. Khi đã trút bỏ hết rồi, em sẽ biết rằng mình đang hoàn toàn tỉnh táo và anh có thể ngắm nhìn em trong vui sướng.” Nói rồi, anh lướt về phía bên kia phòng và quan sát mọi cử động của da thịt tôi trong lúc tôi cởi bỏ áo quần. Anh ở trong một góc phòng cách xa ngọn đèn, một vùng tối nơi anh nhìn thấy tôi rõ hơn là tôi thấy anh. “Sẽ tốt cho em nếu em hiểu và tin rằng anh luôn ở gần bên em ngay cả khi mắt em không thể nhìn thấy anh,” anh nói.

Câu nói này khiến tôi bật cười lớn, quá lớn vào thời khắc nửa đêm. Bây giờ thì tôi đã hoàn toàn khóa thân và tỉnh táo. Tôi nhanh chóng ngã vào vòng tay anh với bộ váy ngủ còn vướng quanh mắt cá chân. Với thân hình gầy gò như anh hay nói, tôi sợ mình sẽ dễ dàng gãy làm đôi và biến mất. Tôi sợ phải sống nhút nhát, tách biệt, và lạnh lẽo. Tôi sợ rằng mình sẽ ngừng tồn tại khi anh không ở đó. Tôi như một hòn cuội ở biển hút ngược màu sắc của mình vào bên trong và không còn trong trẻo nữa một khi bị mang ra ngoài ánh nắng mặt trời và rời xa bọt sóng. Khi anh không ở đó, tôi sợ tôi sẽ không còn biết ai và cũng chẳng còn ai biết tôi.

“Quần áo em che đậy đâu chỉ da thịt em,” anh nói. “Chúng biến em thành một thứ đồng phục gò bó. Bây giờ em mới là em bằng xương bằng thịt.”

Tôi hoặc phải ở trong một cơn ác mộng, hoặc không ở bất kỳ nơi nào cả. Nếu không, tôi chỉ trôi lơ lửng trong những ký ức này, xót xa cho tôi của quá khứ, và hơn hết là cho tôi của hiện tại. Nhưng những đau buồn này tôi để dành khi không có anh ở bên.

“Hãy nhìn khuôn mặt nhỏ nhắn hoàn hảo của em này,” anh nói, “dáng hình nhỏ nhắn hoàn hảo của em, cơ thể nhỏ nhắn hoàn hảo của em, một người thiếu nữ đang lớn với nước da đen thẫm thẫm. Tất cả các gam màu tối hiện hữu trong em, những thứ chúng ta nhìn thấy và không nhìn thấy, cái thiện và cái ác.”

Anh lướt tay trên người tôi nhẹ tựa lông hồng, như thể anh cũng sợ rằng tôi sẽ tan biến đi mất.

“Mọi thứ trên khuôn mặt em đều nằm đúng chỗ,” anh nói, “mũi em cũng nằm ở vị trí của nó.”

“Ôi, wi¹, thật thê thảm biết bao,” tôi đáp, “nếu mũi em nằm ở dưới gan bàn chân.”

¹ *Ừ, đúng. Tiếng Creole ở Haiti.*

Lần này thì chính anh là người bật cười. Nhìn gần hơn, tiếng cười làm khuôn mặt anh nhăn lại và hai vai anh nhấp nhô lên xuống không đều nhịp. Tôi không bao giờ dám chắc rằng anh đang cười hay vừa cười vừa khóc, mặc dù tôi chưa bao giờ thấy anh khóc.

Tôi choàng tay qua người anh và chìm lại vào giấc ngủ. Anh sẽ biến mất trước khi tia nắng ban mai đầu tiên đượm mùi sả ló dạng. Nhưng tôi vẫn cảm nhận được sự hiện diện của anh ở đó trong căn phòng vuông vức nhỏ bé của mình. Tôi có thể ngửi thấy mùi mồ hôi anh, đặc quánh như mật mía khi anh phải vắt

sức quá nhiều. Tôi vẫn có thể nếm nấp khuôn miệng anh, với phần lợi thâm màu cà tím có vị ngọt nhầy của sữa dê đun nóng đến quện đường và mùi của những củ khoai tây màu vàng mù tạt. Tôi cảm nhận những móng tay thô dày của anh vun đôi má tôi lên cao, và vòng đeo tay của anh cửa vào hai hõm nhỏ bên dưới xương gò má để lại một giọt máu khô hình trăng khuyết hoàn hảo. Tôi tận hưởng cách lưỡi anh âu yếm lần theo huyết mạch trên sống lưng tôi và để lại những đường ẩm ướt, những dấu tay hằn mờ trên hông tôi nơi anh bám vào quá chắc, có lẽ trong những giây phút khi anh cảm thấy tôi đang tuột dần đi. Và tôi vẫn có thể đếm những hơi thở của anh, đôi khi gấp gấp hơn cả nhịp tim anh.

Khi còn là một đứa trẻ, tôi thường dành hàng giờ chơi đùa với cái bóng của mình, trò chơi mà cha tôi luôn cảnh báo rằng sẽ khiến tôi gặp ác mộng, những cơn ác mộng nơi ta thấy những giọng nói xoáy thành cơn lốc đủ sắc cầu vồng và nghe những vật với đủ hình thù kỳ dị trỗi dậy cất tiếng nói khẳng định chính mình. Chơi đùa với bóng của mình giúp tôi, một đứa con một, cảm thấy bớt cô đơn. Mỗi khi tôi có bạn chơi cùng, tôi đều cảm giác họ không có thật hay không hiện diện. Tôi coi họ chỉ như vật thể chõ cho cái bóng của tôi. Và trong quãng đời sau này, tôi còn gặp nhiều cái bóng khác. Đôi khi Sebastien Onius bảo vệ tôi khỏi những cái bóng. Đôi khi anh lại là một trong số đó.

2

C huyện sinh tử là công việc của cha mẹ tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ tham dự vào một ca đờ để cho tới khi những tiếng thét vang vọng qua thung lũng vào buổi sáng hôm ấy, một tiếng kêu như hàng ngàn mảnh kính đang vỡ vụn. Tôi nghe thấy nó khi đang ngồi trên nệm cỏ trong sân và khâu nút áo cuối cùng trên chiếc áo mới nhuộm chàm cho Sebastien. Thả giở đồ may xuống, tôi chạy vào trong nhà, về phía phòng ngủ của señora¹.

¹ *Phát âm: sê-nhô-ra. Hàm nghĩa quý cô, quý bà trong tiếng Tây Ban Nha. Tuy nhiên, vì mối quan hệ phức tạp giữa hai nhân vật, người dịch quyết định giữ nguyên gốc từ “señora”.*

Señora Valencia đang nằm ngửa trên giường, da chị đầm mồ hôi và đũng váy của chị ướt nhẹp dịch nhầy.

Nước ối của chị đã vỡ.

Trong khi tôi nhắc chân chị lên để lột bỏ tấm ga giường, Don Ignacio, cha của Señora Valencia – chúng tôi gọi ông là Papi – lao vào trong phòng. Đứng bên cạnh chị, ông xoắn giật bộ ria hình cánh bướm với bàn tay ám màu thời gian trong khi tay còn lại vuốt ve vầng trán ướt đầm của con gái.

“¡Ay¹, không!” Señora rít lên qua kẽ răng nghiêng chặt. “Tại sao nó lại đến sớm thế này? Vẫn còn những hai tháng nữa cơ mà.”

¹ *Ôi. Tiếng Tây Ban Nha.*

Papi và tôi cùng giật lùi lại vài bước khi một suối nước lốm đốm máu tuôn ra từ giữa hai chân của con gái ông.

“Ta sẽ đi gọi bác sĩ,” ông nói. Làn da nâu màu da thuộc của ông lập tức tái nhợt đi và ngả sang màu vỏ trứng đun chín.

Trước khi ào ra khỏi cửa, ông cúi tôi về phía cạnh giường của señora, như muốn nói qua cử chỉ gấp gáp này rằng với tình thế hiện giờ, ông không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tin tưởng phó thác số mệnh cô con gái độc nhất vào đôi bàn tay vụng về của tôi.

May mắn thay, sau khi Papi đi khỏi, señora bình tĩnh lại trong giây lát. Cơn đau của chị có vẻ đã giảm đi chút ít. Chìm sâu người vào tấm nệm, chị nuốt từng nhịp thở chậm rãi.

Chúng tôi ngồi yên trong lúc những ngón tay chị níu vào tay tôi, như thuở chúng tôi còn là những cô bé ngủ chung một phòng. Mặc dù chị ấy đáng ra phải ngủ trên chiếc giường to với màn trướng che phủ và tôi phải nằm trên chiếc giường nhỏ đối diện, chị luôn gọi tôi lên giường chị sau khi cha chị đã đi ngủ. Hai đứa chúng tôi nhảy nhót lên xuống trên tấm nệm, chơi đùa với bóng của mình, và giả vờ là bốn cô bé hạnh phúc, đến mức bà vú già – Juana – phải xộc vào phòng và dọa sẽ đánh thức Papi dậy để ông ru cho chúng tôi ngủ thật say bằng một trận đòn quất đít.

“Amabelle, giường cho em bé đã được chuẩn bị sẵn sàng chưa?” Vẫn nắm chắc tay tôi trong tay mình, Señora Valencia liếc nhìn về phía cái nôi bị ép chặt giữa cánh cửa chớp mở ra sân trong và cái tủ quần áo yêu thích được chạm trổ hình hoa lan và chim ruồi công phu.

“Tất cả mọi thứ đã sẵn sàng, Señora,” tôi đáp.

Mặc dù không quen cầu nguyện, tôi vẫn thì thầm một vài lời nguyện tới Thánh nữ vùng Carmen¹ rằng bác sĩ sẽ đến trước khi cơn đau của señora quay trở lại.

¹ *La Virgen de la Carmen. Một hiện thân khác của Đức mẹ đồng trinh Maria, bà được coi là thánh bảo hộ của cộng đồng những người lai giữa hai dòng máu Tây Ban Nha và bản địa (mestizo) ở những quốc gia từng là thuộc địa của Tây Ban Nha, trong đó có nước Cộng hòa Dominica nơi câu chuyện của chúng ta diễn ra (Dominican Republic).*

“Chị muốn có chồng chị ở đây.” Señora nhắm nghiền mắt lại, lặng lẽ ép những giọt nước mắt trôi xuống gò má.

“Chúng ta sẽ cho người đi gọi anh ấy,” tôi nói. “Nói cho em nghe trong người chị đang cảm thấy thế nào.”

“Chị thấy bớt đau rồi. Nhưng khi cơn đau lên đến cực độ thì cứ như có ai đó đang xoáy dao vào lưng chị.”

Đứa bé có lẽ đang nằm tì lên lưng chị ấy, tôi nghĩ, hồi tưởng lại một trong những câu nói ưa thích của cha tôi trong lúc ông và mẹ tôi nhồi nhét lá thuốc vào những chai rum và rượu mạnh trước khi chạy đi thực hiện một ca đỡ đẻ. Không có một ký ức nào về những loại lá thuốc đó, tôi không thể giúp señora bớt đau đớn. Tất nhiên, trong nhà có rất nhiều rum và rượu mạnh trong tủ, nhưng tôi không muốn bỏ chị một mình để chạy đi lấy chúng. Chuyện gì cũng có thể xảy ra trong lúc tôi vắng mặt, mà điều tệ hại nhất là một tiểu thư ở địa vị của chị phải vượt cạn một mình như một ả nô bộc đồn điền bỗng dưng lên cơn đau đẻ trên ruộng mía.

“Amabelle, chị sẽ không chết chứ?” Chị hét lên với âm lượng cực đại của giọng nói vốn nhỏ nhẹ từ nhỏ. Nhịp thở giữa những câu

chữ của chị gấp gáp và đầy hoảng loạn.

Chỉ có hai chúng tôi ở trong nhà lúc đó. Tôi phải giúp chị bình tĩnh lại, phải là chỗ dựa của chị như chị vẫn luôn mong đợi, như cha chị vẫn luôn mong đợi.

“Từ trước đến giờ, lần chị cảm thấy đau đớn nhất là khi bị ong vò vẽ đốt vào mu bàn tay sưng vù cả lên,” chị quả quyết.

“Lần này chị sẽ phải chịu đau nhiều hơn, nhưng sẽ không quá nhiều đâu,” tôi trấn an.

Một làn gió nhẹ lượn qua các khe chớp trên cánh cửa ra sân trong. Chị với tay về phía tấm màn muỗi buộc trên đầu, túm lấy nó, và siết thật chặt.

Da gà nổi trật lên khắp hai cánh tay chị. Chị nắm cổ tay tôi chắc đến nỗi các ngón tay tôi trở nên tê dại. “Nếu Bác sĩ Javier không đến, em sẽ phải là người đỡ đứa bé cho chị!” Chị kêu lên.

Tôi giật bàn tay mình khỏi tay chị rồi xoa bóp cánh tay và bờ vai đang căng thẳng của chị để giúp chị thư giãn cơ thể cho việc sinh nở. “Chị phải vững vàng lên,” tôi nói. “Hãy để dành sức cho đứa bé.”

“Lạy Đức Mẹ Đồng Trinh¹!” chị thét vọng lên trần nhà trong khi tôi kéo váy ngủ của chị lên quá đầu. “Tâm trí con sẽ chỉ nghĩ đến người, thưa Đức Mẹ, cho đến khi cơn đau này hóa thành một đứa trẻ.”

¹ *Virgencita, tiếng Tây Ban Nha.*

“Chị hãy cố hít vào thở ra thoải mái bằng miệng,” tôi hướng dẫn chị. Tôi nhớ mẹ tôi đã nói rằng việc thở được một cách bình

thường là rất quan trọng với đàn bà trong lúc sinh nở nếu họ muốn cảm thấy đỡ đau đớn hơn.

“Chị cảm thấy váng vất quá,” chị nói, da thịt co giật như đang nằm trên đồng lửa. Quần quai trên giường, chị cố gắng hóp từng miệng đầy khí một cách tuyệt vọng, mặc cho mặt chị đang sưng phù lên với những mạch máu căng phồng đập như trống trên thái dương.

“Chị sẽ không sinh con như thế này đâu,” chị rên rỉ, cố gắng dãn cả cơ thể xuống một điểm trũng ở giữa giường. “Chị sẽ không cho phép bất cứ ai đi vào và nhìn thấy chị trần truồng nằm ngửa thế này.”

“Làm ơn, señora, chị cần phải tập trung hết sức đi.”

“Chí ít em cũng sẽ che chân chị lại nếu có ai đó đi vào chứ?” Chị đưa cả hai tay ôm bụng để đón chờ một cơn co thắt nữa ập đến.

Tôi cảm thấy lục phủ ngũ tạng của mình lộn ngược lên và đóng đặc ở giữa lồng ngực khi đầu của đứa bé bắt đầu chui qua cửa mình chị. Dù thế, tôi vẫn cảm thấy nhẹ nhõm phần nào, mặc dù tôi biết chị không cảm thấy thế. Tôi tự bảo mình, bây giờ mình có thể thấy một đứa trẻ thực sự được sinh ra từ sự đau đớn tột cùng này; việc sinh nở này không hoàn toàn bất khả.

Bất chấp niềm hy vọng của tôi, đứa bé không tiến về phía trước mà ngừng lại gần cửa mình chị, như thể nó bỗng đổi ý và không muốn rời khỏi bụng mẹ nữa. Tê liệt trong cơn đau, señora cũng nằm yên bất động.

“Señora, đã đến lúc rồi,” tôi nói.

“Đến lúc làm gì?” Chị hỏi, hàm răng nhỏ đều run rẩy bặm vào môi dưới.

“Đã đến lúc đẩy con của chị ra. Em đã nhìn thấy đầu của nó. Tóc của nó đen mềm và xoắn lộn lại như tóc chị vậy.”

Chị dùng hết sức bình sinh để rặn, như con kiến cố gắng đẩy một cái cây đại thụ. Đầu đứa bé trồi ra, nằm gọn trong lòng bàn tay mở rộng của tôi.

“Señora, đứa bé này sẽ là con của chị,” tôi động viên chị. “Chị sẽ trở thành mẹ nó cho đến hết cuộc đời này. Nó sẽ là một phần của chị như cánh bèo thuộc về mặt nước và hoa súng thuộc về những con sông.”

“Như chị là một phần của mẹ chị,” chị tiếp lời, cố gắng giữ hơi thở. “Giờ thì chị sẽ hiểu rằng tại sao người ta lại nói trẻ con là phần thưởng của cuộc sống.”

“Hãy nhanh lên!” Chị giục giã. “Chị muốn trông thấy nó. Chị muốn được ôm nó. Chị muốn biết nó là con gái hay con trai.”

Những nếp nhăn trên trán chị hằn sâu thêm vì ngóng đợi. Chị gồng hết sức lực và thúc hai vai của đứa bé ra bên ngoài. Cả cơ thể của sinh linh nhỏ bé đó trượt vào tay tôi, nhuộm đỏ tạt dề tôi bằng máu.

“Chị có một đứa con trai rồi.” Tôi bế thẳng bé từ giữa hai chân chị và giơ nó lên cho mẹ nó xem một cách tự hào.

Sợi dây rốn co giãn từ bên trong chị khi tôi bế thẳng bé gần bên ngực mình. Tôi lau người sạch sẽ cho nó với chiếc khăn thô mà tôi đã tự tay cắt may ngay sau khi biết tin chị mang thai. Tôi vỗ lên mông nó hai phát nhưng thẳng bé không khóc. Trái lại, người bật khóc chính là Señora Valencia.

“Chị luôn nghĩ rằng nó sẽ là con gái,” chị nói. “Mỗi sáng Chúa nhật sau lễ, các cậu bé đều xúm lại quanh bụng chị như thể

chúng đã phải lòng con chị vậy.”

Giống như Señora Valencia, con trai chị có làn da màu ngà của sữa dừa. Má và trán thẳng bé ửng hồng như những bông súng.

“Thằng bé có xinh trai không ? Các ngón tay ngón chân nó đầy đủ cả chứ?” Chị hỏi. “Hình như chị không nghe thấy nó khóc.”

“Em để chị phết mông nó lần nữa nhé.”

Trong lòng tôi dấy lên một niềm tự hào sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Tôi xé một miếng vải trắng từ tấm ga gối trong nôi, bọc nó xung quanh sợi dây rốn, và dùng dao cạo râu của chồng señora để cắt sợi dây rốn buộc thẳng bé với mẹ nó. Khi Señora Valencia vừa định giơ tay ra để ẵm con thì chị bỗng kêu thét lên. Một tiếng rít đầy đau đớn bật ra từ cuống họng của chị.

“Nó lại bắt đầu nữa rồi!” Chị hét. “Chị cảm thấy thế nào, Señora?” “Cơn đau để đang quay lại.”

“Đó là nhau thai, cái tổ cũ của thằng bé, đang tìm đường để chui ra,” tôi nói, nhớ lại một câu nói ưa thích của mẹ tôi. Cái tổ cũ của đứa bé sẽ từ từ đi ra. Nó giống như một sinh linh thứ hai vậy.

“Chị phải cố rặn một lần nữa để chắc chắn rằng tất cả nhau thai sẽ tuột ra ngoài.”

Chị rặn còn mạnh hơn lần trước. Một cái đầu tóc quần đen nhánh nữa lách giữa hai chân chị bơi ra cùng với bọc nhau thai sót lại.

Tôi nhanh chóng đặt con trai chị vào trong nôi để giúp đứa bé còn lại. Bây giờ tôi đã có nhiều kinh nghiệm hơn. Giống như đã làm với anh trai nó, tôi đưa tay vào và kéo đầu đứa bé ra. Hai vai

nhỏ bé của nó chui ra một cách dễ dàng, sau đó đến hai cẳng chân loẻo khoẻo.

Đứa bé trai khóc thét lên khi tôi kéo em của nó ra từ giữa hai bắp đùi của Señora Valencia. Một cô bé nhỏ nhắn thở hổn hển để hớp không khí. Một tấm màng mỏng màu nâu, như một lớp mạng nhện chống chất, bao phủ khuôn mặt nó. Sợi dây rốn quấn thành một vòng hoa đầy máu quanh cổ con bé, cuộn kín từng phân một giữa cằm và vai nó.

Señora Valencia dùng ngón tay xé lớp màng thai quanh mặt con gái. Tôi dùng lưỡi dao cửa đứt dây rốn xung quanh cổ nó. Ngay sau đó, con bé bắt đầu cất tiếng khóc, hòa âm với anh trai thành một bản đồng ca.

“Con bé cứ như là bị nguyên rửa vậy?” Señora nói trong lúc bế con gái trong vòng tay. “Màng thai, rồi cả dây rốn nữa.”

Chị nhẹ nhàng thối lên cặp mắt nhắm nghiền của con gái, động viên con mở mắt ra. Tôi bế bé trai ra khỏi nôi và mang thẳng bé đến giường để nó được ở gần mẹ và em gái. Hai đứa bé ngừng khóc khi chúng tôi cọ xát lòng bàn chân của chúng vào nhau.

Señora Valencia dùng phần còn sạch của tấm ga giường để lau những vết máu dính trên da con gái. Con bé trông nhỏ hơn nhiều so với người anh song sinh, chưa tới một nửa kích thước không lấy gì làm lớn của thằng bé. Ngay cả khi nằm trong vòng tay mẹ, con bé vẫn nghiêng về một bên với hai cẳng chân bé xíu gập lên đến bụng. Da nó màu đồng đậm, đầu đó giữa màu nâu rám nắng của những trái dẻ Brazil và màu đen của rễ cây râu dê.

Señora Valencia ra hiệu cho tôi bế con trai chị lại gần hơn. “Nhìn chúng thật khác nhau.” Chị muốn nghe ý kiến từ tôi. “Con trai

chị thích màu da trắng ngà như quả mãng cầu xiêm của chị,” tôi nói.

“Còn con gái chị thì thích màu da của em,” cô nói. “Con bé đúng là một con tắc kè hoa. Nó đã mượn màu da của em ngay khi vừa thấy mặt em.”

Với những ngón tay vẫn đang run rẩy, chị làm dấu thánh từ trên trán xuống hõm ngực đầy mồ hôi giữa hai bầu vú căng mọng. Buổi sáng hôm nay nóng một cách lạ thường. Không khí đặc quánh mùi hương sả và mùi những cây phượng đang bốc hơi sương dưới mặt trời, hòa quyện với mùi máu mà señora đã mất cho những đứa con của mình. Tôi đóng chặt cánh cửa ra sân trong lại, ngăn chặn hoàn toàn không khí từ bên ngoài.

“Em hãy thắp một ngọn nến cho Đức Mẹ Đồng Trinh Virgencita nhé, Amabelle? Chị đã hứa sẽ làm điều này cho Đức Mẹ sau khi chị sinh.”

Tôi đốt một cây nến trắng và đặt nó trên cái tủ đựng quần áo em bé bên cạnh chiếc nôi đã từng thuộc về señora lúc nhỏ.

“Em có nghĩ bọn trẻ sẽ yêu thương chị không?” Chị hỏi. “Chẳng phải chị đã yêu thương chúng rồi đó sao?”

“Chị cảm thấy như chúng đã luôn hiện diện ở đây.” “Chị đã biết sẽ đặt tên các con là gì chưa?”

“Chị nghĩ chị sẽ đặt tên con gái chị là Rosalinda Teresa để tưởng nhớ đến mẹ chị. Chị sẽ để chồng chị nghĩ tên cho bé trai. Amabelle, hôm nay chị hạnh phúc quá. Em và chị. Hãy nhìn xem chúng ta đã làm được gì này.”

“Là chị đó, Señora. Chị đã vượt cạn thành công.”

“Con gái chị trông thế nào? Em thấy bông hồng màu đen bụi bặm của chị thế nào? Em có thích con bé không ? Em có thích cả hai đứa không ? Con bé nhỏ quá. Hãy giữ nó cho chị, để chị bế con trai chị.”

Chúng tôi đổi hai đứa trẻ cho nhau. Trong giây lát, Rosalinda dường như lơ lửng giữa bàn tay của chúng tôi, chỉ chực rơi xuống. Tôi ngắm nhìn gương mặt bé nhỏ của con bé, vẫn hằn những vết máu của mẹ, và ôm nó chặt hơn trong vòng tay mình.

“Amabelle, em có nghĩ là con gái chị sẽ luôn mang màu da thế này không ?” Señora Valencia hỏi. “Tình yêu tội nghiệp của chị, sẽ ra sao nếu người ta tưởng nhầm con bé là những người bạn em?”

3

C hi tỉnh táo trong bóng tối, Sebastien nói, nếu chúng ta không âu yếm nhau thì chúng ta cần phải nói chuyện với nhau. Chúng ta phải lên tiếng để nhắc nhở nhau rằng chúng ta chưa hoàn toàn rơi vào màn đêm của mộng mị mà bản thân nó là một cái chết bất tận, một hang động luôn chìm trong bóng tối.

Tôi nói với anh rằng tôi muốn anh ôm ấp tôi nhiều hơn, muốn anh vuốt ve khắp mọi chỗ trên người mình như cách anh vẫn làm. Anh quá mệt rồi, anh nói, nên chúng ta phải nói chuyện. Sự im lặng với anh giống như giấc ngủ, như giây khắc cận kề với cái chết.

Anh hỏi về gia đình tôi, rằng bố mẹ tôi là người thế nào lúc họ còn sống.

“Em ngưỡng mộ điều gì nhất ở mẹ mình?”

Đôi lúc, tôi thích thú khi anh chỉ hiện hữu như tiếng vọng từ nơi xa, từng thanh âm nối đuôi nhau luôn lách tới mọi góc ngách của căn phòng. Một giọng nói tựa như chưa từng trải qua giai đoạn rên rỉ của trẻ sơ sinh, thì thầm của bé trai, hay lầm bầm của cậu trai mới lớn. Một giọng nói âm vang từng tiếng như thể chúng đã luôn và sẽ luôn dành riêng cho tôi.

“Nói cho anh nghe em thích nhất điều gì ở mẹ em?” Anh hỏi lại, trong lúc tâm trí tôi mãi mê cảm thán giọng nói của anh mà quên mất việc trả lời.

“Em thích sự thư thả của mẹ,” tôi đáp. “Mẹ là một người đàn bà làm gì cũng chậm rãi theo nhịp điệu riêng của bà, như cách cha em hay nói. Mẹ là một người kiệm lời. Khi mẹ cất lời, những câu chữ của bà luôn thẳng thắn và chính xác. ‘Cái tổ cũ của đứa bé sẽ từ từ đi ra. Nó giống như một sinh linh thứ hai vậy.’ Mẹ là một người đàn bà với gương mặt cương nghị và trán mẹ thì như một quả bầu đựng nước. Ý em là trán mẹ rất to, rộng và cao giống như em, dấu hiệu của một trí óc thông tuệ như ai đó đã nói. Mẹ không hay thể hiện tình cảm với em. Có lẽ bà cho rằng cách nuôi dạy đó không tốt với một cô con gái có thể sẽ luôn phải sống thiếu thốn tình thương. Mẹ cũng không hay cười.”

“Em cũng không hay cười.”

“Mẹ cũng gầy gò như em. Em nghĩ là em trông giống mẹ, nhưng em cười nhiều hơn.”

“Em có đang cười không?” Tôi có thể nghe thấy anh mỉm cười trong bóng tối. Nụ cười lẫn vào giọng nói, thì thoảng làm ngắt quãng câu chữ của anh.

Những ngón tay anh lướt qua không khí về phía tôi. Ngay cả trước khi tay anh đặt lên hai bên eo tôi để thọc lét, tôi đã ré lên và bật cười khanh khách như một con gà mái ho hen.

“Kể cho anh nghe thêm về mẹ em đi,” anh nói sau khi ngừng cù buồn và tiếng cười của tôi đã lắng xuống. “Nói cho anh biết tên bà là gì.”

“Tên mẹ là Irelle Pradelle,” tôi nói, “và sau khi mẹ mất, mỗi khi hiện ra trong mơ, mẹ luôn tươi cười. Tất nhiên là trừ lúc mẹ và cha em đang chết đuối.”

4

Bác sĩ Javier đi thẳng đến phòng ngủ của Señora Valencia ngay khi vừa tới nơi. Lúc ông bác sĩ bước vào, chị nhanh chóng thông báo, “Amabelle đã cùng tôi vượt cạn, Javier. Chúng tôi đã đón một cặp sinh đôi chào đời.”

Bác sĩ Javier là một người đàn ông cao lớn lạ thường. Trông ông lúc nào cũng như đang nhìn xuống tất cả mọi người xung quanh. Cặp mắt nheo lại của ông ánh lên vẻ chăm chú cao độ trong lúc kiểm tra hai đứa trẻ và cắt dây rốn cho chúng sâu hơn sát bụng.

“Việc lâm bồn của cô kéo dài bao lâu?” Ông hỏi Señora Valencia.

“Nó bắt đầu từ tối hôm qua,” chị trả lời.

“Tại sao cô không cho gọi tôi đến ngay lúc đó?”

“Ông có nhớ cách chúng ta đã tính trước ngày sinh không ? Tôi tưởng rằng khi đó vẫn chưa phải lúc.”

“Có lẽ chúng ta đã tính toán nhầm.”

“Tôi và các con tôi thật may mắn vì Amabelle biết cách đỡ đẻ,” chị nói. “Tôi không bao giờ có thể làm được chuyện đó một mình.”

“Chúng ta đều rất biết ơn Amabelle.” bác sĩ Javier mỉm cười với tôi trong lúc ông gạt mớ tóc xoắn cứng màu hung đỏ qua một bên. Chân tóc ông mọc nhô ra thành một đỉnh chóp ở giữa trán.

Ông cài một mảnh gỗ khắc hình lá mía ở cổ chiếc áo thêu tay của mình. Đó là một lá bùa, giống như những miếng bùa hộ thân được những người phụ cắt mía ở Alegría đeo quanh cổ để bảo vệ họ khỏi những tà thuật xấu xa.

“Amabelle, cô làm ơn hãy đi đun một ít nước,” vị bác sĩ lên tiếng. “Bọn trẻ cần được tắm rửa sạch sẽ.”

Ngôi nhà nằm trên đỉnh đồi với những ngọn núi màu thiên thanh phía sau lưng và một con đường trải rộng ra trước mặt. Tôi đi qua cánh cửa hậu, nơi phòng bếp mở ra sân sau. Chạy nhanh về phòng mình, tôi cởi bỏ tạp dề và chiếc áo thấm đầy máu rồi đặt chúng ở một góc gần nhà vệ sinh.

Xa phía dưới chân đồi, tôi có thể thấy bà vú già Juana đang trở về từ con suối với một xô đầy quần áo trên đầu. Juana và ông chồng Luis đã hầu hạ trong nhà Papi từ trước khi Señora Valencia ra đời. Bác Juana dừng chân trước cửa nhà mình, với mái ngói nhọn bị che khuất một nửa sau một quả đồi xanh cỏ.

Tôi đặt một nồi nước lên bếp than củi để đun trong căn bếp nhỏ ngoài trời và đợi bác Juana đi lên. Từ ngoài sân, tôi có thể nhìn thấy những cánh cửa sổ chớp khép chặt của phòng Señora Valencia. Chúng được sơn màu chàm giống như hầu hết phần còn lại của ngôi nhà, ngoại trừ những hàng hiên bao bọc quanh nhà được sơn màu đỏ thắm của những bông hoa phượng đang nở rộ khắp Alegría.

Bác Juana không trèo lên đồi nên tôi quay trở lại phòng của Señora Valencia với hai cái thau tráng men đầy nước ấm, một cái ở trên đỉnh đầu và cái còn lại trong hai tay. Señora Valencia nằm trùm kín chắn từ cằm đến ngón chân. Tắm ga giườngбет máu vo thành một đồng ở góc phòng. Papi đã cho thay những

tắm đệm trên giường chị bằng những tấm đệm sạch từ chiếc giường cũ của mẹ chị đặt trong phòng may vá.

Bác sĩ Javier giúp tôi đặt hai cái thau xuống mặt chiếc hòm đựng quần áo cho em bé. Ông hòa một chút lá thuốc vào trong nước dùng để tắm cho lũ trẻ. Señora Valencia chuyển con trai chị vào tay ông.

“Amabelle, cô có nhớ chính xác lũ trẻ chào đời vào giờ nào không?” Papi hỏi. Ông mở một quyển sổ nhỏ trên đùi để ghi lại những thông tin cần để làm giấy khai sinh.

“Lúc đó vẫn còn là buổi sáng.” Señora Valencia nhìn lên một chiếc đồng hồ cổ nằm trong một cái hộp làm từ gỗ dái ngựa mà cha của Papi đã gửi cho ông từ Tây Ban Nha khoảng hai mươi năm về trước.

Tôi nhòm qua vai Papi trong lúc ông đang trịnh trọng viết nắn nót hết mức có thể giờ sinh và nơi sinh của hai đứa bé, ghi chú rằng ngày chúng sinh ra là ngày ba mươi tháng Tám, năm 1937, năm thứ chín mươi ba sau độc lập, và năm thứ bảy trong Thời cai trị của Generalissimo¹ Rafael Leonidas Trujillo Molina, Tổng tư lệnh tối cao, Tổng thống của nền Cộng hòa.

¹ *Phát âm: Khê-nê-ra-lít-xi-mô. Một cách chơi chữ của chữ “general”, nghĩa là thống soái hay thủ lĩnh trong tiếng Tây Ban Nha. Đây là biệt danh mà người dân Dominicana hay dùng để gọi Tổng thống Trujillo một cách trêu mến. Vì nguồn gốc đặc biệt của danh xưng này, dịch giả quyết định giữ nguyên từ “Generalissimo” trong bản dịch.*

“Và hai đứa sinh cách nhau bao lâu, Amabelle?” Papi hỏi. “Cô nhớ chứ?”

“Đứa bé thứ hai là một bất ngờ, nên cháu không nhớ rõ,” tôi trả lời.

“Chỉ tầm 15 phút sau anh trai nó thôi,” Señora Valencia đỡ lời. Khi đến lượt Rosalinda tắm, bác sĩ Javier đỡ lấy con bé và đặt nó vào thau nước. Con bé nằm yên không động đậy khi làn nước liếm lên da thịt.

“Con bé này có một ít bồ hóng đằng sau tai đấy,”¹ bác sĩ Javier bạo mồm nói với Señora Valencia khi ông nhấc con bé ra khỏi thau.

¹ Ý nói rằng Rosalinda có làn da đen.

“Hắn đó là gen từ gia đình cha nó,” Papi cắt ngang. Những đầu ngón tay của ông xoa xoa khuôn mặt với làn da trắng chấy nắng. “Con gái tôi được sinh ra ở thủ đô của đất nước này. Mẹ nó mang huyết thống Tây Ban Nha thuần chủng. Nó có thể truy lại dòng dõi của mình tới những Người Chinh Phục² như El Almirante hay Cristobal Colón³. Chính tôi cũng được sinh ra ở một cảng biển gần Valencia, Tây Ban Nha.”

² Tiếng Tây Ban Nha, Conquistadores. Cái tên này để chỉ những người lính và những người thám hiểm của đế chế Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Trong thời kỳ Khai Phá, các conquistador đã dong thuyền vượt châu Âu đến châu Mỹ, Thái Bình Dương, Châu Phi, và Châu Á để chinh phạt lãnh thổ và mở ra những con đường thông thương. Họ là cánh tay đắc lực trong việc đặt ra chế độ thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trong khoảng thời gian từ thế kỷ 16 đến 18.

³ Tên tiếng Tây Ban Nha của Christopher Columbus.

Chúng tôi quần bọt trẻ trong những tấm vải trắng mà tôi đã viền mép từ lúc Señora Valencia còn đang mang thai và nghĩ rằng chị ấy sẽ chỉ hạ sinh một bé gái mà thôi. Chị ôm con gái vào lòng trong khi Papi ngắm nghía cháu trai của mình, đu đưa thằng bé qua lại trên ngực.

“Nhận xét lúc này của ông rất khiếm nhã,” Papi hạ giọng khiển trách bác sĩ Javier khi ông nghĩ con gái mình đang không chú ý. “Chúng tôi không muốn nghe bất kỳ điều gì như vậy nữa.”

“Amabelle, tôi có thể phiền cô pha cho tôi một tách cà phê được chứ?” Bác sĩ Javier quay sang hỏi tôi sau khi quyết định tốt hơn là nên tạm tránh mặt Papi.

“Lấy cho ngài bác sĩ bất cứ cái gì ông ấy muốn,” Papi nói mà không rời mắt khỏi gương mặt của cháu trai.

Bác sĩ Javier theo chân tôi vào nhà bếp. Trong lúc bước qua lối vào, một bó mùi tây khô treo lơ lửng quệt ngang đỉnh đầu ông và để lại một vài mảnh vụn nhỏ xíu vương trong tóc. Tôi dợm đưa tay lên để phủi chúng đi nhưng kịp thời kiềm lại. Sẽ quá suồng sã nếu tôi chạm vào ông ấy; ông ta có thể sẽ hiểu nhầm. Ở địa vị kẻ phục vụ cho người khác, bạn luôn phải hết sức cẩn thận. Bác sĩ Javier luôn đối đãi tử tế với tôi, nhưng tôi không chắc rằng ông ấy sẽ thích việc tôi vuốt tay lên tóc ông.

“Amabelle, có phải cô là một cô đỡ trong suốt thời gian qua mà không nói cho chúng tôi biết?” Ông hỏi.

“Tôi không nghĩ đến mình như là một cô đỡ, thưa bác sĩ.” Một chút cà phê sánh ra ngoài khi tôi rót nó vào một cái tách trang trí hình hoa lan đỏ, đặt trên chiếc đĩa lót trong cái khay bạc trước mặt ông.

“Vậy làm cách nào mà cô biết cách hộ sinh cho hai đứa trẻ đó?”

“Mẹ tôi và cha tôi là những thầy thuốc ở Haiti. Khi có người nhờ vả, họ cũng kiêm cả việc đỡ đẻ,” tôi nói, giữ vẻ khiêm tốn cho cả bố mẹ tôi, những người luôn luôn khiêm nhường về bản thân mình.

“Valencia nói với tôi rằng bé gái là một ca khó khăn,” ông nói tiếp.

“Vâng, con bé bị một lớp màng bọc quanh mặt và sợi dây rốn thít quanh chỗ hiểm.”

“Quanh chỗ hiểm, có phải là quanh cổ không ? Nó cứ như thể là anh trai con bé muốn siết cổ nó vậy.”

“Nếu ông cho phép, thưa Bác sĩ, tôi không muốn nói xấu bọn trẻ với những lời lẽ như vậy.”

“Rất nhiều người trong chúng ta khởi nguồn là những cặp song sinh và triết tiêu anh chị em sinh đôi của mình trong bụng mẹ,” ông vẫn tiếp tục. “Khi tôi còn là sinh viên trường y, có một lần chúng tôi đã tìm thấy một cặp chân của một đứa bé sơ sinh quắp quanh xương sống của một người đàn ông đã chết. Chúng tôi không tìm được cách lý giải nào khác, ngoại trừ khả năng cặp chân đã nằm ở đó từ trước khi ông ta được sinh ra.”

Tôi chợt nghĩ có lẽ ông bác sĩ đang kể những điều này để hù dọa tôi. Rất nhiều người cho rằng mình thông minh thường cảm thấy thích thú khi dọa dẫm người hầu kẻ hạ trong nhà với những câu chuyện quái đản của thế giới bên ngoài, một thế giới mà họ nghĩ rằng chúng tôi sẽ chẳng bao giờ được tận mắt trông thấy.

“Mặt khác,” ông nói tiếp, “đôi khi chúng ta có hai đứa trẻ được sinh ra cùng lúc. Một đứa chết non còn một đứa sống sót và khỏe mạnh, bởi vì thai nhi chết yểu kia đã hy sinh thân mình và truyền toàn bộ sinh lực cho người anh em song sinh.”

“Tôi mừng rằng cả hai đứa trẻ của chị ấy đều sống sót,” tôi nói. “Ngoài y dược ra thì tôi cũng đam mê nghiên cứu ngôn ngữ và phả hệ,” ông chia sẻ. “Bề ngoài cô bé Rosalinda đã khiến tôi nhận ra vài điều.”

Có phải ông ấy đang tiếp tục khoe khoang trí tuệ của mình với tôi không?

“Anh bạn già của chúng ta, chồng của señora, đã trở thành một quân nhân và tôi không biết phải xưng hô với anh ta như thế nào nữa,” ông nói. “Quân hàm của anh ấy cứ thay đổi xoành xoạch. Nếu tôi nhớ không nhầm, thì lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau anh ta còn là một đại tá. Tôi đã không gặp anh ấy cũng được một thời gian rồi.”

“Anh ấy trở về từ doanh trại khá thường xuyên,” tôi nói, cố gắng tìm cách thoát ra khỏi cuộc nói chuyện. “Khi anh ấy ở nhà thì ông luôn đang ở một nơi khác. Ông nên hỏi Señora Valencia những câu hỏi này, thưa Bác sĩ.”

“Tôi luôn dè chừng những gã đàn ông trong quân đội,” ông vẫn tiếp tục mà không hề nhụt chí trước sự thờ ơ của tôi. “Mấy tay bên Quân đội Nhà nước¹ không có nhiều thiện cảm với tôi, ngay cả những người như Pico vốn là người quen cũ. Nhưng chúng ta hãy tạm gác chuyện này qua một bên đã. Amabelle, điều tôi muốn nói với cô là: tôi khá quan ngại về con gái của Valencia.”

¹ Dịch từ tiếng Tây Ban Nha, *Guardia*. Tên đầy đủ là *Guardia Nacional Dominicana*, tức Lực lượng quân đội vũ trang

Dominicana.

“Không phải con bé vẫn khỏe mạnh ư?” Tôi hỏi.

“Nếu Valencia cho nó ăn uống đầy đủ, con bé có thể sẽ cứng cáp lên sau vài tuần. Nhưng hiện giờ nó quá nhỏ bé. Cô làm ơn hãy nhắc nhở Valencia cho con bé bú thường xuyên được không? Hãy bảo cả Juana nữa. Bà ấy có thể cũng sẽ phải chăm sóc bọn trẻ.”

“Còn bé trai thì sao?”

“Thằng bé trông khá khỏe mạnh. Rosalinda nhỏ bé mới là đứa làm cho tôi lo lắng.” Ông lật úp cái tách trên chiếc đĩa, ra hiệu rằng ông không muốn dùng thêm cà phê nữa. “Để tôi nói thêm với cô điều này nữa, Amabelle. Cô nên rời khỏi đây và trở thành một cô đỡ ở Haiti.”

Tôi cảm nhận cặp lông mày của mình nhướng lên và mồm tôi vẽ thành một đường nhăn nhó hao hao một nụ cười gượng gạo.

“Tôi không phải là một cô đỡ,” tôi trả lời. “Và lần cuối cùng tôi còn ở bên kia biên giới là khi tôi tám tuổi.”

“Cô có thể được đào tạo,” ông nói tiếp. “Valencia từng nói với tôi rằng cô có thể đọc và viết. Trạm xá nhỏ bên kia con sông nơi tôi hay đến thăm rất cần những người như cô. Chúng tôi chỉ có hai bác sĩ người Haiti phục vụ cả một khu vực rộng lớn. Tôi không thể có mặt thường xuyên ở đó, và tôi biết chỉ có một hay hai người đỡ đẻ ở khu vực ven biên giới. Sự có mặt của cô là vô cùng cần thiết.”

“Ông thật tử tế khi đánh giá tôi cao như vậy, Bác sĩ à.” “Cô có muốn đi không?”

“Có quá nhiều thứ tôi cần phải cân nhắc...”

“Cô cứ dành thời gian cân nhắc tất cả những điều đó đi,” ông nói trong lúc bước ra khỏi bếp.

Tôi vẫn còn đang nhăm nháp cảm giác tự hào trước lời đề nghị của vị bác sĩ khi bác Juana bước vào bếp với một chiếc giỏ đựng những tấm vải lanh đã gấp phẳng phiu.

“Mấy cô em gái của bác gửi cho bác một ít cà phê hôm nay,” Juana nói. Hai người em gái của bác Juana, Ana và María, đều là những nữ tu trong một thiên viện cho trẻ mồ côi tại một ngôi làng trên núi ở gần biên giới.

Bác Juana lôi một trái xoài chín vàng ra khỏi túi và đưa nó cho tôi. “Bác biết là cháu sẽ chọn quả đó nếu cháu thấy nó ở trên cây,” bác nói.

Tôi lập tức cắn ngập răng vào trái xoài, để cho nước xoài thơm ngọt và đặc quánh ngập tràn trong miệng.

“Señora thế nào rồi?” Bác hỏi.

“Bác không nghe thấy tiếng chị ấy hét ư?” “Tiếng hét nào cơ?”

“Tiếng señora hét lúc chị ấy sinh con ấy.” “Sinh con là sao?”

“Phải là những đứa con mới đúng!”

Bác đánh rơi cái giỏ xuống sàn nhà, rồi vội cúi xuống nhặt nhanh những miếng vải vương vãi. Bác Juana là một người đàn bà to lớn. Sức nặng da thịt làm cho mỗi cử động cơ thể của bác như khó nhọc hơn. Bàn tay rộng với nước da hơi nhợt nhạt và mỏng manh của bác trông như thể chúng sẽ nổ đánh bốp nếu bạn châm kim vào chúng.

“Có bao nhiêu đứa tất cả?” Bác hỏi, gật gù vì phẫn khích. “Bác nghĩ là bao nhiêu? Chị ấy có phải gà mái đâu.”

“Hai đứa à?”

“Một trai một gái.”

“Một cặp sinh đôi trong ngôi nhà này,” bác nói và làm dấu thánh. “Đây chắc chắn là ý nguyện của các vị thánh nữ Felicitas và Perpetua¹. Giờ señora đang ở đâu?”

¹ Hai vị thánh nữ trong Thiên Chúa giáo bảo hộ cho những người mẹ, đặc biệt là những bà mẹ sắp sửa sinh con.

“Chị ấy đang ở trong phòng với bác sĩ Javier.”

“Lạy Chúa! Thánh nữ Mónica² đã ban phước lành và mang bác sĩ Javier đến kịp thời.”

² Thánh nữ bảo hộ cho những người vợ trong Thiên Chúa giáo.

“Ông ấy tới quá trễ,” tôi buột miệng, bỏ qua sự khiêm nhường mà cha mẹ đã dạy tôi từ thời thơ ấu. “Chính cháu đã đỡ đẻ cho hai đứa bé. Mọi việc xảy ra nhanh đến mức bác có thể gọi nó là một phép màu.”

“Những phép màu luôn xảy ra khi bác vắng mặt,” bà nói. “Bác phải đi nói cho Luis biết.” Bác chạy nhào ra khỏi bếp rồi lại chạy ngược trở lại. “Bác phải đích thân nhìn thấy señora và hai đứa trẻ trước đã.”

Tôi đặt quả xoài xuống bàn. Chúng tôi cùng nhau đi đến phòng ngủ của Señora Valencia. Bác Juana bật khóc ngay khi bà nhìn thấy hai đứa trẻ: Rosalinda trong vòng tay mẹ và bé trai đang được bác sĩ Javier xem xét kỹ càng một lần nữa.

Señora Valencia giờ Rosalinda về phía bác Juana.

“Vú hãy bế nó đi,” chị bảo. “Vú không muốn ôm con gái của con ư, vú Juana?”

“Vú sợ rằng vú sẽ khóc mất,” bác Juana thốn thức.

“Vú đã đang khóc rồi đấy thôi,” Señora Valencia nhận xét.

Liếc nhìn sang bé trai, bác Juana tiến từng bước tới bên giường. “Con đã đặt tên con gái con là Rosalinda Teresa,” Señora Valencia nói.

“Theo tên mẹ của cô!” Bác Juana khóc nức lên. “Ôi, giá như bà còn sống để chứng kiến ngày này, bà sẽ hạnh phúc biết bao.”

“Vậy thì tại sao vú lại khóc chứ?” Señora Valencia an ủi. “Hôm nay là một ngày vui mà.”

“Mẹ của cô chắc chắn cũng sẽ khóc, những giọt nước mắt của niềm vui hơn là nỗi buồn.”

“Cha sẽ đến doanh trại để gọi Pico,” Papi nói. “Cha muốn trở về nhà trước khi trời tối.”

“Đừng đi một mình, thưa Don Ignacio.” Bác Juana đứng chặn trước mặt ông với Rosalinda nằm ngủ trong vòng tay mình.

“Không cần phải lo lắng, ta sẽ đi cùng với Chúa trời,” Papi nói, một chút thiếu kiên nhẫn trong giọng nói.

“Vâng, xin ông hãy đi cùng với Chúa. Nhưng hãy mang Luis đi theo,” bác Juana thúc giục. “Ông ấy đang chặt mấy buồng chuối cho tôi ở trong vườn. Tôi không hiểu làm sao mà ông ấy có thể bỏ lỡ những việc như thế này chứ.”

“Cha sẽ cố gắng trở về trong tối nay,” Papi nói, hôn lên tay của con gái.

“Señora, cô cần nghỉ ngơi đi,” bác Juana nói. “Amabelle và vú sẽ quán xuyến mọi việc còn lại trong nhà.”

“Đừng nuông chiều cô ấy quá,” bác sĩ Javier nhắc nhở. “Valencia, đừng để những người đàn bà tử tế tốt bụng này làm hư cô đấy.”

“Con bé tội nghiệp, đây là thời điểm nhiều rủi ro cho cô ấy,” bác Juana nói. “Cô ấy cần dành thời gian để tĩnh dưỡng và nghỉ ngơi, vì cô ấy và cả bọn trẻ nữa.”

5

Sebastian – người đồng hương miền Bắc Haiti của tôi, mặc dù cả hai không hề biết nhau khi còn sống ở đó – luôn bị ám ảnh bởi tiếng gù của những con chim bồ câu. Anh cảm giác rằng chúng không muốn người khác nghe thấy tiếng kêu của mình, như thể mỗi con bồ câu than khóc đều đang cố gắng vùi đầu sâu hơn vào trong lồng ngực. Anh tưởng tượng tiếng rên rỉ của chúng giống như tiếng khóc của những hồn ma khi họ cảm thấy quá cô độc và buồn tủi, hoặc khi họ đã chết quá lâu và quên mất cách gọi tên chính mình.

Cha của Sebastien qua đời trong một trận bão lớn tàn quét qua cả Haiti và cộng hòa Dominicana vào năm 1930. Anh mất đi người cha và gần như toàn bộ gia sản. Đó là lý do anh rời bỏ Haiti. Đó cũng là lý do tôi có anh ở đây bên cạnh. Một cơn cuồng phong phá tan nhà cửa và cướp đi sinh mạng bao người đã mang anh đến với tôi.

Mẹ của Sebastien vẫn đang sống ở Haiti. Một vài lần, khi chúng tôi đang chìm vào giấc ngủ, Sebastien chợt nghe thấy tiếng một con bồ câu. Những con bồ câu mà đa phần chỉ mình anh nghe thấy thường kêu rên rên rỉ đêm này qua đêm khác với tiếng gọi bí ẩn bằng thứ ngôn ngữ bí ẩn của chúng.

Những con bồ câu luôn làm anh hít vào một hơi thật sâu, tắc lưỡi, và nói, “Ay, pobrecita manman mwen.”¹ Ôi người mẹ khôn khổ của tôi.

¹ Một câu kết hợp tiếng Creole (ngôn ngữ của Haiti) và tiếng Tây Ban Nha (ngôn ngữ của cộng hòa Dominicana): Ôi người mẹ khôn khổ của tôi.

6

Bác sĩ Javier phải đi thăm một bệnh nhân trẻ đang ốm liệt giường vì những cơn sốt rét. Ông hứa sẽ quay trở lại thăm bệnh nhân một lần nữa trước khi đêm xuống.

Bác Juana đang ở trong bếp làm thịt một con gà mái già để nấu cháo cho señora và chuẩn bị món súp hầm cho những người hầu trong nhà. Señora Valencia đang nằm nghỉ trên giường trong lúc hai đứa trẻ ngủ trong nôi. Chị nằm dưới nhiều lớp chăn kín mít chỉ hở mỗi mặt.

Tôi đi đến cạnh nôi và nhìn ngắm hai đứa bé. Nhỏ xíu so với anh trai, Rosalinda ngoan ngoãn nằm yên lặng. Tôi đưa tay bế con bé lên. Señora Valencia xoay người lại và nhìn thấy tôi đang bế con gái chị.

“Amabelle, thử áp mặt con bé vào gần ngực em xem,” chị khẽ nói. Rosalinda vẫn đang say ngủ trong lúc tôi cởi cúc áo và kê cặp má nhỏ bé của nó vào khoảng giữa hõm ngực và xương quai xanh.

Ngay giây phút ấy, tôi cảm nhận được luồng khí len lỏi ra vào qua lỗ mũi của Rosalinda. Hơi thở của con bé bắt nhịp và hòa vào tiếng đập của trái tim tôi.

“Chúng thật kỳ diệu phải không ?” Señora Valencia đưa mắt nhìn hết con gái lại đến con trai mình, như thể chúng là thứ duy nhất tồn tại trên đời. “Javier nói rằng chúng không thể nhìn

thấy gì ngoại trừ những mảng sáng tối trong vài ngày đầu tiên. Nhưng chị không tin điều đó. Chúng quá hoàn hảo với chị.”

Señora Valencia vẫy tay ra hiệu cho tôi tới ngồi bên cạnh chị trên giường. Tôi đặt Rosalinda vào nôi và đi về phía chị.

“Amabelle, chị phải thú thật với em điều này,” chị nói. “Lúc chị nhờ em thắp một ngọn nến cho La Virgencita sau khi hai đứa bé ra đời, thực ra chị muốn thắp nó cho mẹ chị. Chị đã hứa với mẹ rằng chị sẽ làm điều đó cho mẹ sau khi chị sinh con. Tối hôm qua, khi những cơn đau chuyển dạ bắt đầu, chị cảm thấy như có mẹ chị ở bên cạnh. Chị đã mơ thấy mẹ rất nhiều lần từ khi chị bắt đầu mang thai, nhưng tối qua thì hoàn toàn không giống một giấc mơ. Mẹ ngồi kế bên chị, ngay trên chiếc giường này. Mẹ vòng tay ôm chị và xoa bụng cho chị. Đó là lý do tại sao em không nghe thấy chị kêu thét cho đến phút cuối cùng, vì chị không cảm thấy cô độc.”

Chị quay qua nhìn cây nến trắng trên chiếc tủ quần áo của em bé. Ngọn lửa đã tắt ngấm từ lâu do mọi người đi qua đi lại trong phòng. Sáp nến đượm mùi dầu parafin chảy xuống đóng cục quanh bậc đèn.

“Chị ước gì em được gặp Mami¹, Amabelle ạ,” chị nói.

¹ Cách gọi yêu thương của Señora Valencia với mẹ, giống như cách cô gọi cha cô Don Ignacio là Papi.

“Em cũng ước được gặp bà, thưa Señora.” Nhưng mẹ chị đã qua đời trước cả khi cha mẹ tôi chết đuối. Họ ra đi để lại chúng tôi tự vun vén chăm sóc cho những giấc mơ con trẻ của mình.

Bác Juana bưng một cái khay với súp nóng và trà ngọt vào phòng và đặt nó lên giường trước mặt Señora Valencia.

“Cô phải ăn uống đầy đủ nhé, Señora,” bác căn dặn. “Hãy nhớ rằng cô là nguồn sống cho bọn trẻ đây.”

Những giọt nước mắt lại bắt đầu lăn dài trên má bác. Bác quay về phía tôi và căn dặn, “Cháu hãy trông chừng señora trong lúc cô ấy ăn,” rồi chạy nhanh ra khỏi phòng.

“Vú Juana là người túc trực bên cạnh Mami trong cả hai lần bà mang thai,” Señora Valencia giải thích.

Tôi quàng một tấm khăn thêu quanh cổ señora và đưa cho chị một chiếc thìa. Sau khi señora đã húp được vài thìa súp đầy, Rosalinda bắt đầu rên khẽ. Tôi bế con bé lên và mang nó đến chỗ mẹ nó.

“Con gái bé bỏng của mẹ, con phải lớn lên thật khỏe mạnh nhé. Nếu không, làm sao con có thể tự bảo vệ mình khi anh trai con bắt nạt hay tranh giành với con?” Señora Valencia thì thầm trong lúc đỡ con gái từ tay tôi. “Chị nôn nóng tới lúc Pico về và gặp các con. Hy vọng anh ấy và Papi sẽ về nhà kịp trong tối nay.”

“Em chắc chắn señor¹ sẽ muốn về kịp,” tôi trấn an chị.

¹ Phát âm: sê-nho-r. Nghĩa là ông chủ, cậu chủ, quý ông, quý ngài trong tiếng Tây Ban Nha.

“Pico của chị là một người đàn ông đầy tham vọng. Anh ấy từng nói với chị rằng giấc mơ từ thuở nhỏ của anh ấy là được thăng tiến trong quân đội và một ngày nào đó trở thành tổng thống của đất nước này.”

“Và chị sẽ vui vẻ trở thành phu nhân tổng thống chứ, Señora?”

“Không đời nào,” chị vừa nói vừa nhăn mũi như vừa ngửi thấy mùi gì đó khăm khảm. “Khi Pico đã đạt được tất cả những gì anh

ấy muốn thì có khi anh ấy sẽ không cần chị nữa. Hồi còn nhỏ, nhà anh ấy rất nghèo. Hậu quả là bây giờ anh ấy không thể chấp nhận việc có một cuộc sống thoải mái mà không cần phải bỏ công sức khó nhọc để kéo mặt trời lên mỗi sáng nữa.”

“Những việc mà señor đang làm rất quan trọng.” Tôi nhắc lại cho chị nghe điều mà chị vẫn luôn tin tưởng.

“Chị ước gì có thể được nhìn thấy anh ấy nhiều hơn,” chị thở dài. “Chị nhớ mùi vị của những miếng xì gà trong miệng anh ấy.”

Señora Valencia áp con gái lên bờ vai của mình, một hành động như đã quen thuộc với chị từ lâu.

“Chị đã nghĩ tới tất cả những điều mà chị muốn dạy cho các con,” chị hào hứng nói, “những điều có lẽ chúng cần phải biết và cả những điều mà chị sẽ phải giữ bí mật với chúng nữa.”

“Em tin chị sẽ biết điều tốt nhất nên làm, Señora.”

“Amabelle, đáng ra Mami phải là người làm công việc của em hôm nay. Nhưng chị hiểu mẹ chị và bà có lẽ cũng sẽ la hét trong hoảng loạn giống như chị mà thôi.” Chị ngửa đầu ra sau và bật cười với ý nghĩ về nỗi đau như sợi dây kết nối chị và mẹ chị. “Amabelle, sau khi Mami mất, vú Juana đã nói với chị rằng, trong đức tin Công giáo, nếu em phải lựa chọn giữa tính mạng của người mẹ và em bé trong lúc lâm bồn, em luôn phải chọn đứa bé.”

“Em mừng rằng chúng ta không cần phải chọn lựa, Señora.”
“Nếu giả như em phải quyết định việc đó, chị muốn em sẽ là người chăm sóc các con chị. Hãy nhìn xem chúng ta đã cùng tạo nên những gì này. Chàng hoàng tử Tây Ban Nha và cô công chúa Thổ dân của chị.”¹

¹ Ở đây, Señora Valencia đang nói về nước da của hai đứa bé. Ở Dominicana, những người có dòng máu Tây Ban Nha trội hơn thường có nước da sáng và trắng hơn. Ngược lại, những người có dòng máu của thổ dân bản địa trội hơn thường có nước da sẫm và đậm màu hơn.

“Con có muốn trở thành công chúa không, con gái nhỏ của mẹ?” Señora Valencia áp mặt vào má con gái và thì thầm. “Con bé sẽ chiếm lấy trái tim của vô số chàng trai cho mà xem, Rosalinda của chị. Hãy nhìn khuôn mặt nó này. Nó mang thần thái của Anacaona², một nữ hoàng thổ dân thực thụ.”

² Anacaona (có nghĩa là bông hoa bằng vàng trong ngôn ngữ của thổ dân Taíno, một tộc người bản địa từng sinh sống ở Haiti và Dominicana), là một nữ tù trưởng người Taíno. Bà được ca tụng như một nữ sĩ của những bản ba-lát và truyện thơ tự sự (areítos trong tiếng Taíno). Bà là một trong những người lãnh đạo các cuộc nổi dậy chống ách đô hộ của thực dân Tây Ban Nha khi họ đến xâm chiếm hòn đảo Hispaniola vào năm 1492.

“Em và bác Juana sẽ ngủ trong nhà tối nay cùng với chị,” tôi đề nghị với señora.

“Vú Juana sẽ nhấn chìm chúng ta trong biển nước mắt mất thôi,” chị cười khúc khích.

“Em sẽ bảo bác ấy cầu xin thánh bảo hộ của những giọt nước mắt ngăn bác ấy lại.”

“Chị nghĩ tốt nhất là em và vú nên ngủ ở trong nhà của mình tối nay.”

“Một trong hai người bọn em phải ở bên cạnh chị, ngay cả khi Señor Pico quay trở về.”

Một trong những người em họ của señor từ làng lên thăm và mang theo món súp nấu từ gà mái già, trứng, hạt nhục đậu khấu, tiền, và những chiếc răng chó làm bùa bảo vệ cho lũ trẻ. Tôi quyết định để cô ấy ở lại túc trực bên cạnh chị và đi xuống bếp tìm bác Juana.

Bác Juana đang ngồi ở bàn, khuấy đi khuấy lại bát súp hầm trước mặt với một cái thìa gỗ. Mắt bác đỏ hoe do khóc quá nhiều. Bác đứng dậy và múc cho tôi một bát súp nóng hổi.

“Cháu nghĩ có một vài giọt nước mắt đã rơi vào trong nồi súp lúc bác nấu ăn đấy,” tôi đùa và ngồi xuống bên cạnh bác.

Tôi không nhận ra mình đói bụng tới mức nào cho đến khi mắt tôi nhìn thấy những miếng bắp cải, củ cây dứa ngọc giá, và củ sắn nổi trong bát súp.

“Làm gì có nước mắt trong bát của cháu!” Bác Juana nói với vẻ trách móc. “Cháu biết là bác luôn cẩn thận trong việc nấu nướng. Bác không bao giờ cho phép thứ gì không cần thiết lọt vào món súp của bác hết.”

“Cháu nói đùa đấy mà,” tôi nói, vỗ nhẹ lên tấm lưng dày của bác. “Đừng nói đùa kiểu đó. Sẽ ra sao nếu señora nghe thấy những gì cháu nói?”

“Tại sao hôm nay bác lại khóc nhiều thế, Juana? Cháu không tin rằng tất cả những giọt nước mắt của bác đều chan chứa niềm hạnh phúc.”

“Hôm nay là một ngày trọng đại trong ngôi nhà này,” bác nói, “nó đến để nhắc nhở bác rằng thời gian trôi qua nhanh đến nhường nào. Một bà già như bác thì ngày càng già đi, trong khi những đứa trẻ thì tiếp tục chào đời.”

“Bác có cảm thấy ghen tị không, Juana? Bác có muốn có những đứa trẻ của riêng mình không?”

“Ghen tị ư? Chúa ơi, nếu Santa Ana, Đức Mẹ Tối Cao của tuổi nguồn cuộc sống, nghe thấy những gì cháu nói!” Bác gõ cạch cạch lên bốn góc bàn như để thử độ chắc của tấm gỗ, rồi nhặt một miếng giẻ lên và lau chùi bốn chân bàn đã sạch bóng.

“Nếu Santa Ana có tai thì bà ấy đã nghe thấy tất cả những gì cháu nói rồi.”

“Tôi lỗi ở trong đầu cháu mà ra đó,” bác thốt lên. “Nhưng cháu đâu phải là người có đức tin đúng không?”

“Làm sao bác biết cháu không phải là người có đức tin?” “Cháu có niềm tin vào bất cứ thứ gì không?”

Bác Juana xoa nắn hai bàn tay vào nhau như lúc đang vò quần áo dưới suối. Sau khi đã sống cả đời mình như một người hầu, thật là khó để bác ngồi yên một chỗ.

“Bác còn nhớ khi mẹ của Señora Valencia mang thai cô ấy,” bác kể. “Một ngày nọ, kinh nguyệt của bà ngừng tới và những tấm khăn xô của bà không còn nhuộm máu nữa. Bác hỏi bà rằng , ‘Seño- ra Rosalinda, liệu có phải bà đã có em bé không ?’ Bà nói với bác rằng , ‘Juana, tôi thậm chí không dám mơ tới điều đó.’ Bác hỏi tiếp, ‘Tại sao vậy?’ Bà trả lời, ‘Nếu thực vậy thì đó quả là một phép màu thần kỳ.’ Và kết quả là bà có mang thật. Trong một hai tháng đầu tiên, bà luôn cảm thấy khó ở. Bụng bà phình to lên đến mức bà không thể đi vừa qua bất cứ cánh cửa nào trong nhà nữa. Nếu bất cứ ai trông có vẻ như là họ sắp sinh đôi thì đó là Señora Rosalinda.”

Bác đứng dậy và múc thêm một bát súp nữa cho mình. Vài tháng trở lại đây, bác ngày càng phàm ăn và cơ thể bác cũng cứ thế to lên, đặc biệt là quanh vùng mặt.

“Giờ thì Señora Valencia cũng đã có những đứa con của riêng mình.” Bác suy nghĩ thành tiếng. “Hãy xem thời gian đã trôi đi nhanh như thế nào. Thực ra cũng không phải thời gian nữa, mà là cách nó đã thay đổi chúng ta ra sao.”

“Bác vẫn còn trẻ mà,” tôi an ủi. Bác ít nhất đã năm mươi tuổi, gấp đôi tuổi tôi và Señora Valencia, nhưng cơ thể bác vẫn chắc nịch và tràn trề sức sống, như thể bác vẫn sẵn sàng sinh con bất cứ lúc nào.

“Cháu không biết bác đã cầu xin ơn trên ban cho bác một đứa con trong bao lâu đâu,” bác thở dài.

“Cháu không có con, nhưng ngay cả đứa như cháu cũng biết bác phải làm nhiều hơn cầu nguyện thì mới có thai được.”

“Cái con bé mồm mép tội lỗi này!” Bác bật cười và phát yêu lên tay tôi.

“Vậy là bác vẫn luôn muốn có em bé?” Tôi hỏi.

“Lúc nào chúng ta cũng muốn có thêm nhiều em bé. Cháu không muốn có con của mình sao?”

Tôi lắc đầu. Có lẽ một phần do mất bố mẹ từ sớm nên tôi chưa bao giờ tưởng tượng rằng mình sẽ sống quá tuổi niên thiếu chứ đừng nói đến việc sống đủ lâu để sinh con đẻ cái. Trước khi gặp Sebastien, tất cả những giấc mơ của tôi đều nằm trong miền quá khứ: về quê hương xưa cũ, về những con người hay nơi chốn mà có lẽ tôi sẽ không bao giờ được trông thấy lần nữa.

“Có một lần bác đã tiến rất gần tới ngưỡng làm mẹ,” bác Juana nói. “Bụng bác độn lên trong ba tháng chín ngày, và rồi mọi chuyện tan biến trong phút chốc. Bái bai bé cưng!¹ Đứa con của bác chưa bao giờ được sinh ra. Nó chẳng có tên họ hay giới tính. Ông chồng Luis của bác rất yêu trẻ con. Nếu chúng có thể mọc lên từ đất thì chắc ông ấy đã trồng cho bác một đứa từ lâu rồi. Ở thời điểm đó trong cuộc đời, một người đàn bà buộc phải tự hỏi mình: Da thịt mình để làm gì chứ? Cơ thể của mình để làm gì chứ?”

¹ *Dịch từ tiếng Tây Ban Nha: Adiós bebé!*

Bác Juana và các em gái được nuôi dạy trong một trường dòng nơi mẹ bác làm đầu bếp. Bác đáng ra phải trở thành một nữ tu như hai em gái cho đến khi bác ấy gặp Luis. Bác và Luis đã bỏ trốn cùng với nhau và đến sinh sống ở thung lũng này. Juana nghĩ rằng mình không thể có con vì bác đã từ bỏ tiếng gọi của Chúa. Ngay cả việc sảy thai đối với bác cũng như một hình phạt xứng đáng từ một đấng tối cao mà bác đã phản bội.

“Hãy nhìn bác này,” bác nói, xoay chuyển tay như thể đang là quần áo. “Bác đâu có cần phải than khóc cho mình chứ. Người cần bác khóc thương là Señora Rosalinda. Bà đã hy sinh thân mình để mang một đứa bé thứ hai vào gia đình này. Và bác cũng phải khóc cho Señora Valencia, người đáng ra phải có mẹ bên cạnh trong lúc này.”

7

Một đêm nọ, khi anh bị nổi nhớ cha đánh thức trong bóng tối, Sebastien hỏi tôi, “Nói cho anh nghe em ngưỡng mộ điều gì nhất ở cha em?”

Tôi giả vờ như không nhớ, nhưng anh vẫn gặng hỏi. “Hãy nói cho anh biết đi, Amabelle. Anh rất muốn biết điều này.”

“Cha em tên là Antoine Désir,” tôi nói bởi tôi biết anh sẽ hỏi tôi lần nữa. “Em luôn nghe người ta gọi cha là Frè¹ Antoine, hay Chú Antoine, như cách họ gọi mẹ em là Man² Irelle, hay Mẹ Irelle. Mẹ em lớn tuổi hơn cha em, em nghĩ thế, và nhiều người nói là bà trông cũng già hơn nữa.”

¹ Tiếng Creole, nghĩa là anh trai hay chú, chỉ một người đàn ông trẻ tuổi. Bắt nguồn từ chữ “frère” trong tiếng Pháp, do Creole ở Haiti là một ngôn ngữ pha trộn được xây dựng chủ yếu trên nền ngôn ngữ tiếng Pháp thế kỷ 18, với ảnh hưởng từ các ngôn ngữ Taíno (ngôn ngữ bản địa của Haiti), Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, và các ngôn ngữ khác ở Tây Phi.

² Tiếng Creole, nghĩa là mẹ hay má, có thể dùng để chỉ một người đàn bà lớn tuổi. Bắt nguồn từ chữ “maman” trong tiếng Pháp.

“Nói cho anh nghe điều em yêu quý nhất về cha em đi.” Giọng nói của Sebastien có vẻ rụt rè hơn bình thường, như thể thực lòng anh không muốn biết câu trả lời và anh sẽ thoải mái hơn nếu tôi nói rằng tôi không có cha. Nhưng anh biết cha tôi tồn tại, và tôi cũng đã mất ông như anh đã mất cha mình.

“Cha là một người luôn vui vẻ hồ hởi, ngược lại với vẻ khắc khổ trầm lặng của mẹ,” tôi thú nhận. “Ông thường nhắc em lên và tung em lên trời, ngay cả khi em đã quá tuổi bế bồng và tất cả mọi thứ ông làm không còn là những điều diệu kỳ trong mắt em nữa. Ông thường giả vờ ăn đồ ăn của em nếu như ông vét hết đĩa của mình trước khi em ăn xong. Ông dành rất nhiều thời gian làm công việc đỡ đỡ và chữa bệnh. Ông luôn tìm tòi những phương thuốc mới và những cách điều trị các chứng bệnh mà ông thậm chí còn chưa gặp. Ngoài công việc trị bệnh và hộ sinh mà ông làm cùng với mẹ, cha em dành rất nhiều thời gian giúp đỡ mọi người cày ruộng và đào mương dẫn nước. Em đã luôn ghen tị với thời gian mà ông dành để làm việc trên mảnh đất của những người khác.”

Tôi có thể cảm nhận được anh đã sẵn sàng. Anh đang đợi tôi hỏi về người cha quá cố của anh. Tôi có thể nhận ra điều đó trong quãng lặng tưởng chừng vô tận sau khi anh nghe tôi nói xong, hay cách anh mở miệng ậm ừ và sau đó thở dài như thể anh đang tự hỏi rằng anh có thể bắt đầu câu chuyện từ đâu.

“Cơn bão đã tìm thấy cha anh như thế nào?” Câu hỏi cuối cùng cũng bật ra khỏi miệng tôi. Nó không phải là cách dịu dàng hay khéo léo nhất để hỏi, nhưng tôi tin rằng nó sẽ giúp anh lên tiếng.

Anh mở miệng thêm vài lần nữa rồi rên lên khe khẽ.

“Nếu em để bản thân tưởng tượng,” anh lên tiếng, “em có thể hình dung cảnh đó ngay trước mắt em. Một cậu bé công người cha đã chết từ đường cái, run rẩy, xiêu vẹo, và chỉ chực sụm xuống dưới sức nặng của ông. Gió thổi lung bùng trong lỗ tai cậu trong khi xung quanh những mảnh vụn của tấm tôn đã cửa đứt cổ cha cậu bay loạn xạ. Cậu không gào khóc hay kêu thét như em tưởng, chỉ cố gắng không làm tuột cha mình xuống đất.

Cậu cầu nguyện rằng máu trong cổ họng cha sẽ ở lại trong đó mà không quyện vào dòng nước lũ đục ngầu và trôi đến những nơi vô định. Nếu em thử tưởng tượng, em có thể nhìn thấy cảnh đó ngay trước mắt mình.”

8

Señor Pico Duarte mang cái tên của một trong các vị cha già dân tộc đã giành độc lập cho Dominicana, một cái tên mà anh đã chia sẻ với ngọn núi cao nhất trên hòn đảo này cho đến mãi gần đây khi nó được đổi tên thành Pico Trujillo theo tên của Generalissimo. Dù vậy, ở tuổi ba mươi sáu, Señor Pico Duarte vẫn thấp hơn so với chiều cao trung bình của cánh đàn ông, ngay cả khi anh đi ủng quân đội, thứ mà bình thường vẫn làm tôn thêm dáng vẻ cho những quân nhân khác. Với nước da màu mật ong pha hạnh nhân và đôi mắt như hai hòn than chì, anh là khuôn mẫu tạo nên bề ngoài của Rosalinda.

Sàn nhà rung chuyển dưới gót giày của anh khi anh chạy ào ra từ xe ô tô của Papi vào trong nhà để gặp người vợ và những đứa con mới sinh, tìm kiếm bóng dáng họ ở trong phòng khách và các căn phòng khác của ngôi nhà. Cả bác Juana và tôi chạy phía sau anh một cách đầy bản năng và tuân phục về phía phòng của vợ anh. Có lẽ chúng tôi đều nghĩ rằng anh sẽ cần chúng tôi đi lấy cái gì đó cho anh, cho vợ anh, hay cho các con của anh. Là kẻ hầu hạ cho người khác, bạn học cách trở nên vừa hiện hữu vừa vô hình: ở gần bên chủ khi họ cần và cách xa khi họ không cần, nhưng vẫn vừa đủ gần trong trường hợp họ đổi ý.

Bác Juana đã bình tĩnh hơn. Bác nhìn Señor Pico với một nụ cười triu mến khi thấy anh lao tới bên giường và hôn lên tóc và trán vợ.

“Pico, hãy để em ngắm anh nào,” chị ân cần nói. Những ngón tay chị đan vào mái tóc lỏm chỏm với những sợi cứng và đen như

nhựa đường của anh.

“Con hãy đi thăm bọn trẻ đi,” Papi giục anh với một tròng cười hào sảng.

Khi anh đến bên cạnh nôi và nhìn xuống, toàn thân Señor Pico rung động như thể muốn cất tiếng hét lên. Anh đưa năm tay lên miệng để kiềm chế niềm vui sướng hân hoan. Đôi mắt anh ngấm nghĩa đứa con trai, người nối dõi của anh. Nhắc tấm chăn đang đắp trên người thằng bé, anh nhìn vào trong tả để kiểm tra hai hõn bí của con.

“Anh sẽ đặt tên nó là Rafael, vì Generalissimo,” anh nói trong lúc bác Juana quần lũ trẻ lại trong chăn có phần còn kỹ càng hơn trước. Señora đồng ý với một cái gật đầu e lệ. Và thế là thằng bé sẽ mang tên Rafael như Generalissimo, vị tổng thống của quốc gia. Tên thân mật ở nhà của nó sẽ là Rafi.

Trong khi chiêm nghiệm sự kỳ diệu và tao nhã hiếm có của cái tên anh mới đặt cho con trai, Señor Pico cởi bỏ mũ và áo chèn bằng vải kaki và thả chúng thành một đống trên sàn nhà. Bác Juana chạy lại và nhặt chúng lên. Đây chính là lý do chúng tôi đi theo anh vào phòng, để anh không phải bận tâm đến những việc nhỏ nhặt như vậy trong lúc tận hưởng niềm vui sướng tột cùng.

Tôi liếc nhìn sang chồng của bác Juana, Luis, đang đứng một mình ở cửa ra vào. Trông bác như đang chực khóc. Bác Luis vẫn đang mặc bộ đồ làm vườn thường ngày, với một cái áo sơ-mi lấm lem bùn đất và một cái quần rộng thùng thình như một cái dù xung quanh thân người xương xẩu. Bác áp chặt cái mũ rơm trên ngực với vẻ nghiêm trang. Trong mắt bác ánh lên vẻ khao khát mà tôi đã nhìn thấy trong mắt bác Juana trước đó. Vốn tính nhút nhát, bác Luis cẩn thận che giấu cảm xúc của mình đằng

sau những cử chỉ nhã nhặn và tôn kính. Bác không bước qua lằn ranh ở cửa để đến bên giường và thăm lũ trẻ, mà cũng không ai bảo bác làm điều đó.

“Cậu có muốn dùng bữa không, thưa Señor?” Bác Juana vừa hỏi vừa thu nhặt đôi ủng cao cổ màu đen của anh trên sàn nhà.

Señor Pico ra hiệu cho bác đi ra với một cái khoát tay hồ hởi. “Cậu có muốn chúng tôi chuẩn bị nước tắm không?” Bác vẫn tiếp tục.

“Hãy đặt nước trên than hồng cho tôi,” anh đáp. Bác Luis chạy vội đi đun nước tắm cho Señor Pico.

“Chắc là em đã phải chịu nhiều vất vả rồi. Có đau lắm không em?” Señor Pico hỏi vợ.

Chị trả lời với một nụ cười thanh thản làm bừng sáng khuôn mặt. Bác Juana để quần áo của Señor Pico vào trong chiếc tủ đứng.

“Amabelle, Juana, hai người có thể lui ra được rồi,” Señor Pico ra lệnh.

Trong lúc señor bận bịu với vợ và các con, tôi ngồi trên một cái ghế đu trước cửa phòng và nhìn bác Luis ngồi giữa sân với một cái đèn bão, cúi húi dùng chiếc mũ rơm quạt lửa để đun nước tắm cho Señor Pico. Khi những ngọn lửa bắt đầu bùng lên, ngọn gió đêm chơi đùa với chúng, hất lên trên thành chiếc chậu tắm bằng thiếc những hình bóng nhảy múa. Bác Juana đi đến chỗ chồng và đưa cho bác trai một bát súp hầm. Bác Luis đặt cái bát gần cái chậu để giữ ấm. Bác dọn một khoảng trống trên nền đất và trải một miếng giẻ bên cạnh cho vợ ngồi xuống. Bác Juana bắt đầu kể cho bác Luis nghe về việc nhận được tin tức (và hạt cà

phê khô) từ các cô em gái. Bác nói một cách hồ hởi về những đứa trẻ của Señora Valencia, rằng bác không thể tin được rằng mình đã từng chứng kiến Señora Valencia chào đời và giờ đây chị cũng đã trở thành một người mẹ.

Trong khi bác gái thao thao bất tuyệt, bác Luis đưa mắt nhìn bóng tối bao phủ xung quanh, như lo sợ sẽ bị những cái cây tấn công. Nhưng bác vẫn giữ im lặng và đợi đến lượt mình nói. Cuối cùng thì bác Juana cũng chấm dứt câu chuyện và chìm vào im lặng.

“Señor Pico mua một con dê và bảo tôi xẻ thịt và ướp muối nó tối nay” là những gì bác nói trước tiên.

“Thế con dê đâu rồi?” Bác Juana hỏi.

Bác Juana liếc nhìn con dê bị treo ngược bằng chân sau từ một trong những cành to khỏe nhất của cây phượng. Bác trở qua nhìn chăm chú vào mặt chồng, dường như cảm nhận được có điều gì không hay đã xảy ra, một điều mà bác trai chưa nói với bác.

“Chuyến đi về của ông như thế nào?” Bác hỏi tiếp.

“Quá nhanh,” bác Luis trả lời. “Don Ignacio lái xe quá nhanh trên đường đến trại lính. Señor Pico cũng phóng quá nhanh trên đường về nhà. Tôi cứ tưởng rằng bà sẽ phải đi dựng một cây thập tự trắng cho tôi ở bên triền núi rồi chứ¹. Người ta nói rằng loại xe đó được làm ra để đua. Tôi cảm thấy chúng tôi lúc đó như đang đua xe vậy.”

¹ Ý Luis nói rằng ông có thể đã chết (cây thập tự trắng thường được dựng trên mộ những người Công giáo).

“Ông vẫn đang run đấy ư?” Bác Juana hỏi, vòng cánh tay rộng lớn ôm lấy hình hài khiêm tốn của chồng.

“Tôi còn chưa kể hết nửa câu chuyện cho bà,” Luis tiếp tục. “Señor Pico là người lái xe trên chặng đường về. Tôi chưa từng trông thấy ai hạnh phúc tràn trề như thế. Đó không phải là lỗi của cậu ấy. Ai có thể trách tội cậu ấy được?”

“Trách cậu ấy về điều gì?” Bác Juana gặng hỏi.

“Señor Pico vừa lái xe vừa nói chuyện. Càng gần tới nhà thì cậu ấy càng tăng tốc. Cậu ấy mãi mê hỏi Don Ignacio đủ thứ câu hỏi về lũ trẻ. Don Ignacio đã nói tới lần thứ bảy hay bảy mươi bảy không biết nữa cho cậu ấy về bọn trẻ, rằng chúng to như thế nào, chúng trông giống ai, và nhiều thứ khác nữa. Khi ông ấy không nói nữa thì Señor Pico càng lái xe nhanh hơn. Khi bọn tôi vừa trở tới đoạn đường gần khe núi thì xuất hiện ba người đàn ông đang đi bộ phía trước...”

“Lạy Đức Mẹ của ngọn nguồn sự sống tha tội cho chúng con,” bác Juana cắt lời chồng. Bác giơ cả hai tay lên trời như muốn khẩn cầu với những vì sao.

“Señor Pico hét lên và bấm còi ra hiệu cho bọn họ,” Luis tiếp tục. “Hai người trong số bọn họ tránh ra kịp thời. Người cuối cùng có vẻ như không nghe thấy tiếng còi xe. Chiếc xe ô tô đâm vào anh ta và hất anh ta bay xuống lạch. Anh ta thét lên khi bị đụng, nhưng khi chúng tôi chạy ra khỏi xe để nhìn thì anh ta đã mất dạng rồi. Hình như anh ta là một trong những người phu đồn điền cho nhà máy ép mía của Don Carlos.”

Tôi biết hầu hết tất cả bọn họ, những người phu sinh sống và làm việc quần quật cùng Sebastien trong nhà máy cũng như trên những ruộng mía của Don Carlos. Thung lũng này đủ nhỏ

để tất cả chúng tôi ít nhiều đều biết nhau. Ngay lập tức, tôi nghĩ tới Sebastien. Chắc chắn một người phu khác đã đến báo tin cho tôi rồi nếu Sebastien bị ô tô của Señor Pico cán phải.

Có tiếng động lạo xạo phát ra từ đằng sau cây phượng. Tất cả chúng tôi cùng giật mình đứng phắt dậy. Tôi tưởng rằng Sebastien sẽ xuất hiện và chạy về phía tôi với thân thể đầy máu me. Nhưng trái lại chỉ có bác sĩ Javier và em gái của ông, Beatriz. Beatriz dành phần lớn thời gian với những phím đàn trên chiếc dương cầm trong phòng khách của mẹ cô và đọc thoại bằng tiếng La tinh. Thiên hạ đồn thổi rằng cô mơ ước trở thành một nữ nhà báo, mặc quần dài, chu du khắp thế gian, và phỏng vấn những mảnh đời bất hạnh hơn mình. Señor Pico đã từng tán tỉnh Beatriz trước khi quay sang theo đuổi señora, mặc dù cô ấy không hề mảy may lay động. Một ngày nọ, sau khi Beatriz thẳng thừng yêu cầu señor rời khỏi phòng khách của mẹ cô để cô có thể tập trung chơi đàn một mình, anh đã chạy ra khỏi nhà cô trong cơn tự ái ngút trời vì bị chối từ tình cảm và bắt gặp Señora Valencia đang hái những bông hoa lan đỏ trong vườn của cha để cắm vào chiếc lọ đặt bên cạnh giường. Señor Pico, người mà chị chỉ biết đến trước đó như hộ vệ thường trực của Beatriz ở tất cả những buổi tiệc tùng, đột nhiên ngổ ý giúp chị chọn hoa. Chỉ sau một tháng lui tới trò chuyện với señora, anh đã ngổ lời với Papi về ý muốn thành hôn với chị. Papi chấp thuận sau khi hỏi ý kiến señora, với điều kiện rằng con gái ông sẽ tiếp tục sống thoải mái trong căn nhà của mình chứ không phải trong những căn nhà gỗ một tầng ọp ẹp gần trại lính, nơi Señor Pico thường xuyên phải có mặt vì trọng trách đặc biệt của anh với quân đội.

Bác Juana đứng dậy chào bác sĩ và cô Beatriz. Beatriz đã tết những sợi ruy băng sặc sỡ vào bím tóc màu caramel dài tới đầu gối của mình. Bím tóc đung đưa sau lưng cô như một chiếc xương cá khổng lồ.

Gật đầu đáp lời chào của bác Juana, bác sĩ Javier hỏi, “Bố của bạn trẻ đã về chưa?”

“Vâng, cậu chủ đã về rồi,” bác Juana đáp lời. “Xin chào buổi tối, Señorita Beatriz¹.”

¹ *Tiếng Tây Ban Nha, từ tôn kính để gọi một cô gái trẻ, hàm nghĩa như tiểu thư. Ở đây, Juana gọi Beatriz là señorita thay vì señora như Valencia vì Beatriz ít tuổi hơn Valencia.*

“Salve!”² Beatriz đáp bằng tiếng La tinh.

² *Tiếng La tinh, có nghĩa là xin chào hay chúc sức khỏe.*

“Hola³, Señorita Beatriz!” Bác Juana đáp, phủ bụi đất bám dính sau váy. “Xin mời hai người vào nhà.”

³ *Tiếng Tây Ban Nha, có nghĩa là xin chào.*

Tôi không thể ngừng lo lắng cho Sebastien. Trong lúc tiếng cười nói và những câu tiếng La tinh trôi chảy của Beatriz vọng ra từ phòng ngủ của Señora Valencia, tôi rảo bước về phía cây phượng và con dê mà Señor Pico mang về. Gần vũng máu đọng nơi mũi con dê gần chạm đất là thúng đồ khâu của tôi với chiếc áo còn dang dở của Sebastien. Tôi đã quăng chúng ở đó khi tôi nghe tiếng kêu đầu tiên của Señora Valencia. Tôi nhặt cái thúng và chiếc áo cho Sebastien lên và mang chúng về chiếc ghế đu với mình. Trên lầu, tiếng cười nói vẫn tiếp tục vọng ra trong khi bác Luis vẫn đang quạt lửa để giữ ấm cho nước tắm của Señor Pico.

Nhanh sau đó, bác sĩ Javier ra về với Beatriz, không quên ngoái lại nhìn tôi từ đằng xa. Señor Pico đã sẵn sàng để tắm và gọi bác Luis bưng nước tắm đến cho anh.

“Vợ tôi muốn gặp cô,” Señor Pico hắng giọng ra lệnh cho tôi từ bên kia sân.

Tôi nhanh chóng đi về phòng của chị. Chị đang nằm một mình trên giường, với lũ trẻ nằm ngủ kế bên.

“Chị thật biết ơn em, Amabelle, vì những gì em đã làm ngày hôm nay.” Chị nói và siết chặt lấy tay tôi.

Khi chồng chị bước vào phòng trong bộ đồ ngủ, chị nhanh chóng thả tay tôi ra. “Vú Juana sẽ ở đây tối nay với chị,” chị tuyên bố.

Tại sao lại là Juana? Tại sao lại không phải là tôi? Những câu hỏi đó lóe lên trong óc tôi. Nhưng có thể bác Juana đã xin chị được ở trong phòng. Có lẽ bác ấy cần ôm ấp lũ trẻ với làn da mịn như mây và tưởng tượng rằng chúng là con của mình. Hơn nữa, tôi phải quay về phòng để đợi Sebastien. Chắc chắn anh ấy sẽ biết chuyện gì đã xảy ra và ai là người đã bị chiếc ô tô cán phải.

Bác Juana đang trải chồng những tấm chăn lên sàn để làm chỗ ngủ trong căn phòng từng là nơi mẹ của Señora Valencia ngồi thêu thùa. Đằng sau lưng bác là chiếc giường lớn có bốn cột và màn che mà Papi đã đóng từ rất lâu để phục vụ những giấc ngủ trưa của vợ mình.

Señor Pico đóng chặt cửa phòng ngủ của vợ để ngăn khí lạnh buổi đêm. Tôi vẫy tay chào buổi tối bác Juana, người đang chìm dần vào giấc ngủ. Bác thổi tắt ngọn đèn và để tôi mò mẫm trong bóng tối.

Trong phòng, Señor Pico đang cố chọc cười vợ bằng cách kể lể rằng anh đã nhớ chị da diết đến thế nào trong những đêm trần

trọc trên tấm nệm cứng ngắc, chật hẹp, và đầy côn trùng ở trong trại lính.

“Có thật là nó tồi tệ đến vậy không anh?” Chị thốt lên.

Thật sự là vậy đấy, anh quả quyết. Thậm chí còn tệ hơn những gì em tưởng nữa, nếu anh nói thật lòng. Khi xa chị, mỗi ngày trôi qua với anh như màn cực hình phải ngồi trên ghế sắt giữa Địa ngục.

Señora hỏi chồng liệu anh có phải quay trở lại trại lính sớm không. Những binh lính cấp dưới của anh có thể chờ thêm một chút nữa, phải không?

Anh trả lời rằng sẽ cố gắng ở nhà cho đến khi chị hết thời gian ở cũ, nhưng mọi việc có thể thay đổi nhanh chóng. Anh đã quên nói với chị sao? Trí nhớ của anh dạo này bỏ đi đâu không biết. Generalissimo đang ở chơi nhà một người bạn, không cách xa đây lắm. Bà bạn tốt của ngài, Doña Isabela Mayer, đang lên kế hoạch tổ chức một buổi dạ tiệc thật long trọng cho ngài ở gần biên giới. Và anh – chồng của chị, có tin được không ? – đã được giao phó trọng trách chỉ huy một đội quân để bảo đảm an toàn cho Generalissimo khi ngài đi dự tiệc. Đội quân của anh cũng sẽ nắm nhiệm vụ triển khai một chiến dịch biên giới mới.

Chẳng phải điều này có nghĩa là anh sẽ phải xa nhà lâu hơn trong thời gian tới ư? Señora Valencia hỏi gặng.

Chị không cần phải lo lắng gì cả, anh trấn an. Chiến dịch sẽ kết thúc nhanh chóng và gọn nhẹ. Thú thực là một phần chiến dịch đã bắt đầu rồi.

Chị không đón nhận tin này với sự vui mừng mà anh đã trông đợi. “Chúng ta không nên bàn tới chuyện anh phải ra đi nữa,”

chị nói. “Chỉ ít thì lúc này anh đang ở bên bọn em.”

Trong phòng khách, Papi ngồi một mình như hàng đêm ông vẫn ngồi, trong một góc gần chiếc radio hình chiếc đàn xép, dỏng tai lên để cố gắng nghe tiếng của một phát thanh viên mà không làm ảnh hưởng đến những giọng nói khác. Papi là một nhà yêu nước lưu vong, và ông vẫn đang tiếp tục tham gia vào cuộc nội chiến đã kéo dài được một năm rưỡi ở Tây Ban Nha qua chiếc radio. Trên đùi ông mở ra các tấm bản đồ của quê hương nơi ông dò tìm các thành phố khác nhau bằng một cái kính lúp trong lúc nghe radio. Những tấm bản đồ đã nứt cạnh và sờn góc, như muốn mủn ra thành bụi theo từng ngày.

“Cuộc chiến hôm nay thế nào thưa ông?” Tôi hỏi. “Bên của ông có đang thắng thế không?”

“Bên chính diện không phải lúc nào cũng là bên thắng cuộc,” ông đáp.

“Ông có ước mình đang ở đó không?”

“Một ông già như ta thì làm được gì ở trên chiến trường?”

Phía trên đầu của Papi sừng sững một bức chân dung lớn của Generalissimo mà Señora Valencia đã vẽ theo mong muốn của chồng. Bức tranh của chị là một phiên bản cải tiến đáng kể so với những tấm ảnh chụp Generalissimo trên báo chí. Chị đã biến ông ta thành một người khổng lồ trong bộ chiến phục của quân đội, tô điểm bằng cầu vai tua rua và từng hàng huy chương nằm ngay ngắn dưới dải băng đeo màu vàng nghệ bắt chéo qua ngực. Đằng sau lưng ông ta là lá quốc kỳ màu đỏ và xanh nước biển với chữ thập màu trắng ở chính giữa, cùng với quốc huy và chiếc khiên với hàng chữ: DIOS, PATRIA, LIBERTAD. CHÚA, TỔ QUỐC, TỰ DO. Nhưng vị trí chủ đạo vẫn thuộc về Generalissimo, với

khuôn mặt trái xoan đầy vẻ nghiêm trang và mái tóc đen dày (những sợi bạc thưa đã được che phủ một cách khéo léo). Những lọn tóc đầy sức sống của ông được chải thành nếp mượt mà, viền quanh vầng trán rộng. Trên mặt ông là nụ cười duyên hiền hậu và đôi mắt dịu dàng một cách kỳ lạ. Một ánh mắt gọi tình như nhiều người đã nhận xét.

Papi dường như không để ý tới sự hiện diện đầy oai vệ của Generalissimo trong lúc mải mê lắng nghe tin tức từ một nơi xa xôi. “Ông có muốn dùng một chút trà măng cầu xiêm¹ không?” Tôi hỏi. “Nó rất tốt cho giấc ngủ đấy.”

¹ *Tiếng Tây Ban Nha: guanabana.*

Papi lắc đầu.

“Amabelle, ta thật là một kẻ không may,” ông buông lời nhận xét.

“Tại sao ông lại nói vậy?” Tôi hỏi.

“Ta nghĩ rằng bọn ta đã cán chết một người đàn ông tối nay,” ông nói.

Lúc đó, tôi nghĩ trong đầu rằng người đàn ông đã chết kia còn bất hạnh hơn Papi nhiều.

“Vào ngày cháu ngoại ta chào đời, chiếc ô tô chở ta có thể đã cướp đi sinh mạng của một người khác,” Papi nói. “Con rể ta không muốn dừng xe để tìm kiếm, và ta cũng không ép nó làm thế. Lúc đó trời đã rất tối rồi. Ta đã không tự mình hoặc sai Luis đi xuống hẻm núi để tìm người đàn ông đó, xem chúng ta có thể cứu sống anh ta hay không. Amabelle, hãy báo lại cho ta nếu cô

nghe bất cứ tin tức gì về người đàn ông này, nếu anh ta còn sống hay đã chết. Hãy đi hỏi bạn bè của cô và báo cáo lại với ta.”

“Vâng, thưa ông.” “Chào buổi tối.”

“Chúc ngủ ngon, Papi.”

Ngoài sân, bác Luis đã lột da và xẻ thịt con dê xong xuôi. Bác chắt những cái đùi dê vào một cái chậu và phủ lên chúng từng nắm muối hạt.

Khi tôi còn nhỏ, cha tôi và tôi thường chơi một trò chơi tên là *oslè*¹, sử dụng những mẫu khớp gối trước của con dê. Những miếng khớp gối nhỏ bé này giống như những thanh domino, chỉ khác ở chỗ chúng tròn lưng và có ba mặt rỗng. Tôi thường dành hàng giờ một mình để cố gắng tung năm mẫu khớp lên sao cho chúng ngửa cùng một mặt khi rơi xuống nhưng chưa bao giờ thành công.

¹ Một trò chơi của trẻ con ở Haiti giống như chơi chuyền hay banh đũa của Việt Nam. Người chơi phải lật các mẫu khớp gối về cùng một phía trong khi ném một mẫu khớp khác lên và bắt lấy nó.

Tôi nhờ bác Luis cắt hai khúc xương khớp gối nhỏ cho tôi. Tôi đem chúng về phòng và lau sạch vết máu dính trên chúng. Tôi trút bỏ quần áo, cởi chiếc váy màu cát mặc trong nhà và miếng vải vuông bọc đầu cùng màu. Gần như tất cả mọi thứ tôi có đều là những gì từng thuộc về Señora Valencia mà chị không còn cần nữa. Tất cả, ngoại trừ Sebastien.

Tôi trải một tấm chiếu lên sàn nhà cạnh ngọn đèn dầu và một cái vỏ ốc mà Sebastien đã đưa cho tôi. Anh nói rằng trong đó chúng ta có thể nghe thấy những âm thanh mà loài cá nghe được khi chúng bơi vào trong các hang động sâu thẳm dưới

biển. Trên tường dán một tờ lịch từ bảy năm trước, năm mà cơn bão tàn quét qua hòn đảo. Trong thời gian đó, vô số ngôi nhà bị san bằng và số lượng người chết nhiều đến mức Generalissimo phải đích thân đi xuống những con đường hoang tàn của thủ phủ của Dominicana và ra lệnh cho quân lính mang hết tất cả những xác chết mà ông ta nhìn thấy trong lúc đi tuần tra đến quảng trường Colombina và hỏa thiêu họ tại đó. Những đồng lửa cháy trong nhiều ngày và làm cho bầu không khí ngập ngụa tro tàn, đến mức những người đi lại ngoài đường nước mắt nước mũi rùng rùng, với khăn mùi soa bịt chặt vào mũi và những chiếc ô che kín đầu.

Tôi ngã mình xuống tấm chiếu và đợi Sebastien tới. Nếu anh ấy không tới nhanh, tôi sẽ phải đi tìm anh ấy trong khu nhà máy.

Trong lúc chờ đợi, tôi làm một việc mà tôi vẫn thường làm những khi tôi không muốn ra ngoài và phát hiện thấy những sự thật đáng buồn. (Khi bạn không có nhiều kỷ niệm, bạn bầu vùi lấy những gì bạn có và lặp lại chúng trong đầu để thời gian không thể xóa nhòa chúng). Tôi nhắm mắt lại và tưởng tượng tòa thành khổng lồ nằm sừng sững đằng sau nhà cha mẹ tôi ở Haiti, một pháo đài mọc lên từ dãy núi với những đỉnh núi hình mũ trụ của giáo hoàng, như hai nắm đấm chống chọi lại với bầu trời.

Tòa thành¹ được xây dựng bởi Henry I², một vị vua với ước muốn thôn tính một thế giới đã từng thôn tính ông ta. Cha tôi rất thích kể lại câu chuyện của Henry I, một ông vua xuất thân nô lệ đã cho xây dựng những pháo đài như tòa thành lớn này để ngăn chặn giặc ngoại xâm, sau khi những người nô lệ phản kháng lại ách đô hộ của người Pháp và thành lập quốc gia của riêng họ.

¹ Được biết đến với cái tên tòa thành Henry Christopher (tiếng Pháp: Citadelle Laferrière), pháo đài này được xây dựng trên đỉnh ngọn núi Bonnet a L'Eveque, nằm khoảng 27 km về phía Nam thành phố Cap-Haitien, nhìn xuống thị trấn Milot. Đây là một trong những pháo đài lớn nhất của châu Mỹ.

² Henry Christopher (tiếng Pháp: Henri Christophe; 1767 – 1820) là một cựu nô lệ và lãnh đạo chủ chốt trong Cuộc nổi dậy của Haiti (Haitian Revolution). Cuộc khởi nghĩa này đã giành lại độc lập cho những người nô lệ da màu từ tay Pháp vào năm 1804. Năm 1805, ông tham gia như một vị tướng dưới trướng của thủ lĩnh Jean-Jacques Dessalines trong cuộc nổi dậy chiếm Santo Domingo (nay là Dominicana) từ quân lính Pháp. Sau khi Dessalines bị ám sát, Henry lui về khu vực Plaine-du-Nord (phía Bắc Haiti) và thành lập một chính quyền riêng biệt. Vào ngày 26 tháng Ba năm 1811, Henry thành lập một vương quốc ở phía Bắc và xưng danh là Henry I, Đức vua của Haiti.

Khi còn là một đứa trẻ, tôi thường chơi đùa trong những căn phòng chiến sự bỏ hoang của tòa thành này. Từ phía sau những cột đá, mái vòm, và những ngọn tháp nơi đặt những khẩu đại bác để đẩy lùi sự xâm lấn của tàu chiến từ biển, tôi ngược mắt ra ngắm nhìn thế giới xung quanh. Trong sự bảo bọc an toàn của bốn bức tường, tôi có thể thấy toàn bộ vùng đất mũi phía bắc: những dãy núi màu vàng pha xanh, những thung lũng lúa, cung điện¹ của đức vua với ba trăm sáu mươi lăm cánh cửa nằm ở chân đồi ngay phía trên thị trấn Milot, những tòa nhà cổ ở Ramiers², và cung điện của hoàng hậu phía bên kia cánh đồng. Tôi ngửi mùi ẩm thấp của những quả đại bác và cảm nhận bộ áo giáp của vua Henry I mủn ra thành rỉ sắt trong tay mình, tấm hoàng kim giáp với hình khắc họa một con phượng hoàng bay lên từ một bức tường lửa và dòng chữ mà vị vua thường hay nói khi còn sống – Je renais de mes cendres³ – như lời hứa rằng một

ngày nào đó ông sẽ trỗi dậy từ đám tro tàn của cái chết. Tôi lắng nghe tiếng những ngọn gió lướt qua đám cây cỏ đại túa ra từ kẽ nứt trên những bức tường đá. Và từ trên trần nhà mái vòm cao ngất, tôi có thể nghe được tiếng vị vua ra lệnh cho những linh hồn mệt mỏi, những người luôn phải nhắc nhở ông rằng đây đã là một thời đại khác – một thế kỷ khác – và chúng ta đã trở thành một dân tộc khác rồi.

¹ Ở đây nói đến cung điện Sans-Souci (tiếng Pháp: Palais de Sans-Souci), nơi ở của vua Henri I, hoàng hậu Marie-Louise và hai người con gái.

² Tiếng Pháp: Palais des Ramiers, một di tích trong khu vực National History Park của Haiti, cùng với Citadelle Laferrière và Palais de Sans-Souci.

³ Tiếng Pháp: Ta sẽ hồi sinh từ tro tàn của chính ta.

Dần dần những tiếng thì thầm của vua Henry I trở thành giọng nói của Sebastien. Tôi đứng dậy và đi về phía cửa. Sebastien đang đứng ở đó. Anh đưa cho tôi hai củ khoai mỡ vẫn còn bám đầy đất mà anh đã đào lên từ khu vườn nhỏ phía sau phòng của mình trong khu nhà máy. Mỗi khi có thể, tôi đều nấu ăn cho anh và chúng tôi cùng ăn với nhau.

“Suýt chút nữa thì anh xuất hiện trong giấc mơ của em,” tôi thở thở. “Em đang ở nhà và em đã mong rằng anh ở bên cạnh em.”

“Anh đã đứng đợi ở bên ngoài chờ tới lúc thích hợp,” anh đáp. Áo của anh, một trong vô số những chiếc áo tôi làm cho anh từ vải bao bố nhuộm chàm, lấm lem bùn đất đỏ và dính đầy vụn cỏ xanh. Gai xương rồng cắm vào lớp vải cũng như da thịt trên cánh tay anh, nhưng anh dường như không cảm thấy đau buốt. Một bên mắt của anh sưng húp, mí mắt dưới căng lên đầy máu

đen. Anh cố gắng mỉm cười, giữ lấy bên mặt bị đau để nụ cười không làm anh đau đớn hơn.

“Anh bị ngã ở trên ruộng mía à?” Tôi hỏi mà gần như đoán được đó không phải là những gì đã diễn ra. Tôi đưa tay chạm vào bộ râu xù xì mà anh bắt đầu nuôi trong mấy ngày qua. Một vài phần râu nhuộm màu xanh, như thể anh đã bị đè ép mặt xuống cỏ trong một lúc lâu.

“Anh không thể ở lại được,” anh nói. Ít nhất thì anh vẫn còn nói năng được bình thường, tôi nghĩ. Giọng nói của anh vẫn chưa thay đổi. “Già Kongo đang đợi anh ở nhà máy. Con trai Joël của ông ấy đã gặp tai nạn. Anh ấy chết rồi.” Vàng trán đầy bụi đất của anh túa đầy mồ hôi. Anh gạt những giọt mồ hôi với một cái quẹt tay.

“Joël chết rồi ư? Làm thế nào mà anh ấy lại chết?”

“Yves, Joël, và anh đang đi trên đường khi một chiếc ô tô đâm vào Joël và hất anh ấy văng xuống hẻm núi.”

“Còn anh? Anh có bị gãy cái xương nào không?” Tôi lập tức hỏi, như thể đó là cách duy nhất một người có thể bị thương, khi cơ thể họ đã bầm dập và gần như bị nghiền nát như những thân mía trong máy ép ở nhà máy.

“Yves và anh may mắn hơn,” anh đáp. Và tôi trộm nghĩ rằng anh thực sự may mắn như thế nào. Anh đã không khóc lóc, gào thét, hay ném đá về phía ngôi nhà, hay dùng gốc cây để nện vào chiếc xe đã giết chết bạn anh. Có lẽ anh vẫn chưa thực sự cảm nhận được việc đã xảy ra là sự thật. Nhưng đây cũng không phải là lần đầu tiên anh đối diện trực tiếp với cái chết.

“Già Kongo đang làm gì?” Tôi hỏi. Có lẽ Sebastien đang giữ bình tĩnh bằng cách nghĩ tới bước hành động tiếp theo.

“Điều trước nhất cần phải làm là chôn cất xác của Joël,” anh trả lời.

“Kongo có biết là chiếc xe nào đã đâm vào Joël không?”

“Lúc này, tất cả những gì ông ấy biết là con trai ông đã chết. Ông ấy cần phải đóng một cỗ quan tài. Don Carlos sẽ không trả tiền cho việc chôn cất đâu.”

Bác Luis và Papi đều đã say ngủ. Tôi dẫn Sebastien ra phía sau dãy nhà vệ sinh. Ở đó Papi để một chồng gỗ tuyết tùng mà ông vẫn hay dùng cho sở thích làm đồ mộc, đóng bàn ghế, và chạm khắc mô hình của những căn nhà nhỏ. Sebastien lấy bốn phiến gỗ dài, cả loại đã đánh và chưa đánh véc-ni, đủ để đóng một chiếc quan tài cho một người lớn.

Tôi muốn giúp anh vác chúng, nhưng anh từ chối. “Em hãy ở đây,” anh hạ giọng. “Anh sẽ quay lại.”

Tôi đưa mắt nhìn hai củ khoai mỡ dựa lưng vào tường nơi tôi đã đặt chúng ngay sau khi anh trao chúng cho tôi.

“Anh đang bận như vậy mà vẫn còn thời gian để mang khoai cho em ư?” Tôi thắc mắc.

“Em hãy ở đây cho đến khi anh quay lại,” anh nói, “đừng đi đâu cả.” Tôi nghe tiếng anh thở nặng nhọc, vật lộn với sức nặng của những thanh gỗ. Tôi quay về phòng mình, nằm xuống, và đợi chờ anh quay trở lại.

Già Kongo tội nghiệp. Xin chia buồn với ông, Kongo. Hai đứa trẻ mới sinh ra trên đời còn ông ấy phải tự tay chôn con trai mình

xuống đất đen.

9

Tôi vẫn nhớ đó là một buổi họp chợ phiên ngày thứ Sáu. Tôi cùng cha mẹ đi tới Dajabón, thị trấn đầu tiên thuộc địa phận Dominicana phía bên kia con sông. Mẹ tôi muốn mua nồi nấu ăn từ một người thợ làm nồi người Haiti tên Moy. Ông sống ở thị trấn đó và là người làm nồi tài ba nhất trong vùng. Những cái nồi do ông Moy làm ra sáng bóng đến mức bạn nghĩ rằng chúng là những viên đá quý: chúng không hề sạm đen đi ngay cả sau nhiều năm đun nấu trên bếp củi ngoài trời.

Chiều xuống, khi chúng tôi chuẩn bị lội qua sông để trở về với hai cái nồi mới cóng, cơn mưa bắt đầu trút xuống trên những quả núi phía thượng nguồn. Không khí trở nên nặng nề và ẩm ướt. Những đám mây đen kéo đến, che khuất cầu vồng trên bầu trời.

Chúng tôi vẫn còn cách cây cầu một quãng khá xa. Cha tôi muốn chúng tôi nhanh chóng trở về nhà. Ông quả quyết rằng chúng tôi vẫn còn đủ thời gian để vượt sông an toàn nếu chúng tôi nhanh chân lên. Mẹ tôi khuyên ông nên đợi và quan sát xem chiều hướng của dòng chảy như thế nào.

“Chúng ta không có thời gian để chần chừ đâu,” cha tôi quả quyết.

“Tôi sẽ cống bà qua trước, sau đó tôi sẽ quay lại cống Amabelle và hai cái nồi,” ông nói tiếp.

Chúng tôi men theo con đập chắn nước đi xuống bờ sông. Cha tôi đưa mắt tìm chỗ nước nông, nơi những hòn đá tảng màu rỉ đồng tròn lẳn mà chúng tôi đã dùng làm bước đệm để băng qua sông nay đã chìm ngấm dưới dòng nước xiết.

“Cầm cho mẹ mấy cái nôi,” mẹ bảo tôi. “Papa sẽ quay lại để đón con nhanh thôi.”

Gần con đập có vài cậu “chuột nước”, những cậu thiếu niên lột ngọc người Haiti và Dominicana. Để kiếm miếng ăn hay vài ba đồng bạc, họ sẵn sàng cống khách hay mang vác đồ đạc của họ qua sông trên lưng mình. Nhưng lúc này, khi nước sông chảy xiết và tạo thành những xoáy nước lớn cuộn cuộn, ngay cả bọn họ cũng không dám khinh suất.

Cha tôi lội xuống nước và vẫy nước sông lên mặt, như để cầu khẩn thần sông và xin bà ban phép cho ông được đi qua. Mẹ tôi làm dấu thánh ba lần và ngẩng lên trời cầu nguyện trước khi trèo lên lưng cha tôi. Nước sông dâng lên đến tận eo Papa ngay khi ông vừa bước xuống. Khi đã đắm mình trong nước sông, ông giật mình nhận ra rằng mình đã phạm phải một sai lầm chết người.

Mẹ tôi quay người lại nhìn về phía tôi, khiến cho cha tôi bị mất thăng bằng. Bùn dưới đáy sông khuấy lên đục ngầu ở những chỗ nước nông. Cha tôi vươn hai tay ra phía trước để cố gắng bước tiếp. Mẹ tôi bám chặt lấy cổ cha hơn. Cơ thể bà vừa che chở vừa đè nặng lên vai ông. Khi ông cố dùng tay để đẩy chân bà lên, một mớ dây leo trôi phăng qua gần họ. Mẹ tôi chơi vơi, đưa tay ra bám lấy đám dây leo như thể chúng là những mảnh gỗ vụn từ một chiếc bè đã vỡ.

Mưa rơi càng lúc càng nặng hạt, khiến cho nước sông dâng lên ào ạt như thủy triều đại dương. Di chuyển sát hết mức có thể

theo mép sông, các cậu “chuột nước” quăng một sợi dây xi-đan⁽¹⁾ dày về phía cha mẹ tôi. Dòng nước nuốt chửng sợi dây trong tích tắc. Họ bắt đầu kéo sợi dây lại và buộc nó xung quanh một hòn đá tảng. Sợi dây tuột khỏi hòn đá ngay khi nó vừa rời tay họ.

(1) Tiếng Anh: sisal. Một loại cây thuộc họ cây thùa, sinh trưởng phổ biến ở miền Nam Mê-xi-cô nhưng cũng được thuần hóa và trồng ở nhiều quốc gia khác. Lá của cây xi-đan rất cứng và nhiều xơ. Khi đập đập và phơi khô, lá cây có thể cho ra một loại sợi bền chắc, dùng để bện thành rất nhiều dụng cụ.

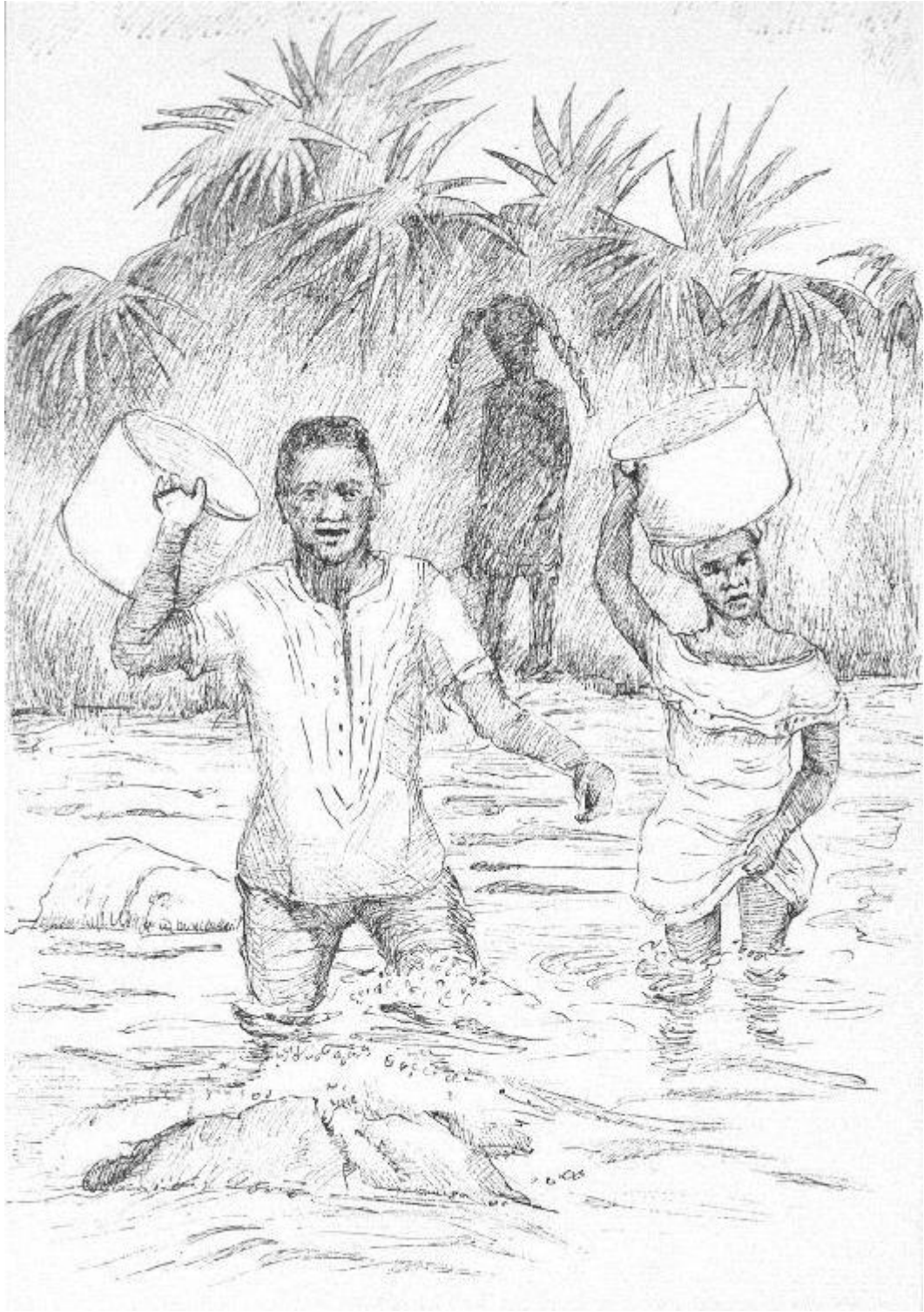
Nước đã dâng lên quá đầu cha tôi. Mẹ tôi thả tay khỏi cổ ông và dòng nước xoáy nhấc bổng bà lên khỏi tầm với của ông. Khi rời nhau ra, họ không còn là vật cản trước con sông đầy ắp nước cuộn cuộn.

Tôi kêu thét cho tới khi cảm thấy vị máu nơi cuống họng, cho tới khi tôi không còn nghe được giọng nói của chính mình nữa. Tay tôi vẫn nắm chặt hai cái nôi bóng loáng của Moy.

Tôi chạy về phía bãi cát để gieo hai cái nôi và tẩm thân mình vào dòng nước. Những đợt sóng chồm lên và liếm vào chân tôi. Tôi ném hai cái nôi xuống sông và nhìn chúng chìm nổi theo nhịp sóng nước, dần dần biến mất hút về phía hạ nguồn ở cuối đường đích dắc của con sông.

Hai cậu chuột nước nắm bắt tay tôi và kéo tôi ra xa khỏi dòng nước. Khuôn mặt họ nhòe nhoẹt trong làn nước mưa xối xả. Họ ghì chặt tôi xuống cho tới khi tôi chịu nằm yên.

“Trừ phi mày muốn chết,” một người trong số họ nói, “còn không mày sẽ không bao giờ gặp lại những người đó nữa.”



10

Đêm đó, khi Sebastien trở về từ khu nhà máy, anh mặc một chiếc áo mới và đã rửa sạch gần hết cở dính trên râu và mặt.

Anh ngồi tựa lưng vào tường và nhìn một con thạch sùng bò ngang trần nhà. Tôi dịch người ra để anh có chỗ nằm xuống bên cạnh tôi trên chiếc chiếu.

“Señor Pico đang ở nhà lúc này,” tôi nói. “Anh phải cẩn trọng hơn trong việc tới gặp em đây.”

“Ngay lúc này, anh không mong muốn điều gì hơn việc Señor Pico thử gây chuyện vào anh,” anh trả lời với một tông giọng giận dữ xa lạ. Có thể mọi thứ đang dần trở nên rõ ràng hơn với anh. Người bạn của anh đã chết. Anh có thể đã chết. Chúng tôi đang ở trong căn nhà của người đàn ông đã giết chết bạn anh ấy. Sebastien có thể vào phòng và giết chết señor nếu anh thực sự muốn.

“Señor Pico có súng trường,” tôi nhắc nhở anh, “và chúng ta đang ở trong nhà của họ.”

“Không khí mà chúng ta đang hít thở có thuộc về hân không ?” Anh hỏi vặn.

“Già Kongo thế nào rồi?”

“Không ai có thể tìm thấy ông ấy ở đâu cả,” anh đáp. “Ông ấy đã đi đâu vậy?”

“Sau khi bọn anh mang xác Joël tới chỗ ông ấy...”

“Anh ấy chết trong tình trạng thế nào?” Tôi hỏi, và lập tức cảm thấy hối hận ngay khi câu hỏi ấy buột khỏi miệng.

“Anh ấy rơi từ một bờ dốc rất cao xuống con lạch,” anh nói. “Già Kongo đã làm gì với xác của anh ấy?”

“Ông ấy để một vài người nhìn anh ấy lần cuối,” anh nói một cách bình tĩnh. “Sau đó Yves và anh giúp ông ấy đưa Joël xuống con suối nhỏ. Bọn anh rửa sạch máu trên người anh ấy và đưa anh ấy trở lại phòng của Kongo. Kongo nói rằng ông ấy muốn ở một mình với con trai. Trong lúc anh đang đợi ở đây để gặp em, thì ông ấy đã mang xác của anh ấy đi.”

Thật khó để có thể hình dung cảnh Già Kongo vác cái xác của Joël đi đâu xa trên lưng ông. Joël cao hơn cha với khung xương to hơn. Anh là người thường được gọi để kéo một cái xe bò đầy mía khi những con bò đã quá kiệt sức để có thể kéo tiếp.

“Người ta vẫn nói rằng một cậu con trai không bao giờ có thể cao hơn tám lưng hay cây roi của cha mình,” Sebastien nói, xoa tay lên con mắt bầm tím của mình. “Nếu Kongo có thể một mình vác Joël đi thì câu nói đó chính xác hơn là anh tưởng.”

“Có thể Kongo muốn nói lời từ biệt với Joël một mình,” tôi vừa nói vừa gỡ tay anh ra khỏi mắt anh.

“Những người khác đang đi tìm ông ấy khắp nơi,” anh nói. “Anh nghĩ ông ấy mang xác Joël đi xa vì ông ấy muốn mọi người để ông ấy được yên. Anh sẽ tôn trọng nguyện vọng của ông. Kongo sẽ quay về khi nào ông ấy muốn.”

Anh lướt tay lên xuống trên lưng tôi. Anh vẫn luôn làm vậy trong suốt một năm chung sống với tôi. Cách tốt nhất để anh ấy

có thể quên những chuyện buồn là ôm và giữ chặt một người còn buồn hơn anh.

“Em đang toát mồ hôi này,” anh nói, để cho những ngón tay chạy dọc sống lưng tôi.

“Em lại mơ về cha mẹ em chìm trong con sông đó,” tôi đáp. “Anh không muốn em tiếp tục gặp giấc mơ này nữa,” anh nói. “Nó luôn giống hệt những cảnh đã xảy ra trong quá khứ.” “Chúng ta cần phải làm gì đó để thay đổi điều này, ngay bây giờ.” Anh thổi tắt ngọn đèn. Căn phòng chìm vào màn đêm tĩnh mịch. Tôi nhắm chặt mắt lại và lắng nghe tiếng nói của anh.

“Anh không muốn em mơ thấy con sông đó nữa,” anh nói. “Hãy mơ một giấc mơ thư thái. Đừng chỉ tập trung vào đoạn kết, hãy cố gắng nhớ cả khúc giữa và khởi đầu của ngày hôm đó nữa. Hãy nhớ những gì cha mẹ em làm khi họ còn sống. Giả dụ rằng con sông hôm đó rất bình lặng.”

“Còn cha mẹ em?”

“Họ đã qua đời vì bệnh tật nhiều năm về trước.” “Và tại sao em lại đến đây?”

“Mặc dù em chỉ là một cô bé con khi em rời đi và anh là một người đàn ông trưởng thành khi anh tới đây, và gia đình chúng ta không hề biết nhau, em đã đến đây để gặp anh.”

Lưng và vai anh gồng lên cứng ngắc trong lúc anh thêu dệt nên một cuộc đời mới cho tôi.

“Vâng,” tôi nói, hòa theo anh. “Em đã đặt chân tới nơi này chỉ để gặp anh.”

“Anh không có nhiều để cho em,” anh nói, “nhưng anh muốn em biết rằng ngày mai sẽ là ngày bắt đầu mùa zafra¹ cuối cùng của anh. Năm sau, anh sẽ không làm việc trên ruộng mía nữa. Anh sẽ kiếm việc ở các đồn điền cà phê, gạo, thuốc lá, ngô, một trang trại trồng hành hay thậm chí là gọt vỏ khoai mỡ. Anh sẽ làm ở bất cứ đâu trừ ruộng mía. Anh có bạn bè giúp đỡ cho anh. Anh thề với em, Amabelle, đây sẽ là mùa thu hoạch mía cuối cùng của anh, cũng như của Joël.”

¹ Từ zafra dùng để chỉ thời gian thu hoạch cuối hè hay đầu thu, được sử dụng phổ biến trong các quốc gia chịu ảnh hưởng văn hóa Ả Rập hoặc Tây Ban Nha. Ở khu vực Ca-ri-bê, từ này thường chỉ mùa thu hoạch mía. Ở Dominicana, một mùa zafra thường kéo dài từ tháng Một tới tháng Năm, khác với khu vực Địa Trung Hải (từ tháng Chín tới tháng Mười). Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, mùa zafra thường gắn liền với vòng đời của cây mía. Vì cây mía ở Ca-ri-bê được thu hoạch ở một thời điểm khác trong năm so với ở Tây Ban Nha hay Bắc Phi, nên ý nghĩa của từ này cũng thay đổi tùy theo vùng.

Tôi biết anh đang nghĩ rằng Joël thật may mắn vì không còn dính dáng gì đến cuộc đời trên đồn điền mía nữa, travay tè pou zo, kiếp sống của những mùa thu hoạch xương².

² Tiếng Creole của Haiti. Cách so sánh ám chỉ sự khó nhọc và bóc lột trên đồn điền mía, gần nghĩa với câu “Cao su đi dễ khó về, Khi đi trai tráng khi về bủng beo” của Việt Nam.

“Tối nay, khi Yves và anh mang xác của Joël về khu nhà máy,” anh nói, “anh đã nghĩ tới cách cả bố Yves và bố anh đều đã qua đời. Bố anh ấy chết trong lúc chỉ huy các đội quân chống lại sự xâm chiếm của bọn Yanki¹ ở Haiti, còn bố anh thì chết trong cơn bão lũ.”

¹ *Yankee. Ở đây chỉ quân đội của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ chiếm đóng Haiti từ ngày 28 tháng Bảy năm 1916, khi 330 lính thủy đánh bộ của Hoa Kỳ đổ bộ vào Port-au-Prince, thủ đô của Haiti, theo lệnh của Tổng thống Woodrow Wilson. Cuộc chiếm đóng chấm dứt ngày 1 tháng Tám năm 1934, sau khi Tổng thống Franklin Roosevelt chấp nhận hiệp ước ngừng chiếm đóng Tháng Tám 1933.*

Tôi áp tay mình lên môi anh. Chúng tôi đã hứa sẽ biến những câu chuyện buồn của mình thành những chuyện vui vẻ hơn, nhưng anh ấy vẫn không kiềm lòng được.

“Đôi lúc, khi những người phu đồn điền quá mệt mỏi và phẫn uất với cuộc sống trên ruộng mía, họ thường nói chúng ta là một dân tộc mồ côi,” anh nói. “Họ nói chúng ta là những mẩu cháy cặn sót lại dưới đáy nồi. Họ nói có những người sinh ra không nơi thuộc về, và chúng ta là một trong số họ. Anh thì nghĩ chúng ta là một nhóm những vwayajè², những người bộ hành. Đó là lý do tại sao em phải đi xa như vậy để gặp được anh, vì bản chất của chúng ta là những người như thế.”

² *Tiếng Creole của Haiti.*

11

Trận sốt liệt giường làm cơ thể tôi nặng nề hơn cả một cái trống bằng thép đổ đầy nhựa đường đun chảy. Tôi cảm thấy mình cứ phình ra và phình ra như một khối lỏng làm từ món trà và si-rô mà mẹ tôi rót cho tôi uống. Cha tôi lại nói rằng thực ra tôi đang teo tóp lại chỉ còn da bọc xương, và nhiệt từ cơn sốt đã làm cạn kiệt gần hết nước trong cơ thể tôi.

“Chúng ta đã mang bệnh về cho con bé từ một nơi khác,” mẹ tôi kết luận trong lúc đứng ở đầu giường nhìn xuống tôi. Môi mẹ bặm lại và miệng mẹ đưa đẩy hết bên này tới bên kia như những lần mẹ tập trung suy nghĩ. “Tôi nghĩ có thể là bé gái mà chúng ta đã chữa cho hai tuần trước, ông có nhớ không?”

Mẹ làm cho tôi một con búp bê từ tất cả những vật tôi yêu thích: những sợi ruy băng sa tanh màu đỏ khâu lại với nhau làm da, hai cái lõi ngô làm chân, một hạt xoài khô làm thân mình, lông gà trắng để tạo màu da, hai mẩu than chì làm mắt, và những sợi chỉ thêu màu nâu cacao làm mái tóc.

Có những khi tôi muốn quay trở lại làm một bé gái, để được sờ vào con búp bê này. Khi tôi chạm vào nó, tôi cảm thấy gần gũi mùa thu hoạch xương với mẹ tôi còn hơn cả khi da thịt chúng tôi cọ vào nhau trong chậu tắm hay dưới suối, hoặc khi bà cúi xuống chườm một nắm lô hội lên trán tôi.

Trong những giây phút hiếm hoi khi tôi nằm một mình trên giường với con búp bê và cơn sốt hầm hập, con búp bê đứng dậy trên cặp chân lõi ngô của nó, giật một búi chỉ trên đầu và bện

chúng lại để chơi nhẩy dây. Nó hát những bài hát nhẩy dây yêu thích của tôi, chơi với các miếng oslè của tôi, và nói, “Chị sẽ khỏe lại thôi, Amabelle yêu dấu của em. Em biết chị sẽ khỏe lại thôi.” Giọng nói của nó nhẹ nhàng và du dương, nhưng âm vang như thể con búp bê đang nói vọng lên từ bên trong một chiếc bình cổ cao. “Em chắc chắn chị sẽ sống tới một trăm tuổi, sau khi đã cận kề với cái chết như thế này khi còn nhỏ.”

Ngắm nhìn con búp bê chơi đùa, tôi muốn đặt cho nó một cái tên. Nhưng tôi không nhớ nổi một cái tên nào cả ngoại trừ tên chính mình, chỉ vì con búp bê đã gọi tên tôi lúc nói chuyện với tôi.

Khi tôi đã khỏe lại như lời con búp bê nói, tôi hỏi mẹ tôi, “Con nên đặt tên gì cho con búp bê đã chạy quanh phòng, chơi đùa hộ con, và trông chừng con trong lúc con bị ốm?”

“Làm gì có con búp bê nào như vậy chứ,” mẹ tôi gạt đi. “Trận sốt đã làm con trở nên ngớ ngẩn rồi.”

12

Mùi hương lẫn quất ngọt ngào của sả lúc bình mình luôn là mùi mà tôi yêu thích nhất. Đứng từ trên đỉnh đồi, tôi nhìn thấy Luis trước cửa nhà bác, dùng một miếng vải bố để lau sạch vết máu của Joël còn dính trên một trong hai chiếc ô tô của Señor Pico. Tên chúng là Packards, loại xe được chính Generalissimo ưa dùng cho việc đi lại.

Tôi đi về phía con suối phía sau khu nhà máy mía đường nơi những người phu đồn điền hay tắm gội vào sáng sớm trước khi bắt đầu một ngày lao động. Hôm nay là ngày đầu tiên của một vụ thu hoạch. Con suối lúc đó đã đông kín người, bên nam bên nữ chỉ chia cắt nhau bằng một hàng cây thưa thớt.

Tất cả mọi người đều im lặng một cách khác thường, ngay cả trong cách họ thì thầm với nhau. Thay vì những tiếng tán dóc rợn rợn như thường lệ, buổi sáng hôm nay chỉ có tiếng chim ruồi rúc rích và tiếng nước suối xoáy ùng ục, cuộn quanh những thân người đang cản trở dòng chảy của nó.

Tôi vẫy tay chào Mimi, em gái của Sebastien. Khuôn mặt cô thấp thoáng trong dòng nước, bong bóng sủi tăm gần khóe miệng.

Mimi đã theo chân Sebastien đến thung lũng khi anh tới nơi này bốn năm về trước. Bây giờ cô đang làm hầu gái cho Doña Eva, người mẹ góa bụa của bác sĩ Javier và tiểu thư Beatriz.

“Chiều nay Doña Eva sẽ tổ chức một buổi lễ Ban Thánh thể¹ với món sancocho² để mừng sinh nhật của bà ấy,” Mimi gợi chuyện.

Hai chân tôi nổi bông bênh trên những hòn cuội ẩm ở dưới lòng suối. Cuộc đối thoại giữa chúng tôi diễn ra như thể không có chuyện gì to tát xảy ra và Mimi đang đem chuyện của bà chủ cô ấy ra tán gẫu như thường lệ. “Doña đã năm mươi tuổi rồi. Mấy người của bên chị có định đến dự lễ không?”

¹ *Tiếng Anh là Mass. Ở Việt Nam, nghi lễ này của đạo Công giáo thường được gọi là Thánh lễ. Hai lễ vật (hay thánh thể) căn bản là bánh bột mì và rượu, với bánh tượng trưng cho thân thể và rượu tượng trưng cho máu của Chúa Giê-su. Lễ ban Thánh thể mang ý nghĩa tưởng nhớ Chúa Giê-su đã hy sinh thân mình trên cây Thánh giá.*

² *Một món súp gồm thịt và các loại củ, phổ biến ở vùng Ca-ri-bê và Nam Mỹ.*

Mimi luôn gọi Señora Valencia và Señor Pico là moun ou yo³, những người của tôi, như thể họ mới là người làm công cho tôi vậy. Vừa lội vừa lấy chân đập nước, cô trịnh trọng giơ tay lên và phủi một chiếc lá nhỏ bám trên mũi tôi. Quanh cổ tay phải của cô là một sợi dây chuyền làm từ những hạt cà phê sơn vàng xâu chuỗi, giống như sợi dây của Sebastien. Mẹ của họ đã tết sợi dây cho hai anh em để cầu cho họ được an toàn và gặp may mắn khi cả hai để bà lại phía bên kia biên giới sau khi cơn bão đã giết chết cha của họ.

³ *Tiếng Creole ở Haiti.*

Tôi lan man nghĩ ngợi về việc ngày sinh nhật lần thứ năm mươi của Doña Eva trùng với ngày đầu tiên sau cái chết của Joël, và nhận ra có lẽ tôi sẽ không bao giờ có cơ hội để nói lời từ biệt trước đôi mắt nhắm nghiền của anh. Tôi nói thầm với Mimi, “Em có nghĩ chị em mình sẽ sống lâu như Doña Eva không?”

“Em chẳng muốn sống lâu đến thế đâu,” cô trả lời một cách bộp chộp như ngày thường. “Em thà chết trẻ như anh Joël còn hơn.”

“Em thực sự muốn kết thúc đời mình dưới một hẻm núi như vậy sao?” Tôi hạ giọng để những người khác không nghe thấy.

“Em muốn cái chết đến với em một cách bất ngờ,” cô nói lớn. “Em không muốn phải chờ đợi lâu trước khi nó tìm thấy em.”

Mimi trẻ hơn tôi ít nhất bốn tuổi. Nếu không tính đến cái chết đột ngột mà cô đang mong đợi thì cô còn cả một quãng đời dài hơn tôi phía trước. Trong con suối này có những người đàn bà đáng tuổi cụ chúng tôi. Bốn người trong số họ đang ngồi kế bên và tắm gội cho một vài bé gái mồ côi cha mẹ. Trong đám những người đàn bà già nua nhất, một người bị mất tai. Hai người mất một vài ngón tay. Và xương gò má trái của một người thì nứt làm đôi, hậu quả của một cái mã tấu vung quá trớn trên ruộng mía.

Những người đàn bà già nhất trong đám phu đồn điền giờ đã quá ốm yếu, bệnh tật, hay què quặt để có thể nấu ăn hay lau dọn trong một căn nhà lớn, làm công việc thu hoạch trên ruộng, hay quay trở về quê nhà ở Haiti. Họ bắt đầu một ngày của mình với việc tắm gội dưới suối, sau đó đi đào rễ củ để ăn hay trông chờ vào lòng thương hại của những người hàng xóm hảo tâm.

Gương mặt Mimi đánh lại và nhuốm màu buồn bã khi cô quan sát những người đàn bà ngồi cạnh, trong số đó có Félice, một cô hầu gái trẻ nhà Don Gilbert và Doña Sabine, một cặp vợ chồng giàu có người Haiti sinh sống giữa các gia đình khá giả khác trong thung lũng. Félice có một vết bớt màu củ dền đầy lông lá như một hàng ria mép ngay trên môi. Mặc dù cô khá xinh đẹp, nhưng tất cả những gì người ta nhìn thấy khi nhìn vào mặt cô chỉ là cái bớt màu củ dền.

Félice đã là bạn gái của Joël cho tới trước lúc anh mất. Kongo, cha của Joël, phản đối mối quan hệ của hai người vì ông biết chút ít về tiểu sử gia đình Félice. Trong một giây phút túng quẫn giữa những năm đầu khi quân Yanki chiếm đóng Haiti, ông của Félice đã ăn trộm một con gà mái từ vườn của mẹ Kongo. Kongo từng nói ông không thể chấp nhận chuyện con trai mình qua lại với một người đàn bà có tổ tiên là một tên kẻ trộm. Rất có thể bản tính ấy sẽ ăn vào máu và truyền qua đời con cháu. Ông không thể mạo hiểm với đứa con trai độc nhất của mình.

Kongo đang đứng tắm ở giữa con suối, kỳ cọ người với một nắm lá mùi tây ướt. Mặt trời đang từ từ lên đỉnh phía trên mái tóc ánh bạc của ông.

Chúng tôi dùng pèsi, perejil¹, hay mùi tây vì nó đem lại cảm giác của những buổi sáng mùa hè ẩm ướt. Những nhánh mùi tây đan vào nhau, vừa thô ráp xù xì, vừa dịu dàng mềm mại. Khi mới nhai, chúng vô vị và đắng ngắt, nhưng để lại một dư vị như một làn gió ngọt ngào trong cuống họng. Lá mùi tây có hương vị khác so với thân, tất cả đều được chúng tôi tận dụng trong thức ăn, ấm trà, nước tắm, nhằm gột rửa cả bên trong lẫn bên ngoài cơ thể khỏi những đau khổ và phiền muộn. Cây mùi tây tiễn biệt những bụi bặm của năm cũ và chào đón khởi đầu của năm mới. Chúng tôi cũng dùng nó, cùng với lá cam nấu chín, cho lần gội đầu đầu tiên của một đứa bé sơ sinh và cuối cùng của một người đã chết.

¹ Từ trái qua phải: Tiếng Creole Haiti và tiếng Tây Ban Nha, đều để chỉ cây mùi tây (“parsley” trong tiếng Anh).

Những người đàn ông khác dạt ra xa để Kongo có nhiều không gian hơn bình thường. Tay ông chậm rãi kỳ cọ bờ vai rộng rồi vịn vẹo để chà xát bó mùi tây lên tấm bản đồ vẽ bởi những vết sẹo trên phiến lưng sần chắc, trong khi mắt ông dăm dăm nhìn

xuống mặt nước như thể nó cho ông thấy nhiều hơn là hình ảnh phản chiếu của chính mình.

Sebastien và anh bạn Yves đang đứng gần Kongo nhất, xua tay ra hiệu cho những người đang muốn đến nói lời chia buồn với ông.

“Em tự hỏi là Kongo đã làm gì với cái xác của anh Joël,” Mimi rướn người về phía trước và thì thầm vào tai tôi.

Sẽ không ai dám cãi lời Kongo cho dù ông ấy đã làm gì với xác con trai mình đi nữa. Ông ấy là vị trưởng lão đáng kính nhất trong chúng tôi. Tất cả mọi người đều đặt niềm tin nơi ông.

Kongo thả bó lá mùi tây vào dòng nước và nâng con dao mã tấu lên. Ngắm nhìn công cụ làm việc của mình dưới ánh mặt trời, ông miết ngón tay theo mép dao như thể nó được làm bằng xương thịt. Kongo vẫn là một người phu đồn điền có sức lực. Ông đã lẫn lộn cùng con trai mình qua hơn một tá vụ thu hoạch. Trước mỗi vụ mùa chính, trong khoảng mùa chết¹, Kongo, Joël, Sebastien, và Yves luôn cùng nhau đi đốt đồng thuê cho các chủ đồn điền thuốc lá. Vào mỗi Chúa nhật, họ lại đốn củi làm than để bán.

¹ *Mùa chết (dead season) ở đây nói đến khoảng thời gian sau khi một vụ mùa đã được thu hoạch và vụ mùa mới chưa bắt đầu. Vì cuộc sống trên đồn điền mùa được tính theo các mùa thu hoạch, nên những mùa không trồng trọt sẽ được gọi là “mùa chết”.*

“Nếu người giết chết con trai Kongo là một trong số chúng ta thì hẳn cầm chắc cái chết,” Mimi nói. “Nhưng đằng này lại là một trong số bọn họ nên chúng ta chẳng thể làm được gì cả. Tôi nghiệp Kongo, điều này hẳn đang thiêu đốt tâm can ông ấy. Em thì nghĩ là mạng đổi mạng, nợ máu cần phải trả bằng máu.”

Một vài người nữa xuất hiện. Họ trút bỏ quần áo và chen vào đứng giữa đám đông đang tụ tập trên mặt sông. Không có một nghi lễ nào, đây là một lời tiễn biệt trong câm lặng với linh hồn Joël, một lễ an táng trong im lặng lúc bình minh.

“Những người bên chị đã giết chết Joël trong lúc phóng xe về để gặp cặp sinh đôi mới chào đời đúng không ?” Mimi hỏi. “Em nghe mọi người kháo nhau như vậy.”

“Đúng, mọi chuyện đã xảy ra như thế đấy.”

“Beatriz nghĩ rằng cô ta sẽ là mẹ đỡ đầu cho một trong hai đứa nhỏ.”

“Señor và señora sẽ quyết định chuyện đó.”

“Nếu Beatriz muốn cái gì thì thường cô ta sẽ đạt được nó.” “Em luôn gọi tên cô ấy trống không như thế à?”

“Em đâu cần phải đệm thêm ‘Señorita’ vào tên cô ta lúc em nói chuyện với chị đúng không nào?”

Tôi nghĩ về Señora Valencia, người mà tôi đã biết từ khi chị mười một tuổi. Tôi đã gọi chị với kính ngữ Señorita trong suốt quãng thời gian chị trưởng thành từ một cô bé thành một thiếu nữ. Khi chị lấy chồng năm ngoái, tôi chuyển sang gọi chị là Señora. Trái lại, chị chỉ luôn gọi tôi là Amabelle.



“Tất nhiên em không gọi cô ta là ‘Beatriz’ trước mặt cô ả rồi,” Mimi giải thích. “Nhưng em thấy việc chúng ta gọi tên cúng cơm¹ của bọn họ thì có gì kinh khủng đâu?”

¹ Ở đây ý nói đến tên thánh của những nhân vật được kể đến.

“Như thế là thiếu tôn trọng đối với họ,” tôi đáp. “Nó giống như cách em xưng hô với những bà cụ ngồi đằng kia vậy. Em gọi họ là ‘Man’ mặc dù họ không phải mẹ ruột của em.”

Mimi giật mình và nhìn xuống chuỗi hạt cà phê quanh cổ tay. Ánh mắt cô nhói lên một nỗi đau trong giây lát khi cô liếc nhìn về phía những người đàn bà già nua kia, như thể tìm kiếm nụ cười của mẹ cô bên dưới bộ mặt cau có của họ.

“Nếu Beatriz và bà chủ của chị nổi giận với chúng ta thì có sao chứ?” Cô đáp. “Nếu họ đuổi chúng ta đi, chí ít chúng ta cũng sẽ được hưởng tự do trong vài ngày trước khi chết đói.”

“Anh trai của em trông cậy vào em,” tôi nói, mong muốn chấm dứt cuộc tranh cãi không cần thiết này trong khi có những nỗi đau to lớn hơn cần chú ý đến. “Ngay cả khi anh ấy nợ ngập đầu, em vẫn có thể cho anh ấy được một bữa ăn.”

“Chị cũng có thể làm vậy mà,” cô cự nự.

“Nhưng em là em ruột của anh ấy,” tôi nói. “Với chị, nếu bọn chị cãi nhau, anh ấy sẽ không chịu ăn chung với chị.”

“Cảm ơn chị đã nhắc em nhớ tại sao em phải chịu khổ chịu cực ở trong ngôi nhà của mẹ đàn bà đó,” Mimi xẵng giọng. “Khi chị và anh trai em cùng nhau xây dựng gia đình, có lẽ em sẽ được tự do.”

Mọi ánh mắt đều đổ dồn lên Kongo khi ông ấy bước lên từ dưới suối. Ông bước đi, tay vịn vào một khúc cán chổi thay thế cho cây gậy chống. Sebastien và Yves, hai nhân chứng cho cái chết của Joël, nổi bước sau Kongo, sẵn sàng đỡ ông ấy nếu ông trượt tay khỏi cán chổi. Đầu Yves cạo trọc và sáng lấp lánh dưới ánh

năng giống như cây mã tấu của Kongo. Anh ta và Sebastien đi theo Kongo về khu nhà máy.

“Bao giờ thì chị và anh Sebastien mới bắt đầu sống chung nhà vậy?” Mimi hỏi. “Nếu anh trai em quá nhát để hỏi, em có thể làm bồ câu đưa thư cho hai người.”

“Hôm qua, bác Juana đã gọi chị là một kẻ vô thần vì chị không cầu nguyện với các vị thánh,” tôi kể. “Bác ấy hỏi chị có tin vào điều gì không, và người duy nhất chị có thể nghĩ đến là Sebastien.”

“Em sẽ phải kể cho anh trai em điều này,” Mimi nói trong lúc tiếp tục nghịch nước. Những người khác ném cho cô một cái nhìn bất bình trước thái độ hờn hờ có phần quá mức của cô trong một ngày như thế này. Mimi khoắc tay xuống suối mạnh hơn nữa, rồi vung tay hất nước lên cao tạo thành một tấm màn thủy tinh bao bọc quanh mình. Nhìn cô giống như một bức tượng khỏa thân ở những vòi phun nước trên quảng trường với nước róc rách chảy ra từ rốn và miệng.

“Chúng ta không nên ủ dột hay buồn bã,” cô nói. “Joël đã an nghỉ ở một nơi khác rồi. Anh ấy sẽ muốn chúng ta cảm thấy vui mừng cho anh ấy. Chúng ta nên có một lễ truy điệu thật vui vẻ để tiễn đưa linh hồn anh ấy lên đường. Anh ấy sẽ muốn chúng ta cười và biết ơn rằng anh ấy không còn khổ sở ở đây nữa.”

Félice bước ra khỏi dòng nước để đi vào bụi rậm mặc quần áo. Mimi là một trong những người cuối cùng còn ở dưới suối.

“Mimi vẫn còn là một đứa trẻ,” tôi nói, đi theo Félice. “Con bé không biết mình đang nói gì đâu.”

“Đây chắc hẳn là biểu hiện của tuổi già,” Félice nói bằng tông giọng gấp gáp của cô, khiến cho các từ lúu lại với nhau. Cô đưa tay lên che cái bốt ở trên miệng trong lúc lựa chọn câu chữ trước khi đẩy chúng ra. “Hồi nhỏ tôi không thể ghét ai cả, còn bây giờ thì tôi hoàn toàn có thể.”

Gục đầu vào vai tôi, cô xiết hai cánh tay quanh sườn tôi và dựa vào người tôi. Cơ thể cô nặng trĩu và mềm oặt đến mức tôi sợ cô sẽ ngất xỉu và lăn ra ngay dưới chân tôi.

“Hãy vững vàng lên nào cô gái,” tôi an ủi, cố gắng vực cô dậy. “Anh ấy còn quá trẻ,” cô nói, “và Kongo thậm chí còn không cho phép chúng ta làm gì hay có bất kỳ phản ứng nào về cái chết của anh ấy.”

“Chúng ta có thể làm được gì đây?”

“Nợ máu phải trả bằng máu, như Mimi đã nói.”

“Chẳng nợ máu nào có thể trả được bằng máu,” tôi can ngăn. “Chúng ta không thể bắt đầu một cuộc chiến ở đây được.”

“Không nhất thiết phải là một cuộc chiến,” cô đáp, “chỉ cần một điều gì đó để dạy cho họ rằng mạng sống của chúng ta cũng đáng giá như của họ.”

“Điều này sẽ giúp ích gì được cho Joël chứ?”

“Chẳng điều gì có thể giúp được Joël nữa,” Félice nói. “Đã quá muộn đối với anh ấy rồi. Nhưng chúng ta nên làm gì đó để ngăn chặn chuyện tương tự xảy ra với những người khác.”

Cô tách người ra khỏi tôi để đứng trên hai chân mình.

“Chúng ta phải để mọi sự cho Kongo quyết định,” tôi nói. “Con trai ông ấy là người tử nạn. Ông ấy sẽ biết điều tốt nhất cần phải làm là gì.”

13

Hàng đêm Sebastien vẫn nói mớ trong giấc ngủ.

“Em có biết anh muốn được làm gì không?” Anh hỏi tôi một đêm nọ.

“Nói cho em biết anh muốn làm gì đi.” Bạn sẽ cảm thấy mình đầy quyền năng khi bạn, một người đang thức, có thể khiến một người đang say ngủ trả lời câu hỏi của bạn. Theo một cách nào đó thì điều này là một phép màu, giống như khi bạn được yêu vậy, hoặc giống như việc ngắm nhìn một con vẹt – một sinh vật nhỏ bé – nhại lại những từ mới thốt ra từ miệng một con người.

“Anh muốn thả một chiếc điều,” Sebastien trả lời câu hỏi của tôi trong lúc anh vẫn đang chìm trong giấc ngủ.

“Chiếc điều đó trông như thế nào?”

“Nó được làm từ một tờ giấy trắng gắn trên khung tre, với một sợi ruy băng sa tanh màu đỏ gắn ở đuôi.”

“Nếu em cho anh sợi ruy băng sa tanh màu đỏ của em thì sao?” Anh trở mình và vùi đầu vào gối.

Nếu tôi cho anh sợi ruy băng sa tanh màu đỏ của mình thì sao? Không có câu trả lời nào đáp lại.

14

Nằm giữa con suối và khu nhà máy của Don Carlos là những ngôi nhà của nhóm người Haiti mà Sebastien vẫn gọi là *non-vwayajè*¹, những người định cư có số phận may mắn hơn những người phu đồn điền, nhưng không khá giả như Don Gilbert và Doña Sabine cùng bè bạn của họ, những người Haiti thượng lưu.

¹ Ý chỉ những người Haiti thuộc tầng lớp trung lưu sinh sống ở Dominicana, khác với “vwayajè” – những người lao động di cư thuộc tầng lớp thấp hơn.

Những người Haiti non-vwayajè sống yên ổn trong những ngôi nhà làm bằng gỗ hoặc xi măng. Nhà của họ có mái tôn và hàng hiên sặc sỡ, với những khu vườn rộng cùng hàng rào cây xương rồng và cây dây leo quấn quít quanh những nụ xương rồng. Sân nhà họ trồng đầy cây ăn trái – đặc biệt là xoài và bơ – để lấy bóng mát, thu hoạch quả, và cả trang trí nữa. Gia đình của họ đã sống nhiều thế hệ ở Alegría: địa chủ, nông dân, thợ rèn, thợ khắc đá, thợ may, thợ đóng giày, một cặp vợ chồng giáo viên, và một cha xứ người Haiti tên là Cha Romain. Một vài người bọn họ kết hôn với người Dominicana. Nhiều người trong số họ sinh ra tại Alegría. Chúng tôi coi họ là những người sinh ra đã nắm vận mệnh mình trong tay.

Buổi sáng hôm đó, tôi suy nghĩ về quyết định rời bỏ đồn điền mía sau vụ thu hoạch này của Sebastien trong khi chào hỏi những người phu đồn điền. Một vài người đang ngồi trên những chiếc ghế mây và ăn bữa sáng với bánh mì, cà phê, cháo bột ngô,

và món mangú¹. Những người khác đang đi lại quanh nhà của họ như những người lính gác trước khi bắt đầu một ngày lao động mới. Tôi trông thấy Unèl, một người thợ khắc đá thấp bé, và cất tiếng chào anh. Anh ta vẫy tay chào lại tôi với một nụ cười đầy răng. Unèl là người đã cùng một nhóm bạn mà anh gọi là lũ đoàn của mình xây lại khu nhà vệ sinh cho người hầu kẻ hạ trong sân nhà Señora Valencia.

¹ Một món ăn kèm truyền thống ở Dominicana, được làm từ quả cây chuối lá (*plantain*) đem luộc lên và giã nhuyễn.

Các ông bố bà mẹ đang đưa con mình tới ngôi trường chỉ có độc một phòng do Cha Romain và Cha Vargas, một cha xứ người Dominicana, dựng nên. Ngôi trường mái bằng xây từ những khối bê tông xỉ than này luôn trong tình trạng chật cứng học sinh. Như mọi buổi sáng khác, cha mẹ của lũ trẻ than phiền về những hạn chế trong giáo dục của con cái họ.

“Tôi đẻ con trai tôi ra ngay trên đất nước này,” một người đàn bà nói bằng thứ tiếng pha trộn giữa tiếng Kreyòl ở Alegria và tiếng Tây Ban Nha, thứ ngôn ngữ lai tạp của những con người luôn nói lắp, như thể họ buộc phải đi thăng bằng trên lằn ranh chật hẹp giữa hai ngôn ngữ đều gần như là tiếng mẹ đẻ của họ. “Mẹ tôi cũng sinh ra tôi trên mảnh đất này. Tôi, con trai tôi, thậm chí chưa ai trong số chúng ta từng nhìn quá bên kia biên giới. Vậy mà họ vẫn nhất quyết không cấp giấy khai sinh cho chúng ta để con trai tôi có thể thu nhận kiến thức vào đầu nó từ một giáo viên đang hoang ở một ngôi trường đang hoang.”

“Bọn họ sẽ luôn coi chúng ta như những kẻ ngoại lai, cho dù bà cố của chúng ta có được sinh ra trên đất này chẳng nữa,” một người đàn ông trả lời bằng tiếng Kreyòl, thứ ngôn ngữ thông dụng mà chúng tôi vẫn dùng khi nói chuyện với nhau – chứ

không phải tiếng Tây Ban Nha. “Như thế bọn họ sẽ dễ dàng tổng khứ chúng ta đi khi họ muốn.”

“Các ông các bà đã nghe tin đồn chưa?” Một người đàn bà khác chen vào. Những ngón tay dài của bà ta múa may phụ họa cho những câu tiếng Kreyòl hoàn hảo của bà. “Họ nói rằng bất cứ ai không làm việc trong những nhà máy mía của tụi Yanki sẽ bị gửi trả về Haiti đấy.”

“Mấy cái nhà máy mía của tụi Yanki thì giúp ích gì được cho ai chứ?” Người đàn bà sinh ra ở Dominicana với đứa con trai cũng sinh ra ở Dominicana đáp lại. “Tôi á, tôi chẳng có một mảnh giấy trong tay để chứng tỏ quê quán mình ở đâu. Con trai tôi, thằng bé được sinh ra ngay tại nơi đây, cũng chẳng có giấy tờ gì để nói xem quê hương nó ở đâu. Những người làm việc trong những nhà máy mía thì bị chủ nhà máy tịch thu hết giấy tờ khai sinh, nên họ cứ như bị dây tròng quanh cổ vậy. Giấy tờ căn cước là tất cả. Ông bà không có giấy tờ trong tay thì cầm chắc là họ có toàn quyền xử ông bà theo cách họ muốn.”

Tôi nghĩ tới hoàn cảnh của mình. Tôi không có giấy tờ gì để chứng minh tôi thuộc về nơi này hay Haiti nơi tôi sinh ra. Lũ trẻ được đưa tới trường trông hết sức căng thẳng lúc chúng ngược nhìn lên cha mẹ chúng, với gương mặt của họ chỉ cách bầu trời xanh có vài phân – nếu tôi vẫn nhớ chính xác cách trẻ con nhìn lên gương mặt cha mẹ chúng. Tôi cảm thấy buồn khi lắng nghe những người Haiti non-vwayajè, những con người tưởng chừng như có một cuộc sống yên ổn ở đây như những cây me, chim thiên đường, hay ruộng mía. Và nỗi lo lắng dấy lên trong tôi khi chính họ cũng mơ hồ về chỗ đứng của họ trong thung lũng này.

Anh thợ khắc đá Unèl tham gia vào câu chuyện và bắt đầu nói về Joël.

“Các ông bà có biết tin bọn họ đã đâm chết một người phu đồn điền bằng ô tô rồi ném xác anh ta xuống một hẻm núi chưa?” Unèl hỏi.

Đó không phải là những gì đã xảy ra, tôi muốn thanh minh. Nhưng tôi là ai mà dám lên tiếng bảo vệ cho Señor Pico?

Nhiều người trong số họ đã nghe tin về Joël, nhưng nó cũng chẳng phải điều gì mới lạ. Họ vẫn luôn nghe tin về những người canh giữ đồn điền nổi cơn thịnh nộ và xả súng trường, vô tình hay hữu ý, vào những người làm công thời vụ¹ hay vung mã tấu chém đứt cổ những người phu đồn điền trong một trận ẩu đả vì mấy đồng peso ở khu ép mía. Những chuyện như vậy xảy ra như cơm bữa với những người phu đồn điền. Họ là những người ít được bảo vệ nhất trong đám chúng tôi.

¹ *Tiếng Tây Ban Nha: bracero.*

“Đầu tiên là những người như Joël, rồi sẽ đến lượt những người như chúng ta,” Unèl quả quyết, với thái độ can đảm hơn những người khác, “trừ phi chúng ta tập hợp lại để bảo vệ lẫn nhau.”

Don Gilbert và Doña Sabine đã cho dựng một bức tường chạy dọc con đường và bao quanh căn villa rộng lớn của họ. Khi chúng tôi đi về phía cổng khuôn viên nhà họ, tôi nhìn thấy Félice đứng ở hiên nhà có mái che nằm giữa hai cầu thang đá uốn lượn dẫn lên cửa nhà Doña Sabine. Doña Sabine đứng trước mặt Félice, đưa tay ra hiệu cho chúng tôi.

Những người đi trước tôi quay đầu nhìn về phía Doña Sabine. Mỗi người sau đó tự chỉ lên ngực mình, ra dấu hỏi xem doña đang muốn cho gọi ai. Doña Sabine tiếp tục chỉ tay cho đến khi Unèl nhận ra là bà ta đang gọi anh.

Unèl bước ra khỏi đám đông và đi về phía cánh cổng bằng sắt uốn dẫn vào sân nhà Doña Sabine. Mười tay lính gác người Dominicana đứng vòng quanh cổng, sẵn sàng bảo vệ Doña Sabine nếu Unèl tỏ ra nguy hiểm. Bà ta xua tay ra hiệu cho họ lui lại và vẫy tay gọi Unèl đi theo mình và Félice. Họ băng qua những tán cây trong khu vườn của bà, với những bụi cây nở đầy hoa được cắt tỉa ngay hàng thẳng lối như những mái đầu húi cua của các cậu học trò.

Félice ngược nhìn về phía tôi và nở một nụ cười nhẹ khi tôi đi qua cổng, rồi sau đó lại đưa mắt cúi nhìn xuống những hoa văn mosaic màu hổ phách trên lối đi trong lúc theo gót Doña Sabine.

Doña Sabine từng là một vũ công nổi tiếng, công diễn khắp mọi nơi trên thế giới. Chồng bà là chủ một hãng rượu rum đã được năm đời trong gia đình ông. Công xưởng của ông lúc đầu nằm trên đất Haiti, sau đó chuyển giao sang đất Dominicana trong một cuộc trao đổi đất đai giữa hai chính phủ vài năm về trước. Bản thân Doña Sabine là một người đàn bà thấp bé và mảnh mai hơn mức bình thường. Nhìn từ đằng sau, bà trông yếu điệu còn hơn các cô thiếu nữ khác, nhưng mỗi bước đi của bà lại là một bước nhảy điệu luyện. Đôi bàn chân quý phái của bà nằm gọn trong chiếc dép bằng da bò mà tôi đoán là của chồng bà. Mỗi ngón tay bà đều đeo một chiếc nhẫn nặng trĩu trừ hai ngón trỏ. Đường như bà quyết định đeo tất cả nữ trang mình có để bảo vệ chúng ngay trên người mình thay vì giấu chúng đi trong một cái hòm.

Unèl theo gót bà và Félice đi lên những lối đi có mái che về phía ngôi nhà chính. Có lẽ bà có công việc gì đó cho anh ấy làm. Chồng của Doña Sabine, Don Gilbert, đang đứng dưới ánh mặt trời trong một chiếc áo mặc trong nhà màu be, chỉ huy một toán người làm đang chạy lăng xăng trong vườn. Khi ông ngẩng đầu

lên và nhìn thấy Unèl, bà vợ ông thổi cho ông một cái hôn gió và ông đáp trả bằng một cái vẫy tay.

Tôi mơ hồ cảm nhận dưới những nụ cười và chiếc hôn của họ là một cảm giác bất an đang len lỏi khắp căn nhà, như thể một đợt càn quét nữa của quân Yanki sắp sửa xảy ra. Tôi chưa từng thấy Don Gilbert và Doña Sabine có đông người làm như vậy. Từng toán người với gương mặt lo âu thấp thỏm đi lại nhón nhác quanh khu vườn. Trông dáng vẻ ai cũng mệt mỏi và tiêu tụy. Một vài người băng bó quanh bả vai và phải dùng những mảnh quần áo rách làm dây đỡ để cố định cánh tay.

Trên đường quay trở về nhà Señora Valencia, tôi dừng ở ngôi trường dòng để thăm Cha Romain. Cha trẻ hơn đa số những vị cha xứ mà tôi từng gặp. Cha mặc một bộ áo thầy tu trong lúc chạy quanh sân với một con điều lớn hình tròn trong tay, một giáo cụ để dạy cho đám học trò về các định luật của ánh sáng và màu sắc, địa hình và phong cảnh, mặt đất và bầu trời, cũng như hướng di chuyển chính xác của gió ở ngay vị trí mà bọn trẻ đang đứng.

“Là con đấy à, Amabelle,” Cha nói, tay đưa chiếc điều cho một trong những cậu học trò lớn hơn, “người con gái đồng hương từ Cap Haitien với ta, thành phố với pháo đài hùng vĩ của Henry I.”

Cha Romain luôn nhấn mạnh việc chúng tôi có cùng nguồn cội, giống như Sebastien. Đa phần mọi người ở đây đều làm thế. Nó là cách mà họ duy trì sợi dây kết nối với cuộc đời trước kia của họ thông qua sự hiện diện của một người khác. Đôi khi, bạn có thể ngồi cả một buổi tối với những người như vậy chỉ để lắng nghe họ giải bày tâm sự về cuộc đời họ, từ ngôi nhà nơi họ sinh ra cho tới ngọn đồi nơi họ muốn được chôn cất. Đó là cách họ được trở về nhà, với bạn là một nhân chứng hay một người nhắc nhở họ quay lại với thực tại khi bạn bắt đầu ngáp dài, viện cớ ra

về, hoặc cắt ngang câu chuyện của họ một cách khéo léo bằng câu chuyện của chính bạn. Đây là cách họ để lại dấu vết lên trí nhớ của nhau. Trong trường hợp nếu bạn là người quay trở về trước, bạn có thể mang theo, nếu không phải là một lá thư hay quần áo đáng giá, thì chí ít là một thông điệp tới những người thân yêu của họ rằng họ vẫn còn đang sống trên cõi đời này.

Các cha xứ cũng không là ngoại lệ. Cha Romain, dù ông hết mực yêu thương và tận tụy với học trò, luôn đau đáu nhớ về người em gái và những người họ hàng thân thuộc ở phía bên kia biên giới. Trong những bài giảng đạo với những con chiên người Haiti ở thung lũng này, Cha thường xuyên nhắc nhở mọi người về những điểm chung kết nối họ với nhau: ngôn ngữ, món ăn, lịch sử, những cuộc hội hè, bài hát, truyện kể, và những lời cầu nguyện. Cha đặt trọn đức tin vào sức mạnh của ký ức và cách mà việc ghi nhớ – dù đôi khi làm ta đau đớn – có thể khiến ta trở nên mạnh mẽ hơn.

Lũ trẻ bu xung quanh Cha và nài nỉ ông tiếp tục bài giảng với chiếc điều. Cha ra hiệu cho học trò trật tự bằng cách chạm tay lên đầu từng em một. Sau khi đã xoa đầu từng đứa, ông đưa tay ra và nhẹ nhàng nắm lấy tay tôi. Gỡ cặp kính mô phạm đeo trên mắt, Cha nhìn thẳng vào mắt tôi và ôn tồn nói, “Cha đang đỡ tay một chút, Amabelle.”

“Con có thể thấy điều đó, thưa Cha,” tôi đáp lời ông.

“Ta đã chuyển lời tới Kongo rồi,” Cha nói. “Con hãy nói với Sebastien giúp ta nữa. Cái chết của Joël khiến ta rất buồn phiền. Những việc như thế này xảy ra quá thường xuyên. Chúng ta phải chết một cách oan khuất khi còn quá trẻ. Cha của anh ấy sẽ cần những lời động viên an ủi từ tất cả chúng ta.”

“Cảm ơn Cha,” tôi nói, cảm nhận thấy Cha đã cho tôi tia hy vọng mà tôi cần.

“Cảm ơn con vì đã ghé thăm ta, Amabelle.”

Đám học trò của Cha kéo tay ông đi tiếp, tranh giành nhau quyền kiểm soát cuộn dây điều.

Trên đường đi lên đỉnh đồi về phía nhà Señora Valencia, tôi bắt gặp Beatriz, em gái của Bác sĩ Javier. Cô mặc một chiếc váy suông xếp ly màu xanh lá, vừa đi vừa quay chiếc ô cũng màu xanh trên đầu. Cơn gió ban mai lượn qua kẽ chân và tốc gấu váy cô bay lên quá đầu gối nhưng cô có vẻ không hề để tâm.

Beatriz đi vào phòng khách nơi Papi vẫn ngồi cạnh chiếc radio nghe ngóng tin tức từ Tây Ban Nha. Ông hí hoáy ghi chép vào cuốn sổ để mở trên đùi, ngẩng đầu lên lắng nghe, rồi lại cúi xuống viết những chữ nguệch ngoạc lên trang giấy, vừa viết vừa húng hắng ho khan.

Beatriz cúi xuống hôn lên má Papi, một cử chỉ ân cần mà cô dành riêng cho những người đàn ông lớn tuổi không có ý định hỏi cưới cô. Papi vẫn dán mắt vào cuốn sổ và tiếp tục viết. Beatriz ngồi xuống một chiếc ghế sofa đan từ sợi liễu gai đối diện với Papi. Cô hất bím tóc dài từ sau lưng ra trước vai và để đuôi tóc nằm lên chiếc ô đặt trên đùi. “Papi, độ này cháu không thấy bác tản bộ ngang qua nhà cháu nữa.” Cô đùa nghịch với bím tóc của mình trong lúc nói.

“Ta phải túc trực ở đây để trông chừng Valencia từ lúc nó bắt đầu chuyển dạ,” Papi nói.

“Giờ bọn trẻ đã chào đời rồi...”

“Ta sẽ lại bắt đầu đi dạo ngang qua nhà cháu,” ông nói. Bác Juana chạy từ trong bếp ra để tiếp đón Beatriz.

“Cô đến thăm chúng tôi sớm thế này thật là quý hóa quá, Señorita Beatriz,” bác chào.

“Cảm ơn bác,” Beatriz đáp lời, tỏ vẻ khó chịu vì bác Juana đã cắt ngang cuộc trò chuyện giữa cô và Papi.

“Señora không ngủ được yên giấc tối qua vì hai đứa bé thay nhau thức giấc,” bác Juana thông báo. “Tính nết của hai đứa rồi sẽ khác nhau lắm đây.”

“Bác có mang trà lên cho ta chưa?” Papi ho như sặc nước.

“Tôi đang đun trà trên bếp, thưa ông,” bác Juana đáp. “Nó cần phải được đun sôi. Ông sẽ cần nó để trị dứt cơn ho này đây.” Bác quay về phía Beatriz. “Cô có muốn dùng thử một tách cà phê loại ngon và nặng đô mà mấy cô em tôi đã gửi từ quê lên hôm qua không, thưa Señorita Beatriz?”

“Bất cứ cái gì làm bác hài lòng, Juana,” Beatriz đáp.

“Lại đây, Amabelle.” Bác Juana kéo tay tôi vào trong bếp nơi bác đang bận rộn chuẩn bị bữa sáng cho mọi người. Bác Luis đang ăn vội ăn vàng ở trong một góc bếp trước khi bắt đầu một ngày lao động.

“Cháu cầm lấy cái này.” Bác Juana dúm vào tay tôi một cái bát lớn với hai khúc củ cây ngọc giá luộc. “Cháu hãy ăn đi để lấy sức. Hôm nay sẽ là một ngày vất vả với chúng ta đây.”

Trong lúc tôi ngồi ăn, bác sắp xếp ly tách lên một cái khay cho Papi và Beatriz.

“Cháu cứ từ tốn mà ăn, Amabelle,” bác ra lệnh.

Bác Luis chùi tay vào ống quần sau khi ăn xong, không quên đưa tay bóp mông bác Juana trước khi đi ra khỏi bếp.

“Ông đừng quên chỗ thịt cừu mà Señor Pico dặn ông mang qua nhà Doña Eva làm quà đấy nhé,” bác Juana nhắc nhở.

Khi tôi quay trở ra phòng khách, Papi đang cố xoay những nút tần số để bắt sóng radio còn Beatriz đang cúi người đứng bên cạnh ông. Bất chấp những cố gắng của Papi, chiếc radio vẫn nằm ì ra không một tiếng động. Cuối cùng, ông chấp nhận thất bại và tắt nó đi.

“Bác đang viết gì vậy?” Beatriz hỏi, ghé mắt nhìn vào cuốn sổ của Papi.

“Ta đang cố viết xuống những gì ta còn nhớ được về cuộc đời mình,” Papi nói và đóng cuốn sổ lại. Ông dọn chỗ để tôi đặt khay trà lên bàn rồi xé một mẩu bánh mì trên khay cho vào miệng.

“Papi, cháu có thể đọc những gì bác đã viết không?” Beatriz hỏi. “Ta chỉ muốn viết cho các cháu của ta đọc thôi,” Papi trả lời.

“Ta cảm thấy mình như một cánh chim đã bay qua hai dãy núi mà không hề nhìn xuống lòng thung lũng nằm giữa những ngọn núi. Ta không biết mình còn có thể nhớ được những gì trong vài năm tới. Thậm chí bây giờ có những chuyện mới xảy ra hôm qua thôi mà ta đã không thể nhớ được rồi.”

“Cháu hy vọng bác vẫn chưa quên hai đứa cháu của bác được sinh ra ngày hôm qua chứ?” Beatriz đùa, nhắc ly và đĩa lót khỏi chiếc khay. Hương vị món cà phê của bác Juana tràn ngập khắp căn phòng như mùi khói đốt gỗ tươi.

Tôi đặt khay xuống một cái bàn con bên cạnh radio và dợm quay bước trở lại bếp.

“Ở lại đây, Amabelle,” Papi yêu cầu. “Ta sẽ cần cô hâm nóng lại trà cho ta.”

“Bác đã trải qua một cuộc đời nhiều thăng trầm,” Beatriz nói với Papi.

“Cháu đã biết những gì về cuộc đời của ta?” Papi hớp một ngụm trà trong lúc đợi cô trả lời.

“Cháu biết qua những gì chị Valencia đã kể cho cháu,” cô đáp. “Valencia chỉ biết những gì ta kể với nó thôi. Trong mắt một đứa trẻ, một quả đồi trong tranh cũng có thể biến thành một ngọn núi nếu cha nó là người vẽ bức tranh đó.”

“Bác không thích làm một quân nhân trong quân đội Tây Ban Nha, có phải không?” Beatriz hỏi.

“Đó là chuyện bốn mươi năm về trước rồi,” Papi nói. “Tây Ban Nha lúc đó cũng đang đắm chìm trong một cuộc chiến ngổ ngáo tới vô vị để tranh giành thuộc địa với Hoa Kỳ¹. Ta rời bỏ những cuộc chiến đẫm máu ở quê nhà để đến đây và tham gia những trận chiến đẫm máu không kém ở El Caney và đồi San Juan². Nhưng ngay cả khi chiến tranh không xảy ra, ta cũng vẫn sẽ rời bỏ quê hương mình.”

¹ *Tiếng Tây Ban Nha: Los Estados Unidos (Liên Bang Hoa Kỳ).*

² *Hai trận chiến lớn trong cuộc chiến tranh giành lãnh thổ ở châu Mỹ giữa Hoa Kỳ và Tây Ban Nha năm 1898. Các cuộc chiến xảy ra ở hai thành phố ở Cuba (El Caney và San Juan) như một phần kế hoạch của Quân đội Hoa Kỳ nhằm chiếm đóng thành phố Santiago*

de Cuba ở phía Nam Cuba, lúc đó đang nằm dưới quyền kiểm soát của quân lính Tây Ban Nha.

“Bác có thích cuộc sống ở đây không ?” Beatriz hỏi.

“Ta lập gia đình ở đây. Ta đã nuôi dạy con gái mình ở đây và bây giờ là các cháu ta...”

“Nhưng nơi này có thực sự làm bác vui không ?”

“Sao cháu hỏi ta nhiều như vậy?”

“Cháu đọc trong tờ La Nación¹ rằng có cả những người đàn bà chiến đấu trong Lữ đoàn Quốc tế² của Tây Ban Nha,” Beatriz nói. Ngón tay cô không ngừng uốn bím tóc dài màu caramel.

¹ Một tờ nhật báo của Argentina, được thành lập ngày 4 tháng Một năm 1870. Là tờ báo có tiếng nói nhất của phe bảo thủ ở Argentina lúc bấy giờ, tờ La Nación có một lượng độc giả khắp châu Mỹ La tinh cho đến những năm 1930. Tên tờ báo có nghĩa là “Tổ quốc”.

² Tên tiếng Tây Ban Nha: Brigadas Internacionales; tiếng Anh: The International Brigades. Đây là một tổ chức gồm các lữ đoàn bán quân sự được thành lập bởi Đệ Tam Quốc tế (Quốc tế Cộng sản hay Comintern) nhằm viện trợ cho chính phủ Cộng sản “Frente Popular” ở Tây Ban Nha trong cuộc nội chiến giành chính quyền. Tổ chức này tồn tại được hai năm, từ 1936 đến 1938.

“Đó là những gì cháu mơ thấy mỗi đêm sao, những ảo tưởng về Lữ đoàn Quốc tế ư?” Papi bặm môi và lắc đầu tỏ ý không bằng lòng sâu sắc.

“Vậy bác có thích cuộc sống ở đây không?” Beatriz lặp lại câu hỏi như một phóng viên chuyên nghiệp.

“Ta có cần nói sự thật với cháu không ?” Ông hỏi. “Tất nhiên rồi, thưa bác,” Beatriz trả lời.

“Ta có thích cách mọi thứ ở đây đang được vận hành và kiểm soát bởi quân đội không ? Ta có thích việc họ tôn thờ những bộ quân phục và những tấm huân chương như những ngôi sao chói lọi trên ngực không ? Ta có thích những thứ đó không ?” Ông đưa mắt nhìn lên bức chân dung vĩ đại của Generalissimo do Señora Valencia vẽ.

“Vậy bác có thích những thứ đó không ?” Beatriz kiên trì hỏi. “Không,” Papi thẳng thừng. “Ta không thích bất cứ thứ gì trong số chúng cả.”

“Khi còn trong quân đội, bác có giết ai không?” Beatriz hỏi tiếp. “Đây là chuyện giữa ta và phiên tòa lương tâm,” ông đáp.

“Vậy là bác có, đúng không ?”

“Việc biết được ta đã nhúng tay vào những chuyện ác độc nào thì có ích gì cho cháu chứ?”

Beatriz hất bím tóc dài của mình về phía sau, suýt chút nữa thì quất nó vào mặt Papi. Ông lại thổ ra một tràng ho rũ ruột. Beatriz nhanh chóng tới bên cạnh và vỗ lưng cho ông.

“Cháu muốn biết ta đang viết gì cho các cháu của ta,” Papi nói tiếp sau khi đã hít thở lại bình thường. “Ta bắt đầu với nơi chôn nhau cắt rốn của ta, một cảng biển ở Valencia. Cha ta là một thợ làm bánh ở đó. Có những lần ông đã phát bánh cho những người hàng xóm mà không lấy một đồng nào. Ta là con trai độc nhất của ông, nhưng ông không bao giờ để ta ăn cho tới khi tất cả những người khác đã no bụng. Ông sống tới chín mươi tuổi chỉ để mất mạng trong cuộc chiến tranh tàn ác đó.”

Giống như tôi, Papi đã bị nhốt rể khỏi quê hương bản xứ. Ông cảm thấy mình là một đứa trẻ mồ côi trong một tộc người cũng mồ côi. Có lẽ đây là lý do tại sao ông luôn tỏ ra tử tế hơn với những người chưa bao giờ được gọi phía bên này của hòn đảo¹ là nhà của mình.

¹ Hai quốc gia Haiti và Dominicana cùng nằm chung trên một hòn đảo lớn. Haiti nằm về bên trái, còn Dominicana nằm bên phải.

Señora Valencia đang cho con trai bú khi tôi mang đồ ăn sáng tới cho chị. Chồng chị ra hiệu cho tôi vào khi anh trông thấy tôi ở cửa.

“Señorita Beatriz tới thăm và đang ở dưới nhà,” tôi thông báo với anh trong lúc đặt khay xuống.

Tôi nhặt khăn tã bẩn của bọn trẻ ở góc phòng và mang chúng xuống ngâm vào thùng nước mưa mà bác Juana để riêng ngoài sân cho việc giặt giũ.

Từ trên ngọn đồi, tôi có thể nhìn thấy một vài người phu đồn điền đang đi ra ruộng mía. Kongo dẫn đầu bọn họ, sát sau lưng là Sebastien. Mimi và Félice đi cùng với họ trên đường ra chợ để mua thực phẩm. Tôi vẫy tay chào họ, nhưng bác sĩ Javier mới là người vẫy tay chào lại tôi trong lúc ông trèo lên ngọn đồi. Ông đi tới chỗ tôi ngồi giặt quần áo trước khi đi vào trong nhà.

“Cô đã suy nghĩ về lời đề nghị của tôi chưa?” Ông nói tiếng Kreyòl như một người Haiti thực thụ, với một chút xiu âm điệu Dominicana. “Sắp tới, tôi sẽ quay trở lại trạm xá trong hai ngày,” ông thông báo. “Nếu cô muốn, cô có thể đi cùng tôi và một vài người khác. Có rất nhiều trẻ con ở đó, khoảng mười đứa trẻ mồ côi. Bản thân trạm xá cũng chỉ là một ngôi nhà nhỏ không hơn. Buổi tối sẽ có một vài người làm ngủ lại ở đó. Cô sẽ sống tạm ở

đó trong thời gian đầu. Cô sẽ được trả lương, dù không nhiều nhận gì. Các bà mẹ sẽ trả bằng đồ ăn. Một số sẽ muốn cô làm mẹ đỡ đầu cho con họ. Tôi là cha đỡ đầu cho hai mươi sáu đứa nhóc tất cả đấy.”

Với cái chết của Joël, tôi chưa có thời gian suy nghĩ nhiều về gợi ý này, về việc quay trở lại một nơi mà tôi chưa từng nhìn lại từ khi tôi còn là một đứa trẻ. Tất cả những người phu đồn điền đã queo ở góc cuối con đường. Sebastien sắp sửa bắt đầu ngày làm việc đầu tiên của mùa thu hoạch mà anh hy vọng sẽ là cuối cùng của mình.

Anh ấy sẽ làm việc không ngừng nghỉ để dành dụm vài đồng peso với hy vọng thay đổi cuộc đời. Có lẽ cả tôi nữa cũng đang chờ đợi một sự giải thoát, trông ngóng một dấu hiệu nào đó mách bảo cho tôi rằng đã đến lúc tôi phải ra đi để kiếm tìm một cuộc đời mới, một cuộc đời thực sự thuộc về tôi. Có lẽ tôi đang hy vọng được nghe thấy một giọng nói gọi tên tôi từ bên kia con sông, hay một ai đó đến trước mặt tôi và nói, “Ta đã đến để đón con quay trở về.” Có lẽ đây chính là giọng nói của người đó trong hình hài ông bác sĩ. Có lẽ tôi nên nắm lấy cơ hội này. Nhưng tôi sẽ không đi trừ phi Sebastien cũng sẵn sàng đi với tôi.

“Javier, có phải anh đấy không ?” Señor Pico cất tiếng gọi bác sĩ Javier từ trong phòng khách.

“Là tôi đây,” bác sĩ Javier trả lời. “Anh hãy vào nhà đi chứ.”

“Amabelle, vào đây giúp bác một tay nào,” bác Juana gọi với ra từ trong bếp. Tôi chà sạch tay trong thùng nước mưa rồi chạy tới chỗ bác.

“Bác phải đi chợ mua thức ăn cho bữa trưa,” bác nói. “Señor Pico cần người mang rượu rum và xì gà lên phòng khách. Bác đã

chuẩn bị sẵn chúng trong khay rồi.”

Señor Pico và bác sĩ Javier đang ngồi ngoài hàng hiên nhìn ra vườn hoa lan rộng lớn của Papi khi tôi bước vào với khay đựng rượu rum và xì gà. Khu vườn luôn là niềm tự hào lớn của Papi. Ông đã trồng bốn mươi tám giống lan khác nhau ở đó, bao gồm cả một giống lan lai đặc biệt với những cánh hoa to bản, mịn như lông tơ, và sáng lên trong đêm tối như những ngọn đèn lồng Giáng sinh, loại hoa mà Señora Valencia luôn chưng ở bàn bên cạnh giường ngủ kể từ ngày chị và señor kết đôi tim lại, như chị vẫn thường nói.

“Anh đã trải qua đêm đầu tiên làm bố,” bác sĩ Javier nói với Señor Pico, “và vẫn còn sống sót!”

“Không ai ngủ được một giấc nào hết.” Señor Pico bật cười, châm điếu xì gà và hút một hơi dài. Anh đưa một điếu khác cho ông bác sĩ. “Đây có phải là tương lai của bọn tôi không, luôn luôn trong tình trạng thiếu ngủ?”

“Bọn trẻ sẽ lớn lên và mọi chuyện sẽ nhẹ nhàng hơn,” bác sĩ trả lời, cắn đầu mẩu ở đuôi điếu xì gà.

15

Mẹ tôi thường dành hết cả ngày cho việc bếp núc. Sau khi bắc nồi lên những viên đá chụm lại quanh bếp, bà sẽ đi ra suối giặt giũ quần áo hay ghé nhà những người hàng xóm trong lúc chờ đồ ăn được nấu chín. Bong bóng trong nồi sôi lên những tiếng ùng ục như lời thì thầm tâm sự của chiếc nồi.

Tôi luôn tò mò muốn biết bà đang nấu món gì trong nồi và sẽ mất bao lâu thì những thứ nguyên liệu bên trong mới mềm ra và quánh lại thành đồ ăn. Mất thời gian nhất là món đậu đỏ khô, nhưng bù lại tôi thích ngắm nhìn từng hạt đậu nổi lên mặt nước và cách chúng từ từ lột vỏ trong nồi nước đang sôi.

Tôi thường sẽ mất tới nửa buổi sáng cho chuyến du hành tới chỗ cái nồi đang sôi. Điểm xuất phát của tôi là từ cây măng cầu xiêm¹ ở bên kia sân và cứ thế tôi thông thả tiến về phía bếp lửa. Trên hành trình vượt sân, tôi dừng lại để chơi nhảy dây, bắn bi, và nhìn lén những bà bán hàng rong vừa lầm bầm nói chuyện một mình vừa ngồi tiểu tiện ở giữa đường bên dưới lớp váy dài, khi họ nghĩ không có ai xung quanh nhìn thấy.

¹ *Tiếng Creole Haiti: kowosòl.*

Cuối cùng tôi cũng đi tới đích. Cái nồi đang bốc hơi nghi ngút, nắp nồi kêu lanh canh do lực đẩy của hơi nước dâng lên. Tôi thò tay ra nhấc nắp nồi. Ngay lập tức, cảng tay tôi nóng rẫy lên và mắt tôi nhòe đi vì hơi nước dày đặc cuộn lên từ những hạt đậu lửa.

Tôi cảm nhận một bàn tay nhẹ nhàng nắm lấy cẳng tay đang chực phát bồng của tôi, và tôi thả cái nắp nồi rơi xuống đất.

Tiếng cười lạnh lạnh của cha tôi vang lên đằng sau lưng. “Sớm thôi, sẽ đến một ngày con sẽ phải ngồi bên cạnh một cái nồi suốt cả ngày dài,” cha nói, xoay đầu tôi về phía ông để tôi nhận ra rằng mình chỉ mờ mắt khi nhìn thẳng vào lòng nồi đang sôi. “Bây giờ thì con chưa cần và không nên làm chuyện đó.”

16

Một vài ngày sau cái chết của Joël và Kongo biến mất cùng với xác con trai, tôi bước vào khu vườn lan mà Papi đã mua cùng với ngôi nhà ngay từ ngày đầu tiên ông đặt chân đến Cộng hòa Dominicana, sau một cái bắt tay ký kết với Don Francisco, chồng của Doña Eva, cha của bác sĩ Javier và Beatriz, cầu mong linh hồn ông ấy được yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng. Papi đang chăm sóc những cây phong lan, vuốt ve những cánh hoa, nhổ cỏ dại và dọn đá sỏi trong vườn. Ông mặc một bộ quần áo làm vườn cũ kỹ nhuộm màu bùn đất, túi quần phồng lên đầy hạt giống. Bác Juana đã đưa cho tôi một ly nước lớn để mang ra cho ông.

“Cháu mang cho ông ít nước,” tôi lên tiếng, “để ông khỏi khát khô trong cái nóng đổ lửa này.”

“Cô thật chu đáo,” ông đáp, gỡ chiếc mũ bên rơm khỏi đầu và phe phẩy nó trước mặt để xua bớt không khí oi bức. Ông đón lấy ly nước và uống ừng ực.

“Cuối cùng ta cũng nghe tin tức về một người thanh niên đã chết,” ông nói sau khi uống cạn ly nước. “Don Carlos kể lại với ta rằng một trong những người phu đồn điền của ông ấy đã chết vài ngày trước. Nhưng có quá nhiều người làm công cho Don Carlos nên ông ấy không biết tên của người thanh niên đã chết là gì.”

“Cháu đã đưa bốn phiến gỗ của ông cho một người phu cắt mía để đóng một cỗ quan tài,” tôi nói.

Ông đặt ly nước xuống một khoảng đất trống. Nhìn chăm chăm về phía trước, môi ông nháy múa trong một cuộc độc thoại gấp gáp.

“Mặc dù bọn ta không đi xuống hẻm núi để kiểm tra,” ông phân trần, “bọn ta đã ra khỏi xe và tìm kiếm anh ta ở gần bờ dốc. Hai người đi cùng với anh ta đã chạy đi, nên khi bọn ta không nhìn thấy người thanh niên mà bọn ta đã đâm vào, bọn ta đoán – hay hy vọng – rằng anh ta cũng đã chạy đi.” Ông động nắm đấm lên chiếc mũ rơm đang nằm trên nền đất. “Những phiến gỗ mà cô lấy là để dùng cho ai vậy?”

“Cho một người thanh niên đã bị xe của Señor Pico đâm phải,” tôi đáp.

“Cô có biết gia đình của anh ta không ?” “Anh ấy chỉ có một người cha.”

“Anh ta không có anh chị em gì sao?”

“Chỉ có một người cha và một người bạn gái đã hẹn ước với anh ấy.”

“Cha anh ta có ở đây không ?”

“Ông ấy cũng làm việc trên đồn điền của Don Carlos.”

Papi ngồi phịch xuống trên đồng đất và gục đầu vào giữa hai đầu gối.

“Amabelle, cô cũng biết là ta không có con trai,” ông nói mà không ngẩng đầu lên. “Ta muốn cô đưa ta tới gặp cha của người thanh niên đã chết. Cô sẽ giúp ta chứ?”

“Thành thật mà nói, cháu nên hỏi ông ấy trước xem ông ấy có muốn gặp ông hay không.”

“Ta muốn được gặp và nói chuyện với ông ta.”

“Cháu vẫn nên xin phép ông ấy trước khi đưa ông đến đó.” “Đó là một tai nạn khủng khiếp,” ông nói. “Xin cô đừng kể lại với Valencia, con bé không nên bận tâm về những chuyện như thế này, đặc biệt trong lúc nó đang ở cũ.”

“Cháu sẽ nói lại với Kongo là ông muốn gặp ông ấy,” tôi đáp. “Đó có phải là tên của ông ta không ? Kongo?”

“Cháu biết là ông ấy có một cái tên khác, nhưng tất cả mọi người ở đây đều gọi ông ấy là Kongo. Cháu nghĩ chỉ có con trai ông ấy mới biết tên thật của ông ấy.”

Vừa giây phút ấy, mùi đốt đồng từ những ruộng mía đang được phát quang ập tới, báo hiệu mùa thu hoạch mới đã bắt đầu. Ngọn lửa hun đốt từng đám lá khô và phơi bày những cọc mía trơ trụi. Những cụm khói trắng dày đặc che phủ bầu trời. Mùi đất cháy và mùi mật mía thấm đẫm vào không khí. Khắp nơi vang lên tiếng cỏ cây khô cháy nổ lép lép. Trên trời, những con kền kền đang sà xuống thấp, tìm kiếm những con chuột và thằn lằn chạy trốn đám lửa đang phừng phừng bốc lên.

Señor Pico chạy ra ngoài để xem cảnh đốt đồng. Bác Juana đang đi chợ mua thực phẩm. Vì lúc này không có một người họ hàng nào đến chăm sóc señora nên tôi đi vào trong xem chị có cần phụ bế bọn trẻ qua phòng khác để tránh khói bay vào nhà.

Señora Valencia đang ngồi ở giữa giường. Hai đứa bé nằm ngủ bên cạnh chị với hai cặp móng chống lên trời.

“Thế là một mùa thu hoạch nữa lại đến. Họ đã bắt đầu đốt đồng rồi đây nhỉ,” chị hít ngửi mùi hương của những cây mía cháy, thứ mùi hao hao mùi ngô nướng.

“Amabelle,” chị nói một cách lơ đãng như thể những suy nghĩ của chị đang tản mát ở đâu đó rất xa. “Pico của chị, anh ấy tin rằng Generalissimo sẽ ghé thăm nhà chúng ta vào một trong những chuyến bách bộ ban đêm của ngài, trầm trồ trước bức chân dung chị vẽ ngài, và sẽ ban tặng cả đất nước này như một món quà cho anh ấy và những đứa con của bọn chị.”

Rosalinda tỉnh giấc và bắt đầu khóc oe oe. Señora Valencia dùng đầu ngón tay xoa vuốt bàn chân nhỏ bọc trong đôi tất đan để đỡ dành con gái, cùng lúc cúi xuống quan sát gương mặt đang say ngủ của con trai.

“Tiếng khóc của con bé sẽ đánh thức anh trai nó mất,” chị nói. Nhưng tiếng khóc của Rosalinda không làm Rafi thức dậy.

Không có một cử động hay một dấu hiệu nào của sự sống từ thằng bé.

Señora Valencia vội bế con trai lên và áp mặt nó vào ngực chị. Thằng bé vẫn nằm yên. Hai cánh tay nó buông thõng như không hề cảm thấy vòng tay ôm ấp của mẹ.

Tôi bế Rosalinda lên để tránh Señora Valencia đè lên nó trong lúc chị quần quai trên giường trong nỗ lực hồi sinh đứa con trai của mình. Hai má Rafi hóp lại, quai hàm trề xuống. Gương mặt thằng bé mang màu sắc nhợt nhạt của cái chết.

“Mijo¹, con trai của mẹ, xin con đừng bỏ mẹ!” Señora Valencia kêu gào gọi tên con. “Còn quá sớm để con ra đi. Mami đang nói chuyện với con này. Còn quá sớm để con bỏ mẹ đi như thế.”

¹ *Viết tắt của “mi hijo”, tiếng Tây Ban Nha là con trai của tôi.*

“Chúng ta phải gọi Javier đến đây ngay,” Señor Pico ra lệnh khi anh chạy vào phòng, cố gắng gỡ những ngón tay bầu chặt của señora khỏi con trai. Chị cố tìm cách đánh thức con trai mình bằng cách làm nó đau, dù chị biết rằng nếu Rafi còn sống thì ắt hẳn nó đã khóc ré lên khi móng tay chị bấm sâu vào da thịt. Señor Pico kề miệng mình gần khuôn miệng bé nhỏ của con và cố gắng thổi sinh khí vào người nó. Bộ ngực bé nhỏ của thằng bé phồng lên trong giây lát, rồi lập tức xẹp xuống và bất động một lần nữa.

Bác Juana bế Rosalinda vào phòng của ông ngoại nó. Bác sĩ tới sau đó ít phút và cố gắng hô hấp nhân tạo cho Rafi.

“Chúng ta nên cho gọi Cha Vargas,” ông bác sĩ đưa ra phán quyết cuối cùng.

Señora Valencia ngồi giữa giường nơi ít phút trước đó con trai và con gái chị còn đang nằm ngủ, hai tay ôm chặt lấy thân người đang run lên từng hồi. Chồng chị tựa đầu vào bên má chị. Tóc anh thấm bớt phần nào những giọt nước mắt chị đang tuôn rơi mặc dù anh không thể giúp chị ngừng nức nở. Chính Señor Pico cũng rung rung nước mắt, nhưng anh không khóc mà chỉ nhìn đăm đăm vào hai bàn tay trống rỗng đang mở ra đóng lại vô thức của señora, như cách một người còn đang ngỡ ngàng sau khi họ đã bị giật khỏi tay một thứ gì đó.

Señora Valencia đột ngột bật dậy khỏi giường, điên cuồng đào bới trong tủ quần áo để tìm cái gì đó tử tế quần quanh cơ thể nguội lạnh của con trai. Chị tìm được một bộ áo lễ bằng sa tanh viền đăng ten và một cái mũ mấn cùng màu mà chị đã mặc trong lễ rửa tội. Señor Pico lẳng lặng làm nhiệm vụ thay quần áo

cho con trai. Chiếc áo lễ quá rộng với Rafi bé nhỏ, viền áo đã ngả màu nâu và chất vải đã nhăn nhúm cùng với thời gian.

Papi cho mời Cha Vargas, cha xứ người Dominicana thường hay hành lễ tại thánh đường gần ngôi trường nằm ở cuối con đường lát đá, hai bên trồng những hàng cây hạnh nhân. Rosalinda nằm trong vòng tay mẹ trong khi cha xứ đang lầm rầm những lời nguyện cầu cuối cùng cho anh trai nó. “Rafael, niềm hoan lạc của cõi vĩnh hằng nẩy mầm từ nỗi đau buồn của cái chết. Chúng ta trả con về với cánh tay rộng mở của Đức Chúa Trời. Cầu mong con sẽ luôn yên nghỉ bên cạnh Đấng Sáng Thế của muôn loài.”

“Thưa Cha.” Señora Valencia đặt bàn tay run run lên vai của vị cha xứ. “Xin cha hãy ban phước lành cho con gái của con để bảo vệ nó trên đường đời phía trước.”

Cha Vargas dùng ngón trỏ làm dấu chữ thập trên trán của Rosalinda. Con bé cựa mình rồi há miệng ngáp to như đón nhận lời chúc phúc của cha xứ. Bác Juana tay lần tràng hạt, miệng lầm rầm những lời cầu nguyện tới thánh nữ Agnès¹.

¹ Thánh nữ trong đạo Công giáo bảo hộ cho các bé gái và những thiếu nữ trẻ.

“Thưa Cha, liệu người có thể tới khu mộ gia đình con vào rạng sáng ngày mai được không?” Señora Valencia hỏi. “Con trai của con sẽ được chôn cất bên cạnh mẹ con và người em trai đã chết yếu của con.”

Vị cha xứ đặt nhẹ tay lên vai của señora như muốn truyền sức mạnh tới thượng từ Thiên đường xuống qua những đầu ngón tay để giảm nhẹ phần nào nỗi đau của tình mẫu tử.

“Vậy con hãy về chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ cho ngày mai,” ông ân cần đáp.

Trên bầu trời, những cuộn khói đốt đồng vẫn trôi lơ lửng. Những người đàn ông trong nhà đi ra vườn để đóng một cỗ áo quan cho Rafi từ những phiến gỗ tuyết tùng mà Papi chất ở đằng sau nhà. Từ phía sân sau, Señora Valencia thẫn thờ nhìn lưới cửa cắt tới cắt lui trên thớt gỗ, tạo nên hình hài chiếc giường nơi con chị sẽ ngủ một giấc ngủ vĩnh hằng.

Khi cỗ quan tài đã được đóng xong, Señora Valencia hạ quyết tâm làm điều gì đó cho đứa con vừa mất của mình. Chị muốn trang trí nắp quan tài với những bông phong lan đỏ trước khi đặt con chị vào bên trong. Những người đàn ông khiêng cỗ quan tài vào trong phòng thêu thùa từng thuộc về bà ngoại của Rafi, nơi thi hài của thằng bé đang yên giấc đằng sau tấm màn chống muỗi mờ ảo bao bọc quanh bốn cây cột giường. Hai tay thằng bé bắt chéo trên ngực. Một chuỗi tràng hạt được quấn quanh những ngón tay bé nhỏ; những hạt ngọc như những giọt nước mắt đông đặc tuôn chảy trên nệm.

Señora Valencia lấy bút chì, sơn màu, và cọ ra khỏi hộp đồ vẽ và nói, “Amabelle và Javier, hai người hãy ở lại đây. Pico, anh làm ơn đi và trông chừng Rosalinda.”

Khuôn mặt Señor Pico lộ vẻ chân chừ do dự. Anh đưa mắt nhìn quanh phòng, từ cỗ áo quan đơn sơ tới trần nhà, tới chiếc giường có bốn cột nơi Rafi đang yên nghỉ. Anh dùng mu bàn tay chùi những vết bụi gỗ bám trên mặt và quệt những giọt nước mắt chực trào ra nơi khóe mắt. Trước khi chúng kịp rớt xuống, anh đã nhanh chân đi ra khỏi phòng và đóng sập cánh cửa phía sau lưng mình.

Ngay khi chồng chị vừa đi khỏi, Señora Valencia cất tiếng hỏi, “Tại sao con trai tôi lại chết?” Chị ngẩng đầu lên nhìn bác sĩ Javier, đôi mắt buồn bã của chị đỏ hoe. “Ông đã kiểm tra thi thể của thằng bé, Javier. Tôi muốn ông nói cho tôi biết lý do cái chết của nó.”

“Đường như thằng bé đã đột nhiên ngừng thở.” Bác sĩ Javier úp hai bàn tay lên mặt. Chính ông cũng cảm nhận được lời lý giải của mình thiếu tính thuyết phục. “Thằng bé chết đơn giản vì nó không thở nữa. Tôi đã tưởng rằng Rosalinda sẽ là đứa gặp nhiều nguy hiểm, nhưng chính Rafi lại ra đi trước.”

“Còn Rosalinda?” Chị nhắm mắt lại trong giây lát và day hai bên thái dương. “Tôi biết ông không thể tiên đoán rằng con bé sẽ sống hay chết,” chị nói tiếp. “Ông đã không thể làm được việc đó với con trai tôi. Nhưng xin ông hãy cho tôi biết con bé có đang buồn không ? Liệu nó có thể cảm thấy buồn khi còn nhỏ như vậy không ?”

“Nếu con bé cảm thấy buồn thì cảm giác đó cũng sẽ không kéo dài lâu đâu,” ông trấn an chị.

“Javier, ông đã nói với tôi rằng bọn trẻ sẽ không thể nhìn thấy tôi trong tuần đầu tiên. Ông nói rằng bọn chúng chỉ có thể nhìn ra những mảng sáng và tối. Vậy có nghĩa là thằng bé chưa bao giờ nhìn rõ mặt tôi ư? Tôi biết chắc nó đã trông thấy mặt tôi. Rất nhiều lần, thằng bé ngược lên nhìn tôi, thậm chí nó còn mỉm cười. Có phải tôi đang hy vọng quá nhiều khi nghĩ rằng nó đã nhận ra khuôn mặt tôi và cười với tôi?”

Tôi có thể thấy bác sĩ Javier đang hối hận vì đã nói điều này với chị. “Những gì tôi nói với cô không đúng cho tất cả trẻ con đâu,” ông phân trần.

“Tôi sẽ có mặt ở lễ hạ huyết của thằng bé,” chị tuyên bố trong lúc vẽ phác một bông hoa phong lan lớn bằng bút chì đỏ trên nắp quan tài. Mặt gỗ mới đánh véc-ni vẫn còn ẩm khiến cho ngòi bút chì của chị cứ trượt đi.

“Cô nên ở trong nhà và tiếp tục thời gian ở cũ,” Bác sĩ Javier khuyên nhủ. “Cô muốn mạo hiểm với sức khỏe của mình và của con gái mình hay sao?”

Chị tiếp tục phác họa đường nét của một bông hoa lan lớn nữa. Màu trắng nhờ của gỗ tuyết tùng lộ ra bên dưới những nét vẽ nơi lớp véc-ni vẫn chưa khô hẳn. “Javier, hãy đến gặp chồng tôi và nói cho anh ấy biết con gái chúng tôi sẽ không chết. Anh ấy cần sự trấn an của ông.”

Tôi ở lại với Señora Valencia trong khi chị tiếp tục vẽ cả vườn lan của cha chị trên chiếc quan tài của con trai. Ở bên thành quan tài, chỗ gần những tay nắm, chị vẽ bốn con chim ruồi nhỏ. Thỉnh thoảng chị lại nhìn về phía sau tấm màn nơi con trai chị đang nằm, rồi cúi xuống tiếp tục vẽ với một sự tận tụy bền bỉ.

“Amabelle, ngày hôm nay khiến chị nhớ tới cái ngày mà Papi và chị tìm thấy em bên bờ suối.” Chị quẹt bàn tay dính sơn lên chiếc váy mặc trong nhà để lại những dấu tay màu đỏ. “Em có còn nhớ ngày hôm đó không?”

Tôi vẫn còn nhớ.

“Sau cái chết của mẹ chị, dường như bà vẫn hiện diện khắp nơi trong ngôi nhà, từ giọng nói của bà cho đến quần áo mà bà để lại,” chị hồi tưởng. “Papi và chị quyết định đi thăm một vài người bạn của ông ở Dajabón. Khi đó Papi vẫn còn có nhiều máu phiêu lưu trong huyết quản. Ông đưa chị đi săn chim và dạy chị cách bắn súng trường, như thể chị là đứa con trai đã cướp đi

sinh mạng của Mami lúc bà lâm bồn. Chị nói với Papi rằng chị muốn đi tới Sông Thảm Sát¹ nơi những tên hải tặc người Pháp đã bị quân Tây Ban Nha giết chết trong bài học lịch sử của chị.”

¹ Tên Tiếng Anh: Massacre River. Còn có tên là sông Dajabón, con sông tạo nên phần cực bắc của ranh giới hành chính giữa Haiti và Cộng hòa Dominicana. Cái tên của con sông bắt nguồn từ sự kiện 30 hải tặc người Pháp đã bị thực dân Tây Ban Nha giết chết tại đây vào năm 1728.

“Bọn chị đi đến con sông và thấy em đang ngồi đó, một cô gái bé nhỏ với bắp chân rướm máu. Em ngồi trên một tảng đá lớn và nhìn xuống dòng nước như chờ đợi một bóng hình nào đó xuất hiện. Papi trả tiền cho một trong những cậu con trai ở gần bờ sông để cậu ta phiên dịch cho ông trong khi ông hỏi em thuộc về ai. Và em đã chỉ vào ngực và nói em thuộc về mình. Em còn nhớ không ?’

Tôi vẫn còn nhớ.

Những giọt màu đỏ thẫm như máu rơi rớt xuống sàn trong lúc chị phết thêm màu lên nắp quan tài. Chúng tôi nghe thấy tiếng người vọng vào từ phòng khách và tiếng chân người đi vào theo từng nhóm nhỏ.

Señor Pico bước vào phòng và tiến tới bên cạnh những cây cột chạm khắc của chiếc giường cũ kỹ.

“Rosalinda đâu rồi?” Chị hỏi anh.

“Javier đang khám cho con bé lần nữa,” anh vừa trả lời vừa đi lại gần hơn để nhìn bức tranh vẽ những bông hoa lan bảy sắc cầu vồng trên nắp quan tài.

“Chúng ta không thể chôn thằng bé trong chiếc quan tài này được,” anh thốt lên. “Bọn anh sẽ phải làm một cái mới thôi.”

“Không, chúng ta sẽ chôn nó trong cỗ quan tài này,” chị phản đối. “Thằng bé còn là trẻ con. Nó cần một cỗ quan tài vui nhộn nhiều màu sắc. Em sẽ phủ lên cỗ quan tài một tấm vải bàn viên đăng ten mà Mami không bao giờ dùng đến trong buổi lễ hạ huyết. Một tấm vải tuyệt đẹp với những sợi đăng ten kiểu Pháp của vùng Valencia.”

“Rất nhiều hàng xóm của chúng ta đang có mặt ở đây,” anh thông báo, mắt không ngừng nhìn về phía chiếc giường.

“Em không muốn họ nhìn thấy thằng bé,” chị cương quyết. “Em không muốn tổ chức một lễ viếng cho nó. Sẽ không có một lễ viếng nào cả, Pico. Một việc như vậy sẽ là quá buồn thảm cho cuộc đời ngắn ngủi của thằng bé.”

“Sẽ không có một lễ viếng nào hết.” Anh cúi xuống và hôn lên má vợ.

“Anh hãy ra tiếp khách đi,” chị nói.

Anh đóng cửa lại và đi ra ngoài để tiếp đón những người hàng xóm.

“Em có tin vào thiên đường không, Amabelle?” chị hỏi tôi. Tôi nhún vai. Tôi không chắc với câu trả lời của mình.

Cỗ quan tài bây giờ đã được bao phủ bởi những vòng cung đầy màu sắc, màu nọ quyện vào màu kia như một bầu trời đầy những cầu vồng xoắn ốc.

“Amabelle, chị thực sự rất hạnh phúc khi Papi nói rằng chị có thể đưa em về sống cùng với bọn chị,” chị nói. “Sau khi mẹ chị

mất, chị đã luôn mong ước rằng sẽ có một người bạn trạc tuổi tới sống cùng mình.”

Mùi véc-ni hòa vào mùi của những vệt sơn đủ màu làm cho đầu tôi đau nhức. Có lẽ chị cũng đang đau giống tôi. Nghĩ vậy, tôi lấy cây cọ khỏi tay chị và kéo chị rời khỏi cỗ quan tài. Cảm giác ghen tị với chị bỗng dấy lên trong tôi. Chỉ ít chị còn được chạm vào nó, chiếc giường cuối cùng nơi con trai chị an nghỉ. Còn cha mẹ tôi, họ đi qua thế giới bên kia mà chẳng có một manh áo quan nào.

17

Tôi nằm trong phòng và lắng nghe tiếng nhạc của cây cối, tiếng những quả phượng va vào nhau lộp bộp trong khi những con chim ruồi xôn xác kêu lên vì hoảng sợ. Mặc dù chúng đã quen với tiếng đung đưa và đập của quả phượng, nhưng nó là một thứ âm thanh ngẫu hứng, luôn luôn thay đổi, lúc thưa nhạt lúc dồn dập tùy theo sức thổi của gió.

Tôi đóng cánh cửa và chặn đứng luồng gió đêm dập dìu trước khi nó chạm tới cơ thể trần truồng của tôi, một phần vì Sebastien đã khiến tôi tin rằng việc nằm ngủ mà không một mảnh vải che thân như khi chúng ta đi vào thế giới này từ trong bụng mẹ, cũng giống như việc cầu nguyện vậy. Nhưng chủ yếu, tôi nằm ngủ trần truồng vì muốn cảm thấy những giọt mồ hôi đọng lại nơi khoảng trống nhỏ hẹp giữa sàn nhà xi măng và hõm lưng. Tôi muốn khi mình thức giấc, sẽ có một dòng suối mồ hôi chảy xuống bờ mông, lần ra phía trước và phía sau và ở giữa đùi non, xuống tận bắp chân, cẳng chân, mắt cá chân, và những ngón chân. Và như thế, những giọt nước cuối cùng sẽ bị vắt cạn kiệt khỏi cơ thể tôi và tôi sẽ không còn nước mắt để khóc nữa.

18

Tiệc sinh nhật của Doña Eva trở thành lễ viếng không chính thức cho Rafi. Tất cả những vị khách tham dự buổi lễ Ban Thánh thể đều ghé qua để gửi lời chúc phúc tới đứa bé vẫn còn sống và bày tỏ lòng thương tiếc trong im lặng với đứa bé đã chết. Mặc dù trước đó chị nhất quyết không muốn cho ai viếng thì thể con trai, Señora Valencia đã cho phép những ai hỏi xin được vào phòng và nhìn thẳng bé lần cuối. Mắt chị ánh lên niềm tự hào về con trai y như hồi thằng bé vẫn còn sống. Trong lúc bạn bè và họ hàng thân thích ngó qua tấm màn phủ kín, buông những tiếng sụt sùi buồn bã, và làm dấu thánh trước ngực khi bắt gặp khuôn mặt tròn trịa nhợt nhạt của con trai, Señora Valencia ngồi thu mình trong phòng với con gái trong vòng tay, như muốn bảo vệ con bé khỏi những tà ý và điềm xui rủi. Trong giây phút ấy, tôi nhìn thấy một sự câm lặng ngự trị trong đôi mắt chị, giống như sự câm lặng trên khuôn mặt của Rafi; một thứ gì đó giống như bóng đen của một giấc mơ đã mất thoát ẩn thoát hiện trong ánh mắt trống rỗng của chị.

Trong phòng khách, bác Juana đeo tràng hạt quanh cổ trong khi bác và tôi phục vụ cà phê cho các vị khách. Rất nhiều người hàng xóm chưa từng được gặp Rafi và đang ngỏ lời thương xót cho sự mất mát đang lộ rõ trên nét mặt của Señor Pico.

Thật dễ dàng để nhận ra Señor Pico muốn được dành những phút giây cuối cùng ở bên con trai mình đến nhường nào, được ngắm nhìn và ôm ấp thằng bé trong vòng tay trước khi anh phải hạ nó xuống huyệt mộ.

Đội một chiếc mũ chụp tô điểm bằng một sợi lông chim đen nhánh, Doña Sabine nhìn Señor Pico với ánh mắt thương cảm mỗi khi anh ngoái lại nhìn căn phòng nơi con trai anh đang nằm. Cứ chốc chốc, ánh mắt của señor lại đảo quanh phòng khách, không mấy may quan tâm tới những cuộc trò chuyện đang diễn ra. Mắt anh mở to hơn khi có ai đó cười với anh hay gọi tên anh, và đôi lúc anh nhắm mắt lại và dùng tay che mặt.

“Cả cháu và vợ cháu thật là can đảm.” Tiếng của Doña Eva vọng lên trên tất cả mọi người. Doña Eva trông giống hệt con gái Beatriz và con trai bà, bác sĩ Javier – thực ra là họ trông giống hệt bà mới đúng. Điểm khác biệt duy nhất là mái tóc của Doña Eva gần như đã bạc hết và quần queo như răng cưa. Bà cố gắng tẽm mái tóc xoắn tự nhiên lại bằng cách rẽ ngôi giữa rồi cuộn những lọn tóc lại thành hai búi ở trên vành tai.

Señor Pico đón nhận lời khen của Doña Eva về lòng dũng cảm của anh chị bằng một nụ cười biết ơn đầy mệt mỏi. Don Carlos, chủ nhà máy mía, với thân người khá gầy gò, đang ngồi lọt thỏm giữa vợ ông và Doña Eva trên chiếc ghế dài bọc đệm đan từ sợi mây. Dưới lớp da trắng như bóc của ông là vô số những đường gân nổi lên chằng chịt. Sebastien từng nói đùa rằng nếu Don Carlos có nhiều tiền bằng số đường gân trên tay phải của ông thôi thì ông ta sẽ mua được cả hòn đảo này.

Tôi cố tránh không nhìn vào tay ông ta khi tôi rót cà phê cho Don Carlos. Papi rảo bước về phía chiếc radio và bật nó lên. Một bản nhạc merengue¹ chơi bởi Dàn nhạc của Presidente Trujillo vang lên át đi những tiếng trò chuyện trong phòng khách. Sau ba bản quốc ca hùng tráng, giọng một người phát thanh viên cất lên trần thuật lại những trích đoạn từ các bài phát biểu cũ từ nhiều sự kiện khác nhau của Generalissimo.

¹ Merengue là tên một dòng nhạc và điệu nhảy bắt nguồn từ Cộng hòa Dominicana, sau đó trở nên phổ biến ở nhiều quốc gia châu Mỹ La tinh và những thành phố lớn ở nước Mỹ nơi có đông các cộng đồng Mỹ La tinh sinh sống. Merengue được nhắc đến lần đầu tiên vào thế kỷ 19 và trở nên nổi tiếng với các cộng đồng địa phương ở Dominicana. Dòng âm nhạc này sau đó được quảng bá và chọn làm âm nhạc và điệu nhảy quốc gia bởi Rafael Trujillo (Generalissimo trong câu chuyện), nhà độc tài cầm quyền từ năm 1930 đến năm 1961.

Señor Pico ra hiệu cho mọi người giữ yên lặng. Anh đi tới chỗ chiếc radio và vặn núm tăng âm lượng, như thể tìm kiếm niềm khuây khỏa trong mất mát cá nhân từ giọng nói quyền lực nhất đất nước, một giọng nói dù thắm đẫm quyền uy vẫn vang lên lạnh lạnh như tiếng chim hót.

“Chúng ta đã giành được độc lập, và trách nhiệm của chúng ta là phải thực thi công lý,” giọng nói của Generalissimo vang lên inh ỏi. Bài diễn thuyết bị gián đoạn nhiều lần bởi tiếng loa rè. Một số chữ, đôi lúc là cả một đoạn văn, rơi rụng đi trong khoảng cách đường truyền từ đài phát thanh tới chiếc radio của Papi.

“Truyền thống hào hùng của chúng ta đã cho thấy một sự thật chết người,” Generalissimo vẫn hăng say tiếp tục, “rằng dưới sự che chắn của các con sông, kẻ thù luôn đe dọa nền hòa bình trên đất nước ta. Chúng cũng chính là kẻ thù của sự thịnh vượng và phát triển, luôn ẩn núp chờ đợi thời cơ để gây tội ác khiến cho tổ quốc ta chìm trong nỗi khiếp sợ. Chúng là mối hiểm họa thường trực đối với chúng ta.”

Những người hàng xóm lắng nghe, gật gù đồng tình trong khi giọng nói của Generalissimo càng lúc càng ngân cao với sự quả quyết chắc nịch pha lẫn tinh thần căm phẫn sôi sục.

“Những người cha già dân tộc đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng đất nước,” Generalissimo thao thao bất tuyệt, “và chúng ta không thể đòi hỏi gì thêm từ các vị ấy nữa. Những người lãnh đạo đất nước của ngày hôm nay cần phải hoàn thành bổn phận được đề ra của mình.”

Bác sĩ Javier đứng dậy và ra về sau khi thì thầm thông báo vào tai mẹ mình. Mắt của Beatriz nheo lại trong lúc cô lẩm nhẩm theo những lời diễn thuyết của Generalissimo. Có vẻ như cô đã được nghe chúng đến nhuần nhuyễn.

Papi tựa lưng vào ghế và bắt đầu gật gù chìm vào giấc ngủ. Riêng Señor Pico vẫn đứng thẳng lưng một cách nghiêm trang như một anh lính sẵn sàng xông pha trận mạc. Bác Juana lặn tròng hạt trong khi bác Luis đứng bên ngoài nghe ngóng từ sau cánh cửa chớp.

“Những bằng hữu thân thiết nhất của tôi là những người dân lao động!” Generalissimo hét vang. “Tôi đi vào văn phòng mỗi ngày để lao động, và các bạn sẽ nhìn thấy tôi đấu tranh từng giây từng phút vì quyền lợi chính đáng của đồng bào tôi.”

Biết ý, những người hàng xóm không ở lại lâu sau khi bài phát biểu trên radio của Generalissimo kết thúc. Họ ra về theo từng nhóm nhỏ cho đến khi chỉ còn lại Señora Valencia và chồng chị.

Bác Juana được giao nhiệm vụ trông chừng Rosalinda. Señor và señora ngồi trong phòng suốt buổi tối hôm đó. Trong vòng tay của chồng, chị nấc lên từng nhịp, cố gắng nén tiếng khóc vào trong lồng ngực. Không biết làm cách nào để xoa dịu nỗi đau này cho chị, anh chỉ biết xoay người để giúp chị tìm một điểm tựa thoải mái cho mình, một nơi chị có thể chìm vào trong vòng tay anh. Anh im lặng lắng nghe tiếng chị nức nở, không có lời nào để an ủi chị. Có lẽ chính anh cũng đang dần lại những giọt

nước mắt của chính mình. Nhưng sự im lặng này với tôi dường như là dấu hiệu của một cuộc hôn nhân thất bại, một sự tác thành vội vã giữa hai người xa lạ. Cho dù đã trải qua thời gian và hai đứa con – một đứa trên dương thế và một đứa ở thế giới bên kia – họ vẫn chưa tiến gần lại với nhau hơn. Việc cưới xin chóng vánh và những lần đoàn tụ còn chóng vánh hơn sau khi kết hôn khiến cho hai người họ vẫn chưa hoàn toàn quen thân với nhau. Señora vẫn chưa biết nhiều về anh, cũng như anh vẫn còn lạ lẫm với chị. Anh vẫn đang học cách thực hiện vai trò người chồng, và chị với vai trò người vợ. Có lẽ cả hai đều không thể tưởng tượng rằng thử thách này sẽ đến và biến họ từ một cặp vợ chồng mới cưới thành cha mẹ của một đứa con đã chết.

Cuối cùng, chị ghen ngào nói, “Anh nên chôn quần áo của con trước khi chúng ta chôn nó. Đây là điều em muốn anh làm cho em.”

Nếu anh nghĩ trong bụng rằng đây là một yêu cầu kỳ lạ, thì anh cũng không biểu lộ ra hay hỏi lại chị. Anh đứng bật dậy vươn vai.

“Anh sẽ phải đi tới biên giới sớm,” anh nói, “để chuẩn bị cho chiến dịch mà anh đã bảo với em lúc trước.”

Nếu chị nghĩ đây là một tiến triển kỳ lạ của cuộc đối thoại, chị cũng không biểu lộ hay nói điều gì cả.

19

S ẽ mất nửa buổi sáng để em đi tới đó, một hang động hẹp đằng sau thác nước ở đầu nguồn con suối nơi những người phu cắt mía vẫn hay tắm gội. Cảnh trí bên trong hang thật đẹp mắt với nền hang đầy rêu ẩm, đá san hô đỏ, và những hòn đá vôi óng ánh như cẩm thạch. Ban đầu, em có lẽ sẽ cảm thấy sợ khi phải đi xuyên qua thác nước, với dòng nước ẩm ẩm đổ xuống hai vai. Dù vậy, em vẫn nhón chân đi sâu vào bên trong hang cho tới khi tất cả những gì hiện ra trước mắt em là một màu xanh óng ánh – màu xanh thẫm tươi mát của lá cây đu đủ ướt nước. Tai em không còn nghe thấy tiếng dế kêu, tiếng chim ruồi hót, hay tiếng bồ câu gù. Tất cả những gì em nghe thấy chỉ là tiếng nước chảy âm ào qua mép đá và đổ vào một hồ nước sủi bọt sóng sánh bên dưới.

Khi ở bên trong hang động chật hẹp trơn trượt ấy, em cũng sẽ không nhận ra đêm xuống khi nào bởi vì thác nước, Sebastien giải thích, đã lưu giữ một phần ký ức về mặt trời mà nó nhất quyết không để vượt mất. Bên trong hang động luôn luôn có ánh sáng, bất kể ngày hay đêm. Em, người đã biết được bí mật của hang động, trong một khoảng thời gian nhất định, em cũng sẽ bị mê hoặc bởi vùng đa sắc này, một tạo vật kỳ khôi của thiên nhiên. Nó sẽ khiến em muốn đắm chìm vào những khoái lạc tiềm ẩn trong cơ thể. Nó sẽ đưa đường dẫn lối cho em tận hưởng cơ thể mình theo cách riêng của nó, giống như cách những khoảng trống bên trong từng lóng xương hay từng hơi thở trong mạch máu của em sẽ chỉ cho em. Đây là những điều mà thân thể em sẽ thấu hiểu còn hơn cả lý trí em.

Đây là nơi lần đầu tiên Sebastien và tôi hòa làm một, ngay trong hang động này, trong một góc nhỏ nơi tôi cảm thấy một nửa cơ thể mình như bị chôn vùi, ngay cả khi ánh sáng trong hang động vẫn theo gót và ở bên cạnh chúng tôi.

Tôi vẫn luôn ao ước ánh sáng này sẽ soi rọi lên phần mộ của cha mẹ tôi, nhưng giờ tôi cũng ước nó sẽ hiển hiện với Joël và Rafael nữa.

20

Khuôn mặt Señora Valencia trở nên nhợt nhạt như trăng lúc xế sau khi chồng chị rời khỏi nhà để chôn quần áo của con trai.

Sau nhiều công sức nài nỉ thuyết phục của bác Juana, cuối cùng chị cũng đặt con gái vào trong nôi và nằm xuống chiếc giường nơi hai đứa con chị đã được hoài thai và chào đời. Bác Juana ngồi ở mép giường, xoa tay cho señora để đỡ cho chị ngủ. Tôi đứng gần cánh cửa xếp mở ra ban công, ghé mắt qua khe cửa nhỏ, và nhìn thấy Señor Pico đang đào một cái hố dưới gốc cây phượng để chôn quần áo của Rafi.

Bác sĩ Javier giữ cây đèn đốt bằng dầu hỏa cho señor trong lúc anh xúc lên một xẻng đầy đất và hất nó qua vai mình. Mồ hôi quện vào bùn đất và chảy thành dòng trên trán của Señor Pico xuống ngực anh. Một vài cậu con trai hàng xóm tụ tập xung quanh. Họ hỏi anh có cần giúp đỡ không, có lẽ vì họ nghĩ rằng sẽ có một lễ cầu kinh, hay lễ viếng suốt đêm. Señor Pico từ chối lời đề nghị của họ. Anh muốn thực hiện trách nhiệm này một mình như trông đợi, thậm chí không cho phép cả bác Luis phụ mình đào hố. Anh nghỉ tay một lúc để thở, ngược mắt lên nhìn những vì sao. Dường như đêm nay chúng lấp lánh hơn và rơi nhiều hơn. Anh cởi áo ngoài và áo chên rồi vắt chúng lên một cành thấp của cây phượng trước khi quay trở lại với việc đào đất.

“Con muốn xuống dự lễ chôn cất của con trai con,” señora thì thầm với bác Juana.

“Cô đừng bận tâm về chuyện đó lúc này,” bác Juana gạt đi. “Hãy dồn tâm trí cho con gái của cô. Con trai cô đã mất rồi.”

“Vú Juana, hãy kể cho con nghe về Mami đi,” Señora Valencia khẩn khoản.

Bác Juana nhìn quanh phòng, rồi hướng mắt về phía chiếc đồng hồ Tây Ban Nha cũ kỹ đã không còn điểm chuông nhưng vẫn đếm giờ giấc chính xác sau ngần ấy năm. Bác lặng nhìn tủ quần áo với những bông hoa lan và chim ruồi chạm khắc trên cánh tủ, rồi nhìn tới cây thập giá treo trên giường để bảo vệ căn nhà khỏi tà ma.

“Có quá nhiều thứ để kể về mẹ của cô,” bác Juana đáp, nhẹ nhàng vuốt tóc señora.

“Vú hãy kể cho con nghe đi,” señora nài nỉ.

“Lúc bà ấy mới cưới chồng, mami của con rất nhút nhát. Bà ấy gần như khiếp sợ cha cô, dù ông chỉ lớn hơn bà ấy vài tuổi. Nhưng điều này thay đổi nhanh chóng sau khi bà ấy kết bạn với những người vợ trẻ khác như Doña Eva và Doña Sabine. Và tất nhiên khi cô chào đời, cha mẹ cô đều rất hạnh phúc. Cha cô đã đau khổ vô cùng khi mẹ cô qua đời. Thời gian bà ấy mang thai em trai cô là những ngày tràn đầy niềm vui, nhưng tiếc thay việc lâm bồn của mẹ cô quá khó khăn. Đó là một ca đẻ ngược, và kết quả là cả mẹ cô và em trai cô đều chết vì kiệt sức.”

“Con muốn nghe thêm nữa về Mami,” chị nói. “Vú hãy kể tiếp cho con nghe đi.”

“Mami của cô là một người tử tế,” bác Juana kể tiếp. “Bà ấy luôn kiên nhẫn với vú và cả Luis nữa. Bà ấy đối xử với chúng tôi như những người bạn chứ không chỉ như người hầu kẻ hạ trong nhà.

Mami của cô, bà ấy có một trái tim nhân hậu và bà ấy yêu thương cô bằng cả trái tim đó.”

Ngoài trời, cơn gió đêm đã thổi tắt ngọn đèn dầu hỏa của bác sĩ Javier. Bác Luis đang chụm tay quanh một que diêm dài để châm lại đèn.

Señor Pico đặt quần áo của Rafi vào trong hố. Một cái chăn và ba cái áo dài do tôi tự may mà Rafi bé nhỏ mới chỉ mặc một lần.

“Con đã từng mơ thấy khuôn mặt con trai con trông sẽ như thế nào,” Señora Valencia nói, “lúc nó một tuổi, rồi năm tuổi, rồi mười, mười lăm, và hai mươi tuổi.”

“Vú cũng đã từng có những giấc mơ tương tự về cô, Señora,” bác Juana đáp. “Vú rất hạnh phúc vì đã được nhìn thấy cô trưởng thành qua tất cả các độ tuổi đó.”

“Đôi khi, con cảm thấy,” Señora Valencia nói tiếp, “con sẽ không bao giờ là một người đàn bà trọn vẹn vì thiếu vắng gương mặt của Mami trong đời.”

Khi chồng chị quay trở lại phòng, Señora Valencia đã chìm vào giấc ngủ. Tôi không muốn để chị ở lại, nhưng tôi biết rằng Sebastien sẽ không tới thăm tôi nếu đứa bé đã chết vẫn ở trong nhà. Tôi sẽ phải đi tới chỗ anh. Hơn nữa, bác Juana đã quyết định sẽ dành trọn tối nay bên cạnh chân giường nơi Rafi nằm để trông chừng thằng bé.

Bác Luis quay trở về nhà một mình, mặc dù đêm nay có lẽ là đêm bác muốn có người đàn bà của mình ở bên cạnh hơn bao giờ hết. Papi vẫn yên vị bên cạnh chiếc radio trong phòng khách, lắng nghe tin tức về cuộc chiến ở Tây Ban Nha. Một thành phố

nữa vừa thất thủ trong lúc cổ quan tài cho Rafi bé nhỏ được đóng.

Tôi bước vào trong màn đêm, ngang qua hẻm núi nơi Joël đã rơi xuống. Những khóm sả và bụi măng tre viền theo lối đi. Một cơn gió tạt xuống triền dốc, bẻ gập những ngọn cỏ về hướng con đường hẹp ở dưới hẻm núi khiến cho chúng lung lay xào xạc.

Trong khu nhà máy của Don Carlos, lũ trẻ con đang chơi đùa xung quanh một quầy bán đồ ăn đóng bằng gỗ của một người đàn bà Dominicana tên là Mercedes và hai người con trai của bà: Reinaldo và Pedro. Người ta đồn rằng Mercedes, một bà nông dân với cách hành xử của người thành thị, có họ hàng xa với Don Carlos.

Một toán những người phu cắt mía đang mua rượu ở quầy của Mercedes, tán gẫu và cười đùa với bà và hai đứa con trai. Con trai cả của bà, Reinaldo, làm công việc quản lý ruộng mía trong khi em trai Pedro của gã chịu trách nhiệm vận hành cỗ máy ép mía. Ít nhất theo lời đồn đại, Mercedes – và dĩ nhiên cả Don Carlos – có họ hàng với một số người phu cắt mía đến từ những vùng nông thôn sâu bên trong hòn đảo, nhưng bà ta chưa bao giờ công khai chấp nhận họ. “Đám bản cổ nông bọn họ đã mù quáng chọn cuộc sống trên đồn điền mía này,” bà trả lời bất cứ ai dò hỏi. “Họ chẳng có lý do gì để sống như một lũ lợn như thế cả. Đây là đất nước của họ cơ mà.”

Lũ trẻ chạy nhảy đùa giỡn xung quanh những người đàn ông đang tán dóc ở quầy của Mercedes, trong khi họ xua chúng đi xa khỏi những cuộc trò chuyện của người lớn bằng những cái hét mông và những câu ra lệnh cho bọn chúng về nhà với mẹ, cho dù chúng có mẹ hay không. Bọn trẻ lại tiếp tục chạy đi chơi, lao vào phòng rồi lại vọt ra từ đằng sau những tấm rèm hoa dùng làm cửa. Đám đàn bà đang vừa nấu ăn trên những hòn đá to ám

muội đen đang sau những cabin dùng làm phòng ở, vừa rót nước tắm gọi cho những đứa bé trần như nhộng để kịp bữa ăn tối. Họ đang hát những bài ca lao động, nhưng giọng hát của họ nghe mệt mỏi đến mức tôi không thể tách biệt nổi câu chữ hay giai điệu của chúng. Một vài người đàn ông đang gà gât bên bậu cửa. Họ giật mình tỉnh giấc mỗi khi có ai đó đi qua. Tôi lách mình chen vào giữa một cặp tình nhân đang tìm kiếm một góc tối kín đáo do chỗ tâm tình mọi khi dưới gốc cây sa-pô-chê của họ đã bị chiếm bởi một toán đàn ông đang cãi nhau quanh bàn domino. Cuộc chơi cứ chốc chốc lại bị gián đoạn để một người chơi có thể thanh minh cho một nước đi tồi hay một bàn thua trông thấy. Yves, bạn của Sebastien, người đã có mặt cùng Sebastien và Joël trong cái đêm Joël bị chết, là một trong số họ. Yves cạo trọc đầu để những con bọ mía không làm tổ trên đó. Yết hầu của anh lớn như một trái táo, và chân anh thì quá ngắn so với thân người cao lêu nghêu.

Tôi ra hiệu cho một cậu bé đang ngồi nghịch những hòn cuội kế bên bàn domino. Cậu bé có một khuôn mặt điển trai và đầy nam tính. Cậu nhẩy chân sáo đến trước mặt tôi thì dừng lại một cách lóng ngóng. Tôi đưa cho cậu hai mảnh khớp gối của con dê mà bác Luis đã cắt cho tôi vào đêm Señor Pico quay trở về. Cậu cười tươi và cảm ơn tôi, đoạn kéo gấu quần đang chực tuột xuống và chạy đi khoe chiến lợi phẩm với những đứa trẻ khác.

Félice đang ngồi trên bậc thềm trước cửa phòng của Kongo. Những ngón tay run run của cô sờ nắn vết bớt dưới cánh mũi.

“Kongo có ở đây không?” Tôi hỏi. Cô gật đầu.

“Sao chị không vào trong nhà ngồi với ông ấy?” “Ông ấy không chịu tiếp tôi,” chị đáp.

Tôi nhìn qua khe hở của chiếc lá dừa được Kongo dùng làm cửa phòng. Nguồn sáng duy nhất trong căn phòng là từ ngọn đèn dầu bên cạnh chân ông. Ở giữa phòng là một đồng bầu đựng nước và bình đất nung chất trên hai chiếc chiếu cũ trải đối diện nhau trên sàn. Kongo ngồi trên chiếu của ông, nhào nặn một cục bột, một thứ xa xỉ phẩm, qua những kẽ tay. Ông lăm lăm bằm chửi rửa cục bột, than phiền rằng chẳng có thứ gì thành hình theo cách mà chúng ta mong muốn.

Félice ra hiệu cho tôi vào gặp Kongo. “Tôi biết ông ấy sẽ tiếp chi,” cô nói với giọng chắc chắn.

“Già Kongo ời?” Tôi gọi từ bên ngoài phòng. “Cháu Amabelle đây, cháu tới để thăm ông ạ.”

Kongo dịch phiên lá dừa qua một bên để tôi đi vào. Tôi ngồi xuống chiếc chiếu nơi con trai của ông từng nằm ngủ. Một cái quần đen và một chiếc áo vàng tươi vẫn nằm trên tấm chiếu, như thể Joël đã đặt chúng ở đó để tiện mặc vào trong lúc vội đi ra ngoài. Tôi nghiêng đầu về phía ông già để nhìn thấy mặt ông rõ hơn.

“Cô có thấy tối quá không ?” Ông hỏi. “Một chút ông ạ,” tôi trả lời.

“Ta thích bóng tối¹,” ông nói. “Ở trong thế giới của đường mía, một túp lều chỉ là nơi để ngủ, không phải để sống. Chúng ta chỉ sống khi làm việc ở trên ruộng mía. Bóng tối đồng nghĩa với việc được nghỉ ngơi.”

¹ *Tiếng Creole ở Haiti: M'renmen darkness.*

“Bóng tối quả là tốt,” tôi đồng ý lấy lệ.

“Cô ta vẫn ở ngoài đó à?” Ông hỏi về Félice. “Ta đã bảo cô ta đi đi, nhưng cô ta không chịu. Cô ta không thể ngồi đó cả đêm. Ta không muốn cô ta ở đó.”

Félice cựa mình và hắng giọng như để nhắc nhở Kongo là cô ấy vẫn nghe thấy những gì ông nói.

“Cô là người đàn bà của Sebastien?” Ông hỏi. “Cô là Amabelle đúng không?”

“Vâng thưa ông.”

“Khi con trai ta bị giết, Sebastien đã đi kiếm bộ quần áo nằm bên cạnh cô trên chiếu để chôn cất nó. Cậu ấy cũng mang gỗ đến cho ta để đóng một cỗ quan tài. Sebastien cũng như là máu mủ ruột thịt của ta vậy.”

“Xin chia buồn với ông,” tôi nói. “Cháu rất tiếc thương cho cái chết của Joël.”

Ông thả cục bột xuống sàn và nện lên nó với những khớp ngón tay.

“Cháu được sai đến đây để chuyển lời với ông,” tôi nói tiếp. “Don Ignacio, ông chủ của gia đình nơi cháu đang làm việc, muốn đến gặp ông.”

Ông buông tay ra khỏi cục bột và tập trung vết chỗ bột thừa còn dính trong các kẽ móng tay. Đoạn, ông cho tay vào túi và lấy ra một nhúm thuốc lá bột.

“Đề nghị đó nghe thật lạ lùng, Amabelle,” ông đáp. “Những người này, bọn họ muốn gì ở ta?”

“Don Ignacio muốn nói chuyện với ông về tai nạn xảy ra với Joël.” “Ta không chắc có thể gọi đó là một vụ tai nạn, Amabelle ạ.

Con trai ta không chết dễ dàng như vậy.” Ông ngửa mặt lên trần nhà để tránh bột thuốc lá rơi rớt từ mũi xuống cằm. Bên ngoài, Félice lại hắng giọng. Có vẻ như cô ấy đang khóc.

“Ông chủ của cháu, Papi, muốn chi trả cho đám tang của Joël,” tôi nói tiếp.

“Sẽ không có đám tang nào cho Joël hết,” ông nói như một thông báo cuối cùng. “Ta muốn chôn cất con trai ta trên mảnh đất nơi nó được sinh ra, nhưng ta không thể mang nó đi xa như vậy được. Ta đã chôn con trai ta ở gần hẻm núi đó, dưới một cánh đồng sả.” Ông cúi đầu, để cho bột thuốc lá rơi xuống ngực. “Con trai ta là một đứa trẻ lớn lên như cỏ dại trên đồng. Nó chẳng cần gì cũng chẳng cần ai, nhưng nó rất yêu thương ta. Cách ta chôn cất nó thật không đàng hoàng cũng chẳng đầy đủ lễ nghi, ta biết. Không quần áo liệm, không quan tài, chẳng có gì giữa nó và đất đen. Ta muốn trả nó về với đất như cách mà mẹ nó đã đưa nó cho ta vào ngày đầu tiên của cuộc đời nó.”

Tôi có thể nghe thấy tiếng lũ trẻ bốc thăm ở bên ngoài để xem ai sẽ được chơi với những khúc xương dê trước. Tôi cũng không nghe thấy tiếng Félice nữa.

“Trong tất cả những điều con trai ta đã làm,” Kongo nói tiếp, “trong tất cả những hồi ức ta có về nó, ta sẽ không bao giờ quên được ngày nó mới chào đời. Nó thật nhỏ bé, trần trụi, và ngây thơ.”

Ông nhặt cục bột lên và bóp nát nó giữa những ngón tay.

“Cô không nên tốn nhiều thời gian với ông già này,” ông nói. “Ta không muốn mời cô ra, nhưng đã đến lúc cô nên đi gặp Sebastien rồi.”

“Cháu nên trả lời Don Ignacio như thế nào ạ?” Tôi hỏi.

“Nói với ông ta rằng ta là một người đàn ông,” ông đáp. “Con trai ta, nó cũng từng là một người đàn ông.”

Sebastien đang ngồi trong một góc phòng, chà một thanh lô hội lên những vết bỏng rộp trên bắp chân.

“Cơ thể anh có vẻ như đã quên mất những ngọn lửa đốt đồng khó đoán như thế nào,” anh nói và đưa cho tôi thanh lô hội.

Quanh hông và bụng của Sebastien nổi đầy những cụm nhọt áp-xe. Trong lúc xoa lô hội lên chúng, tôi không cảm giác mình đang chạm vào anh. Tôi cảm thấy mình đang chạm vào cơn giận dữ sục sôi bên dưới da anh, những giọt nước mắt đau buồn mà anh nuốt vào bên trong, những move san¹, sự độc địa mà cái chết của Joël đã đánh thức trong huyết quản của anh.

¹ *Tiếng Creole ở Haiti, có nghĩa là máu độc, máu xấu, hay máu dữ. Nguồn gốc từ tiếng Pháp, mauvais sang.*

“Cánh đồng vụ này lại tràn ngập những con bọ mía mới.” Anh than phiền trong lúc xoay người để tôi xoa lô hội lên lưng anh.

Những phiến gỗ tuyết tùng của Papi đang nằm dựa lưng vào tường. Chúng vẫn lên nước bóng loáng ngay cả trong ánh đèn tù mù của căn phòng. Lớp véc-ni làm từ rễ cây thiên thảo của Papi đã nhuộm sắc đỏ lên bề mặt của những thớ gỗ, làm cho nó trở nên nhạy cảm với cả bóng tối và ánh sáng. Từ dưới sàn nhìn lên, bạn có thể nhìn thấy những chỗ khiếm khuyết trong công đoạn

cuối qua sắc đỏ đậm nhạt khác nhau trên cùng bề mặt, những chỗ có tông màu không trùng khớp do Papi đã đợi quá lâu trước khi quét thêm một lớp véc-ni nữa, hay những chỗ ông đã đưa cây cọ đi ngược chiều với thớ gỗ.

“Con trai của Señor Pico đã chết hôm nay,” tôi thông báo. “Anh có nghe tin,” Sebastien nói, giọng anh hơi thoáng một nụ cười, như thể chuyện đó chẳng có gì đáng buồn cả.

“Anh không nên vui mừng trước một điều như thế,” tôi nhắc nhở. “Thằng bé chỉ là một đứa trẻ.”

“Anh không vui mừng,” anh chối. “Và ngay cả nếu anh có vui...” “Thì đó cũng là một việc sai trái,” tôi đáp. “Chúng ta đâu có muốn bọn họ vui mừng khi Joël chết đâu.”

Sự im lặng là thứ vũ khí bén nhọn nhất của anh khi anh giận dữ. Anh không nói gì với tôi trong một lúc lâu.

“Bọn họ là cái gì với em chứ?” Anh hỏi vặn, dùng tay bóp những cái nhọt cho đến khi máu và mủ chực trào ra. “Em nghĩ rằng họ là gia đình của em hay sao?”

“Señora và gia đình của chị ấy là những người thân thuộc nhất mà em có,” tôi giải thích.

“Còn anh thì sao?” Anh hỏi tiếp.

“Anh cũng vậy,” tôi đáp, mong muốn anh hiểu rằng tôi luôn đặt anh lên trước.

“Em cứ chờ đấy rồi xem,” anh nói giọng rắn đẽ.

Tôi nghĩ đến những điều mà Mimi nói ở con suối vào hôm sau khi Joël qua đời. Nợ máu phải trả bằng máu, con bé đã nói. Liệu

chuyện đó có xảy ra nếu một người thực sự mong muốn nó xảy ra không?

“Anh sẽ làm gì với số gỗ của Papi?” Tôi hỏi. “Anh sẽ làm gì với gỗ gì cơ?” Anh hỏi lại.

“Số gỗ này này,” tôi nói, chỉ tay về phía sau lưng anh. “Số gỗ mà em đưa cho anh để đóng quan tài cho Joël ấy.”

“Kongo không cần dùng đến chúng,” anh đáp. “Có lẽ anh sẽ giữ chúng cho lần tới ai đó chết.”

Anh ngồi dậy và tựa lưng vào bức tường bê tông xám xịt, nhìn về phía cửa qua kẽ hở của những ngón tay đầy sẹo. Bên ngoài, tiếng ngáp của Yves vang lên, báo hiệu anh ấy đang đợi lúc thích hợp để đi vào và nằm xuống ngủ.

Sebastien đứng dậy mặc quần áo và đưa tôi quay trở ra bên ngoài trời đêm. Chúng tôi bước đi trong im lặng trên con đường dẫn về nhà của Señora Valencia. Trên đường về, chúng tôi đi ngang qua hẻm núi nơi Joël được chôn cất. Một cơn gió tạt nhanh qua những bụi tre và khóm sả hai bên đường, tạo nên một hợp âm những tiếng rì rào như tiếng sáo hay tiếng huýt gió.

Chúng tôi nhìn thấy Félice ở phía trước, đi lại một cách bồn chồn ở bờ dốc sâu dẫn xuống hẻm núi. Dáng điệu của chị trong lúc rướn chân lên nhìn xuống con đường nhỏ hẹp bên dưới làm tôi nhớ đến chính mình ở bên mép sông lúc cha mẹ tôi chết đuối.

Sebastien và tôi hộ tống Félice về cửa nhà Doña Sabine. Cô đi cùng chúng tôi, có vẻ mừng vì ai đó đã tìm thấy mình.

Sáng hôm sau, trong lúc mọi người còn đang say ngủ, bác Juana và tôi đứng ở cửa phòng thuê thừa và nhìn Señor Pico cặm

cúi lút những tấm chăn sạch lấy từ tủ của vợ dưới đáy cổ áo quan trước khi đặt con trai mình vào đó. Señor mặc bộ quân phục kaki với chiếc mũ chóp nằm ngay ngắn phía trên đôi tai hình vỏ sò của anh. Khi anh nhìn lên, anh thoáng ngạc nhiên khi thấy bác Juana và tôi đứng ở cửa.

“Cậu đã thức cả đêm rồi, Señor,” bác Juana nhắc nhở anh. “Bác hãy đi đánh thức señora dậy đi,” anh đáp.

Señora Valencia thức giấc và phủ một lớp vải lụa mỏng lên cổ áo quan sắc sỡ của con trai. Papi và một người họ hàng bên mẹ của señora giúp giữ đầu kia của tấm lụa viền đăng ten gia bảo này để chị gấp nó lại tới khi nó vừa vặn che phủ cổ quan tài mà không quét xuống đất.

Señora Valencia cúi xuống đặt một nụ hôn lên cổ quan tài qua những hình trang trí hoa hướng dương trên tấm lụa rồi quay trở về phòng mình. Con gái chị vẫn đang nằm ngủ trong nôi. Chị bế con bé lên và mang nó đến giường của mình.

Señor Pico và Papi cùng khiêng cổ quan tài ra khỏi nhà.

Khi chiếc quan tài đã được đặt vào trong xe ô tô, Señor Pico quay trở lại phòng nơi vợ anh đang ngồi trên giường với đứa con gái ôm sát vào ngực. Anh bỏ mũ và kẹp nó vào giữa nách và cúi chỏ. Lướt nhẹ môi lên trán vợ, anh cố tình né tránh bàn tay nhỏ bé của con gái giơ lên về phía anh một cách đầy bản năng, như thể con bé nhận ra khuôn mặt cha mình, hoặc giả nó muốn dùng tay xua đi thái độ chối bỏ đầy hằn học ngày càng rõ rệt mỗi khi anh nhìn nó. Cử chỉ của con bé như một cách riêng để bày tỏ sự ăn năn vì đã sống sót và thế chỗ anh trai nó, như thể con bé đang cố tỏ ra nó cũng muốn có mặt ở đám tang để đưa anh trai xuống cõi hư vô nơi chúng đã từng san sẻ bên nhau trong bụng mẹ.

“Em đừng lo lắng quá, mọi thứ sẽ diễn ra ổn thỏa thôi,” Señor Pico trấn an vợ mà cứ như đang bàn bạc một chiến lược nhà binh.

Señora Valencia nhìn chồng mình bước những bước đều ra khỏi phòng. Khi chiếc xe Pickard của anh chuyển bánh, chị bịt hai tai lại để khỏi nghe thấy tiếng máy nổ. Chị tựa đầu con gái bên cạnh, nhắm mắt lại, và cảm nhận nhịp thở của con bé phả vào má.

Sau khi bác Juana nhận trách nhiệm trông coi Rosalinda, bắt chấp yêu cầu của bác rằng chị cần nghỉ ngơi, Señora Valencia đi ra ngoài hàng hiên ngồi hóng mát trên chiếc ghế đu. Mặt trời vừa thối dấy trên thung lũng và những giọt sương sớm vẫn còn đọng trên những bông hoa lan đèn lồng đỏ tuyệt đẹp của Papi với những cánh hoa uốn cong. Ở ban công trước phòng chị, Señora Valencia đã làm một bàn thờ nhỏ cho con trai nơi chị đặt hai bó cỏ chướng trắng của hòn đảo, do chị chọn và tỉa cắt từ vườn của cha chị, và một ngọn nến mà chị dành để thắp trong nhà thờ sau buổi lễ Ban Thánh thể.

Chúng tôi nhìn thấy Cha Romain đi vội vã ngang qua căn nhà. Có lẽ ông đang trên đường đi chủ trì những buổi hành lễ cuối ở đâu đó. Khi ông vừa đi khuất, một nhóm những người bạn của tôi đi tới trên đường ra ruộng mía. Như thường lệ, Kongo dẫn đầu đoàn phu đồn điền, với Sebastien và Yves hộ tống sát sau lưng.

Señora Valencia rướn người khỏi lan can như để nhìn những bông hoa lan bên dưới rõ hơn.

“Amabelle, em có biết những người làm trên ruộng mía không?” “Có, thưa Señora.”

“Em hãy đi và mời họ – những người vừa đi ngang qua – quay lại và dùng một tách cà phê với chúng ta.”

“Tất cả bọn họ ư?”

“Tất cả những ai muốn đến.”

Tôi thở không ra hơi khi tôi bắt kịp bọn họ ở con đường trồng những cây hạnh nhân. Một vài quả hạnh nhân chín đã rụng xuống, vỡ toác ra, và nằm ẩn hiện dưới lớp đất mùn. Thịt quả túa ra dòng nước màu đỏ ối, làm cho mặt đất xung quanh như đang rỉ máu.

“Sao em chạy như bị ma đuổi vậy?” Sebastien hỏi.

“Cô chủ nhà em muốn mời tất cả mọi người tới uống một tách cà phê với cô ấy,” tôi đáp.

“Cô chủ của em ư?” Sebastien hỏi lại. “Señora Valencia.”

Kongo đưa tay lên che mắt và nhìn phía ngôi nhà.

“Đó không phải là nơi chúng ta muốn đến đâu,” Sebastien thì thầm một cách giận dữ vào tai Kongo.

Tin tức về lời mời của Señora Valencia truyền từ miệng người này qua người kia trong nhóm. Tất cả đều nhún vai và nhướn chân mày. Họ cởi bỏ mũ rơm và bao bố đội đầu để có thể nhìn ngôi nhà rõ hơn. Những cuộc thảo luận bắt đầu và kết thúc với cùng một câu hỏi: cô ta muốn gì ở chúng ta? Có lẽ cô ta muốn đầu độc cả bọn chúng ta. Nhiều người đã nghe lời đồn đại về việc những nhóm người Haiti bị thủ tiêu trong đêm chỉ vì họ không thể rung lưỡi để nói chữ “r” hay bật ra một chữ “j” từ trong cuống họng để phát âm chữ perejil, cây mùi tây¹. Không có lửa làm sao có khói chứ, ai đó trong nhóm quả quyết.

¹ Ở đây tác giả đang nói về một cuộc thảm sát nhằm vào những người Haiti sống trên lãnh thổ của Dominicana lúc đó do chính phủ Dominicana thực hiện. Sự kiện này mang tên là Cuộc thảm sát Cây mùi tây (tiếng Anh: The Parsley Massacre; tiếng Tây Ban Nha: “el corte” hay “đợt thanh trừng”; tiếng Creole ở Haiti: “kout kouto-a” hay “cuộc đâm chém”), diễn ra vào tháng Mười năm 1937 dưới sự chỉ huy của Độc tài Rafael Trujillo, hay Generalissimo trong câu chuyện. Cái tên của cuộc thảm sát bắt nguồn từ phương thức mà Trujillo đã phát minh ra và cho quân lính sử dụng để kiểm tra xem trong những người đang sống gần biên giới, ai là người Dominicana gốc Phi bản địa và ai là người Haiti gốc Phi nhập cư. Quân lính Dominicana sẽ giơ một nhánh mùi tây trước mặt một người và hỏi họ đó là cái gì. Cách mà một người phát âm chữ “mùi tây” (perejil) trong tiếng Tây Ban Nha sẽ quyết định số mệnh của họ. Trong những ngôn ngữ được sử dụng ở Haiti, tiếng Pháp và Creole, cách phát âm hai chữ cái “r” và “j” rất khác so với tiếng Tây Ban Nha. Do đó, nếu những người bị bắt có thể phát âm được chữ “perejil” theo cách nói của tiếng Tây Ban Nha thì họ sẽ thoát chết. Nhưng nếu họ phát âm chữ “perejil” theo cách nói của tiếng Pháp hay Creole, thì họ sẽ bị coi là người Haiti và bị xử tử tại chỗ.

Một người đàn bà bắt đầu kể lại những câu chuyện mà chị ta đã nghe được. Một tuần trước, một người hầu gái đã phục dịch cho gia đình một viên đại tá trong ba mươi năm bị chính ông chủ của mình đâm chết tại bàn ăn. Hai anh em nhà nọ bị một đám lính gác lôi khỏi ruộng mía và dùng mã tấu chém chết trong lúc đang làm việc, một người trong nhóm quả quyết đã tận mắt chứng kiến cảnh đó. Tin đồn rằng Generalissimo, cùng với sự cố vấn của một uỷ ban bảo vệ biên giới, đã ra lệnh cho giết hết tất cả những người Haiti. Những nông dân Dominicana nghèo đã được lệnh lùng bắt những người Haiti và giao nộp họ cho quân đội. Vậy thì có gì đảm bảo là đám nhà giàu Dominicana sẽ không làm điều tương tự?

“Hãy nói lại cho ta nghe tên cô chủ của cô,” Kongo nói. “Señora Valencia,” tôi đáp. “Hôm nay là ngày chôn cất con trai chị ấy nên chị ấy có lẽ không được khỏe lắm.” Tôi gõ tay lên thái dương để cố gắng giải thích lý do tại sao señora lại đưa ra đề nghị đó.

Kongo chống cây cán chổi xuống nền đất đỏ và bắt đầu đi về phía căn nhà. Đa số những người phu cắt mía khác tiếp tục đi ra ruộng, nhưng số còn lại – ít nhất hai mươi người – quyết định đi theo Kongo về phía ngọn đồi để thỏa mãn trí tò mò.

Họ tụ tập trong hiên nhà hay ngoài vườn, bất cứ chỗ nào họ có thể tựa vào hay ngồi xuống.

Señora Valencia để Rosalinda nằm trong nhà trong khi bác Juana và tôi thực hiện mệnh lệnh của chị. Chúng tôi rót cà phê vào những tách trà vẽ họa tiết phong lan đỏ được nhập về từ châu Âu, rồi đưa tách đầu tiên cho Kongo. Ông chuyển nó cho cậu bé trẻ nhất ở trong nhóm. Trong số họ, tôi nhận ra cậu bé mà tôi đã tặng cho hai khúc xương dê đêm hôm trước. Tôi rót cho cậu một tách đầy rồi lần lượt tới những người khác. Bác Juana chia phần cà phê một cách cẩn thận, để cho tất cả những ai muốn uống đều được nếm ít nhất một ngụm nhỏ.

“Chúng ta sẽ bị cắt ngày công nếu như chúng ta không nhanh chóng rời khỏi đây,” Sebastien phàn nàn. Anh không hề muốn tham gia vào bữa tiệc thiết đãi này của señora.

Trong lúc bác Juana đang rót tách cà phê cuối cùng mà các em gái của bác đã gửi cho bác, Già Kongo tách mình khỏi đám người dưới sân và bước những bước mạnh bạo lên hiên nhà nơi señora đang ngồi với con gái. Kongo cúi xuống ngắm nghía khuôn mặt màu đồng hun của Rosalinda và đưa tay ra như chực chạm vào mặt con bé. Señora Valencia đưa tay lên và chặn những ngón tay thô cứng của ông. Kongo cầm lấy bàn tay đưa ra của Señora

Valencia và hôn lên đầu móng tay của chị. Khuôn mặt Señora Valencia đỏ lựng lên, như thể đây là lần đầu tiên một người lạ có một cử chỉ thân mật như vậy với chị.

“Ta rất đau buồn trước cái chết của con trai cô,” Kongo nói bằng thứ tiếng Tây Ban Nha dễ nghe nhất của mình. Ông thả tay chị ra để chị có thể bế con gái dễ dàng hơn. “Khi con trai ta chết, đất dưới chân ta như lún xuống thêm mấy tầng. Ta tự hỏi mình, tại sao nó lại chết trẻ như vậy? Có phải những ngôi sao đã quyết định đến đưa nó đi thay vì ta trong một phút bốc đồng? Có phải số phận muốn dạy cho ta rằng cuộc đời này có thể kéo dài cả trăm năm nhưng cũng có thể ngắn ngủi trong vài nhịp thở? Hãy trân trọng đứa bé còn lại này. Cuộc đời trôi qua nhanh lắm, đôi khi chỉ đủ cho chúng ta hít vào một hơi thở mà thôi.”

Señora Valencia ngậy người nhìn theo Kongo trong lúc ông đi xuống bậc thềm. Tôi đưa mắt nhìn theo dáng ông đi xuống chân đồi. Ông đặt tay lên vai Sebastien như để dồn sức lực bước thêm một bước.

Sau khi tất cả mọi người đi khỏi, Señora Valencia im lặng quay về giường và ngắm nhìn con gái chị nằm ngủ bên cạnh. Có vẻ chị hơi hối hận vì đã dầm mình trong làn không khí ẩm ướt buổi sớm và để cho con gái chị tiếp xúc với những năng lượng từ bên ngoài mà Kongo và những người phu cắt mía có thể đã mang tới. Nhưng cái chết của con trai chị đã khiến chị suy nghĩ và hành động một cách bất cần.

Khi chồng chị quay trở về, trước khi anh có thể kể cho chị nghe về việc chôn cất, chị đã kể cho anh nghe về cuộc gặp gỡ với những người phu cắt mía.

Anh không trách mắng chị. Nhưng khi anh phát hiện chị đã dùng bộ tách trà nhập khẩu vẽ hình hoa lan, anh mang chúng ra

sân sau và quăng chúng vào bức tường xi măng của khu nhà vệ sinh, lần lượt đập nát từng cái tách và từng cái đĩa lót một.

21

Vào mùa Giáng sinh, những ngọn đèn bên dưới tòa thành lại đầy ắp những ngọn đèn lồng. Gương mặt của lũ trẻ và cha mẹ chúng bùng lên trong quang sáng mờ ảo từ những chiếc đèn lồng mỏng manh bằng giấy, đủ hình thù để thỏa mãn trí tưởng tượng của bất kì ai. Một ngọn đèn hải đăng hay một chiếc đèn lồng, như cha tôi nói, giống như một cánh diều tỏa sáng nhưng không bay.

Cha tôi luôn làm cho tôi những chiếc đèn theo hình những nhân vật hay biểu tượng lịch sử, một công việc tiêu tốn thời gian hơn hết thảy. Dưới bàn tay của ông, những chiếc đèn lồng khi thì mang hình dáng Tượng đài Tướng Toussaint Louverture¹ đội chiếc mũ rộng vành gắn lông chim được thắp sáng bằng một ngọn nến bên trong, lúc lại biến thành nhà thờ Cap Haitien với những ô cửa kính làm từ những lớp giấy bóng kính màu trên nền giấy trắng. Và tất nhiên cha cũng làm một chiếc đèn lồng hình tòa thành nữa, chỉ riêng nó thôi đã khiến ông mất mười hai tháng trời chuẩn bị trong bí mật.

¹ *François-Dominique Toussaint Louverture (sinh ngày 20 tháng Năm năm 1743 – mất ngày 7 tháng Tư năm 1803), được coi là nhà lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa giành độc lập cho Haiti, bắt đầu vào tháng Mười một năm 1791.*

Tôi nói với cha tôi, cha hãy làm cho con một chiếc đèn lồng giống như khuôn mặt cha để lúc nào con cũng có cha bên cạnh con.

Ông bật cười, giọng cười đầy tự hào của một người làm cha. Ông nói, sẽ là quá kiêu ngạo nếu cha dành nhiều thời gian hơn cả Chúa trong việc làm lại hình ảnh của mình.

22

Lễ Rửa tội của Rosalinda chỉ diễn ra sau khi thời gian ở cũ của Señora Valencia chấm dứt. Vào ngày lễ Rửa tội, những băng ghế trong nhà thờ chật ních những bà mẹ, ông bố, mẹ đỡ đầu, bà cô, và ông chú. Họ đã mang con cháu họ tới để Cha Vargas thực hiện một lễ Rửa tội tập thể. Rất nhiều đứa trẻ đã sáu bảy tuổi được đi rửa tội lại để Generalissimo có thể trở thành cha đỡ đầu chính thức của chúng, dù ông ta không hề có mặt.

Señor Pico chen lên để mở đường cho vợ anh bế con gái vượt qua đám đông lố nhố bên ngoài để tới hàng ghế đầu, thường được dành cho những gia đình quyền quý hơn.

Señora Valencia mặc một chiếc váy màu kem nhạt và quấn trên đầu một chiếc khăn viền bằng loại đăng ten nhập từ Valencia, giống như tấm khăn trải bàn chị đã dùng để chôn cất con trai mình. Theo sau lưng chị là Papi, Bác sĩ Javier, và Beatriz.

Tôi đứng nhìn từ đằng xa trong lúc Cha Vargas rót nước thánh lên đầu Rosalinda và chào đón con bé vào Nhà thờ Công giáo Linh thiêng.

Sau buổi lễ Rửa tội, tôi nhường chỗ của mình cho gia đình một cậu thiếu niên chuẩn bị được cải tên thành Rafael để tôn vinh Generalissimo.

Bên ngoài nhà thờ, những người nông dân trong thung lũng đang đợi đến lượt để vào quỳ trước thánh đường. Một vài đứa nhóc nghịch ngợm đang đuổi bắt một con dê con xung quanh

nhà thờ, bỏ ngoài tai những lời dọa nạt của mẹ chúng. Nào là chúng sẽ bị bỏ đói cho đến hết đời, sẽ không được ăn kẹo, hay thậm chí sẽ không được ai yêu thương nữa. Nhưng lũ trẻ, với bụi cuộn mù lên như một tấm thảm bay dưới gót chân, thì sẵn sàng bất chấp việc có thể mất đi những thứ mà người ta chỉ tước khỏi chúng sau khi trò chơi đuổi bắt kết thúc.

Lúc chị đi ra khỏi nhà thờ, Señora Valencia bế Rosalinda lên trước mặt tôi để nhận một nụ hôn rửa tội.

“Amabelle, lần cuối em gặp nó, con bé còn là một người Moor¹,”

¹ Từ “moor” (tiếng Ý và Tây Ban Nha: moro, tiếng Pháp: maure, tiếng Bồ Đào Nha: mouro) ban đầu dùng để chỉ tộc người Berber sinh sống ở Tây Lybia, nhưng sau đó được hiểu rộng ra để chỉ người theo Hồi giáo bắt đầu từ thời Trung cổ. Trong Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, cũng như các quốc gia từng là thuộc địa của hai đế chế này, từ “moor” có thể có nghĩa miệt thị, để ám chỉ những người da đen, da màu, hay những người man di mọi rợ không theo đạo Thiên Chúa.

chị nói một cách tự hào. “Giờ thì nó đã là một cô bé Công giáo rồi.” Tôi cúi xuống và áp môi lên má Rosalinda. Trán con bé vẫn còn ướt nước thánh mà cha xứ đã vẩy lên. Señor Pico sốt ruột kéo tay vợ mạnh đến nỗi chị suýt nữa đánh rơi đứa bé. Giật mình vì động tác bất thành linh đó, Rosalinda thức giấc và bắt đầu khóc trong khi tất cả mọi người chui vào ô tô để quay về nhà.

Bác Juana đã nấu một bữa tiệc thịnh soạn ăn mừng lễ Rửa tội của Rosalinda. Chúng tôi dành cả buổi chiều để phục vụ những người hàng xóm tới thăm và cả những người nông dân trong thung lũng tụ tập bên ngoài ngôi nhà, phần vì hiếu kỳ phần vì đói ăn.

Buổi liên hoan chỉ chững lại khi ai đó nhắc đến Rafi. Có vẻ như cái bóng của thằng bé sẽ bám theo em gái nó tới hết đời.

Buổi tối hôm đó sau bữa tiệc, Kongo tới tìm tôi. Ông mặc bộ áo vàng và quần đen mà Sebastien đã đưa để ông mặc cho con trai lúc chôn cất. Chúng vừa với người ông như thể được may đo sẵn.

“Ta đến để tìm Amabelle,” ông nói qua khe cửa. Rờ những ngón tay dọc theo hàng rào bao quanh hiên nhà, ông đứng trong bóng tối và lắng nghe tiếng kêu ì oạp của lũ ếch cây.

“Dạ, cháu mời ông vào,” tôi trả lời.

Ông dán mắt vào chồng gỗ tuyết tùng mà Papi chất đằng sau khu nhà vệ sinh. “Cô hãy cho ta đứng đây một lát,” ông nói. “Nhà này có nhiều gỗ thật. Ta đã đi qua bao nhiêu vùng trồng mía trên khắp đất nước này, và chẳng nơi nào có đủ gỗ để dùng hết. Ta đã từng thấy người ta phải dỡ cửa nhà ra để đóng quan tài cho người chết.”

Ông thò tay qua cửa và chìa cho tôi một chiếc mặt nạ đàn ông làm bằng giấy bồi.

“Ta mang thứ này tới làm lễ vật cho cô,” ông nói. “Ta hy vọng cô sẽ nhận nó.”

Tôi đón lấy chiếc mặt nạ từ tay ông. Khuôn mặt của người đàn ông này mang dáng dấp của Kongo hơn chục năm về trước. Trán anh ta rộng và dô, với hai gò má vun cao trên hõm xương quai hàm. Miệng anh hé mở, nằm đâu đó giữa nụ cười và tiếng thét. Đây là khuôn mặt của con trai ông khi chết.

Tôi dẫn ông tới chiếc chiếu nơi tôi vừa định ngả lưng. Ông ngồi xuống, cầm chiếc vỏ ốc của tôi lên và thổi một giai điệu vui tươi

ngắn ngủi, thứ âm nhạc của những lễ hội diễu hành.

“Ông có đói không ạ?” Tôi hỏi ông.

Ông ngáp như một cách ra hiệu không lời rằng mình đang đói. Tôi đi lấy gói cơm thừa từ buổi tiệc mà tôi đã để dành cho Sebastien, tháo ba lớp lá chuối bọc, và dùng một chiếc thìa gỗ xới cơm cho ông.

“Khi còn ở quê nhà, ta kiếm ăn bằng nghề làm mặt nạ cho những lễ hội diễu hành,” ông nói trong lúc ăn. “Ta là người thợ làm mặt nạ duy nhất trong cả thị trấn. Tất cả những gì ta cần là một nắm bột và ít giấy là đủ để làm ra những chiếc mặt nạ thế này. Ta có một người đàn bà chung sống với ta trong ba mươi năm, người mẹ của con trai ta. Bà ấy rất thích mặt nạ, thật sự rất mê chúng. Ta càng làm ra nhiều mặt nạ thì bà ấy dường như càng yêu ta nhiều hơn.”

Tôi đưa cho ông một bầu nước đầy. Ông ngửa cổ và uống cạn. “Ở tuổi này, trí nhớ của ta không còn đủ minh mẫn nữa,” ông nói tiếp. “Có thể là ta đã biết cô từ khi cô còn nhỏ. Có thể cô là một đứa trong đám trẻ đã từng chạy trốn khi thấy ta và bà ấy đeo mặt nạ đi xuống đường để mở màn buổi diễu hành. Có thể cô đã từng leo lên cây cột mỡ trong sân nhà ta để lấy được tiền ở trên đỉnh cột. Ta luôn tổ chức một buổi liên hoan lớn cho lũ trẻ con trong buổi diễu hành. Dĩ nhiên là ta chẳng thể nào nhớ hết tên bọn chúng.”

“Cháu có thể biết tên thật của ông không?” Tôi hỏi. “Cái tên của ông trước khi ông tới đây ấy?” Đây là một câu hỏi mà tôi bỗng dưng muốn biết. Tôi đã hy vọng rằng, trong cơn hồi tưởng ký ức, ông cũng sẽ muốn chia sẻ điều này với tôi.

“Có những thứ không đáng để cho chúng ta ghi nhớ,” ông đáp, “như căn dầu ở đáy bắc đèn vậy.” Ông bắt đầu thở mạnh hơn như thể dạ dày ông đang làm quen với việc được chứa đầy thức ăn.

“Sau khi người đàn bà của ta mất, ta ngưng làm mặt nạ và chuyển qua làm mộc. Nhưng ta thật sự không giỏi làm thứ gì cả ngoài mặt nạ. Tuy nhiên, ta vẫn không thể quay trở lại làm mặt nạ khi không có bà ấy bên cạnh. Ta bán hết đất đai rồi đốt tiền vào những thứ mà ta nghĩ có thể giúp ta quên đi, chủ yếu là rượu mạnh và những cuộc vui với những con người ham vui vì ta không thể chịu được cảm giác cô đơn khi buồn. Và thế là ta chẳng còn gì cả trong vòng chưa đầy một cái dặm chân. Joël và ta đã quen với việc lao động cùng nhau. Cả nó và ta chắc đã trở thành ăn mày nếu bọn ta không đến đây. Nhưng thôi, ta đến gặp cô tối nay không phải để ăn và kể chuyện. Ta tới vì Sebastien nhờ ta.”

“Có chuyện gì đã xảy ra với Sebastien ư?” Tôi hỏi. Vì buổi lễ Rửa tội mà cả ngày hôm nay tôi không thể đi gặp Sebastien. “Sebastien vẫn ổn, thật đấy,” ông đáp. “Sau việc xảy ra ở khe núi, cậu ấy đã quyết định rằng cậu ấy không muốn lãng phí thêm thời gian nữa. Cậu ấy nhờ ta đến hỏi cô rằng liệu cô sẽ chấp nhận lời hẹn ước với cậu ấy và giữ mình chỉ cho cậu ấy mà thôi. Khi một chàng trai trẻ muốn tính chuyện trăm năm với một cô gái, theo phong tục thì cậu ấy phải nhờ cha mẹ tới thưa chuyện với gia đình cô ấy. Vì cha mẹ cô đã mất còn mẹ của cậu ấy thì không thể có mặt ở đây, ta là người đại diện cho cậu ấy tới đàm hỏi cô.”

Tôi nhìn xuống chiếc mặt nạ trong tay mình. Tâm trí tôi quay lại đêm mà Joël chết và giây phút ngắn ngủi khi tôi tưởng rằng

Sebastien là người đã bị ô tô của Señor Pico đâm phải. Ông già hết nhìn tôi rồi lại nhìn chiếc mặt nạ.

“Ta đã luôn mong con trai ta sẽ tìm được một người như cô,” ông nói, “một cô gái tốt.”

“Joël đã từng có một cô gái tốt,” tôi đính chính.

“Cô đang nói tới cô ả với cái bột màu đen bụi chẳng dưới mũi ư? Ta không muốn con ta cưới cô ta.”

“Cô ấy muốn cưới con trai ông,” tôi giải thích. “Cho tới bây giờ, cô ấy vẫn muốn nhận được lời chúc phúc của ông.”

“Chúc phúc ư? Để làm gì? Con trai ta bây giờ chỉ còn là một ký ức mà thôi. Cô ả với cái bột to bụi dưới mũi, cô ta còn trẻ và việc hoài niệm thì chẳng giúp người ta duy trì tuổi trẻ. Sớm muộn cô ta cũng sẽ tìm cho mình một người đàn ông khác, và con trai ta sẽ biến mất khỏi tâm trí cô ta thôi.”

“Cô ấy vẫn đang rất buồn phiền,” tôi đỡ lời.

“Ta hy vọng Sebastien sẽ để cô giữ chiếc mặt nạ,” ông nói tiếp. “Ông có chắc là ông không muốn giữ nó cho mình không?”

Tôi hỏi.

“Ta đã làm rất nhiều,” ông đáp, “cho tất cả những ai vẫn sẽ giữ hình ảnh con trai ta trong tim ngay cả sau khi ta chết đi. Nếu có thể, ta sẽ đeo chúng quanh cổ như một chuỗi bùa, thật đấy. Ta đưa cái mặt nạ này cho cô vì cô có một chỗ an toàn để cất giữ nó.”

“Cháu rất vui được nhận nó,” tôi nói, “mặc dù ‘vui’ thì có vẻ không phải từ phù hợp.”

“Ta mừng là đã đưa nó cho cô,” ông đáp, “mặc dù dùng từ ‘mừng’ thì cũng không hợp lắm.”

“Cảm ơn ông vì đã tin tưởng trao cho cháu một vật quý giá như thế,” tôi nói.

“Con trai ta mới là thứ quý giá với ta,” ông đáp. “Cái mặt nạ này chỉ là một vật gợi nhớ đáng buồn về nó thôi.”

Khi ông đứng dậy ra về, tôi chỉnh lại cổ áo ông cho thẳng thớm và phủi một vài hạt cơm còn dính trên cúc cổ.

“Giờ trông ông bảnh bao hơn rồi.” tôi nhận xét.

“Sebastien đã để lại cho ta bộ quần áo này,” ông nói. “Ta đã tén lại vài li để có thể mặc vừa chúng.”

“Cháu vui vì ông là người đã thay mặt Sebastien đến chuyển lời cho cháu,” tôi nói.

“Ta không hay có cơ hội được làm những việc thế này,” ông đáp. “Ta cũng có một việc khác muốn hỏi cô khi đến đây tối nay.”

“Xin ông hãy nói cho cháu biết.”

“Don Ignacio, ông chủ nhà cô, không hỏi gì thêm về việc đến gặp ta, đúng không?”

Với cái chết của Rafi, Papi có vẻ như đã quên mất Kongo và Joël.

“Ta không lấy làm ngạc nhiên,” ông nói tiếp, “rằng con trai ta đã biến mất khỏi suy nghĩ của ông ta.”

Sau khi Kongo ra về, tôi vội vã đi gặp Sebastien. Tôi không đi theo hướng hẻm núi mà đi xuống một con đường đất uốn lượn theo khúc sông, một cung đường lạnh lẽo hơn về đêm.

Đêm hôm nay tối hơn bình thường, nhưng tôi đã quá quen với con đường này đến độ dầu có nhắm mắt vẫn có thể đi được. Tôi men theo con suối, lắng nghe tiếng những con ếch cây và lũ ve sầu râm ran vọng lại từ xa.

Khi đã đi được một quãng khá xa, tai tôi chợt nghe thấy tiếng những cành cây gãy và tiếng những bước chân bì bõm lội qua vũng bùn phía sau lưng. Ban đầu chúng còn là những tiếng động loáng thoáng, sau đó càng lúc càng tăng nhịp và dồn dập hơn. Một toán người đang tiến tới gần tôi, bước chân của họ lên xuống cùng một nhịp.

Trong lúc tìm cách lánh khỏi đường cái, tôi cố gắng trườn mình xuống sông nhưng lại ngã dập mông đánh bùm xuống nước.

Bầu trời đêm hiện lên trong trẻo hơn trên mặt nước. Tôi thò tay xuống đáy sông, lần mò kiếm một hòn đá hay thứ gì để tự vệ. Quay về phía con đường đất, tôi không nhìn thấy ai ở đó. Có lẽ nỗi sợ trong đầu tôi đã tạo ra tất cả những tiếng động đó.

“Ai đang ở dưới sông đó?” Giọng một người đàn ông hỏi vọng ra từ đằng sau một thân cây. Anh ta nói với tôi bằng tiếng Kreyòl.

Tôi dùng gót chân làm điểm tựa, ngả người với tay ra sau, và nắm được một hòn đá dưới đáy sông. Ba người đàn ông đang đứng trên con đường đắp ngang qua sông, trong tay mỗi người lăm lăm một cây mã tấu. Lưỡi dao ánh lên phản chiếu mặt nước lấp loáng.

“Giờ này là giờ để ngủ, không phải để bơi,” người đàn ông nói tiếp.

Bây giờ tôi có thể nhìn rõ mặt bọn họ. Họ là những người thợ khắc đá sống trong những căn nhà gần con đường dẫn ra bờ

sông. Tôi bước lên từ dưới sông, rùng mình khi khí lạnh ban đêm thấm vào da thịt. Trong số những người đàn ông đó có Unèl, người đã từng xây lại khu nhà vệ sinh trong sân nhà Señora Valencia. Unèl đưa cho tôi một cái chăn mà anh cuộn lại và giữ đằng sau lưng.

“Cô đi đâu lúc đêm hôm khuya khoắt thế này hả Amabelle?” Anh hỏi.

“Tôi đi đến gặp Sebastien,” tôi đáp.

“Cô không nghe người ta đang kháo nhau tin gì à?” Anh hỏi tiếp. “Có chuyện gì thế?”

“Chuyện những người như chúng ta đang bị giết ấy.”

“Đó chỉ là tin đồn từ sau khi Joël chết mà thôi,” tôi gạt đi.

“Cô nên bảo Sebastien đến chỗ cô nếu cậu ta muốn gặp cô vào ban đêm,” anh khuyên bảo.

Tôi quay lưng đi tiếp trên con đường men theo mé sông. Unèl chạy lên để bắt kịp tôi trong khi những người khác đi phía sau.

“Đi lại một mình trong thời gian này không an toàn chút nào đâu,” Unèl lên tiếng răn đe.

“Cảm ơn anh vì đã quan tâm,” tôi đáp lời.

“Bọn tôi muốn bảo vệ mọi người,” Unèl tiếp. “Sau khi Joël bị giết, chúng tôi đã lập một đội tuần tra ban đêm. Nếu bọn chúng tới, chúng ta sẽ sẵn sàng đáp trả.”

“Tôi sẽ quay về,” một người khác nói vọng lên từ sau lưng tôi.

“Tôi sẽ không đợi đến lúc những lời đồn đại đó trở thành cảnh

đầu rơi máu chảy đâu, tôi sẽ quay trở lại Haiti. Tôi sẽ không đi con đường lộ nơi những tên lính sẽ đứng gác, mà sẽ đi vòng qua những ngọn núi. Tôi sẽ cuốn gói rời đi ngay thứ Bảy tuần này. Tôi đã sẵn sàng để bỏ lại tất cả những thứ này sau lưng rồi. Cám ơn Alegría vì đã cho tôi một quãng đời vui vẻ, nhưng đã đến lúc chúng ta phải nói lời từ biệt rồi.”

“Tôi sẽ ở lại và chiến đấu,” Unèl nói một cách cương nghị. “Tôi là một người lao động chân chính; tôi có quyền được ở đây. Cả đội tuần tra sẽ ở lại để chiến đấu và giúp đỡ những người khác nữa.”

“Anh làm tất cả những việc này chỉ vì Joël đã bị giết ư?” Tôi hỏi Unèl.

Giọng nói có phần lạnh lùng của tôi hẳn đã khiến anh giật mình, vì nó khiến Unèl khựng lại và nhìn tôi chằm chằm trước khi cất bước đi theo những đồng đội đã vượt lên trước và để anh lại phía sau. Không phải tôi đã trở nên thờ ơ với cái chết của Joël, nhưng tôi không thể hiểu lý do tại sao Unèl và những người khác lại cho rằng cái chết của anh ấy là một điểm báo cho tất cả chúng tôi. Liệu có đúng rằng Señor Pico đã cố tình đâm chết Joël, để quét sạch những người Haiti khỏi phía bên này hòn đảo?

“Tôi sẽ hỏi cô một lần nữa. Cô đã nghe người ta nói gì chưa?” Unèl lặp lại.

“Tôi đã nghe họ nói quá nhiều rồi,” tôi đáp.

Khi chúng tôi tới khu nhà máy, tôi trả cái chặn lại cho Unèl. Anh cuộn nó lại, cột dây xung quanh, rồi lẳng nó ra sau vai.

“Nhờ cô ta mà tối nay tôi sẽ có một cái chặn ướm để đắp,” Unèl cằn nhằn với Sebastien trong lúc bắt tay anh. “Sẵn tiện tôi sẽ đi

nhắc nhở những người khác phải cảnh giác,” Unèl nói. “Thời thế đã thay đổi rồi. Chúng ta phải tự bảo vệ lẫn nhau.”

Unèl và đội tuần tra đi một vòng tới tất cả các túp lều, cảnh báo mọi người rằng họ cần phải cẩn thận và không được đi lại một mình trong đêm tối. Anh chiêu mộ được thêm vài người tuần tra trong đám phu cắt mía, những người hứa sẽ đi tuần cùng anh quanh thung lũng vào đêm tối. Những người còn lại thì đùa rằng chỉ có một ả đàn bà mới có thể khiến họ ra khỏi giường và đi khắp thung lũng trong đêm, nhất là sau một ngày lao động cật lực trên ruộng mía.

Tôi đi vội vào phòng Sebastien trong bộ váy áo sũng nước. Có vẻ như Yves và Sebastien vừa sắp sửa tắt đèn đi ngủ. “Anh tưởng Kongo vẫn còn ở chỗ em,” Sebastien nói.

Yves đứng dậy, gỡ cái đầu húi cua rồi đi ra ngoài. Tôi cởi quần áo ngoài ra nhưng vẫn giữ lớp váy lót bên trong. Sebastien đi ra ngoài để hong khô váy áo cho tôi. Khi anh quay lại, chúng tôi cùng nằm xuống trên chiếu của anh. Anh đắp lên người chúng tôi một tấm chăn bằng vải bố cắt từ những bao gạo cũ. Tôi có thể cảm thấy những cái nhọt trên cẳng chân anh dưới lớp lông hội trơn trượt trong lúc anh cất tiếng gọi Yves quay trở vào phòng.

“Anh có nghe họ nói gì chưa?” Tôi hỏi Sebastien.

“Unèl có bảo anh về một chỉ đạo nào đó từ Generalissimo.”
“Đúng, chuyện đó đó.”

“Anh không biết nghĩ thế nào về tin đó,” Sebastien đáp. “Anh nghe rất nhiều người nói về nó, nhưng anh không biết nó có thật hay không.”

“Bọn tôi đang nói chuyện về cô ngay trước khi cô bước vào,” Yves chêm vào lúc anh nằm xuống tấm chiếu ở bên kia phòng. “Cô có cảm thấy nóng tai không?”¹

¹ Một câu thành ngữ chỉ cảm giác của một người khi có ai đó đang nói về họ trong lúc họ vắng mặt. Cách biểu đạt này giống như ở Việt Nam khi ta nói rằng khi mình máy mắt thì tức là có người đang nhắc đến mình.

“Các anh nói về chuyện gì vậy?” Tôi hỏi.

“Yves nói rằng anh nên bán chỗ gỗ đó đi,” Sebastien nói. “Những thanh gỗ của Papi ư?”

“Chúng ta có thể bán chúng,” Yves nói, vặn cổ răng rắc và xoay cái yết hầu to bự về phía chúng tôi. “Tôi biết một người đang tìm mua gỗ tốt đã được xử lý để đóng bàn ghế.”

“Anh không muốn giữ số gỗ đó nữa,” Sebastien nói. Mặc dù anh không dả động tới những tin đồn, tôi có thể thấy rằng chúng đang làm xáo trộn tâm trí anh như đã làm với những người khác. “Chúng ta chẳng có lý do gì để dùng chúng nữa nên anh muốn trả chúng về chỗ cũ.”

“Cậu không có cửa trả lại chúng nữa đâu.” Yves nói rồi đưa tay giật một vài sợi xi-đan ở mép chiếu nơi anh nằm.

“Vậy thì chỗ gỗ đó từ giờ là của cậu,” Sebastien đáp. “Tôi giao chúng cho cậu. Cậu muốn làm gì với chúng thì làm.”

Yves cuộn tròn người và quay lưng lại phía chúng tôi. “Cậu không có cửa trả lại chúng đâu,” anh lặp lại bằng giọng nói đang dần chìm vào giấc ngủ.

“Anh đã nhờ Kongo đến nói chuyện cùng em,” tôi thì thầm với Sebastien.

“Có vô số gã quanh đây đã muốn thề ước với em từ lâu lắm rồi,” anh nói.

“Chúng ta nên đến nhờ Cha Romain ban phước chứ?” Tôi hỏi mà đầu óc trở nên nôn nóng về việc được hẹn ước với Sebastien một cách danh chính ngôn thuận. “Em biết anh không thích các cha xứ và lễ nghi, nhưng Cha Romain là bạn của chúng ta.”

Một thanh củi được dùng để chống đỡ phiến gỗ mỏng mà Sebastien dùng làm cửa sổ. Nó cất tiếng kêu cọt kẹt tựa như sắp rớt. Sebastien đứng dậy và cố định thanh củi để không khí ban đêm có thể tỏa vào làm dịu mát căn phòng.

“Anh và em có thể sẽ không sống chung nhà cho tới hết mùa thu hoạch này,” anh đáp. “Anh không muốn mang em tới đây, và anh cũng không muốn sống chen chúc trong phòng em trên ngọn đồi của những người đó. Liệu em có thể đợi anh thêm một thời gian nữa không?”

“Tôi có thể đợi mà!” Yves hét tướng lên trong lúc ngủ. “Cậu có thể đợi cái gì hả?” Sebastien bật cười hỏi lại.

Chúng tôi lại gần ngồi bên chiếu của Yves. Mắt anh mở trừng trừng nhìn lên tường, tròng mắt anh phủ một lớp màng mờ đục, như đôi mắt của những người bị mù do giun chỉ¹.

¹ *Tiếng Anh: river blindness (bệnh mù do những con sông). Chứng bệnh mù mắt này do một loại giun chỉ sống ký sinh trong mắt người. Trứng giun lây lan qua một loại ruồi đen sống ở gần sông, nên căn bệnh này mới có cái tên “bệnh mù do những con sông”.*

Sebastien vẫy tay trước mặt bạn mình. Yves không hề chớp mắt. “Em hãy hỏi cậu ấy xem cậu ấy đang thấy thế nào,” Sebastien gợi ý.

“Anh có ổn không, Yves?” Tôi hỏi.

“Ai đang hỏi đó?” Yves trả lời trong lúc vẫn đang ngủ.

“Anh đã biết cậu ấy từ hồi bọn anh còn mặc quần tà lỏn,” Sebastien nói trong lúc đi về chiếu nằm. “Anh đã sống trong căn phòng này với cậu ấy trong bao nhiêu năm, nhưng chưa một lần nào anh nghe cậu ấy nói mơ trong lúc ngủ, mà lại còn mở mắt trùng trùng như thế. Việc này mới chỉ bắt đầu từ sau cái chết của Joël.”

Yves và Sebastien đều lằm bằm suốt đêm trong giấc ngủ, như thể hai người họ đang mơ cùng một giấc.

“Papa, đừng chết vì đĩa thức ăn đó,” Yves nói mơ lúc mặt trời gần lên. Anh quay lưng lại và nằm ngửa ra, mặt dán chặt lên trần phòng bắn thủ. Giọng nói anh rành rọt mà xa cách, tựa như đang đọc thuộc lòng một bài học trên trường tới lần thứ một trăm. “Papa, đừng chết vì đĩa thức ăn đó. Xin cha hãy để con mang nó đi.”

Sebastien trở mình và lằm bằm trong cơn ác mộng của chính anh.

“Cậu ta vẫn đang nói mơ à?” anh ngồi dậy và hỏi.

“Về việc cha anh ấy chết vì một đĩa thức ăn nào đó,” tôi đáp. “Mẹ anh ấy thường kể rằng cha anh ấy đã chết vì một đĩa thức ăn,” Sebastien nói với giọng mệt mỏi. “Ông ấy từng bị bỏ đói trong một nhà tù của lũ Yanki, chỉ được ăn bánh mì và uống nước lã trong ba mươi ngày. Khi ông ấy được thả ra, việc đầu tiên mà mẹ

Yves làm là nấu cho ông ấy tất cả những món mà ông ấy đã mơ được ăn lúc ở trong tù. Cha cậu ấy ăn cho đến lúc gục mặt xuống đĩa thức ăn và chết ngay tại chỗ.”

Tiếng gà gáy cuối cùng cũng đánh thức Yves. Anh bật dậy, vợ vội quần áo đi làm để ra sông tắm trước những người khác.

“Tôi qua anh có gặp ác mộng không?” Tôi hỏi Yves.

“Cô cần biết để làm gì thế?” anh hỏi lại, yết hầu anh giật lên giật xuống như muốn phóng ra khỏi họng. “Cô muốn biết giấc mơ của tôi để chơi đánh đề ở quầy của Mercedes hử?”

“Suốt đêm qua bọn tôi không ngủ được,” Sebastien đáp. “Cậu cứ quàng quạc như một con vẹt lên cơn cả đêm ấy.”

Khi hầu hết những người phu đã ra sông tắm, Sebastien và tôi đi tới một căn lều dùng để làm bếp. Nó được đắp bằng bùn đất trộn với phân liếp, nằm kế bên hàng rào gỗ phân cách khu nhà máy với con đường đất. Anh dùng hai viên đá đánh lửa và nhóm một đồng củi thông để đun nước pha cà phê.

Chúng tôi ngồi dưới tán cây keo đậu che phủ căn lều. Trong lúc ngắm nhìn anh nhấp từng ngụm cà phê qua khóe miệng, tôi nở một nụ cười trong vô thức.

Với một số người, tình yêu được định nghĩa bằng một chiếc nhẫn trong lễ nhà thờ, hay những đứa con chung. Với tôi, nó đơn giản chỉ là một nụ cười ngây ngô không giấu giếm, nằm nép vào một góc trên gương mặt. Dần dần, khi anh bắt gặp nụ cười của tôi giữa những ngụm cà phê, anh nhoẻn miệng cười lại với tôi. Gương mặt chúng tôi lúc đó giống hệt nhau, cùng nhuốm vẻ ngượng ngập và ngại ngùng trước cái nhìn đầy men say đắm đuổi chúng tôi dành cho nhau, bối rối trước khuôn mặt đang

chuyển màu nâu thẫm vì then thùng của người đối diện. Đôi mắt anh luống cuống nhìn ngó mọi thứ xung quanh, những hòn than hồng và muội than dưới ấm cà phê, những viên cuội ẩn mình vừa vụn vào trong đất, và những đám cỏ khô héo đã chết từ lâu do bị dẫm đạp lên quá nhiều. Khi cơn gió ban mai hất ngược cổ áo sờn rách và xanh màu cỏ của anh lên, anh miết nó xuống với bàn tay nhằng nhịt sệt. Mắt anh nhìn ngược nhìn xuôi những đường nét quen thuộc trên các ngón tay, chỉ dừng lại trong giây lát khi mắt chúng tôi gặp nhau. Trong giây phút ấy, chúng tôi trao nhau một nụ cười thoáng qua, như để giải bày tất cả những điều mà tôi và anh không thể bộc bạch vì vẫn còn những ruộng mía đáng nguyên rủa, vụ mùa thu hoạch đáng sợ, và tương lai bất định đang chờ đợi phía trước.

23

Tôi lại mơ giấc mơ về người đàn bà đường. Một lần nữa.

Như mọi lần, cô ấy mặc một chiếc váy dài, với ba tầng gợn sóng, phồng lên như một quả bóng bay. Cô đeo một cái rọ mõm bằng bạc lấp lánh và một cái vòng chốt bằng khóa bấm treo lủng lẳng quanh cổ.

Người đàn bà đường vén váy và nhón gót nhảy múa tới lui quanh phòng tôi. Có vẻ như cô đang xoay mình theo một điệu kandala gấp gáp, khóa tay với không khí, và giả vờ hôn một người tình tưởng tượng cao hơn cô cả một cái đầu. Trong lúc xoay mình và nhún chân, cô rung lắc những sợi xích quanh mắt cá chân và tạo nên một giai điệu sôi nổi. Cô buông mình trong điệu nhảy theo tiếng rồn rảng của sợi xích, thứ âm thanh càng lúc càng hỗn độn với từng nhịp xoay mạnh bạo.

“Mặt của chị có nằm dưới chiếc mặt nạ đó không?” Tôi hỏi. Giọng nói phát ra từ mồm tôi làm tôi ngạc nhiên. Đó là tiếng nói của đứa trẻ mồ côi ngồi bên bờ sông, đứa trẻ mà từ sau giây phút định mệnh đó chỉ còn được nói chuyện với những khuôn mặt xa lạ.

“Em nhìn thấy ta ư?” Cô ấy hỏi, bật lên một tràng cười kim khí vang vọng từ bên trong chiếc mặt nạ.

“Tại sao chị lại đeo cái đó trên mặt vậy?” Tôi hỏi tiếp.

“Cái này ư?” Cô gõ ngón tay lên chiếc rọ mồm. “Nó được trao cho ta từ rất lâu rồi, cái này này, để ngăn ta không ăn những cây mía nữa.”

Tôi bắt đầu nghĩ trong mơ rằng chính Sebastien là người đã mang cô ấy đến đây, rằng cô là một hình bóng ẩn náu của một người đàn bà ghen tuông hay oan hồn của một mối tình đã chết mà anh vẫn mang theo mình khi ngã vào vòng tay tôi.

“Tại sao chị lại ở đây?” Tôi hỏi cô ấy.

“Ta đã nói với em rồi mà,” cô đáp. “Ta là người đàn bà đường. Và em, là cả cuộc đời của ta.”

Tôi bừng tỉnh và đập mạnh lên cánh tay Sebastien đang vắt ngang qua ngực tôi để đánh thức anh dậy.

Nếu tôi lầm bầm trong giấc ngủ thì hoặc là tôi đang mơ về cha mẹ tôi, hoặc là người đàn bà đường nọ.

“Em lại mơ thấy gì lần này vậy?” Anh hỏi. Đôi khi, anh tỏ ra thiếu kiên nhẫn với những cái bóng của tôi.



24

Những người bảo vệ mang bộ mặt lam lũ đen sạm đứng viền quanh bức tường cao bằng xi măng bao quanh nhà Doña Sabine. Một vài người trông quá già, số còn lại thì quá trẻ để vác khẩu súng trường cũ kỹ rỉ sét trên vai, với quai đeo hằn những vết sâu lên lưng họ.

Khi đi ngang qua ngôi nhà, tôi ngược nhìn lên cánh cửa lớn mở ra hàng hiên bao quanh nhà, nơi một nhóm đàn ông đàn bà đang nấp đằng sau những tấm rèm mỏng và quan sát những người qua lại trên đường.

Đi gần hơn về phía nhà Señora Valencia, tôi nhìn thấy bác Luis đứng trên đường cái. Bác xoay đầu hết bên này sang bên kia, nhìn ngó mọi cử động đang diễn ra, từ chiếc xe bò tới người nông dân ngồi trên lưng lừa, từ mỗi đứa trẻ trên đường tới trường dòng tới mỗi người phu cắt mía trên đường ra đồng làm việc.

“Cậu chủ sẽ quay lại trại lính ngày hôm nay,” bác cười và nói. “Một lát nữa họ sẽ đến đón cậu ấy đi.”

Señor Pico đã ở lại lâu hơn dự định ban đầu rất nhiều. Nhiệm vụ khẩn cấp của anh đã bị trì hoãn cho tới lúc này, anh nói với vợ.

Bởi vì tất cả chúng tôi đã quá quen với việc chỉ phục vụ một mình señora, tất cả mọi người đều cảm thấy thoải mái hơn khi señor rời đi. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng señor đã chán ngán việc phải nhìn con gái anh lớn lên bụi bặm và hạnh phúc từng ngày

trong khi đầu óc anh chỉ nghĩ đến đứa con trai nối dõi mà anh đã mất.

“Cậu chủ sẽ đi vắng trong bao lâu vậy bác?” Tôi hỏi. Bác Luis không biết.

Một mảnh kim loại nóng rẫy xoẹt qua mặt tôi trong lúc tôi đang đi lên đồi. Tôi lập tức nhảy sang một bên và thụp đầu xuống tránh. Señora Valencia và chồng chị đang đứng dưới tán cây phượng, trong tay mỗi người là một khẩu súng trường nòng ngắn chĩa về phía dàn bầu mọc trước phòng tôi.

Không khí nồng nặc mùi khói cay của thuốc súng khiến tôi bị sặc và hít một vài ngụm khói vào trong cuống họng. Tôi nhắm chặt mắt lại để bảo vệ con người đang cay xè nhức nhối.

“Amabelle!” Señora Valencia thét lên, giọng chị lạc đi hoảng hốt. Chị mặc một chiếc váy dài suông, lưng tựa vào gốc cây phượng. Señor Pico mặc quân phục chỉnh tề chỉ trừ chiếc mũ lưỡi trai. Nó nằm im lìm ở một góc trên băng ghế dài nơi vợ anh ngồi nghỉ giữa những lần tập bắn.

Tôi vẫy tay để ra hiệu rằng mình vẫn còn sống rồi chạy tọt vào trong bếp nơi bác Juana đang đứng nhìn ra với ánh mắt phẫn nộ.

“Bác tưởng cháu đã lãnh nguyên viên đạn đó vào đầu rồi chứ!” Bác thốt lên rồi đưa cho tôi một ly nước.

“Cháu cần phải tạ ơn vị thánh nào đã cứu mạng cháu đây?” “Tất cả các vị thánh!” bác kêu lên.

Señora Valencia có vẻ đã bị việc tập bắn làm cho kiệt sức, nhưng chị gắng gượng đứng dậy cho lần bắn tiếp theo. Quay nhìn về

phía ngôi nhà, chị tỏ ra lo lắng rằng những tiếng súng nổ sẽ đánh thức con gái chị.

“Cậu ấy không nên bắt cô chủ làm việc này, nhất là khi cô ấy vừa mới sinh con,” bác Juana phản đối.

“Señora rất mạnh mẽ. Chị ấy cũng là một tay súng cừ khôi nữa,” tôi đáp sau khi uống hết ly nước.

Tôi nhớ lại khi Papi, bắt chước những ký ức buồn về chiến tranh, và cũng bởi vì ông không có con trai, đã dạy señora cách sử dụng súng trường để đi săn từ lúc chị còn là một cô bé. Nhưng với Papi, việc sử dụng súng là để săn bắt chim. Còn với chồng của chị, liệu họng súng đó sẽ ngấm vào cái gì đây?

Señor Pico điều chỉnh bàn tay của vợ đang đặt trên vòng cản xung quanh cò súng. “Em phải nhớ không được ngắm cao quá, nếu không em sẽ không bắn trúng vào đầu chúng được,” anh hướng dẫn.

Anh nâng tay chị lên để chuẩn bị cho một cú bắn nữa. Chị lắc người lấy tinh thần, cúi đầu về phía trước, hạ tầm mắt xuống ngay trên nòng súng, rồi kéo cò. Một quả bầu rơi đánh bộp từ trên dàn xuống sân, kéo theo một vài quả nhỏ hơn trên đường rơi xuống.

Señora Valencia hạ khẩu súng xuống bên mình và lên tiếng, “Em không muốn bắn nữa.”

Bác Juana bung từ trong bếp ra một chậu nước lớn và một chiếc khăn vắt trên vai. Señora rửa tay rồi dùng vạt khăn trước bụng bác để lau khô tay.

“Em cần phải biết cách bảo vệ mình,” Señor Pico nhấn mạnh trong lúc họ quay trở vào nhà. Anh ôm vợ trong tay như thể

đang sống lại giây phút đi vào thánh đường ngày cưới.

“Papi và Luis sẽ ở đây để bảo vệ Rosalinda và em,” chị cự lại. “Họ không thể túc trực bên em mọi lúc mọi nơi được,” anh tiếp tục.

“Chúng ta chưa từng phải sống trong lo sợ thế này,” chị thảng thốt.

“Thời thế bây giờ đã khác rồi,” anh nói với chị.

Bác Luis đi vào phòng khách để thông báo rằng một xe tải chở đầy quân lính của Lực lượng Quân đội Vũ trang đã đỗ ở trước cửa.

Bác Juana chạy lên tầng và quay trở lại với Rosalinda trong vòng tay ấm bé của Lidia, một trong các chị em họ xa của Señora Valencia. Cô đã đến từ Higüey để thăm nuôi cháu gái.

Lidia có một khuôn mặt choắt với đôi mắt xếch luôn nhìn xuống và mái tóc đen dài ngang vai luôn lắc qua lắc lại trong lúc cô vỗ về Rosalinda.

Lidia bước ra chỗ cha của Rosalinda để anh ôm chào từ biệt con gái. Señor Pico lảng tránh đứa bé và hôn từ biệt lên má Lidia trước khi đi ra khỏi cửa.

Khi anh đi xuống ngọn đồi về phía một trong những chiếc xe tải, những người lính quân đội đứng bật dậy reo hò và chào mừng sự trở lại của anh. Anh vẫy tay tạm biệt vợ lần cuối, rồi leo lên khoang lái bên cạnh tài xế.

“Cứ như là chúng ta đang chuẩn bị cho chiến tranh sắp nổ ra vậy,” Señora Valencia lẩm bẩm trong lúc dõi theo chồng chị và binh đoàn xe tải dần khuất bóng. Chị cố tình lờ đi việc anh đã

tránh không ôm con gái chị và cả chị, như cách chị đã lờ đi những việc anh đã làm khiến chị không vừa ý.

“Với người đàn ông của con, mọi thứ trên đời này là một cuộc viễn chinh vĩ đại.” Papi nói trong lúc đi về phòng khách với señora. “Những người đàn ông như anh ta sẽ khắc tên mình lên những con đường và những cây cầu. Các thành phố và làng mạc sẽ được đặt theo tên họ. Ta đến sinh sống ở thung lũng này bởi vì ta muốn trốn tránh tất cả những chuyện đó, trốn tránh quân đội và đám binh lính...”

“Nhưng con gái của cha lại phải lòng anh lính đầu tiên bước chân vào khu vườn này...”

“Tình yêu không phải lúc nào cũng có thể lý giải được,” Papi đáp, mặc dù giọng nói của ông chan chứa mong muốn được hiểu. “Ta đã chứng kiến những chuyện như thế này trước kia. Chồng của con, anh ta tin rằng tất cả những gì anh ta đang làm là cho đất nước này. Chỉ ít thì đó là điều anh ta luôn phải tự nói với chính mình.”

“Anh ấy là một người đàn ông tốt, Papi ạ,” señora nói.

“Nếu con nói như thế thì ta phải tin con thôi,” Papi đáp. “Ta sẽ ra ngoài đi bộ thư giãn một chút.”

“Cha nên mang Luis đi theo,” Señora Valencia dặn dò.

“Không, không,” Papi từ chối. “Ta cần làm việc này một mình.”

25

Những cơn lốc bụi của thung lũng luôn mang lại cho tôi niềm vui sướng. Bụi từ dưới đất xoáy lên thành từng cuộn hình phễu càn quét con đường. Như một tấm vải bung ra khỏi dây phơi, cơn lốc in bóng lên quang cảnh bên dưới, xoay vần cùng những cánh chim chao liệng phía trên hòng truy tìm đám người bé nhỏ đang ôm đầu lẫn trốn.

Giữa những cơn lốc bụi, tôi luôn tưởng tượng có những người đang bước đi đằng trước mình. Tôi không thể nhìn thấy họ nhưng vẫn hy vọng rằng bóng hình họ vẫn sẽ hiển hiện khi những đám mây bụi tan đi.

Tôi lại nhìn thấy mẹ tôi, cha tôi, và tôi. Tôi lại được ở bên cạnh họ, vẫn là một đứa trẻ cần phải được nắm tay để bước đi, một đứa trẻ vẫn phải ngẩng đầu lên khi nói chuyện để nhìn rõ những khuôn mặt. Sau khi cơn lốc tan đi, tôi luôn ngồi trong trạng thái hai tay giơ lên, bất động trong một lời cầu nguyện, như thể một vài người khổng lồ vô hình nào đó đã chỉ đường dẫn lối cho tôi hướng về phía trước. Gương mặt tôi ngẩng lên nhìn trần trời về phía những ngọn cây với tán lá đóng một lớp bụi trắng xóa.

26

Bác sĩ Javier ghé qua chiều hôm đó để khám sức khỏe cho Rosalinda. Bác Juana đang ở trong bếp còn bác Luis thì đang quét dọn ngoài sân.

Khuôn mặt của bác sĩ Javier mang dáng vẻ mệt mỏi. Bờ vai rộng của ông rũ xuống uể oải lúc đi vào nhà.

“Xin cô hãy nghe tôi nói đây,” ông nói thầm với tôi bằng tiếng Kreyòl. “Cô phải rời khỏi ngôi nhà này ngay lập tức. Tôi vừa nhận được tin từ một vài người bạn ở biên giới. Theo mệnh lệnh của Generalissimo, binh lính và dân thường đang truy sát những người Haiti. Có lẽ chỉ trong vài giờ nữa bọn họ sẽ ập tới thung lũng này.”

Điều này không thể là sự thật. Tôi tưởng chúng chỉ là những tin đồn. Những tin đồn vẫn luôn lảng vảng từ trước đến giờ, về chiến tranh bùng nổ, về tranh chấp đất đai, về việc nửa bên này của hòn đảo sẽ xâm chiếm nửa bên kia. Chúng chỉ là những ảo tưởng bá quyền của các vị tổng thống mong muốn thôn tính toàn bộ hòn đảo. Chẳng có lẽ nào chúng lại ảnh hưởng đến những người như tôi, hay những người làm việc trên ruộng mía như Yves, Sebastien, và Kongo. Họ đã đóng góp sức lao động của mình cho xứ sở này.

Những người Dominicana cần đường từ cây mía cho tách cà phê sáng hay món caramel của họ. Bọn họ cần món tiền hời từ những thân mía cơ mà.

“Pico có ở đây không?” Ông bác sĩ hỏi. “Cậu chủ đã đi tới biên giới rồi,” tôi đáp.

“Biên giới sao,” ông nói, như thể đó là bằng chứng cuối cùng mà ông cần để xác thực câu chuyện của mình. Ông đang cố làm cho tôi nhìn ra sự thật qua những giọt mồ hôi lấm tấm trên mặt. Hàng lông mày chau lại và những cử chỉ vội vã của ông muốn thuyết phục tôi rằng hãy tin tưởng ông nếu có thể. Ngoài tôi ra, ông còn phải báo tin cho rất nhiều người khác nữa.

“Cô sẽ đi chứ?” Ông hỏi.

Tôi muốn được nghe nhiều lời cảnh báo khác nữa. Tôi cần phải biết chính xác chuyện gì là sự thật và chuyện gì là bịa đặt. Mọi việc đang trở nên quá kỳ lạ. Liệu ông bác sĩ có phải là một phần của kế hoạch giết chóc này không ?

“Tôi không thể bỏ rơi người đàn ông của mình và em gái anh ấy,” tôi đáp.

“Một nhóm lớn sẽ cùng vượt biên với tôi vào tối nay,” ông thông báo. “Chúng tôi đã chuẩn bị hai chiếc xe tải. Tôi có thể sắp xếp chỗ cho họ. Chúng ta sẽ tập hợp trước nhà thờ. Tôi đã bàn bạc với Cha Romain và Cha Vargas. Họ sẽ tổ chức một buổi lễ cầu nguyện cho Thánh nữ Teresa¹ vào tối nay. Cũng gần tới thời điểm tổ chức lễ Tạ ơn cho bà ấy rồi. Chúng ta sẽ giả bộ đến đó để dự lễ.”

¹ Thánh nữ trong đạo Công giáo, bảo hộ cho những người đang gặp những chuyện đau đầu rối trí.

Tôi chẳng biết gì về bà thánh Teresa này cả. Có lẽ sẽ có ích cho tôi nếu tôi biết nhiều hơn về những vị thánh được bác Juana và

cả thung lũng này yêu mến và phụng thờ. Vừa lúc đó, Señora Valencia xuất hiện ở hành lang dẫn tới phòng ngủ của chị.

“Có chuyện gì mà ông phải thì thầm vậy, Javier?” Señora lên tiếng hỏi.

“Tôi không biết rằng con gái cô có đang ngủ hay không,” ông bác sĩ vội đáp. “Nếu con bé đang ngủ, tôi không muốn đánh thức nó.”

“Con gái tôi ngủ rất sâu,” señora đáp một cách tự hào. Chị quay sang tôi, vừa chải những ngón tay lên mái tóc dày vừa gỡ đầu. Chị hỏi, “Amabelle, Papi đã về nhà chưa?”

Cứu em với, Señora, tôi muốn kêu lên với chị, nhưng chị có thể làm được gì? Liệu chị đã biết được bao nhiêu phần của những việc đang xảy ra? Liệu chị có đủ dũng cảm để che chở cho tôi trước chồng chị nếu tôi cần chị làm thế?

“Papi đi lâu thế này làm chị không yên tâm chút nào,” chị nói trước khi mời bác sĩ vào phòng nơi Rosalinda đang nằm ngủ.

Tôi cố gắng vạch lên một kế hoạch. Hãy bình tĩnh, tôi tự nhủ. Tôi phải hành động hết sức bình tĩnh.

Phòng trừ trường hợp ông bác sĩ nói đúng, tôi đi về phòng, khâu túm góc một cái váy lại thành một cái bọc, và gói ghém vào trong đó một vài thứ: chiếc mặt nạ hình Joël của Kongo, chiếc áo của Sebastien còn dang dở từ ngày những đứa con của señora chào đời, và một bộ váy áo để thay. Nếu ông bác sĩ nói sai, tôi luôn có thể quay trở lại. Cẩn thận không bao giờ là thừa cả.

Tôi đi xuống chân đồi và giấu cái bọc vào một khe hở nhỏ giữa những bụi chuối um tùm đằng sau nhà của bác Juana và bác Luis, sau đó quay trở lại ngôi nhà lớn.

Señora Valencia đang ngồi trong phòng khách với ông bác sĩ.
“Papi vẫn chưa về sao?” Chị lên tiếng hỏi tôi.

“Chưa, thưa Señora.”

“Em làm ơn hãy bảo Luis đi tìm ông ấy về.”

Trước tiên bác sĩ tới nhà thờ, bác Luis nói, nơi Papi thỉnh thoảng đến cầu nguyện. Sau đó bác sĩ đi ra nghĩa trang, nơi Papi có thể sẽ tạt qua để viếng thăm mộ của vợ, con trai, và cháu trai. Señora không cần phải lo lắng quá về việc Papi dạo chơi, nhưng nếu chị muốn bác ấy đi kiếm Papi thì bác ấy sẽ đi kiếm.

Tôi giả vờ đi theo giúp bác Luis, rồi sau đó chạy đi tìm Sebastien. Anh vừa trở về từ ruộng mía. Toàn thân anh ướt đầm mồ hôi như vừa dứt khỏi một trận sốt nặng. Anh tựa lưng vào tường để cảm nhận chút ít gió mát từ bên ngoài. Những phiến gỗ tuyết tùng của Papi vẫn nằm ở góc phòng.

Tôi ngồi lặng yên bên cạnh Sebastien một lúc lâu. Tôi có thể cảm nhận được anh đang quá mệt mỏi để có thể lắng nghe, và tôi không muốn bắt đầu cho tới khi anh đã sẵn sàng. Vả lại, tôi cũng không muốn nói với anh những điều mà tôi sắp sửa phải nói.

“Em đã giữ được ba chỗ cho anh, em, và Mimi trên một chiếc xe tải vượt biên vào tối nay,” cuối cùng tôi lên tiếng.

“Anh đã nghe về kế hoạch của ông bác sĩ trong buổi lễ cầu nguyện cho Thánh nữ Teresa, bông hoa bé nhỏ,” anh nói.

“Ông bác sĩ đề nghị em tới làm việc cho một trạm xá nơi em sẽ làm những công việc trước kia của cha mẹ em,” tôi nói tiếp. “Em nghĩ tốt nhất chúng ta nên đi với ông ấy. Nếu ông ấy dự đoán sai, chúng ta vẫn có thể quay trở lại.”

“Em cứ một mực không tin rằng những người đó có thể làm hại em,” anh nói với một nét mặt nhăn nhó đến gần như căm tức, như thể anh đang chuyện với một ai khác chứ không phải tôi. “Ngay cả khi họ giết Joël, em vẫn nghĩ rằng họ sẽ không làm gì tổn hại tới em.” Bàn tay anh siết chặt lại thành nắm đấm như mỗi lần anh cố kìm nén cơn giận dữ. Tôi cầm lấy nắm tay anh, gỡ nó ra, và nhìn ngẩn lòng bàn tay nơi đường chỉ tay đã bị những thân mía xóa nhòa. Có lẽ tôi đã tin tưởng quá nhiều. Tôi đã sống trong những giấc mơ dai dẳng, trong những ký ức của một đứa bé mồ côi. Khi thực tại trở nên quá kinh hoàng, có lẽ tôi đã chọn cách cố tình không nhìn thấy nó.

“Xin hãy tha thứ cho em, Sebastien,” tôi khẩn cầu, “vì đã tin tưởng quá nhiều.”

Anh thả lỏng nắm đấm vào trong bàn tay tôi khép chặt. Ngực tôi thắt lại vì một nỗi sợ mà tôi mới chỉ cảm thấy một lần trước đó khi cha mẹ tôi chết đuối: một cảm giác khiếp sợ như khi một cơn gió mạnh đóng sập cửa phòng sau lưng bạn và làm cho bạn cảm thấy bị sập bẫy ở bên trong.

“Chúng ta nên đi nói chuyện với Kongo,” Sebastien quyết định. “Chiều nay ông ấy có một cuộc viếng thăm từ ông chủ nhà em trong lúc làm việc trên cánh đồng.”

“Papi ư?”

“Ông ta trả một ít tiền cho đám lính gác để Kongo đi cùng với ông ta, và Kongo đã đồng ý.”

Chúng tôi đi đến phòng của Kongo, nơi ông đang ngồi cùng với Yves. Trước mặt hai người là một đồng quả hạnh nhân mà họ chuẩn bị đập vỡ. Trên mặt Kongo hiện lên vẻ thư thái, như thể

ông chưa hề đi ra đồng cả ngày hôm nay. Trên đùi ông là những sợi liễu gai xếp thành đồng để dành đan thúng.

Sebastien và tôi ngồi xuống thành vòng tròn xung quanh đám sợi liễu gai và quả hạnh nhân, như thể chúng là những vật thờ phụng.

“Don Ignacio, cha của Señora Valencia, đã đến gặp ông hôm nay ư?” Tôi hỏi Kongo. “Ông có biết ông ấy giờ đang ở đâu không?”

“Ông ấy nói ông ấy muốn đi dạo một lúc trước khi quay trở về nhà.”

“Ông ta muốn gì ở ông vậy?” Sebastien hỏi.

“Ông ấy muốn nói chuyện với ta trong rừng về con trai ta như hai người đàn ông với nhau,” Kongo trả lời.

“Lão ta không đáng để cho ông phải phí lời,” Yves nói. Yết hầu của anh giật lên giật xuống nhanh hơn mỗi khi anh bực tức. “Chỉ có giết lão ta mới xí xóa được mọi việc thôi.”

“Chẳng có việc gì trên đời này là công bằng cả,” Kongo đáp. “Nếu thực sự như vậy, thì mạng sống của ông ta và mạng sống của ta đã là như nhau.”

“Lão ta đã nói gì với ông?” Yves hỏi.

“Ông ta hỏi tên con trai của ta,” Kongo nói. “Ông ta muốn làm một cây thánh giá và khắc tên con trai ta lên đó, thật đấy. Ông ta muốn dựng cây thánh giá đó trên mộ con trai ta. Ta nói với ông ta rằng ta không muốn có thêm một cây thánh giá nào đè trên lưng con trai ta nữa.”

“Đáng ra ông nên giết chết lão ta rồi chôn xác lão trong rừng mới phải,” Yves hậm hực.

“Ông ta kể với ta rằng mình đã giết rất nhiều người trong một cuộc chiến tranh thời trẻ,” Kongo kể. “Ông ta không biết mình đã giết bao nhiêu người, nhưng ông ta cảm thấy rằng mỗi người bọn họ vẫn đang giày vò ông ta hàng ngày, dẫm đạp lên hạnh phúc của ông ta. Ông ta nghĩ rằng chính họ, những bóng ma vẫn còn đeo bám ông ta sau khi bị giết, đã làm cho vợ ông ta chết ngay vào cái đêm mà đứa con trai duy nhất của ông ta chào đời, và giết chết con trai ta ngay vào cái ngày mà những đứa cháu của ông ta lần đầu nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Ông ta nghĩ rằng cái chết của cháu trai ông ta đã chứng minh điều đó.”

“Lão ta muốn ông gánh vác nỗi buồn của mình và cả của lão nữa ư?” Yves hỏi, vết hằn của anh nổi cục lên dưới lớp da mỏng.

Kongo đưa tay ra vỗ lên vai Yves để giúp anh hạ hỏa.

“Ta không mong muốn điều gì hơn ở ông ta.” Kongo nắm một vốc hạnh nhân, dùng nắm tay đập vỡ chúng để lọc ra phần thịt quả bên trong.

“Nỗi thống khổ làm cho chúng ta trở nên nhu nhược,” ông nói tiếp, “nhưng bọn ta là đàn ông. Chúng ta đã nói chuyện như hai người đàn ông. Ta kể cho ông ta nghe những nỗi khổ của ta, và ông ta kể cho ta nghe những nỗi khổ của mình. Ta cảm thấy bọn ta đã hiểu thêm một chút về nhau.”

“Đó chỉ là sự tử tế giả tạo mà thôi.” Yves đứng dậy và dậm chân đi lại trước tấm chiếu nơi Joël từng nằm. “Tối nay tôi sẽ đi bán hết đồng gỗ trong phòng.”

“Tối nay một chiếc xe tải sẽ vượt biên,” Sebastien thông báo. “Amabelle, Mimi, và tôi đang nghĩ tới chuyện bỏ trốn.”

“Sao cũng được, tôi sẽ ở lại,” Yves cương quyết, đưa tay gãi sồn sột lên cái đầu cạo nhẵn thín. “Tôi sẽ bán chỗ gỗ đó và sẽ ở lại đây. Có rất nhiều người tin rằng những tin đồn đó chỉ nhằm đuổi chúng ta đi khỏi nơi này.”

“Có thể,” Sebastien đáp, “nhưng tôi không muốn ngồi đợi như một con chó trong cũi xem chúng có xảy ra không.”

“Ông định sẽ làm gì?” Yves quay lại hỏi ông già.

“Ta đã sống ở đây ngót mười lăm năm,” Kongo đáp. “Ta đã quá già cho những hành trình như thế này rồi.” Ông cho tay vào nôi và nắm lên một vốc bột ngô. Ông rắc bột lên sàn nhà thành hình một chữ V lớn với hai nhánh choãi rộng như hai cánh tay vươn về phía một bầu trời vô hình.

“Ông của ta hay làm điều này trước mỗi lần ta đi xa,” ông giải thích. “Ông thường nói, ‘Ông làm dấu này cho cháu, vì chúng ta đang từ một chia li thành hai trên hai con đường khác nhau.’ Các cô cậu sẽ phải trèo đèo lội suối trên con đường sắp tới, và các cô cậu cần được phù hộ trên chuyến đi này.”

Gương mặt buồn bã của Sebastien và Yves thoáng nét an lòng, như thể những người cha quá cố của hai anh đã quay về để ban lời phước lành cho họ.

Kongo xoa hai bàn tay vào nhau để phủi sạch bột ngô sau khi ban phước. Ngẩng đầu lên, ông nháy mắt với chúng tôi. “Thánh Christophe¹ sẽ ở bên các con,” ông nói.

¹ *Vị thánh Công giáo bảo hộ cho những người du hành khỏi hiểm nguy.*

Yves đứng lên và đi ra khỏi phòng của Kongo. Một vài phút sau, tôi nhìn ra ngoài và thấy anh đang vác hai phiến gỗ của Papi trên lưng và đi về phía con đường cái trong đêm đen.

“Cậu nên đợi ngày mai hẵng bán!” Sebastien vừa chạy theo bạn vừa kêu to.

“Ngày mai có khi cậu chẳng còn ở đây nữa rồi!” Yves kêu lên đáp lời. “Khi cả hai ta về lại quê hương, cậu và tôi sẽ ăn một bữa ra trò với nhau, tất nhiên là không quá nhiều đến mức ngã quy mà chết.”

Tôi cúi xuống và hôn từ biệt lên trán Kongo. Mắt ông vẫn nhìn đắm đắm xuống hình vẽ bằng bột ngô ở trên sàn.

Trên đường về, tôi bị ám ảnh bởi suy nghĩ rằng sau khi tôi dời đi, có lẽ tôi sẽ không biết lúc nào thì Kongo chết.

Trong đêm tối, Sebastien ôm lấy khuôn mặt tôi và hôn lên môi tôi.

“Anh đã quá mệt mỏi với những vụ thu hoạch và những ruộng mía rồi,” anh nói. “Có lẽ đã đến lúc anh phải về nhà gặp mẹ. Mẹ anh không hề tưởng tượng rằng bọn anh sẽ đi lâu như vậy. Anh sẽ đi tìm Mimi và bọn anh sẽ gặp em ở nhà thờ tối nay.” Khi tôi về tới nhà Señora Valencia, Papi vẫn chưa quay trở lại. Bác Luis vẫn đang đi tìm ông ấy. Sau khi nấu xong bữa tối, bác Juana đã phụ chồng trong cuộc tìm kiếm Papi. Lidia ở trong phòng với Rosalinda trong khi Señora Valencia ngồi ngoài hàng hiên nhìn ra con đường trước nhà.

Tôi muốn nói với señora những gì Kongo đã kể với tôi để chị có thể đi vào nhà và tránh hơi lạnh ban đêm, rằng cha chị vẫn ổn, chỉ ít là cho tới chiều nay. Nhưng tôi không muốn tiết lộ những điều mà Papi có thể muốn giữ bí mật. Tôi cũng không muốn lỡ mồm nói ra kế hoạch rời bỏ ngôi nhà của chị, có thể là mãi mãi. Cuộc nói chuyện đó có thể bắt đầu và kết thúc ở đâu chứ? Trong tình cảnh hiện tại, nó đã trở thành câu chuyện giữa hai đất nước, hai dân tộc khác nhau đang cố gắng chia sẻ một mảnh đất bé nhỏ. Có lẽ đây là lý do tôi chưa bao giờ để tâm đến những lời đồn đại trước kia. Cho dù chúng là sự thật, thì chúng là những thứ nằm ngoài khả năng kiểm soát hay thay đổi của tôi.

Tôi đã quyết định rằng tôi sẽ không nói lời từ biệt với señora khi đến lúc phải ra đi. Nhưng tôi sẽ nhờ bác sĩ Javier gửi lời tới chị sau khi tôi đã an toàn ở bên kia biên giới.

Trong lúc señora chờ đợi cha mình trở về nhà, Beatriz đi lên đồi từ phía nhà mẹ cô. Cô ngồi xuống một trong những cái ghế đẩu trước hiên, bên cạnh Señora Valencia. Señora Valencia đứng dậy và tựa lưng vào cột nhà, mắt vẫn tiếp tục nhìn ra đường cái.

“Anh trai cô đâu rồi?” Chị hỏi Beatriz. “Có khi cha tôi đang ở cùng ông ấy.”

“Javier đang ở nhà sửa soạn để đi ra biên giới,” Beatriz đáp. “Cha chị không ở cùng anh ấy đâu.”

“Tôi muốn biết điều gì ở biên giới đã lôi cuốn Javier,” Señora Valencia nói tiếp. “Có khi đó cũng là lý do khiến chồng tôi tiếp tục quay trở lại nơi đó.”

“Pico và anh trai tôi không phải là những người duy nhất đi về biên giới. Mimi đã rời khỏi nhà chúng tôi hôm nay,” tôi nghe Beatriz nói. “Anh trai cô ta đã đến mang cô ta đi.”

Tôi đi ra ngoài hiên và hỏi xem họ có muốn dùng món giải khát gì không. Đây là cử chỉ ân cần cuối cùng của tôi với Señora Valencia. Chị muốn tôi mang cho chị một ly nước mát.

“Amabelle, cô có biết rằng Mimi đã rời bỏ nơi này không ?” Beatriz hỏi tôi.

Tôi giả vờ tỏ ra ngạc nhiên hết mức có thể. “¡Qué lástima!” Thật đáng tiếc!

“Cha chị chưa bao giờ ra khỏi nhà lâu thế này,” Señora Valencia nói trong khi tôi rót nước cho chị.

“Chị đang lo sợ cho cha chị vì chị chỉ nghĩ đến những chuyện tệ hại có thể xảy ra mà thôi,” Beatriz nói với giọng bình thản thường ngày. “Có khi nào ông ấy có nhân tình cũng nên.”

“Tại sao ông ấy phải giấu diếm nếu ông ấy đang cặp kè với một người đàn bà khác chứ?” Señora Valencia ngồi xuống trên chiếc ghế đầy. “Dù gì mẹ tôi cũng đã mất lâu rồi mà.”

“Có thể mối quan hệ với cô nhân tình đó sẽ đẩy lên điều tiếng. Cô ta có thể quá trẻ hoặc đã có chồng rồi.”

“Bản tính của Papi không phải người như vậy,” Señora Valencia quả quyết.

“Dies diem docet,” Beatriz trả lời, phô trương khả năng tiếng Latinh của mình.

“Cô vừa nói gì thế?” Señora Valencia hỏi lại. “Câu đó nghĩa là gì vậy?”

“Sự học của một người đàn ông không bao giờ chấm dứt,” Beatriz cắt nghĩa.

Señora Valencia kêu tôi rót thêm một ly nước nữa. Khi tôi đưa ly cho chị, chị uống ừng ực liền một mạch.

“Có thể cha tôi đã bị bắt giam.” Chị đánh mắt nhìn khắp khoảng sân như để tìm những khuôn mặt không quen trong lúc đưa lại ly nước cho tôi. “Có thể ông ấy đã nói điều gì đó thất thố với những người ông ấy không nên dính vào.”

“Chúng ta không nên suy nghĩ theo hướng đó vào lúc này,” Beatriz đáp lời, giọng nói của cô đủ bình tĩnh để trấn an señora. “Hãy nghĩ tới những điều vui tươi hơn trong lúc chờ cha chị quay trở về. Nói tôi nghe nào, sau bức chân dung của El Jefe ở trong kia, chị định sẽ vẽ tiếp những gì?”

Señora mất một lúc lâu để lái những suy nghĩ trong đầu từ cha chị sang chuyện vẽ tranh.

“Chị có chủ đề nào khác muốn vẽ trong đầu chưa?” Beatriz tiếp tục hỏi.

“Con trai tôi. Tôi muốn vẽ nó,” Señora Valencia đáp. “Còn cô?” Chị hỏi, lái cuộc trò chuyện của họ qua một hướng khác. “Tình hình cô ra sao? Tôi nghe đồn dạo này cô từ chối các chàng trai như đuổi ruồi vo ve quanh bát súp.”

“Chẳng phải chị đã lấy mất Pico từ tay tôi sao?” Beatriz bật cười và đáp. “Trần đời tôi chưa từng gặp ai như anh ấy. Giờ thì tôi chỉ đang đợi nửa còn lại của mình đến mà thôi. Có lẽ anh ấy sẽ mở lời với tôi bằng tiếng La tinh, và có thể tôi sẽ không hoàn toàn hiểu được những gì anh ấy nói. Đây là một giấc mơ của tôi, rằng người đàn ông dành cho tôi sẽ nói những lời đầu tiên với tôi bằng ngôn ngữ La tinh.”

“Chị thực sự nghĩ rằng tôi đã giành Pico từ tay chị ư?” Señora hỏi. “Pico có một nét tính cách mà tôi không bao giờ ưa nổi,” Beatriz thú nhận. “Anh ta luôn mơ một ngày sẽ trở thành tổng thống của đất nước này, và theo như tôi thấy thì anh ta sẽ chấp nhận đời non lập biển để đạt được mục đích đó.”

“Anh ấy là một người tốt,” Señora Valencia sử dụng lời biện hộ chị vẫn thường dùng cho chồng mình.

“Thời buổi này có rất nhiều người tốt vẫn làm những chuyện kinh khủng,” Beatriz đáp lại.

“Vậy là cô muốn kết hôn với một linh mục, người sẽ mở lời với cô bằng tiếng La tinh?” Señora Valencia hỏi, hướng câu chuyện quay trở lại chủ đề ban đầu.

“Theo lời mẹ tôi, một cô tiểu thư nói tiếng La tinh sẽ chẳng bao giờ tìm được một tấm chồng,” Beatriz trả lời. “Mẹ tôi lấy chồng khi bà còn trẻ hơn cả tôi bây giờ. Và giờ thì nhìn bà ấy xem, bà ấy cuối cùng vẫn là một góa phụ côi cút đó thôi.”

“Vậy là cô sợ sẽ phải sống cô đơn hơn cả lúc này sao?” Señora hỏi. “Không phải là tôi sợ,” Beatriz trả lời. “Tôi muốn chu du thật xa và trốn thoát khỏi nơi này.”

“Cô sẽ đi đâu, tới thủ đô ư?”

“Tôi chưa biết nữa. Có thể là xa hơn. Ở Alegría này, đám con gái chỉ biết mơ tới việc đi học trường nữ công gia chánh ở Ciudad Trujillo. Tôi muốn đến một nơi khác, Tây Ban Nha chẳng hạn. Có lẽ nơi đó tôi có nhiều lựa chọn hơn.”

“Tôi không nghĩ rằng tôi sẽ rời bỏ nơi này.” Señora Valencia nói. “Đây là nơi mẹ tôi và con trai tôi yên nghỉ. Có lẽ rồi đến cha tôi

cũng sẽ nằm xuống ở đây. Tôi sẽ không bao giờ rời bỏ mảnh đất này.”

“Sớm muộn rồi người ta sẽ tìm đến những nơi như Alegría chỉ để nghỉ dưỡng và tận hưởng sự thanh bình nơi đây,” Beatriz nhận xét.

“Tôi nghĩ họ sẽ tới vì nguồn lợi từ cây mía.” Señora Valencia đẩy ghế về phía trước và ôm lấy cây cột đỡ mái hiên bằng cả hai tay. “Từ khi tôi còn là một đứa bé, những thân mía đã mọc ở đây rồi. Những nhà máy đường đang ngày càng to hơn và có nhiều người phu cắt mía ở lại đây hơn sau những mùa thu hoạch. Đây sẽ là tương lai của chúng ta.”

Vẫn còn thời gian trước khi buổi lễ cầu nguyện bắt đầu. Tôi nghe tiếng ầm ầm của động cơ xe và tức tốc chạy về phía đỉnh đồi. Một chiếc xe tải đang trở tới. Señora Valencia và Beatriz đứng dậy để đi xuống con dốc dẫn tới đường cái. Beatriz giơ một ngọn đèn lên để soi đường.

Khi họ tới được đường cái thì chiếc xe tải đã phóng qua và biến mất. Cả hai đang chen chúc đi trên khoảng đất chật hẹp giữa những hào thông nước và cửa trước nhà bác Juana và bác Luis khi một toán xe tải quân đội khác chạy vụt qua mà không dừng lại.

Phải mất một lúc thì đám bụi khô khốc trong không khí mới lắng xuống. Con đường bây giờ vắng tanh, ngoại trừ một vài con dê đang chạy nhảy lấy lại đà sau chấn động.

Hít thở trong đám bụi đó là quá sức đối với Señora Valencia, tôi nghĩ. Chị thở dốc nặng nề như thể đang bị cả một bọc toàn đá đè lên mặt. Beatriz chạy vào trong nhà bác Juana và mang ra một

bình nước bằng đất nung. Cô rót một ít nước vào lòng bàn tay và dập nước lên mặt señora.

Beatriz và tôi đỡ hai bên señora và dìu chị quay trở lên đỉnh đồi trong lúc một vài chiếc xe tải quân đội khác lao vọt qua, tất cả đều nhắm về hướng biên giới. Những chiếc xe tải làm cho tôi cảm thấy bất an. Nhưng tôi còn thấy bất an hơn khi phát hiện những vết máu to bằng mặt người sau váy của señora. Chúng càng lúc càng loang rộng trong khi chúng tôi dìu chị về phòng ngủ. Mặc dù vậy, tôi vẫn tự nhủ rằng mình sẽ chỉ giúp señora lên giường nằm nghỉ, sau đó sẽ nhanh chóng đi tới nhà thờ.

“Amabelle, xin em hãy ở lại với chị.” Señora Valencia nắm chặt lấy cổ tay tôi trong lúc chúng tôi đỡ chị nằm xuống. Chị siết cổ tay tôi chặt như lúc chị đang lâm bồn.

“Amabelle biết cách chăm sóc cho tôi,” chị nói với Beatriz. “Chị đã không dành thời gian nghỉ ngơi đầy đủ sau khi sinh, đúng không Amabelle?”

“Señora, làm ơn thả tay em ra để em có thể đi lấy thuốc cho chị,” tôi khẩn khoản.

Cổ tay tôi vẫn còn đau sau khi chị thả tôi ra. Mắt chị dõi theo tôi cho đến tận ngoài cửa. Có lẽ chị biết rằng tôi sẽ không quay trở lại nữa.

Tôi đi thẳng xuống bếp, định bụng sẽ trốn ra ngoài bằng đường cửa sau. Lidia đang chuẩn bị trà cho cô em họ vừa lúc Papi đi vào nhà với bác Juana.

Papi kéo lê một cây thánh giá làm bằng gỗ tuyết tùng mới cửa trên nền đất đỏ của nhà bếp. Trên cây thập giá khắc cái tên

Señor Joël Raymond Lorrier bằng những chữ cái nhỏ nguệch ngoạc.

“Amabelle, mang ly trà này lên cho señora,” Lidia nói, “trong lúc tôi chuẩn bị túi chườm cho chị ấy.”

“Có chuyện gì đã xảy ra với Valencia sao?” Papi hỏi, giọng hoảng hốt.

“Chị ấy bị ngộp vì hít phải bụi từ đường cái,” tôi giải thích. Không cần phải nói với ông về việc chị bị chảy máu. Chị ấy sẽ tự nói nếu chị ấy muốn.

“Con bé làm gì ở ngoài đường cái vậy?” Papi hỏi. “Chị ấy đi tìm bác đó,” Lidia đáp.

Tôi đưa ly trà cho Papi để ông mang cho con gái, bởi đằng nào ông cũng đang đi lên phòng chị.

“Bác tìm thấy Papi ở đâu vậy?” Tôi hỏi bác Juana.

“Trên đường với một cây thập tự trên lưng ông ấy,” bác Juana đáp.

Những tiếng động cơ gầm rú hòa lẫn với tiếng kêu la hò hét vọng vào từ bên ngoài. Một trong những tiếng hét đó là của Señor Pico.

Tất cả chúng tôi – bác Juana, tôi, Papi, rồi đến Beatriz, người vừa mới đi ra từ phòng của señora – ủa ra ngoài xem chuyện gì đang xảy ra. Hai chiếc xe tải quân đội đang nằm bắt chéo, án ngữ ở ngay giữa con đường. Đèn pha phía trước của chúng bật sáng, soi rọi một đoạn đường dài từ nhà của bác Juana và bác Luis xuống tận cổng nhà Doña Sabine.

Quân lính đang dàn thành một bức tường chặn đứng hàng ngũ những người đàn ông trong đội tuần tra của Unèl. Trong tay Unèl và những người bạn của anh lăm lăm những thanh mã tấu. Señor Pico đứng trên tai trước của chiếc xe tải đầu tiên và quan sát cuộc đối đầu.

Một vài người phu cắt mía đã bị tổng vào thùng xe của chiếc xe tải còn lại, canh gác bởi một đám lính trẻ. Họ đứng túm tụm với nhau, bám lấy nhau để giữ thăng bằng. Tôi nhận ra một vài khuôn mặt quen thuộc của những người làm việc ở các thị trấn lân cận, những người đàn ông đàn bà mà tôi đã gặp một hai lần khi họ tới đây thăm bạn bè, dự lễ Giáng sinh, hay ăn mừng ngày Quốc khánh của Haiti và Ngày tưởng niệm những vị anh hùng độc lập vào ngày thứ nhất và thứ hai mỗi năm.

Beatriz, bác Juana, và tôi tiến gần đến cây phượng, nơi chúng tôi có thể nhìn xuống con đường cái rõ hơn. Tôi cảm thấy hơi thở đầy lo sợ của bác Juana phả lên gáy mình. Bác lẩm nhẩm cầu nguyện Đức mẹ Maria và những vị thánh khác mà tôi chưa từng nghe bác gọi tên bao giờ.

“Quỳ xuống hoặc ngồi xuống!” Señor Pico thét lớn về phía nhóm của Unèl. “Hạ mã tấu của các người xuống. Chúng ta sẽ áp giải các người lên xe và đưa các người tới biên giới.”

Một vài tên lính nữa nhảy xuống từ xe tải của Señor Pico và đứng bên cạnh anh ở hàng đầu. Bác Luis đi ra từ đằng sau khu nhà vệ sinh và đến đứng gần cây phượng.

Chúng tôi di chuyển gần hơn về đường cái, đứng trên một mô đất ở phần thấp nhất của quả đồi. Bây giờ chúng tôi đang ở ngay đằng sau chiếc xe tải gần nơi Señor Pico đang đứng. Anh quay lưng về phía ngôi nhà nên không nhìn thấy chúng tôi.

“Quý xuống hoặc ngồi xuống!” Señor Pico lặp lại mệnh lệnh. “Hạ mã tấu của các người xuống. Chúng ta sẽ áp giải các người lên xe và đưa các người tới biên giới.”

Unèl ra hiệu cho nhóm của anh đứng yên. Không ai chịu quý hay ngồi xuống. Trái lại, họ tiến thêm những bước nhỏ về phía mũi xe nơi Señor Pico đang đứng chỉ đạo.

“Bọn ta sẽ không đòi nào quý xuống!” Unèl hét lớn.

“Công việc của các người trên những cánh đồng mía còn khổ sở hơn việc quý nhiều!” Señor Pico hét trả. “Các người làm việc quần quật như súc vật, đến mức không biết đứng là gì. Bỏ mã tấu xuống. Ta đã hết mía để cho các người cắt rồi.”

Những người đàn ông chửi rửa mẹ của Señor Pico là con điếm mặt hạng nhất được sinh ra trong một động đĩ, rằng bà anh và mẹ đỡ đầu của anh đã bị nguyên rửa phải sống kiếp bán trôn nuôi miệng. Ngày anh sinh ra trên đời là ngày của quý. Rất nhiều người trong đám Unèl cầu mong anh sẽ gặp một cái chết đau đớn và thê thảm trong nhục hình. Họ thề độc rằng một ngày nào đó anh sẽ mắc ghen bởi chính những lời nói của mình hôm nay, phải nhai chúng, nôn chúng ra, rồi phải nhai lại chúng lần nữa.

Đám binh lính cười chế nhạo những lời nguyên rửa đó. Xung quanh ngọn đồi, tất cả các ngôi nhà đã lên đèn và mọi người đang đổ xô ra ngoài, cố gắng nghe ngóng hay quan sát xem chuyện gì đang xảy ra.

Señor Pico nhìn xuống nhóm Unèl trong lúc anh cân nhắc xem phải giải quyết họ thế nào. Đột ngột, mẹ của bác sĩ Javier và Beatrix, Doña Eva, đâm xuyên qua đám đông, gạt đám quân lính ra để rẽ đường đi về phía chiếc xe tải của Señor Pico.

“Tôi có thể nói chuyện với cậu bây giờ được không, Señor?” Bà kêu tên Señor Pico.

Anh cúi xuống và nói với bà, “Doña Eva, xin bà hãy bình tĩnh và đợi một lát.”

“Tôi phải nói chuyện với cậu ngay bây giờ,” bà cương quyết. “Nó liên quan đến con trai tôi, Javier.”

“Doña Eva, xin bà làm ơn vào đợi ở trong nhà.” Beatriz đứng dậy và lên tiếng gọi mẹ.

“Anh trai của con đã bị bắt giữ,” Doña Eva thông báo cho Beatriz ngay khi bà tới chỗ chúng tôi. Bà thở không ra hơi, và toàn thân bà run lên bần bật. “Javier đã bị bắt ở nhà thờ, cùng với Cha Romain và Cha Vargas. Có người chạy đến báo tin cho mẹ, nhưng lúc mẹ tới nơi thì đám lính đã giải họ đi rồi. Mẹ muốn báo chuyện này với Pico. Có thể anh ấy sẽ nể ơn nghĩa của Javier với mình mà ra tay giúp đỡ chúng ta.”

Nếu bác sĩ Javier bị bắt, thì điều gì đã xảy ra với Sebastien, Mimi, và tất cả những người khác đang chuẩn bị trốn đi cùng ông ấy?

“Tôi không thể hiểu nổi,” bác Juana thì thầm. “Trước mắt tất cả các vị thánh hiển linh, đất nước của chúng ta đang rơi vào tay của những kẻ loạn trí.”

Doña Eva quàng một chiếc khăn hoa mỏng quanh lưng. Bà xiết nó sát gần ngực mình hơn. Beatriz đưa bà quay trở lại nhà trên ngọn đồi. Señor Pico quay lưng nhìn theo bóng họ leo lên đỉnh đồi. Anh nhìn thấy bác Juana, bác Luis, và tôi ở dưới chân đồi.

“Chúng ta sẽ đưa các người tới biên giới ngay bây giờ,” anh quay lại nhìn nhóm người đang đứng trên đường và ra lệnh.

Họ đồng thanh hô vang, “¡Nunca!” Không bao giờ!

Unèl vỗ hai tay vào nhau, củng cố tinh thần cho những người còn lại.

Señor Pico phát tay ra hiệu cho quân lính đang án ngữ trên con đường. Chiếc xe tải giam giữ những người phu làm việc trong nhà máy của Don Carlos lù lù tiến về phía trước. Một người trong nhóm Unèl chạy về phía chiếc xe và vấp ngã ngay trước mũi xe. Bánh xe trước nghiêng qua chân anh ta. Khuôn mặt anh ta méo xệo trong cơn đau từ nhịp lên xuống tưởng chừng như kéo dài vô tận của mỗi bánh xe.

Hai người khác trong nhóm Unèl chạy tới để giúp anh ta, nhưng bỏ chạy tán loạn khi chiếc xe tải lao về phía họ. Người đàn ông bị thương ngã vật ra, lăn lộn trên mặt đất. Khuôn mặt anh ta đóng băng trong cơn đau và sự khiếp sợ. Anh ta cố gắng kéo lê chân mình đi trước khi các bánh xe sau có thể nghiêng lên chúng.

Tôi chạy về phía anh ta, va phải những người đồng hương của mình đang trong cơn hoảng loạn tháo chạy. Chiếc xe tải dừng lại trước khi bánh sau của nó kịp đè nát người đàn ông nằm dưới đất. Một toán lính quây lại, bắt lấy người đàn ông, và quăng anh vào thùng xe.

Từ sàn xe tới mặt đất chỉ là một khoảng cách khá thấp. Người đàn ông với cái chân gãy quyết định mạo hiểm nhảy xuống. Anh ta ngã xuống với hai bàn tay chống trên mặt đất, rồi lập tức bò vào trong bụi rậm bên lề đường cho tới khi những đám cỏ cao nuốt chửng anh ta.

Những tên lính có lẽ đã nhận lệnh không được dùng súng trường, bằng không chúng đã có thể bắn chết những người tìm cách bỏ trốn. Thay vào đó, chúng tóm lấy những người đang ở

trước mặt. Hai ba tên quay vòng quanh một người, túm lấy tay chân kẻ xấu số, rồi lẳng anh ta vào đằng sau chiếc xe tải.

Tôi nghe thấy tiếng Señor Pico quát gọi tên tôi. “Amabelle, đi ra khỏi đường cái ngay!” Anh hét lớn, như thể sự có mặt của tôi ở đó là một hành động bất kính với anh và ngôi nhà của anh.

Tôi vừa lườn lách vừa tránh né để vượt qua những bộ đồng phục ka-ki. Những tên lính đang dùng roi da, cành cây, và gậy gộc quất túi bụi và những người đang tháo chạy. Một lưỡi roi da bò quất ngang lưng tôi. Cơn đau làm hông tôi tê rát trong lúc tôi chui vào bụi chuối rậm rạp đằng sau nhà bác Juana và bác Luis.

Tìm thấy bọc đồ giấu sẵn ở đó, tôi hé mắt nhìn qua kẽ lá chuối. Bác Juana và bác Luis đã không còn ở chỗ cũ gần gốc phượng.

Tôi dò dẫm đi ra gần bụi rậm, cố gắng vừa bám sát con đường cái vừa không để ai nhìn thấy mình. Unèl là một trong ba người đàn ông sót lại vẫn đang tiếp tục chiến đấu. Những người khác hoặc đã bị bắt giữ ở trong xe tải với những họng súng trường chĩa vào mặt hoặc đã bỏ chạy.

Unèl vung cây mã tấu về phía một trong những tên lính trẻ và để lại một vết cắt lẹm trên má hấn. Khi một toán lính ủa tới tìm cách bắt anh, Unèl uốn người và lách qua bọn chúng, miệng không ngừng kêu thét rằng cả đời anh chưa từng bao giờ sống mà phải quỳ trước mặt kẻ khác. Tất cả bọn lính đang đuổi theo anh, ngoại trừ Señor Pico vẫn đang đứng trên tai chiếc xe tải và quan sát.

Unèl lúc này đã bị bao vây bởi một vòng tròn quân lính. Ba tên giữ tay phải anh. Những tên còn lại giữ tay trái rồi khóa hai tay anh lại phía sau lưng. Một trong những tên sốt sáng hơn đã dùng lưỡi lê trên khẩu súng trường xuyên vào tay Unèl, để lại một

vết rách từ cổ tay lên cùi chỏ. Señor Pico nhảy xuống từ trên tai xe và nhìn Unèl bị trói lại bằng một sợi dây buộc gia súc và áp tải về phía sau xe. Unèl giãy giụa cật lực, cố gắng vùng ra khỏi bàn tay của những tên lính. Cuối cùng, anh và hai người còn lại bị tống vào sau thùng xe. Cửa sau xe đóng chặt lại và nhốt họ ở bên trong.

Señor Pico cho triệu tập một vài tên trong đám lính. Sau vài phút kiểm tra xung quanh đường cái, anh và một tá quân đi bộ lên ngọn đồi về phía nhà mình, trong khi đám còn lại lái xe đi cùng với những tù binh vừa bắt được. Với anh ta, dường như mọi việc vừa xảy ra chỉ là công việc ngày thường. Anh ta đã làm xong nhiệm vụ và bây giờ là lúc dành cho việc khác.

Khi anh ta đã đi khuất tầm mắt, tôi men theo con suối để đi tới nhà máy của Don Carlos. Có thể Sebastien vẫn chưa đi tới nhà thờ. Có thể anh ấy vẫn đang đợi cùng với Mimi ở khu nhà máy.

Vừa đặt chân vào khu nhà máy, tôi trông thấy hai tên lính đang uống rượu ở quầy của Mercedes. Tôi lẩn ra khỏi tầm mắt của chúng trong khi chúng khoe khoang với Mercedes và hai đứa con trai về những gì đã xảy ra ở nhà thờ, rằng đám bạn lính của chúng đã bắt giữ hai kẻ phản đồ – Cha Romain và Cha Vargas – cùng một đám nông dân, và rằng hai vị thầy tu đã khẩn nài được đi cùng tới pháo đài với những con chiên đã bị bắt giữ bên ngoài nhà thờ của họ.

“Các anh biết tôi kính phục Generalissimo như thế nào,” Mercedes phát biểu, giọng bà ta lè nhè hơi rượu mạnh. “Thế nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta xứng đáng bị trừng phạt nếu như chúng ta dám bắt giữ các cha xứ ngay tại nhà thờ của họ.”

“Đáng ra bà nên ở đó để chứng kiến cảnh đó,” một trong những tên lính vặc lại. “Hai tên cha xứ đó khóc lóc như những con mẹ

mới để tang chồng vậy.” Bên trong nhà thờ vắng tanh, chỉ còn lại một bức tượng Chúa Ki-tô bằng gỗ đóng đinh trên cây thập giá đang nhìn xuống những băng ghế lạnh yên. Tôi kiểm tra bên dưới tất cả các băng ghế, hy vọng sẽ tìm thấy một người nào đó đang trốn trong bóng tối có thể kể cho tôi nghe về những gì đã xảy ra trong nhà thờ. Theo những gì tôi quan sát được, mọi thứ vẫn ở nguyên chỗ cũ của nó, không hề bị dịch chuyển hay hất đổ. Nó cứ như thể là chưa có ai đi vào bên trong nhà thờ hôm nay, buổi lễ vẫn chưa bắt đầu, và mọi người vẫn chưa tụ tập.

Trong sân nhà thờ, tôi nghe văng vẳng những tiếng động chỉ vang lên trong đêm tối – tiếng ve sầu, tiếng ếch cây, và tiếng dơi kêu. Cánh cổng vào trường học vẫn đang khóa. Không có ánh sáng nào vọng ra từ sau cánh cửa ngôi nhà nơi Cha Romain, Cha Vargas, và một vài học sinh mồ côi sinh sống.

Rời khỏi nhà thờ, tôi tránh đi ra đường cái và chọn băng qua một bụi rậm đầy dương xỉ, cây hồng xiêm, và cây đu đủ dại để đi tới một hào dẫn nước bao quanh một thửa ruộng trồng mía non của Don Carlos.

Tôi ngồi đợi ở đó một lúc lâu, hy vọng rằng khi tôi đến được khu nhà máy thì những tên lính đã rời khỏi đó. Khi tôi bắt đầu lần mò vào trong ruộng mía, màn đêm đen kịt đã bao phủ không gian xung quanh. Bóng tối dày đặc như thể bạn đang nằm bên trong một cỗ quan tài chôn sâu dưới sáu tấc đất.

Trong bóng tối đó, những ý niệm về ánh sáng hoàn toàn không tồn tại, cứ như thể ánh trăng sáng lơ lửng trên đầu không dám bén mảng tới gần những tầng tầng lớp lớp lá mía, đan xen chồng chéo lên nhau như tôn lợp mái nhà.

Tiếng dế kêu và tiếng châu chấu vang lên rả rích trong những bụi mía. Tôi bước từng bước nhỏ, giữ chặt bọc đồ trên ngực. Tôi

không muốn tạo ra quá nhiều tiếng động trong lúc nhón chân đi qua những thân mía vì có thể phía bên kia bờ ruộng có những tên lính đang chờ sẵn. Tôi cũng không muốn những bước chân của mình đánh động bất cứ con vật nào đang ẩn náu dưới lớp bùn đất hay gặm nhấm quanh rễ mía: thỏ, chuột, hay những con rắn vườn mà Sebastien và những người khác luôn phải chạm trán trong lúc làm việc.

Một mùi tanh hôi nồng nặc bốc lên từ mặt đất. Lớp sinh lầy dưới gốc mía lún xuống dưới mỗi bước chân tôi. Những đọt mía ngắn hơn cắt vào chân tôi trong khi những thân mía cao hơn liên tục quất vào mặt tôi đến mức tôi phải đưa tay che mặt. Một tổ kiến đã tìm được đường bò lên đùi tôi. Tôi càng cố gắng đập chúng thì chúng càng bò nhanh lên trên lưng tôi.



Thấp thoáng đằng xa trong những ngôi nhà đóng tạm bợ trong khu nhà máy tỏa ra những quầng sáng mờ. Quầy rượu của Mercedes đã đóng cửa và những tên lính đã ra về. Nhà của những người phu cắt mía đều sáng đèn, nhưng không có một ai ngồi bên ngoài. Tôi phúi những con kiến bám trên tay trong lúc rảo bước về phía cửa nhà Kongo.

“Kongo, cháu là Amabelle đến gặp ông đây,” tôi thì thầm nói. Một vài người ló đầu nhìn ra khỏi nhà của họ khi tôi đi vào trong nhà của Kongo. Chân tôi rướm máu và hai cánh tay tôi bám đầy kiến lửa. Kongo soi ngọn đèn lên gần tay tôi và phúi hết những

con kiến đi. Tôi cảm giác có một dòng máu đang rỉ ra giữa hai lông mày.

“Họ có bắt được cô không ?” Ông vừa hỏi vừa lấy khăn tay lau những vết máu dính trên mặt tôi.

“Cháu đã lần trốn qua các ruộng mía,” tôi đáp.

Ông chỉ về phía chiếc chiếu của Joël và bảo tôi ngồi xuống. “Sebastien đã đi cùng Mimi tới nhà thờ,” ông nói. “Hai đứa nó đã tới đó để gặp cô. Những người khác nói với ta rằng xe tải quân đội đã tới và bắt chúng đi.”

“Có thật như thế không hả ông ?” Tôi vẫn chưa sẵn sàng để tin vào tai mình.

Ông mở nắp một chiếc nồi đặt ở giữa phòng và lấy từ trong đó ra một trái chanh. Ông bổ đôi quả chanh và ép hai nửa vào hai bên sống mũi tôi.

“Chúng sẽ giúp cô cầm máu.” Ông đưa hai miếng chanh cho tôi để xoa lên những vết cắt trên chân. Tôi cắn răng lại và bắt đầu xoa.

“Họ có thể bị đưa đi đâu?” Tôi hỏi.

“Nếu bọn chúng không giết họ ngay tại đó, chúng sẽ mang họ tới nhà tù ở biên giới gần Dajabón.” Ông nói với một giọng xa xôi thoát tục, như thể cái chết không còn có ý nghĩa gì với ông nữa. “Trước đó, chúng vẫn thường đưa bọn ta đến nhà tù gần Dajabón, rồi áp tải bọn ta đến cây cầu bắc ngang biên giới và thả bọn ta đi. Ta không biết rằng chúng có để họ đi lần này không. Yves giờ đang ở nhà của Doña Sabine. Bọn chúng không bắt cậu ta đi. Cậu ta là người đến báo tin cho ta về Sebastien và em gái

cậu ấy. Cậu ta muốn ta cùng đến lánh nạn ở nhà Doña Sabine. Ta bảo rằng ta sẽ ở lại đây, và nếu cần, ta sẽ chết ở đây.”

Một vài con kiến vẫn đang bò trên da đầu tôi, lẫn trốn trong những lọn tóc ngắn. Để đuổi chúng ra, tôi điên cuồng gãi đầu đến độ các đầu móng tay tôi dính máu khi tôi gỡ được chúng ra khỏi tóc mình.

“Vậy thì cháu sẽ đi đến Dajabón,” tôi đáp.

“Cô chắc chắn rằng cô không muốn ở lại đây chứ?” Kongo hỏi. “Chúng ta sẽ an toàn hơn nếu ở lại trong khu nhà máy.”

“Cháu muốn đi tới biên giới,” tôi nhắc lại. “Cô có biết đường đi tới đó không?”

“Cháu nghe nói rằng có thể đi đường núi để tới đó.”

“Cô hãy đi ngược dòng con suối về phía những ngọn núi. Cô có thể ngủ qua đêm trong các hang động trên đường đi. Đây là con đường mà trước đây ta đã nhiều lần đi qua để đến thung lũng này. Khi xuống núi, cô đã biết băng qua sông ở chỗ nào chưa? Ở một số đoạn, mực nước sông rất nông. Vào mùa này trong năm, chỗ nông nhất là ở gần cây cầu.”

“Cháu sẽ ghi nhớ những điều này,” tôi cảm ơn ông.

“Bọn quân lính có thể đang ở trên núi,” ông căn dặn. “Ta nghe từ một người phu ở trong nhà máy rằng bọn chúng đang đốt nhà của những người Haiti sinh sống trong những ngôi làng trên núi.”

“Trước khi đi, cháu cần phải nói chuyện với Yves,” tôi nói.

Ông nhìn xuống bọc đồ của tôi và thấy đường hằn của chiếc mặt nạ hình con trai ông trong đó. “Đừng đi theo đường qua ruộng mía nữa. Ta sẽ chỉ cho cô một lối đi khác.”

Chúng tôi nhón bước đi ra ngoài và quẹo ở góc quanh để đi qua vườn khoai mỡ của Sebastien. Tôi đứng lại đó trong giây lát và nghĩ về niềm vui của Sebastien khi anh được trồng và nuôi dưỡng những thứ cho bản thân mình sau một ngày lao động trên ruộng mía cho người khác. Tôi chui qua một hàng rào gỗ nằm kế một con đường nhỏ dẫn tới cánh cổng bên hông nhà Doña Sabine. Kongo quay trở lại con đường bí mật dẫn về nhà máy mà không nói thêm điều gì nữa.

Tôi đợi cho đến lúc ông quay trở về nhà máy rồi đi tới cổng trước nhà Doña Sabine. Tôi phải dùng một hòn đá đập cửa trước khi có người nghe thấy tiếng tôi. Mặc dù lo lắng rằng tiếng đập cửa của tôi có thể đánh động những tên lính đầu đó phía xa trên con đường cái, tôi không còn lựa chọn nào khác.

Félice hé mắt nhìn qua khe sắt trên cánh cửa, rồi mở vội cánh cửa sắt và kéo tôi vào trong. Không có một người bảo vệ nào đứng gác ở cửa.

“Mặt cô làm sao vậy?” Cô hỏi, vết bớt phập phồng với mỗi cử động của khuôn miệng.

“Chỉ là một vài vết xước thôi.” Tôi đưa tay sờ sống mũi. “Những người bảo vệ đi đâu hết rồi?”

“Don Gilbert và Doña Sabine đã đuổi họ đi rồi,” cô trả lời. “Họ sợ rằng những người bảo vệ sẽ trở mặt và phản bội họ. Doña Sabine đã đưa những người họ hàng của bà ấy cùng những người khác trong nhà trở về Haiti ngày hôm qua.”

Félice chỉ tay về phía bậc thềm trước ngôi nhà chính, nơi những người đàn ông đàn bà đang rướn cổ nhìn ngó xem chuyện gì đang xảy ra ở gần cổng. Một bà già và một cậu trai trẻ, có vẻ là hai mẹ con, bước lại gần chúng tôi.

“Tôi nghe nói tình hình bên ngoài đang rất xấu. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng la hét vọng vào tận đây,” Félice nói. “Có phải chị bị thương trong lúc đó không?”

“Chúng đã bắt Unèl và nhiều người đi cùng anh ấy,” tôi đáp. “Đã có ai chết chưa?”

“Unèl trông rất tệ.”

“Một vài người ngồi trên bậc thềm vừa mới trốn vào đây từ bên ngoài,” cô nói. “Có lẽ tôi nên đứng đợi ở đây phòng trừ có thêm nhiều người khác đến. Chúng ta không muốn họ gây quá nhiều tiếng ồn trong lúc gọi cửa và đánh động bọn lính tìm đến đây.”

Bà già và cậu trai trẻ nhìn chăm chăm vào màn đêm sau vai Félice. Đầu tóc bà dính đầy lá và bùn đất. Váy của bà bị rách ở bên đùi và đằng sau lưng. Quần áo của cậu con trai xộc lên mùi hành tỏi. Bàn tay cậu chai sần, với những ngón tay cong và gầy gập như tay của ông già.

“Bọn lính có thể đang ở gần đây,” Félice kết luận, “nhưng Don Gilbert và Doña Sabine đang ở đây. Tiền bạc và địa vị của họ có thể bảo vệ được chúng ta.”

“Chúng tôi đã tưởng rằng sẽ phải ngủ qua đêm trong ruộng mía,” bà già lên tiếng. “Rất nhiều người sẽ phải ngủ dưới những hẻm núi tối nay.”

“Tôi nghe tin rằng Sebastien đã bị bắt ở nhà thờ,” Félice nói tiếp. “Cả Mimi nữa.”

“Bọn chúng áp giải ông bác sĩ cùng với những người có ý định vượt biên lên xe tải,” bà già kể. “Chúng nhốt hai vị linh mục riêng trên một chiếc xe khác. Các linh mục van nài những tên lính cho họ được ở cùng với những con chiên của họ, nhưng chúng không chấp thuận. Một trong hai vị linh mục đã khóc lóc thảm thiết.”

Chúng tôi đi quanh sân tìm Yves. Anh đang nằm ngủ trước một dãy phòng ngủ cho người làm. Hai phiến gỗ còn lại của Papi đang dựa lưng vào tường bên cạnh anh.

Yves ngồi bật dậy khi tôi vừa mới đặt tay lên vai anh. Anh dụi mắt và quay đầu nhìn quanh như thể đã quên mất mình đang ở đâu.

“Tôi đã bán được nửa số gỗ rồi,” anh thông báo.

“Yves, anh có tận mắt nhìn thấy chúng bắt Mimi và Sebastien không?” Tôi hỏi.

“Tôi nhìn thấy rất nhiều người bị bắt,” anh nói, đầu gục xuống. Doña Sabine cất tiếng gọi Félice. Bà và Don Gilbert đang ngồi tựa lưng vào hai chiếc ghế dựa dưới hàng hiên, với một ngọn đèn bão đặt giữa hai người. Félice băng qua sân và leo lên những bậc thang đá để tới chỗ họ.

“Ai đến đó?” Tiếng của Doña Sabine vang vọng qua sân. “Một người bạn,” Félice trả lời.

“Người bạn này của cô là ai vậy?” Doña Sabine hỏi dồn. “Chúng ta cần phải hết sức cảnh giác.”

“Cô cần cẩn thận với những người mà cô mở cửa cho vào.” Don Gilbert nhắc lại lời cảnh cáo của vợ mình. “Chúng ta sẽ đi ngủ bây giờ.”

Trên đường lên phòng ngủ, Doña Sabine đưa mắt nhìn quanh khu nhà. Giọng nói của bà nhuốm màu tuyệt vọng, “Chúng ta sẽ không thể cứu được tất cả mọi người.”

Họ thậm chí còn không chắc sẽ có thể cứu nổi chính mình. Sau khi doña và chồng đã đi vào nhà, tôi nói với Yves, “Tôi phải đi tới Dajabón. Có thể tôi sẽ tìm thấy Mimi và Sebastien tại đó. Tôi cần phải đi ngay bây giờ.”

Tôi có thể cảm thấy rằng Yves không hy vọng quá nhiều vào điều đó, nhưng anh vẫn đồng ý đi cùng tôi. Khi Félice trở lại, chúng tôi thông báo với cô về việc chuẩn bị ra đi.

“Cô hãy gói ghém một ít đồ đạc,” Yves bảo cô, “và đi cùng chúng tôi.”

“Tôi không thể đi được,” Félice từ chối. “Tôi sợ lắm. Có lẽ điều này nghĩa là tôi đang già đi. Khi còn trẻ, tôi chẳng biết sợ là gì cả. Còn bây giờ, lúc nào tôi cũng sống trong sợ hãi.”

“Yves và tôi sẽ ở bên cạnh cô,” tôi thuyết phục.

“Tôi không muốn chết bờ chết bụi trên đường,” cô lắc đầu quây quây.

“Hãy chuẩn bị đồ đạc và đi với chúng tôi,” Yves tiếp tục. “Sẽ không có ai phải chết bờ chết bụi cả.”

“Tôi đã quyết định rồi,” cô đáp. “Tôi sẽ ở lại đây để chăm sóc cho cha của Joël.”

Tôi cởi bọc đồ và đưa cho Félice chiếc mặt nạ hình Joël của Kongo. Chị đưa nó lên sát mặt và âu yếm vuốt ve khuôn miệng bằng giấy với những ngón tay.

“Trông nó thật giống anh ấy,” chị nhận xét.

Yves cầm lấy chiếc mặt nạ từ tay Félice, nhìn xuống nó trong giây lát rồi dúi nó lại vào tay cô.

“Những phiến gỗ này đáng ra được dùng để đóng quan tài,” anh nói, chỉ tay vào những phiến gỗ tuyết tùng của Papi đang dựa vào tường. “Vì cô đã quyết định ở lại đây, tôi sẽ để lại chỗ gỗ này cho cô để đổi lấy một cây mã tấu tốt.”

Félice đi vào trong phòng của một trong những người làm và quay trở ra với một cây mã tấu cho Yves và một con dao chặt thịt dài cho tôi. Cây mã tấu được bọc trong một cái bao da bò màu nâu nhạt cùng một sợi dây quai để Yves có thể đeo nó sau lưng. Tôi cuộn con dao sắc nhọn trong chiếc váy còn lại rồi gói nó vào trong bọc đồ.

Félice tiễn chúng tôi ra cửa và mở cửa cho chúng tôi.

“Có lẽ một ngày nào đó tôi sẽ được gặp lại hai người,” cô nói lời từ biệt qua khe cửa.

Chúng tôi lần theo một con đường dẫn về thượng nguồn con suối. Yves nhặt một cành cây và nhip nó lên đùi trong lúc bước đi.

Chúng tôi sóng bước cùng với nhau trên hầu hết cả quãng đường đi. Anh để cho tôi đi lên trước khi con đường trở nên quá hẹp.

Trong suốt đêm đó, mỗi người chúng tôi chìm vào những suy nghĩ của riêng mình, cũng như những dự đoán về những gì đang chờ đợi chúng tôi phía trước.

B óng tối mỏng dần thành bình minh màu xám tro. Trước mặt chúng tôi hiện ra một dòng suối. Yves quỳ xuống vực một ngum nước đầy và súc miệng. Tôi úp mặt xuống suối để cho dòng nước lạnh buốt giúp tôi bình tĩnh khỏi cơn buồn ngủ.

“Anh nghĩ bao giờ chúng ta sẽ đến được biên giới?” Tôi hỏi. “Trong đêm nay,” anh trả lời, đưa tay ra sau lưng để chắc chắn rằng thanh mã tấu vẫn còn ở đó.

Anh đứng dậy và tiếp tục cuộc hành trình. Nước từ tóc tôi nhỏ giọt xuống thấm vào áo chên, khiến lớp vải cốt-tông mỏng của bộ quần áo người làm màu xám dính vào da tôi.

Một ngã tư tách con đường của chúng tôi thành hai hướng : một nhánh quay trở lại thung lũng, nhánh còn lại dẫn về phía những ngọn núi. Từ sau lưng, chúng tôi nghe thấy tiếng một chiếc xe bò lộc cộc xuống dốc. Chúng tôi vội nấp vào sau một bụi cây khô sâm rậm rạp để chờ cho chiếc xe đi qua.

Một tấm vải bọc lớn may từ bao tải đường màu nâu che phủ thùng xe. Hai con bò đực to béo phì phò kéo chiếc xe về phía trước. Những túi nước treo lủng lẳng bên hông chúng va đập vào các nếp gấp thịt trên bụng hai con vật. Cặp sừng của chúng bị buộc chặt và hai miếng gỗ được đặt ở gần mắt để ngăn chúng nhìn ngó lung tung.

Đi bên cạnh chiếc xe là hai người đàn ông. Áo của họ sơ vin chỉnh tề. Ống quần họ xắn cao đến bắp chân để lộ bàn chân lấm

bùn. Trên lưng họ đeo những khẩu súng trường và trong tay họ cầm những cuộn roi.

Chiếc xe đột ngột dừng lại. Bánh xe bị kẹt vào ổ gà nơi triền dốc đổ xuống một con đường trong thung lũng. Một trong hai người đàn ông quát roi xuống đất, rửa sả những con bò ù lì chậm chạp. Hai con vật tội nghiệp vật lộn giơ hai chân trước lên để thoát ra nhưng vẫn không thể kéo được chiếc xe ra khỏi ổ gà.

Từ phía sau thùng xe, một cô gái chừng mười bảy, mười tám tuổi rớt phịch xuống đất. Tôi ngỏng đầu lên để nhìn cô ấy được rõ hơn. Yves ấn vội vai tôi xuống, nhưng tôi vẫn có thể nhìn thấy cô ấy. Cô mặc một cái váy màu vàng cam với một mảnh khăn đội đầu màu tím bằng vải thưa. Trên thái dương và vai cô đầy những vết chém mã tấu.

Khuôn mặt cô nứt toác ra khi cô ngã đập xuống đất, xương gò má phải của cô lòi ra dưới lớp thịt đã bắt đầu thối rữa. Người cô lăn vài vòng, và trong giây lát cô ngửa mặt lên nhìn về phía bầu trời. Cô tiếp tục lăn qua bụi cây khổ sâm và xuống một con dốc. Bụi đất của ngọn núi bám đầy lên váy, cánh tay, và mặt cô. Chẳng mấy chốc, cả người cô bị bao phủ bởi một lớp bụi đất dày.

Những người đàn ông không nhận ra rằng cô gái đã rơi khỏi chiếc xe. Họ giơ roi lên tiếp tục quát một cách điên cuồng, nhưng những con bò vẫn không động cựa nổi. Cuối cùng, họ phải chạy ra phía sau để ỉn chiếc xe.

“Tám vải bọc bị hở rồi,” một người trong bọn họ nói, nhét tám vải bố vào phía trong thùng xe.

Có tiếng động đập dưới tám vải. Một tiếng rên khẽ phát ra từ bên trong thùng xe. Một trong những người đàn ông cầm một hòn đá to bằng nắm tay lên và nện lên đầu – hay có thể là khuỷu tay

– của người đang rên rỉ dưới tấm vải. Không còn tiếng cựa quậy nào sau đó nữa. Người đàn ông quẳng viên đá đi, rồi tiếp tục đẩy chiếc xe ra khỏi ổ gà. Sau đó, hai con bò tiếp tục công việc của mình và kéo chiếc xe qua cánh đồng, về phía thung lũng bên dưới.

Tiếng những con gà trống gáy vang vọng khắp núi đồi. Xác chết của cô gái xấu số đã lăn khỏi tầm mắt của chúng tôi. Có lẽ cô đã rơi xuống một trong các hẻm núi và nằm lại dưới một con lạch nào đó.

Vẫn còn tê cứng trong sự bàng hoàng kinh hãi, Yves lên tiếng, “Chí ít thì chúng ta đã sống sót qua hết đêm.”

Ngôi làng trên núi đầu tiên mà chúng tôi đặt chân tới lác đác những căn nhà nhỏ được chống đỡ trên những cây cột. Mỗi nhà chỉ có một phòng, mái nhà được lợp bằng lá dừa và rơm rạ. Một hàng những người bán rong đứng đằng sau những quầy hàng xập xệ làm bằng gỗ bên vệ đường. Phía sau lưng họ, tôi có thể nhìn thấy thung lũng. Từ độ cao này nhìn xuống, mọi thứ bên dưới dường như nhỏ bé hơn.



Yves dùng một trong hai đồng peso của anh để mua vài nải chuối, vài trái mận dứa, và vài quả xoài nhỏ. Anh nhét tất cả chỗ

hoa quả vào trong túi quần. Anh đưa cho tôi một ít, nhưng tôi không còn bụng dạ nào để ăn cả.

Trong lúc Yves ăn, một đoàn lễ diễu hành đi ngang qua chúng tôi. Đi đằng trước là ba người đàn bà đang cùng nhau bưng bức tượng của Đức Mẹ trong một cái hộp kính chạm khắc và được che phủ bởi một lớp vải lanh trắng. Những người đàn bà thì thầm cầu nguyện dưới hơi thở và đưa ngón tay lần tràng hạt. Giữa những lời khẩn nguyện và cầu xin, một vài người bọn họ trông giống như đang trong cơn đồng nhập.

Một sự đồng điệu giữa những người đàn bà thống khổ chắc hẳn phải tồn tại vì khi nhìn họ, tôi biết chắc chắn những người đàn bà này đang cầu nguyện điều gì trước cả khi lời thì thầm của họ đến được tai tôi. Buổi lễ cầu nguyện này nhằm mang người tình nhân đã rời bỏ họ quay trở lại, trợ duyên cho con cái của họ nên vợ nên chồng, giúp những đứa trẻ đang đau ốm chóng khỏi bệnh, và cuối cùng để phù hộ cho những người thân yêu đã lãng quên họ để đi tìm một cuộc sống mới nơi phồn hoa đô hội.

Một người trong số họ, người đàn bà đứng cuối đoàn, một tay dắt một con la còn tay kia bưng một tấm chân dung của Generalissimo. Bà ta đang cầu nguyện cho ông ta có sức khỏe tốt và thượng lộ bình an trên con đường đời. “Hãy để cho ngài tiếp tục dẫn dắt chúng con với một bàn tay rắn chắc và một trái tim không kém phần cương nghị,” bà ta khẩn cầu.

Bỏ lại ngôi làng phía sau lưng, chúng tôi đi bộ xuống một triền núi đầy sỏi đá. Chúng tôi im lặng bước đi một lúc lâu. Mặt trời chiếu xuống những tia nắng chói gắt và chúng tôi thì chẳng mang theo mũ hay ô để che đầu.

Tôi buộc túm gấu váy lại và kéo nó lên đến tận đùi. Yves nhìn thấy tôi qua khoeo mắt và anh giả vờ không trông thấy lớp vải sột

soạt trên làn da đang bong dần từng mảng đẳng sau chân tôi.

Khi đã đến chính ngọ, chúng tôi dừng lại nghỉ chân bên một vách núi. Tôi đưa tay giật một búi cỏ dại và hoa bồ công anh mọc giữa những khe đá, nhớ lại cách mà cha tôi hay gọi chúng là “pissanwit”. Ông dạy tôi rằng để chữa bệnh đái dầm của trẻ con, ta chỉ cần thổi những hạt bồ công anh bông xộp mỏng manh theo cơn gió.

Một bầy chim báo mưa kêu la ồm tỏi trong lúc bay ngang đầu chúng tôi. Trong bầy chim, tôi nhìn thấy những con chim nhọn đuôi chẻ, chim én, theo sau là một đàn chim chích màu vàng. Chúng ung dung bay lượn theo cơn gió trên những ngọn núi, nhẹ nhàng như thể đôi cánh của chúng không mang trọng lượng.

Yves tựa lưng vào một tảng đá và nhắm mắt lại. Tôi ngồi cách anh vài bước chân, mắt nhìn xuống vùng đất bên dưới, những đầm nước, những ruộng cây thuốc lá và cây mía, cùng những ngôi nhà nhỏ bé lấm chấm nơi chân đồi.

Ba người đàn bà và hai người đàn ông đang bước từng bước nặng nề trên một con đường nhỏ hẹp dẫn về chỗ chúng tôi. Họ giống như những mảnh ghép rời rạc của một gia đình, ngoại trừ việc hai trong số ba người đàn bà có mái tóc xoắn lộn màu vàng bí ngô. Hai người đó trông có vẻ giống dân Dominicana – hoặc lai giữa Haiti và Dominicana. Đối với vài người ở đây, rất khó để có thể đoán được gốc gác của họ là gì.

Người đàn ông đi đầu nhìn thấy tôi. Cả đoàn bọn họ rảo bước lên đỉnh đồi một cách đầy trông đợi. Mỗi người bọn họ đều mang theo một bọc đồ, ngoại trừ một người thanh niên nhỏ thó chân đi cà nhắc. Anh ta đã cởi áo ra và quần quanh đầu để chống lại cái nóng. Người thanh niên này khá trẻ với hai cánh tay không

đều nhau, một cái cuộn cuộn cơ bắp còn cái kia lại tong teo ốm yếu, chỉ có da bọc xương.

“Bây giờ thậm chí tôi còn ở gần mặt trời hơn nữa,” người đàn ông dẫn đầu than phiền khi họ đến được chỗ tôi và Yves. Anh ta có một giọng nói trầm bổng của những thầy tu sanba khi họ hát nói.

“Quanh đây chẳng có lấy một bóng râm nào cả,” người đàn bà đi cạnh anh ta kêu ca. Cô ấy đang tự quạt mát bằng cổ áo rộng hình cánh bướm. Cô và người đàn ông kia có cùng âm điệu trầm bổng trong giọng nói, khiến thoát đầu tôi tưởng rằng họ là anh chị em. Nhưng tôi nhận ra mình đã nhầm. Cô ấy là người đàn bà của anh ấy, và anh là người đàn ông của cô.

Tiếng trò chuyện làm Yves giật mình tỉnh dậy. Tôi hỏi người đàn ông với giọng nói mượt mà của một sanba, “Nhóm của anh từ đâu đến vậy?”

Anh và người đàn bà của mình, Odette, đến từ một nhà máy mía đường lớn của dân Yanki Bắc Mỹ ở phía bên kia hòn đảo.

“Chúng tôi nghe nói rằng ở trong những khu nhà máy lớn thì sẽ an toàn hơn,” tôi nói. “Tại sao mọi người không ở lại đó?”

“Cứ để mặc họ nói những gì họ muốn,” Odette trả lời, liếc xéo về phía tôi như để răn đe sự ngu muội trong câu hỏi của tôi. Cô xoay một vòng tại chỗ và hít vào một cơn gió nhẹ thoảng qua. Chỉ có cô và Wilner, người đàn ông với chất giọng sanba của cô, là cùng đến từ một nhà máy. Họ gặp những người còn lại trên đường đi, như cách họ gặp được chúng tôi, Odette giải thích.

Hai người đàn bà với bộ tóc màu bí ngô và người thanh niên với hai cánh tay không đều nhau ngồi thụp xuống để nghỉ chân. Họ

chia sẻ với nhau thức ăn gói trong chùm lá chuối và uống từ những bi đông cũ kỹ và một bình da đựng rượu.

“Anh có phải một người số đỏ không?” Wilner hỏi Yves.

Yves bật cười ha hả. “Tại sao anh lại muốn biết điều đó?” Anh hỏi.

“Tôi muốn biết vận may của một người như thế nào trước khi tôi chọn đi cùng với anh ta,” Wilner trả lời.

Tôi xích lại gần người đàn ông với hai cánh tay không đều nhau. Tôi bị anh ta thu hút, một phần vì tính tò mò nhưng cũng bởi tôi cảm thấy tội nghiệp anh ta. Tôi muốn nghe anh ta giải thích chuyện gì đã xảy ra với mình. Có phải anh ta bị như vậy là do bệnh lao hay một loại bệnh teo cơ nào đó? Hay là vì anh ta chỉ tập trung dùng một tay cắt mía mà bỏ quên tay kia? Có phải anh ta sinh ra đã như vậy rồi không?

Người thanh niên dường như không để ý đến dị tật của mình cho đến lúc có ai đó nhìn chăm chăm vào nó. Anh ngồi thẳng lưng dậy và uốn ngực ra để cho hai cánh tay trông có vẻ cùng kích thước.

Yves và Wilner đang bàn bạc với nhau xem nên chọn đi đường nào để đến biên giới nhanh hơn. Wilner đã đi qua con đường núi này ít nhất một lần nhưng không thể nhớ chính xác cung đường anh đã đi. Odette nhớ lại rằng có một số ngôi làng trên những ngọn đồi, nơi chúng tôi tốt nhất nên tránh xa. Tuy nhiên, bọn họ không đồng ý với nhau về việc cuộc hành trình sẽ kéo dài bao lâu.

“Chúng ta sẽ tới được biên giới trước khi mặt trời lặn tối nay,” Yves quả quyết.

“Anh tính nhầm rồi anh bạn,” người thanh niên với hai cánh tay không đều la lớn. “Phải mất ít nhất là hai ngày chúng ta mới mong đi qua hết những dãy núi này,” anh ta quả quyết, “và chúng ta cũng không muốn ở gần biên giới khi đêm xuống đâu.”

Hai người đàn bà tóc màu bí ngô lắng nghe chăm chú, ngay cả khi họ đang chia nhau phần thức ăn nước uống ít ỏi.

“Vậy thì chúng ta không nên lãng phí thời gian nữa,” Yves bắt đầu đi tiếp. “Nếu chúng ta chỉ dừng lại nghỉ chân vào ban đêm, cuộc hành trình sẽ ngắn đi rất nhiều.”

“Tên tôi là Tibon,” người thanh niên nói và chìa cánh tay bị tật về phía tôi.

“Anh đã đi trong bao lâu rồi Tibon?” Tôi hỏi anh ta. “Tôi đã cuộc bộ trong năm ngày rồi,” anh đáp.

“Anh có nhìn thấy ai bị bắt không ?” Tôi hỏi tiếp.

“Tôi đang trên đường về nhà máy nơi tôi làm việc,” anh hồi tưởng, “sau khi đi mua than khi hai tên lính túm lấy tôi và quăng tôi lên một cái xe tải đầy người. Những người chống cự bị bọn lính quất bằng lưỡi lê cho đến khi họ chấp nhận số phận. Sau khi tất cả chúng tôi bị nhồi lên xe, một vài người đã ngã ngoài và số còn lại thì không biết máu trên người mình là của ai với ai nữa. Bọn chúng đưa chúng tôi đến một vách đá cao ở La Romana nơi vùng biển đầy những con sóng dữ. Chúng bắt bọn tôi đứng thành từng nhóm sáu người ở mỏm đá, và bắt chúng tôi chọn hoặc nhảy xuống hoặc phải vượt qua một hàng rào những tên lính cầm lưỡi lê và vài người dân thường lăm lăm mã tấu phía sau. Bọn lính đã dạy cho họ cách chém mã tấu sao cho đầu chúng tôi lìa khỏi cổ một cách dễ dàng nhất.” Tibon dùng cánh tay xương xẩu chém một đường mã tấu vào xương đòn

gánh. “Chúng bắt từng nhóm sáu người dàn hàng ngang ở bên bờ vực,” anh kể tiếp. “Sau đó chúng quay về xe tải bắt thêm người. Cứ thế, chúng lần lượt thanh toán một nhóm, rồi một nhóm nữa, rồi một nhóm nữa.”

Tôi không nhớ nổi bao nhiêu lần anh ta nhắc đến những nhóm sáu người. Tại tôi ngừng nghe Tibon nói trong phút chốc và cố gắng tưởng tượng ra giọng nói của Sebastien, trấn an tôi rằng anh vẫn còn sống. Tôi biết rằng đây là điều mà anh lo ngại nhất, rằng tôi sẽ không biết chuyện gì đã xảy ra với anh và có thể sẽ nghĩ rằng việc anh biến mất là lỗi của tôi. Nhưng anh chưa hề biến mất. Tôi muốn tin vào điều này và cố gắng mượn tượng trong đầu giọng nói cũng như gương mặt của anh, cái đêm mà anh tìm đến tôi để thông báo rằng Joël đã chết, những đêm khác khi tôi đến gặp anh trong phòng để xoa tan đi nỗi mệt mỏi chán chường của anh, những đêm khi anh bị ám ảnh bởi mùi mía nồng nặc bám dính trên người, trong phòng anh, trong quần áo anh, trong cơn gió, thậm chí cả trong tóc anh, và những buổi sáng khi anh thức dậy và nguyên rửa tiếng cắt mía vì nó làm anh nhớ tới tiếng khô khốc của những cái chân gà bị bẻ gãy.

Tibon tiếp tục liệt kê những nhóm sau đó, hết sáu người này lại tới sáu người khác.

“Cuối cùng, bọn chúng bắt đến tôi,” anh nói.

Những người khác quay đầu lại nghe anh kể. Họ lắng nghe chăm chú, dường như không cưỡng lại được. Chỉ có mình Yves là không tỏ ra quan tâm tới câu chuyện. Anh lặng lẽ rảo bước, mắt nhìn thẳng vào con đường trước mặt.

“Khi tôi nhảy khỏi mỏm đá,” Tibon nói, “tôi tự nhủ với bản thân rằng mình sẽ không khiếp sợ. Tôi tự nhủ với mình, Tibon, ngày hôm nay mày và loài chim kia sẽ hòa làm một. Người ta nói rằng

một con chim chỉ biết đứng trên hai chân mà không tung cánh bay là một con chim lười biếng. Tibon, tôi nói với chính mình, hôm nay mày sẽ là một cánh chim.”

Anh dang rộng hai tay như những cánh bướm hiếm hoi lướt qua chúng tôi trong giây lát, như muốn thử sức với đôi cánh mới của mình trước những cơn gió hung bạo trên đỉnh núi.

“Quãng đường từ mỏm đá xuống đến biển rất dài,” anh kể tiếp. “Tôi cứ rơi mãi rơi mãi, băng qua cả những hòn đá nơi nhiều người bỏ xác lại. May mắn thay, tôi lại rơi xuống nước. Tôi cảm nhận rõ ràng lúc cơ thể mình tiếp nước vì nó sắc lạnh đến tê buốt như thể cả mặt biển là một thanh mã tấu khổng lồ vậy. Trên người tôi vẫn còn nhiều vết cắt do nước để lại. Cổ chân tôi thì bị dập, thế nên giờ tôi mới đi cà nhắc như thế này.”

Anh kéo ống quần lên để cho tôi nhìn thấy rõ những vết cắt trên cổ chân, nhiều vết rất sâu đã đóng vảy và dính đầy bụi đỏ từ những con đường khác nhau mà anh đã đi qua.

“Lúc này tôi đang bơi trong nước,” anh tiếp tục, “nhưng khi nhìn về phía bãi biển, tôi trông thấy những người nông dân đang cầm dao chờ sẵn. Một vài người bọn họ còn lội xuống nước để đuổi theo chúng tôi và tìm những chỗ gần cổ mà họ được dạy chém mã tấu vào đó để cắt đầu chúng tôi. Tôi bơi ra xa về phía một hang động bên vách vực. Tôi bám chặt vào một hòn đá và chống chọi lại với sóng nước cho tới khi đêm xuống. Cùng với một người sống sót khác, tôi tìm đường quay trở lại. Người bạn đồng hành của tôi cho rằng việc đi tiếp còn khổ sở hơn những hòn đá mà chúng tôi đã suýt bỏ xác lại nên đã quyết định quay trở lại nhà máy. Nhưng với tôi, tôi thể từ giờ cho đến khi tôi trút hơi thở cuối cùng, nếu phải chết, tôi sẽ chết trên hai bàn chân mình.”

Người đàn bà tóc bí ngô ngồi cạnh tôi bật khóc. Cả người cô ta sụm xuống, mặt rũ xuống sát ngực, còn má thì phồng lên như đang kiềm chế cơn buồn nôn. Tuy thế, những giọt nước mắt của cô vẫn tuôn ra một cách im lặng và tế nhị. Cô át tiếng khóc của mình bằng cái khăn mùi xoa của đàn ông, với cái tên Ilè thêu ở bốn góc.

Người đàn bà tóc bí ngô còn lại xích lại gần và quàng tay quanh người em gái mình.

Khi cô ta nhận thấy tôi đang nhìn họ, cô chỉ tay về phía Yves và hỏi tôi bằng tiếng Tây Ban Nha, “Anh ta có phải người đàn ông của cô không?”

“Không,” tôi trả lời.

“Tôi cứ tưởng anh ấy là người đàn ông của cô chứ,” Tibon nói, “Cái cách anh ấy nhìn cô giống như là anh ấy có thể dùng mắt mình che chở cho cô vậy.”

“Tôi đã đính ước với một người khác rồi,” tôi đáp.

“Người đàn ông đã đính ước với cô giờ ở đâu? Anh ấy đã bị bắt rồi à?” Người đàn bà đang vỗ về em gái mình hỏi tiếp.

“Đó là những gì tôi nghe được,” tôi trả lời.

“Tôi là Dolores. Đây là em gái của tôi, Doloritas⁽¹⁾,” cô ta nói sau một phút im lặng. “Mẹ chúng tôi phải chịu nhiều đau đớn mỗi lần sinh con nên bà đã đặt cho chúng tôi những cái tên buồn thảm như vậy.”

(1) Tiếng Tây Ban Nha, có nghĩa là nỗi buồn (dolores) và nỗi buồn nhỏ (doloritas).

Doloritas nuốt một tiếng nấc nghẹn trong cổ họng, kéo chiếc khăn mùi xoa khỏi mặt rồi hỏi, “Tên cô là gì?”

“Người ta gọi tôi là Amabelle,” tôi đáp.

“A, Amabelle, tên cô nghe như một ngụm nước mát trong mùa hạn hán vậy,” Tibon cười và nói.

“Chuyến đi của cô kéo dài bao lâu rồi?” cô chị gái tóc bí ngô hỏi tiếp bằng tiếng Tây Ban Nha. Dường như cả hai chị em họ đều không biết tiếng Kreyòl.

“Mới chỉ một ngày thôi,” tôi đáp.

“Chị em bọn họ đã đi với chúng tôi được ba ngày rồi,” Tibon nói. Doloritas lại tiếp tục đưa khăn mùi xoa lên lau những giọt nước mắt đang rơi lã chã.

“Cô đừng khóc nữa, Doloritas,” Tibon an ủi. “Hãy để dành một vài giọt nước mắt hạnh phúc khi chúng ta tìm được người đàn ông của cô chứ.”

Doloritas bỏ khăn mùi xoa xuống trong lúc ngẫm ngợi về điều Tibon vừa nói. Nếu một người tàn tật như Tibon có thể trốn thoát, thì chắc hẳn người đàn ông của cô cũng có cơ hội chứ?

“Chúng tôi là người Dominicana,” Dolores giải thích.

“Bọn họ đã bắt anh ấy đi,” Doloritas thêm vào. “Họ ập tới trong đêm và lôi anh ấy ra khỏi giường của chúng tôi.”

“Chúng tôi vẫn chưa học được cách nói ngôn ngữ của cô,” Dolores nói.

“Anh ấy và tôi vừa mới chung sống được sáu tháng,” Doloritas nói. “Tôi đã hứa với anh ấy là sẽ học tiếng Kreyòl để chuẩn bị cho chuyến viếng thăm gia đình anh ấy ở Haiti.”

“Tôi hoàn toàn không biết gì cả,” Dolores nói tiếp. “Sau khi họ bắt anh ấy đi, Doloritas cứ như người mất hồn. Con bé nằng nặc đòi đi đến biên giới để tìm người yêu. Tôi không thể để nó đi một mình trong tình trạng như vậy.”

“Tên anh ấy là gì?” Tôi hỏi, nhìn thẳng vào đôi mắt đỏ mọng của Doloritas. “Người đàn ông của cô, anh ấy tên gì?”

“Chúng tôi gọi anh ấy là Ilè,” cô nói và đưa cho tôi xem tên anh ta được thêu bằng chỉ trên chiếc khăn mùi xoa dầm nước mắt. “Ilè là tên biệt danh của Ilestbien. Anh ấy nói với tôi rằng nó có nghĩa là ‘anh ấy vẫn ổn’.”

Chúng tôi đi hết cả buổi chiều mà không hề dừng lại. Mặt trời đôi lúc đùa giỡn với chúng tôi bằng cách nấp sau những đám mây dày trong một lúc lâu.

Không khí trên đỉnh núi bắt đầu se lạnh khi hoàng hôn ập xuống. Vì đã thấm mệt nên chúng tôi không ai còn thiết chuyện trò với nhau nữa. Vả lại, những câu chuyện của chúng tôi chẳng làm được gì ngoài việc khiến người khác cảm thấy đau đớn hơn mà thôi.

Thỉnh thoảng, Tibon lại phá vỡ bầu không khí im lặng.

“Mọi người đều đang khao nhau rằng Generalissimo đang ở biên giới ngay lúc này. Có khi lão đang ở đó để chờ đón chúng ta cũng nên.” Anh nói như phun từng chữ trong lúc chờ đợi một câu trả lời, một tiếng đồng ý, hay một lời cự cãi.

Yves quay đầu nhìn về chỗ tôi đang đi bên cạnh hai người đàn bà Dominicana, với Tibon tập tễnh đằng sau lưng. Mặt anh thoáng vẻ thất vọng, như thể không tin được là tôi đã bỏ rơi anh sớm thế để đi tìm những người bầu bạn mới.

“Quá nhiều người chúng ta phải ở đây vì chính đất nước chúng ta – chính phủ của chúng ta – đã bỏ mặc chúng ta,” Tibon lại tiếp tục, nhưng vẫn không có một ai đáp lại anh. “Những người nghèo như chúng ta bị bán làm nô lệ trên ruộng mía để chính đất nước chúng ta không phải bận tâm tới chúng ta nữa.”

Mặt trời đang lặn xuống, và những thung lũng phía xa bên dưới đang nhạt nhòa dần vào hư không. Bóng đêm làm cho giọng nói của Tibon vang vọng một cách ma quái, như thể có nhiều người đang cùng lúc lặp lại cùng một câu nói.

“Sự thống khổ của những người nghèo đến từ chính cái nghèo của họ,” Tibon tiếp tục. “Một người nghèo, cho dù là ai đi nữa, sẽ luôn bị những người hàng xóm của anh ta ghét bỏ. Khi anh nán lại quá lâu ở nhà một người hàng xóm, lẽ tất nhiên là họ sẽ trở nên lo ngại và bắt đầu căm ghét anh.”

27

Bóng tối mỏng dần thành bình minh màu xám tro. Trước mặt chúng tôi hiện ra một dòng suối. Yves quỳ xuống vực một ngụm nước đầy và súc miệng. Tôi úp mặt xuống suối để cho dòng nước lạnh buốt giúp tôi bình tĩnh khỏi cơn buồn ngủ.

“Anh nghĩ bao giờ chúng ta sẽ đến được biên giới?” Tôi hỏi. “Trong đêm nay,” anh trả lời, đưa tay ra sau lưng để chắc chắn

rằng thanh mã tấu vẫn còn ở đó.

Anh đứng dậy và tiếp tục cuộc hành trình. Nước từ tóc tôi nhỏ giọt xuống thấm vào áo chèn, khiến lớp vải cốt-tông mỏng của bộ quần áo người làm màu xám dính vào da tôi.

Một ngã tư tách con đường của chúng tôi thành hai hướng : một nhánh quay trở lại thung lũng, nhánh còn lại dẫn về phía những ngọn núi. Từ sau lưng, chúng tôi nghe thấy tiếng một chiếc xe bò lọc cọc xuống dốc. Chúng tôi vội nấp vào sau một bụi cây khổ sâm rậm rạp để chờ cho chiếc xe đi qua.

Một tấm vải bọc lớn may từ bao tải đường màu nâu che phủ thùng xe. Hai con bò đực to béo phì phò kéo chiếc xe về phía trước. Những túi nước treo lủng lẳng bên hông chúng va đập vào các nếp gấp thịt trên bụng hai con vật. Cặp sừng của chúng bị buộc chặt và hai miếng gỗ được đặt ở gần mắt để ngăn chúng nhìn ngó lung tung.

Đi bên cạnh chiếc xe là hai người đàn ông. Áo của họ sơ vin chỉnh tề. Ống quần họ xắn cao đến bắp chân để lộ bàn chân lấm bùn. Trên lưng họ đeo những khẩu súng trường và trong tay họ cầm những cuộn roi.

Chiếc xe đột ngột dừng lại. Bánh xe bị kẹt vào ổ gà nơi triền dốc đổ xuống một con đường trong thung lũng. Một trong hai người đàn ông quất roi xuống đất, rửa sả những con bò ù lì chậm chạp. Hai con vật tội nghiệp vật lộn giơ hai chân trước lên để thoát ra nhưng vẫn không thể kéo được chiếc xe ra khỏi ổ gà.

Từ phía sau thùng xe, một cô gái chừng mười bảy, mười tám tuổi rớt phịch xuống đất. Tôi ngó đầu lên để nhìn cô ấy được rõ hơn. Yves ấn vội vai tôi xuống , nhưng tôi vẫn có thể nhìn thấy cô ấy. Cô mặc một cái váy màu vàng cam với một mảnh

khăn đội đầu màu tím bằng vải thưa. Trên thái dương và vai cô đầy những vết chém mã tấu.

Khuôn mặt cô nứt toác ra khi cô ngã đập xuống đất, xương gò má phải của cô lòi ra dưới lớp thịt đã bắt đầu thối rữa. Người cô lăn vài vòng, và trong giây lát cô ngửa mặt lên nhìn về phía bầu trời. Cô tiếp tục lăn qua bụi cây khổ sâm và xuống một con dốc. Bụi đất của ngọn núi bám đầy lên váy, cánh tay, và mặt cô. Chẳng mấy chốc, cả người cô bị bao phủ bởi một lớp bụi đất dày.

Những người đàn ông không nhận ra rằng cô gái đã rơi khỏi chiếc xe. Họ giờ roi lên tiếp tục quất một cách điên cuồng, nhưng những con bò vẫn không động cựa nổi. Cuối cùng, họ phải chạy ra phía sau để ỉn chiếc xe.

“Tắm vải bọc bị hở rồi,” một người trong bọn họ nói, nhét tấm vải bố vào phía trong thùng xe.

Có tiếng động đập dưới tấm vải. Một tiếng rên khẽ phát ra từ bên trong thùng xe. Một trong những người đàn ông cầm một hòn đá to bằng nắm tay lên và nện lên đầu – hay có thể là khuỷu tay – của người đang rên rỉ dưới tấm vải. Không còn tiếng cựa quậy nào sau đó nữa. Người đàn ông quăng viên đá đi, rồi tiếp tục đẩy chiếc xe ra khỏi ổ gà. Sau đó, hai con bò tiếp tục công việc của mình và kéo chiếc xe qua cánh đồng, về phía thung lũng bên dưới.

Tiếng những con gà trống gáy vang vọng khắp núi đồi. Xác chết của cô gái xấu số đã lăn khỏi tầm mắt của chúng tôi. Có lẽ cô đã rơi xuống một trong các hẻm núi và nằm lại dưới một con lạch nào đó.

Vẫn còn tê cứng trong sự bàng hoàng kinh hãi, Yves lên tiếng, “Chí ít thì chúng ta đã sống sót qua hết đêm.”

Ngôi làng trên núi đầu tiên mà chúng tôi đặt chân tới lác đác những căn nhà nhỏ được chống đỡ trên những cây cột. Mỗi nhà chỉ có một phòng, mái nhà được lợp bằng lá dừa và rơm rạ. Một hàng những người bán rong đứng đằng sau những quầy hàng xập xệ làm bằng gỗ bên vệ đường. Phía sau lưng họ, tôi có thể nhìn thấy thung lũng. Từ độ cao này nhìn xuống, mọi thứ bên dưới dường như nhỏ bé hơn.



Yves dùng một trong hai đồng peso của anh để mua vài nải chuối, vài trái mận dứa, và vài quả xoài nhỏ. Anh nhét tất cả chỗ

hoa quả vào trong túi quần. Anh đưa cho tôi một ít, nhưng tôi không còn bụng dạ nào để ăn cả.

Trong lúc Yves ăn, một đoàn lễ diễu hành đi ngang qua chúng tôi. Đi đằng trước là ba người đàn bà đang cùng nhau bưng bức tượng của Đức Mẹ trong một cái hộp kính chạm khắc và được che phủ bởi một lớp vải lanh trắng. Những người đàn bà thì thầm cầu nguyện dưới hơi thở và đưa ngón tay lần tràng hạt. Giữa những lời khẩn nguyện và cầu xin, một vài người bọn họ trông giống như đang trong cơn đồng nhập.

Một sự đồng điệu giữa những người đàn bà thống khổ chắc hẳn phải tồn tại vì khi nhìn họ, tôi biết chắc chắn những người đàn bà này đang cầu nguyện điều gì trước cả khi lời thì thầm của họ đến được tai tôi. Buổi lễ cầu nguyện này nhằm mang người tình nhân đã rời bỏ họ quay trở lại, trợ duyên cho con cái của họ nên vợ nên chồng, giúp những đứa trẻ đang đau ốm chóng khỏi bệnh, và cuối cùng để phù hộ cho những người thân yêu đã lãng quên họ để đi tìm một cuộc sống mới nơi phồn hoa đô hội.

Một người trong số họ, người đàn bà đứng cuối đoàn, một tay dắt một con la còn tay kia bưng một tấm chân dung của Generalissimo. Bà ta đang cầu nguyện cho ông ta có sức khỏe tốt và thượng lộ bình an trên con đường đời. “Hãy để cho ngài tiếp tục dẫn dắt chúng con với một bàn tay rắn chắc và một trái tim không kém phần cương nghị,” bà ta khẩn cầu.

Bỏ lại ngôi làng phía sau lưng, chúng tôi đi bộ xuống một triền núi đầy sỏi đá. Chúng tôi im lặng bước đi một lúc lâu. Mặt trời chiếu xuống những tia nắng chói gắt và chúng tôi thì chẳng mang theo mũ hay ô để che đầu.

Tôi buộc túm gấu váy lại và kéo nó lên đến tận đùi. Yves nhìn thấy tôi qua khoeo mắt và anh giả vờ không trông thấy lớp vải sột

soạt trên làn da đang bong dần từng mảng đẳng sau chân tôi.

Khi đã đến chính ngọ, chúng tôi dừng lại nghỉ chân bên một vách núi. Tôi đưa tay giật một búi cỏ dại và hoa bồ công anh mọc giữa những khe đá, nhớ lại cách mà cha tôi hay gọi chúng là “pissanwit”. Ông dạy tôi rằng để chữa bệnh đái dầm của trẻ con, ta chỉ cần thổi những hạt bồ công anh bông xộp mỏng manh theo cơn gió.

Một bầy chim báo mưa kêu la ồm tỏi trong lúc bay ngang đầu chúng tôi. Trong bầy chim, tôi nhìn thấy những con chim nhọn đuôi chẻ, chim én, theo sau là một đàn chim chích màu vàng. Chúng ung dung bay lượn theo cơn gió trên những ngọn núi, nhẹ nhàng như thể đôi cánh của chúng không mang trọng lượng.

Yves tựa lưng vào một tảng đá và nhắm mắt lại. Tôi ngồi cách anh vài bước chân, mắt nhìn xuống vùng đất bên dưới, những đầm nước, những ruộng cây thuốc lá và cây mía, cùng những ngôi nhà nhỏ bé lấm chấm nơi chân đồi.

Ba người đàn bà và hai người đàn ông đang bước từng bước nặng nề trên một con đường nhỏ hẹp dẫn về chỗ chúng tôi. Họ giống như những mảnh ghép rời rạc của một gia đình, ngoại trừ việc hai trong số ba người đàn bà có mái tóc xoắn lộn màu vàng bí ngô. Hai người đó trông có vẻ giống dân Dominicana – hoặc lai giữa Haiti và Dominicana. Đối với vài người ở đây, rất khó để có thể đoán được gốc gác của họ là gì.

Người đàn ông đi đầu nhìn thấy tôi. Cả đoàn bọn họ rảo bước lên đỉnh đồi một cách đầy trông đợi. Mỗi người bọn họ đều mang theo một bọc đồ, ngoại trừ một người thanh niên nhỏ thó chân đi cà nhắc. Anh ta đã cởi áo ra và quần quanh đầu để chống lại cái nóng. Người thanh niên này khá trẻ với hai cánh tay không

đều nhau, một cái cuộn cuộn cơ bắp còn cái kia lại tong teo ốm yếu, chỉ có da bọc xương.

“Bây giờ thậm chí tôi còn ở gần mặt trời hơn nữa,” người đàn ông dẫn đầu than phiền khi họ đến được chỗ tôi và Yves. Anh ta có một giọng nói trầm bổng của những thầy tu sanba khi họ hát nói.

“Quanh đây chẳng có lấy một bóng râm nào cả,” người đàn bà đi cạnh anh ta kêu ca. Cô ấy đang tự quạt mát bằng cổ áo rộng hình cánh bướm. Cô và người đàn ông kia có cùng âm điệu trầm bổng trong giọng nói, khiến thoát đầu tôi tưởng rằng họ là anh chị em. Nhưng tôi nhận ra mình đã nhầm. Cô ấy là người đàn bà của anh ấy, và anh là người đàn ông của cô.

Tiếng trò chuyện làm Yves giật mình tỉnh dậy. Tôi hỏi người đàn ông với giọng nói mượt mà của một sanba, “Nhóm của anh từ đâu đến vậy?”

Anh và người đàn bà của mình, Odette, đến từ một nhà máy mía đường lớn của dân Yanki Bắc Mỹ ở phía bên kia hòn đảo.

“Chúng tôi nghe nói rằng ở trong những khu nhà máy lớn thì sẽ an toàn hơn,” tôi nói. “Tại sao mọi người không ở lại đó?”

“Cứ để mặc họ nói những gì họ muốn,” Odette trả lời, liếc xéo về phía tôi như để răn đe sự ngu muội trong câu hỏi của tôi. Cô xoay một vòng tại chỗ và hít vào một cơn gió nhẹ thoảng qua. Chỉ có cô và Wilner, người đàn ông với chất giọng sanba của cô, là cùng đến từ một nhà máy. Họ gặp những người còn lại trên đường đi, như cách họ gặp được chúng tôi, Odette giải thích.

Hai người đàn bà với bộ tóc màu bí ngô và người thanh niên với hai cánh tay không đều nhau ngồi thụp xuống để nghỉ chân. Họ

chia sẻ với nhau thức ăn gói trong chùm lá chuối và uống từ những bi đông cũ kỹ và một bình da đựng rượu.

“Anh có phải một người số đỏ không?” Wilner hỏi Yves.

Yves bật cười ha hả. “Tại sao anh lại muốn biết điều đó?” Anh hỏi.

“Tôi muốn biết vận may của một người như thế nào trước khi tôi chọn đi cùng với anh ta,” Wilner trả lời.

Tôi xích lại gần người đàn ông với hai cánh tay không đều nhau. Tôi bị anh ta thu hút, một phần vì tính tò mò nhưng cũng bởi tôi cảm thấy tội nghiệp anh ta. Tôi muốn nghe anh ta giải thích chuyện gì đã xảy ra với mình. Có phải anh ta bị như vậy là do bệnh lao hay một loại bệnh teo cơ nào đó? Hay là vì anh ta chỉ tập trung dùng một tay cắt mía mà bỏ quên tay kia? Có phải anh ta sinh ra đã như vậy rồi không?

Người thanh niên dường như không để ý đến dị tật của mình cho đến lúc có ai đó nhìn chăm chăm vào nó. Anh ngồi thẳng lưng dậy và uốn ngực ra để cho hai cánh tay trông có vẻ cùng kích thước.

Yves và Wilner đang bàn bạc với nhau xem nên chọn đi đường nào để đến biên giới nhanh hơn. Wilner đã đi qua con đường núi này ít nhất một lần nhưng không thể nhớ chính xác cung đường anh đã đi. Odette nhớ lại rằng có một số ngôi làng trên những ngọn đồi, nơi chúng tôi tốt nhất nên tránh xa. Tuy nhiên, bọn họ không đồng ý với nhau về việc cuộc hành trình sẽ kéo dài bao lâu.

“Chúng ta sẽ tới được biên giới trước khi mặt trời lặn tối nay,” Yves quả quyết.

“Anh tính nhầm rồi anh bạn,” người thanh niên với hai cánh tay không đều la lớn. “Phải mất ít nhất là hai ngày chúng ta mới mong đi qua hết những dãy núi này,” anh ta quả quyết, “và chúng ta cũng không muốn ở gần biên giới khi đêm xuống đâu.”

Hai người đàn bà tóc màu bí ngô lắng nghe chăm chú, ngay cả khi họ đang chia nhau phần thức ăn nước uống ít ỏi.

“Vậy thì chúng ta không nên lãng phí thời gian nữa,” Yves bắt đầu đi tiếp. “Nếu chúng ta chỉ dừng lại nghỉ chân vào ban đêm, cuộc hành trình sẽ ngắn đi rất nhiều.”

“Tên tôi là Tibon,” người thanh niên nói và chìa cánh tay bị tật về phía tôi.

“Anh đã đi trong bao lâu rồi Tibon?” Tôi hỏi anh ta. “Tôi đã cuộc bộ trong năm ngày rồi,” anh đáp.

“Anh có nhìn thấy ai bị bắt không ?” Tôi hỏi tiếp.

“Tôi đang trên đường về nhà máy nơi tôi làm việc,” anh hồi tưởng, “sau khi đi mua than khi hai tên lính túm lấy tôi và quăng tôi lên một cái xe tải đầy người. Những người chống cự bị bọn lính quất bằng lưỡi lê cho đến khi họ chấp nhận số phận. Sau khi tất cả chúng tôi bị nhồi lên xe, một vài người đã ngã ngoài và số còn lại thì không biết máu trên người mình là của ai với ai nữa. Bọn chúng đưa chúng tôi đến một vách đá cao ở La Romana nơi vùng biển đầy những con sóng dữ. Chúng bắt bọn tôi đứng thành từng nhóm sáu người ở mỏm đá, và bắt chúng tôi chọn hoặc nhảy xuống hoặc phải vượt qua một hàng rào những tên lính cầm lưỡi lê và vài người dân thường lăm lăm mã tấu phía sau. Bọn lính đã dạy cho họ cách chém mã tấu sao cho đầu chúng tôi lìa khỏi cổ một cách dễ dàng nhất.” Tibon dùng cánh tay xương xẩu chém một đường mã tấu vào xương đòn

gánh. “Chúng bắt từng nhóm sáu người dàn hàng ngang ở bên bờ vực,” anh kể tiếp. “Sau đó chúng quay về xe tải bắt thêm người. Cứ thế, chúng lần lượt thanh toán một nhóm, rồi một nhóm nữa, rồi một nhóm nữa.”

Tôi không nhớ nổi bao nhiêu lần anh ta nhắc đến những nhóm sáu người. Tại tôi ngừng nghe Tibon nói trong phút chốc và cố gắng tưởng tượng ra giọng nói của Sebastien, trấn an tôi rằng anh vẫn còn sống. Tôi biết rằng đây là điều mà anh lo ngại nhất, rằng tôi sẽ không biết chuyện gì đã xảy ra với anh và có thể sẽ nghĩ rằng việc anh biến mất là lỗi của tôi. Nhưng anh chưa hề biến mất. Tôi muốn tin vào điều này và cố gắng mượn tượng trong đầu giọng nói cũng như gương mặt của anh, cái đêm mà anh tìm đến tôi để thông báo rằng Joël đã chết, những đêm khác khi tôi đến gặp anh trong phòng để xoa tan đi nỗi mệt mỏi chán chường của anh, những đêm khi anh bị ám ảnh bởi mùi mía nồng nặc bám dính trên người, trong phòng anh, trong quần áo anh, trong cơn gió, thậm chí cả trong tóc anh, và những buổi sáng khi anh thức dậy và nguyên rửa tiếng cắt mía vì nó làm anh nhớ tới tiếng khô khốc của những cái chân gà bị bẻ gãy.

Tibon tiếp tục liệt kê những nhóm sau đó, hết sáu người này lại tới sáu người khác.

“Cuối cùng, bọn chúng bắt đến tôi,” anh nói.

Những người khác quay đầu lại nghe anh kể. Họ lắng nghe chăm chú, dường như không cưỡng lại được. Chỉ có mình Yves là không tỏ ra quan tâm tới câu chuyện. Anh lặng lẽ rảo bước, mắt nhìn thẳng vào con đường trước mặt.

“Khi tôi nhảy khỏi mỏm đá,” Tibon nói, “tôi tự nhủ với bản thân rằng mình sẽ không khiếp sợ. Tôi tự nhủ với mình, Tibon, ngày hôm nay mày và loài chim kia sẽ hòa làm một. Người ta nói rằng

một con chim chỉ biết đứng trên hai chân mà không tung cánh bay là một con chim lười biếng. Tibon, tôi nói với chính mình, hôm nay mày sẽ là một cánh chim.”

Anh dang rộng hai tay như những cánh bướm hiếm hoi lướt qua chúng tôi trong giây lát, như muốn thử sức với đôi cánh mới của mình trước những cơn gió hung bạo trên đỉnh núi.

“Quãng đường từ mỏm đá xuống đến biển rất dài,” anh kể tiếp. “Tôi cứ rơi mãi rơi mãi, băng qua cả những hòn đá nơi nhiều người bỏ xác lại. May mắn thay, tôi lại rơi xuống nước. Tôi cảm nhận rõ ràng lúc cơ thể mình tiếp nước vì nó sắc lạnh đến tê buốt như thể cả mặt biển là một thanh mã tấu khổng lồ vậy. Trên người tôi vẫn còn nhiều vết cắt do nước để lại. Cổ chân tôi thì bị dập, thế nên giờ tôi mới đi cà nhắc như thế này.”

Anh kéo ống quần lên để cho tôi nhìn thấy rõ những vết cắt trên cổ chân, nhiều vết rất sâu đã đóng vảy và dính đầy bụi đỏ từ những con đường khác nhau mà anh đã đi qua.

“Lúc này tôi đang bơi trong nước,” anh tiếp tục, “nhưng khi nhìn về phía bãi biển, tôi trông thấy những người nông dân đang cầm dao chờ sẵn. Một vài người bọn họ còn lội xuống nước để đuổi theo chúng tôi và tìm những chỗ gần cổ mà họ được dạy chém mã tấu vào đó để cắt đầu chúng tôi. Tôi bơi ra xa về phía một hang động bên vách vực. Tôi bám chặt vào một hòn đá và chống chọi lại với sóng nước cho tới khi đêm xuống. Cùng với một người sống sót khác, tôi tìm đường quay trở lại. Người bạn đồng hành của tôi cho rằng việc đi tiếp còn khổ sở hơn những hòn đá mà chúng tôi đã suýt bỏ xác lại nên đã quyết định quay trở lại nhà máy. Nhưng với tôi, tôi thể từ giờ cho đến khi tôi trút hơi thở cuối cùng, nếu phải chết, tôi sẽ chết trên hai bàn chân mình.”

Người đàn bà tóc bí ngô ngồi cạnh tôi bật khóc. Cả người cô ta sụm xuống, mặt rũ xuống sát ngực, còn má thì phồng lên như đang kiềm chế cơn buồn nôn. Tuy thế, những giọt nước mắt của cô vẫn tuôn ra một cách im lặng và tế nhị. Cô át tiếng khóc của mình bằng cái khăn mùi xoa của đàn ông, với cái tên Ilè thêu ở bốn góc.

Người đàn bà tóc bí ngô còn lại xích lại gần và quàng tay quanh người em gái mình.

Khi cô ta nhận thấy tôi đang nhìn họ, cô chỉ tay về phía Yves và hỏi tôi bằng tiếng Tây Ban Nha, “Anh ta có phải người đàn ông của cô không?”

“Không,” tôi trả lời.

“Tôi cứ tưởng anh ấy là người đàn ông của cô chứ,” Tibon nói, “Cái cách anh ấy nhìn cô giống như là anh ấy có thể dùng mắt mình che chở cho cô vậy.”

“Tôi đã đính ước với một người khác rồi,” tôi đáp.

“Người đàn ông đã đính ước với cô giờ ở đâu? Anh ấy đã bị bắt rồi à?” Người đàn bà đang vỗ về em gái mình hỏi tiếp.

“Đó là những gì tôi nghe được,” tôi trả lời.

“Tôi là Dolores. Đây là em gái của tôi, Doloritas⁽¹⁾,” cô ta nói sau một phút im lặng. “Mẹ chúng tôi phải chịu nhiều đau đớn mỗi lần sinh con nên bà đã đặt cho chúng tôi những cái tên buồn thảm như vậy.”

(1) Tiếng Tây Ban Nha, có nghĩa là nỗi buồn (dolores) và nỗi buồn nhỏ (doloritas).

Doloritas nuốt một tiếng nấc nghẹn trong cổ họng, kéo chiếc khăn mùi xoa khỏi mặt rồi hỏi, “Tên cô là gì?”

“Người ta gọi tôi là Amabelle,” tôi đáp.

“A, Amabelle, tên cô nghe như một ngụm nước mát trong mùa hạn hán vậy,” Tibon cười và nói.

“Chuyến đi của cô kéo dài bao lâu rồi?” cô chị gái tóc bí ngô hỏi tiếp bằng tiếng Tây Ban Nha. Dường như cả hai chị em họ đều không biết tiếng Kreyòl.

“Mới chỉ một ngày thôi,” tôi đáp.

“Chị em bọn họ đã đi với chúng tôi được ba ngày rồi,” Tibon nói. Doloritas lại tiếp tục đưa khăn mùi xoa lên lau những giọt nước mắt đang rơi lã chã.

“Cô đừng khóc nữa, Doloritas,” Tibon an ủi. “Hãy để dành một vài giọt nước mắt hạnh phúc khi chúng ta tìm được người đàn ông của cô chứ.”

Doloritas bỏ khăn mùi xoa xuống trong lúc ngẫm ngợi về điều Tibon vừa nói. Nếu một người tàn tật như Tibon có thể trốn thoát, thì chắc hẳn người đàn ông của cô cũng có cơ hội chứ?

“Chúng tôi là người Dominicana,” Dolores giải thích.

“Bọn họ đã bắt anh ấy đi,” Doloritas thêm vào. “Họ ập tới trong đêm và lôi anh ấy ra khỏi giường của chúng tôi.”

“Chúng tôi vẫn chưa học được cách nói ngôn ngữ của cô,” Dolores nói.

“Anh ấy và tôi vừa mới chung sống được sáu tháng,” Doloritas nói. “Tôi đã hứa với anh ấy là sẽ học tiếng Kreyòl để chuẩn bị cho chuyến viếng thăm gia đình anh ấy ở Haiti.”

“Tôi hoàn toàn không biết gì cả,” Dolores nói tiếp. “Sau khi họ bắt anh ấy đi, Doloritas cứ như người mất hồn. Con bé nằng nặc đòi đi đến biên giới để tìm người yêu. Tôi không thể để nó đi một mình trong tình trạng như vậy.”

“Tên anh ấy là gì?” Tôi hỏi, nhìn thẳng vào đôi mắt đỏ mọng của Doloritas. “Người đàn ông của cô, anh ấy tên gì?”

“Chúng tôi gọi anh ấy là Ilè,” cô nói và đưa cho tôi xem tên anh ta được thêu bằng chỉ trên chiếc khăn mùi xoa dầm nước mắt. “Ilè là tên biệt danh của Ilestbien. Anh ấy nói với tôi rằng nó có nghĩa là ‘anh ấy vẫn ổn’.”

Chúng tôi đi hết cả buổi chiều mà không hề dừng lại. Mặt trời đôi lúc đùa giỡn với chúng tôi bằng cách nấp sau những đám mây dày trong một lúc lâu.

Không khí trên đỉnh núi bắt đầu se lạnh khi hoàng hôn ập xuống. Vì đã thấm mệt nên chúng tôi không ai còn thiết chuyện trò với nhau nữa. Vả lại, những câu chuyện của chúng tôi chẳng làm được gì ngoài việc khiến người khác cảm thấy đau đớn hơn mà thôi.

Thỉnh thoảng, Tibon lại phá vỡ bầu không khí im lặng.

“Mọi người đều đang khao nhau rằng Generalissimo đang ở biên giới ngay lúc này. Có khi lão đang ở đó để chờ đón chúng ta cũng nên.” Anh nói như phun từng chữ trong lúc chờ đợi một câu trả lời, một tiếng đồng ý, hay một lời cự cãi.

Yves quay đầu nhìn về chỗ tôi đang đi bên cạnh hai người đàn bà Dominicana, với Tibon tập tễnh đằng sau lưng. Mặt anh thoáng vẻ thất vọng, như thể không tin được là tôi đã bỏ rơi anh sớm thế để đi tìm những người bầu bạn mới.

“Quá nhiều người chúng ta phải ở đây vì chính đất nước chúng ta – chính phủ của chúng ta – đã bỏ mặc chúng ta,” Tibon lại tiếp tục, nhưng vẫn không có một ai đáp lại anh. “Những người nghèo như chúng ta bị bán làm nô lệ trên ruộng mía để chính đất nước chúng ta không phải bận tâm tới chúng ta nữa.”

Mặt trời đang lặn xuống, và những thung lũng phía xa bên dưới đang nhạt nhòa dần vào hư không. Bóng đêm làm cho giọng nói của Tibon vang vọng một cách ma quái, như thể có nhiều người đang cùng lúc lặp lại cùng một câu nói.

“Sự thống khổ của những người nghèo đến từ chính cái nghèo của họ,” Tibon tiếp tục. “Một người nghèo, cho dù là ai đi nữa, sẽ luôn bị những người hàng xóm của anh ta ghét bỏ. Khi anh nán lại quá lâu ở nhà một người hàng xóm, lẽ tất nhiên là họ sẽ trở nên lo ngại và bắt đầu căm ghét anh.”

C on đường mòn trước mặt chúng tôi mở rộng ra thành một đỉnh đồi bằng phẳng. Mỗi người trong chúng tôi ngồi phịch xuống ngay tại chỗ mình đang đứng khi được thông báo rằng cả nhóm sẽ nghỉ lại đây tối nay. Một vài tấm chăn mỏng được trải ra trên nền đất lạnh và như thế là quá đủ với những linh hồn mệt mỏi chỉ cần một chỗ ngả lưng và một manh áo để đắp lên người.

Wilner cấm mọi người không được nhóm lửa vì ánh sáng sẽ khiến chúng tôi dễ bị phát hiện từ đằng xa. Ngay cả Tibon tội nghiệp cũng không được phép đốt tẩu để hút một điếu thuốc.

Trăng tròn và sáng treo trên đỉnh đầu chúng tôi, nhưng chính những ngôi sao mới thu hút sự chú ý của tôi. Tôi chưa bao giờ thấy chúng hùng vĩ và gần sát với mình như vậy. Chốc chốc, một ngôi sao lại rớt xuống trên nền trời và nằm lại đâu đó đằng sau những ngọn núi, từ một quả cầu lửa sáng rực rỡ phai nhạt dần thành màn đêm tĩnh mịch.

Yves đi về chỗ tôi và đưa cho tôi hai quả chuối mà anh đã mua trên đường lúc sáng, và thêm một miếng cùi dừa mà tôi không biết anh đã mua lúc nào. Tôi ăn chỗ cùi dừa trước sau đó đến một trong hai trái chuối. Trái còn lại tôi giữ để dành trong bọc đồ của mình.

“Nếu tôi ngủ quên, cô hãy gọi tôi dậy,” Yves thì thầm. “Đừng để tôi nói mớ trong lúc ngủ.”

“Tất cả chúng ta không nên ngủ cùng một lúc,” Wilner nói trong lúc bò vào khoảng đất hẹp bên cạnh Odette. “Cần phải có những người ngồi trông chừng và đánh thức những người đang ngủ nếu cần.”

Ba người đàn ông chia nhau nhiệm vụ canh gác. Yves là người được giao canh gác khi gần hết đêm về sáng.

Chúng tôi thay phiên nhau ngủ rồi lại thức. Mỗi khi tỉnh dậy, hai chị em người Dominicana luôn thì thầm to nhỏ với nhau để nhắc nhở bản thân rằng họ đang ở đâu bằng những tiếng lẩm bẩm trong bí mật hay những cuộc trò chuyện gần như câm lặng.

Tôi chìm vào giấc ngủ chập chờn một vài lần. Nhưng mỗi lần mở mắt ra, đêm tối xung quanh tôi vẫn dày đặc, đến mức nếu không phải vì hơi lạnh từ dưới đất và những hòn cuội cộm lên dưới hông thì tôi đã nghĩ rằng có lẽ mình vẫn còn đang ngủ.

Một lần khác, mặt đất bỗng rung chuyển và đánh thức tôi dậy. Bụi đất và đá cuội rơi như mưa xuống đầu chúng tôi. Tôi quỳnh quáng bầu chặt lấy nền đất bằng cả hai bàn tay. Nhưng nhận ra rằng nếu chết như vậy thì thật là hèn nhát, tôi quyết định rũ đất trên người và đứng dậy.

Cả nhóm lục tục đứng dậy và đảo dác nhìn quanh xem chuyện gì đang xảy ra. Và cũng đột ngột như khi nó bắt đầu, những cơn chấn động của ngọn núi dừng lại.

Đêm lại quay trở về tĩnh lặng. Những con đom đóm đã lẩn đi đâu mất. Ngay cả những con dơi dường như cũng bàng hoàng trước chuyện vừa xảy ra.

“Chỉ là ngọn núi đang xoay mình mà thôi,” Wilner cất tiếng phá tan sự im lặng.

“Lạy trời cho nó đừng có xoay người và nằm lên đầu tôi!” Tibon thốt lên. Odette bật cười và tôi cảm thấy yên tâm hơn một chút.

Chúng tôi ngồi trong bóng tối một lúc, chờ đợi đợt chuyển mình thứ hai của những dãy núi. Những ngôi sao ngừng rơi và bắt đầu biến mất khỏi bầu trời. Chúng tôi quay về chỗ nằm, và tất cả đều ngủ thiếp đi dưới sự đòi hỏi của cơ thể.

Yves là người duy nhất không chớp mắt. Lúc hùng đông, tôi nhìn thấy anh ngồi ở mép ngọn đồi, mắt hướng về con đường phía trước. Anh đang chơi một trò chơi đơn độc. Anh cắm một cành cây vào một ụ đất, rồi từ từ xúc đất đi, mục đích để giữ cho cành cây vẫn đứng thẳng với lượng đất ít nhất có thể. Khi cành cây đổ xuống, anh thua cuộc trước chính mình và bắt đầu trò chơi lại từ đầu.

Đằng sau vai anh, một cuộn khói đầy muội than đen đang bốc lên từ một trong những ngôi làng mà chúng tôi đã bỏ lại sau lưng. Yves đã quá quen với cảnh tượng đó đến mức anh vẫn tiếp tục chơi trò chơi của mình, chỉ đôi khi liếc nhìn về hướng cuộn khói khi nó bay lên đủ cao và tan ra thành một phần của khí trời.

Tôi cố gắng đứng dậy thật nhẹ nhàng, nhưng cử động của tôi đã đánh thức những người còn lại. Odette, người đàn bà của Wilner, thức dậy trước, sau đó là Wilner, rồi đến hai chị em Dominicana, và cuối cùng là Tibon. Khi tôi đến được chỗ Yves thì mọi người đều đã tỉnh giấc và ngồi nhìn ngọn lửa đang càn quét một ngôi làng cách chúng tôi không xa bên dưới.

Không còn nghi ngờ gì nữa, cái mùi khét lẹt hôi thối đang phả vào mũi chúng tôi là mùi của máu đang cháy xèo xèo, của thịt da đang tan chảy để lộ ra xương cốt gân tủy, của một đồng xác người đang bị hỏa thiêu, như những đồng xác mà Generalissimo

đã ra lệnh cho đốt tại Plaza Colombiana sau cơn bão để ngăn dịch bệnh bùng phát và lây lan cho những người còn sống.

Yves đeo cây mã tấu lại sau lưng. Anh đưa tay tuốt dọc cành cây ban nãy, mặc kệ cho những mảnh dăm cắm vào đầu ngón tay. Odette đưa tay lên che mũi. Wilner nhẹ nhàng ôm trọn cả người cô vào vòng tay và dùng đưa qua lại để trấn an cô. Tôi cảm thấy Tibon đang run lên và nhận ra rằng tôi đang nắm cánh tay xương xẩu của anh.

Tibon ghé vào tai trái tôi thì thầm, “Hồi mười tuổi, tôi suýt chút nữa đã giết chết một thằng nhãi người Dominicana. Một hôm, tôi trông thấy nó đi ngang qua con đường trước khu nhà máy. Tôi đã dẫn cho nó một trận nhừ tử và bắt nó phải nói rằng cho dù nó sống trong một ngôi nhà to lớn còn tôi sống trong khu nhà máy thì nó cũng chẳng khá gì hơn tôi cả.”

Tôi buông tay ra khỏi những ngón tay dài mảnh khảnh của Tibon. Anh tiếp tục nói mỗi lúc một to hơn, “Tôi chộp lấy cổ thằng nhóc đó và đánh nó cho tới lúc tôi mệt lử. Nó cắn vào tay tôi rồi chạy biến đi mất. Chỗ nó cắn vẫn còn để lại sẹo đến tận bây giờ. Cô có muốn nhìn không?”

Anh ta cố gắng khoe vết sẹo trên cánh tay kích cỡ bình thường, nhưng không ai quay lại nhìn cả.

“Nó không bao giờ kể cho gia đình nó là tôi đánh nó hàng ngày. Tôi bảo với nó, ‘Tao sẽ đánh mày dã man hơn nếu mày dám hé răng ra với ai.’ Cuối cùng nó vẫn không chịu nói những gì tôi muốn nó nói, rằng hai đứa bọn tôi ngang hàng nhau, da thịt của tôi cũng giống như thịt da của nó.”

“Quá nguy hiểm để chúng ta tiếp tục đi theo đường trên núi,” Wilner cắt ngang lời Tibon. “Tôi đề nghị chúng ta tiếp tục đi

theo con đường này xuống và chuyển hướng sang đường rừng ngay khi có thể. Chúng ta sẽ tìm một nơi để băng qua sông sang phía bên kia.”

“Chúng ta có thể sẽ bị lạc ở trong rừng,” Yves phản đối. “Ở trong rừng, chúng ta sẽ đi lòng vòng trên cùng một con đường cả trăm lần mà không hay biết gì hết.”

“Anh có thể bị lạc ở trong rừng,” Wilner cãi lại. “Tôi thì không. Tôi biết dùng hai con mắt của mình.”

Wilner quay về chỗ hai chị em người Dominicana đang nhìn những cuộn khói và nói với họ bằng tiếng Tây Ban Nha, “Các cô sẽ không tiếp tục đi cùng chúng tôi nữa.”

“Chúng ta không thể bỏ mặc họ ở đây được,” Tibon phản kháng. “Sẽ chẳng lợi lộc gì nếu chúng ta đi với họ,” Wilner nói, như thể hai chị em họ đã đi khuất mắt chúng tôi rồi. “Tôi sẽ không chết thiêu như một con lợn chĩ vì họ đâu. Đây là đất nước của họ. Hãy để cho họ tự tìm đường đến biên giới. Họ có thể đến bất cứ ngôi làng nào trên những ngọn núi này và được chào đón ở đó.”

“Nhờ bọn họ phản bội chúng ta thì sao?” Odette hỏi. “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bọn họ chỉ điểm cho người đi bắt chúng ta?”

“Họ sẽ không phản bội chúng ta đâu,” Tibon quả quyết. “Tôi có thể cảm thấy điều này từ họ.”

“Chị em tôi sẽ để các người chọn con đường của mình, còn chúng tôi sẽ đi con đường của chúng tôi,” Doloritas lên tiếng. “Chúng tôi sẽ tiếp tục đi đến Dajabón và tôi sẽ đi tìm Ilestbien.”

Trong trí nhớ của mình, tôi hình dung Dajabón là một thị trấn đồi hiu vắng vẻ, một nơi tôi chưa từng đặt chân trở lại từ khi còn nhỏ. Bây giờ, ắt hẳn có rất nhiều người giống như chúng tôi

ở đó, mãi miết tìm kiếm những người thân yêu của mình, không phân biệt được ai còn sống và ai đã chết.

Bỏ mặc hai chị em họ lại phía sau, một phần trong tôi muốn thuyết phục cả nhóm cho họ đi cùng, nhưng những đám cháy bên dưới là một lời cảnh báo quá rõ ràng về những nguy hiểm đang chờ đón chúng tôi. Vả lại, chị em họ sẽ không gặp nhiều trở ngại như chúng tôi ở Dajabón. Nếu họ bị bắt phải nói “perejil”, họ có thể làm điều đó một cách dễ dàng. Với đa số bọn tôi, những chữ cái đó sẽ bị chuyển ngữ hoặc mang âm sắc của tiếng Kreyòl, giống như cách Doloritas phát âm tên người đàn ông của cô ta bằng giọng Tây Ban Nha. Nếu chúng tôi nói chuyện với chị em họ ở Dajabón, rất có thể có người sẽ nghe được và quyết định thanh toán chúng tôi tại đó.

Tôi chân chừ và quyết định đưa quả chuối còn lại cho hai chị em họ. Họ lắc đầu và đẩy tay tôi đi. Khi Yves giục tôi đi nhanh lên, tôi ngạc nhiên khi thấy mình có thể quay đi không chân chừ và bỏ họ lại. Nhưng tôi tự nhủ rằng việc quan trọng nhất bây giờ là phải tìm được Mimi và Sebastien.

Chúng tôi men theo con đường núi xuống bên dưới, đi xa khỏi những đám cháy. Mặt trời đã lên cao rồi. Đi vào trong rừng bây giờ có vẻ là một lựa chọn an toàn. Cây cối rậm rạp sẽ che phủ chúng tôi. Trong rừng, chúng tôi có nhiều chỗ để lẫn trốn hơn, và có thể uống nước từ những con suối nhỏ.

Trời đã đổ sang gần trưa, và có cái gì đó chột nhặc tôi nhớ rằng hôm nay là thứ Bảy. Tôi nghĩ về những ngày thứ Bảy trước đó, ngồi trong nhà với Señora Valencia và may vá quần áo cho bọn trẻ, đi qua các quầy hàng trong chợ với bác Juana, giúp Papi chăm sóc cây trong vườn, đi thăm Sebastien ở nhà máy – ngay cả sau những ngày dài khi anh phải làm tăng giờ trên ruộng mía để kiếm thêm vài đồng peso trả nợ. Trong một thời gian dài, đó

là cuộc đời của tôi. Nhưng bây giờ tất cả chỉ còn là dĩ vãng. Giờ đây, tất cả chúng tôi phải cố bằng mọi giá để tìm thấy tương lai cho mình.

Tôi biết chính xác mình cần phải làm gì sau khi vượt qua bên kia biên giới. Tôi sẽ đổi những đồng peso còn lại sang đồng gourde và thuê một căn nhà nhỏ trên con đường gần pháo đài, nơi tôi từng sống khi còn bé. Tôi băn khoăn không biết ai đang sống trong ngôi nhà của tôi trước kia và liệu tôi vẫn có thể xác nhận rằng mảnh đất đó là của hồi môn của mình hay không. Tôi không có giấy tờ gì để chứng minh điều đó. Nhưng có thể cơ quan nào đó đã ghi chép lại rằng mảnh đất đó là của cha mẹ tôi và do đó vẫn thuộc quyền sở hữu chính đáng của tôi, cho dù tôi đã không sống ở đó trong một thời gian dài.

Tibon trở nên im lặng như những người còn lại sau khi chúng tôi chia tay hai chị em. Chúng tôi đang đi xuống một đoạn đường núi rất dốc, đòi hỏi sự tập trung cao độ của cả nhóm, nhất là Tibon vì cổ chân bị thương của anh. Trên đoạn dốc như thế này, chúng tôi có thể dễ dàng trượt chân lăn xuống một hẻm núi đầy đá sắc nhọn và những cây hoa gạo với cành lá vươn cao như những ngọn đồi và bộ rễ ngoằn ngoèo trên mặt đất như lòng ruột của những con thú đã chết.

Chúng tôi xuống tới chân núi khi trời đã về chiều. Trước cửa rừng xuất hiện một cụm nhỏ những căn nhà lợp mái rơm và nhà gỗ dựng xen kẽ, với những nhánh cây thuốc lá phơi khô treo đầy trên dây chằng xung quanh nhà.

Tibon khập khiễng đi tới ngôi nhà đầu tiên trong dãy năm căn nhà đang trước.

“Không có ai ở đây cả,” anh thông báo trong lúc đi thám thính những căn nhà còn lại. Wilner và Odette đi vượt lên trước anh.

Họ phát hiện ra rằng bốn căn nhà còn lại cũng hoàn toàn vắng bóng người.

“Có thể những người chủ nhà đang đi trồng cây thuốc lá,” Wilner đoán. “Hoặc có thể họ đã mang chúng đi bán rồi.”

Wilner đi ra đi vào từng căn nhà, rồi quay trở lại bên cạnh người đàn bà của anh. Anh tìm thấy vài bó ngô và một cái giếng với gàu nước treo vào đầu một sợi dây. Odette tìm thấy vài cái bát gỗ và bắt đầu chia nước cho tất cả mọi người.

“Khi đang khát nước,” Odette nói, “cho dù ta có uống bao nhiêu đi chăng nữa thì không ngậm nào sau đó giống như ngậm đầu tiên.”

“Anh không hiểu tại sao không có nhiều người hơn chọn đi đường núi giống chúng ta,” Wilner nhận xét trước khi uống.

“Đây là một ngọn núi rất lớn,” Tibon nói.

“Có khi nào là do đám cháy chăng?”, Odette thêm vào.

“Ắt phải có những người đã đi qua đây trước đám cháy đó chứ?” Wilner đáp lời.

“Cũng có thể là chẳng còn ai sống sót nữa cả,” Odette nói. Cô vã chỗ nước còn lại lên mặt, rồi lau rửa hai nách và hõm ngực. Wilner tiếp tục ra vào các căn nhà để xem còn tìm được thứ gì hữu ích nữa không.

Anh chạy ra với một xấp giấy tờ đất đai trong tay. “Nhìn này, tôi tìm thấy những thứ này ở dưới tấm nệm,” anh nói. “Chủ nhà là những người thương lái Haiti. Họ có cả một đại gia đình ở đây.”

“Vây thì hẳn là họ không nghèo rồi.” Tibon cởi chiếc áo cuộn trên đầu và mặc nó lên người. Anh lôi từ trong túi quần ra một cái tẩu bằng gỗ và nhồi vào đó một chút thuốc lá, mặc dù trông chúng vẫn chưa đủ khô để có thể hút được. Anh ngậm cái tẩu chưa châm lửa, kéo từng hơi dài không nhả khói, và rên lên khoan khoái. Đây là lần đầu tiên anh ta có vẻ cảm thấy bớt tội lỗi kể từ sau khi chúng tôi bỏ lại hai chị em người Dominicana.

Lúc này đây, tất cả chúng tôi đều chắc chắn rằng may mắn đã mỉm cười với mình, Nếu những người chủ nhà quay trở lại, họ sẽ mời chúng tôi nghỉ lại qua đêm và sự có mặt của họ sẽ che chở cho chúng tôi. Suy nghĩ đó nhen nhóm trong đầu tất cả mọi người, ngoại trừ Yves.

Yves đứng một mình, cách xa mọi người. Anh đang dựa người vào cây gạo to nhất ở trong sân, tay cầm một chiếc xăng đan bám đầy bụi mà anh nhặt lên từ dưới đất. Anh tiếp tục nhìn lên, như thể đang tìm một mảnh bầu trời giữa những kẽ hở nhỏ trong tán lá rộng của cây gạo.

Tôi đi về phía anh, định bụng nói gì đó dí dỏm, ví dụ như quả là một điều thần kỳ rằng chỉ mới đây thôi chúng ta còn đang đứng ở trên nhìn xuống những ngọn cây này thế mà lúc này chúng ta đã đang đứng ở dưới tán của chúng rồi.

Anh tiếp tục nhìn lên, mặc dù đó có vẻ không phải là ý muốn của anh. Tôi hướng mắt lên về phía anh đang nhìn. Đầu tiên, tôi không nhận ra những hình thù đó là gì, những dáng hình to lớn không đổ bóng xuống mặt đất. Họ bị treo lơ lửng trên những sợi roi quất bò: những cẳng chân, bắp chân, và cánh tay lòng thòng. Tôi đếm được mười hai đôi chân cả thảy. Khuôn mặt họ trương phình lên khiến cho cổ họ mắc kẹt quanh nút thòng lọng. Ba người đàn ông. Năm người đàn bà. Và hai cậu bé.

Một chiếc xăng đan da màu nâu đang đung đưa gần rơi trên bàn chân của một người đàn ông bị treo cổ. Chiếc xăng đan còn lại đang nằm trong tay Yves.

Tôi đập tay lên gáy nơi tôi vừa bị một con bọ hay một đám côn trùng chích. Tôi nhăn mặt trước cơn đau từ chính cú đập của mình. Yves thả chiếc xăng đan rơi xuống đất.

“Chúng ta phải đi ngay,” anh vừa đi về phía những căn nhà gỗ vừa thông báo. “Nếu chúng ta đi ngay, chúng ta có thể tới được Dajabón khi đêm xuống.”



Phải mất một lúc chúng tôi mới tụ tập được tất cả mọi người.
“Tại sao chúng ta không ngủ lại đây tối nay?” Tibon hỏi khi

chúng tôi tìm thấy anh ta. Cái tàu được châm giờ đang nằm giữa hai môi anh.

“Nếu những người này đã bị đuổi đi thì sao?” Yves nói. “Những kẻ đã đuổi họ đi chắc chắn sẽ quay lại tối nay để thu vét chỗ thuốc lá này. Và còn những kẻ đã châm lửa đốt những ngôi làng trên núi nữa, bọn chúng cũng có thể đi xuống về hướng này.”

Sau đó mọi người đều đồng ý rằng cả nhóm nên đi tiếp.

“Tôi quen biết những người ở Dajabón có thể cho chúng ta trú nhờ,” Yves nói trong lúc chúng tôi đi vào rừng.

“Bọn tôi cũng vậy,” Odette đáp lời.

29

Khi chúng tôi đặt chân tới Dajabón thì trời đã xẩm tối. Mặc dù vậy, cả thị trấn vẫn bừng sáng ánh đèn như trong một lễ hội diễu hành. Lần bước tới quảng trường, chúng tôi đi qua những hiên nhà đầy nhóc người đang ca hát nhảy múa. Số còn lại say sưa chè chén xung quanh bàn domino với những người hàng xóm. Trước cửa nhà họ kết đầy những chùm bông giấy sặc sỡ và chân dung Generalissimo được vẽ trên khắp các bức tường nhà.

Đám đông đang đổ xô trên con đường lát đá mới về phía quảng trường đối diện với nhà thờ của thị trấn. Những bản hòa tấu âm thanh vang lên, trộn lẫn tiếng trẻ con gõ lanh canh lên những cái cốc bằng thiếc tráng men, tiếng những người đàn bà nạo củi dừa soàn soạt, và tiếng những người đàn ông gõ thùm thụp lên mặt trống.

Trước mặt chúng tôi xuất hiện một đám trẻ con mặc đồng phục học sinh với ba màu xanh, đỏ, và trắng. Trong tay chúng cầm những biển ngữ viết tên của Generalissimo.

“Viva Trujillo!”⁽¹⁾ Lũ trẻ ngân nga hòa nhịp theo tiếng hát và cầu nguyện của đám đông.

(1) Tiếng Tây Ban Nha: Tổng thống Trujillo muôn năm!

Tôi nhìn xuống quần áo của mình, rồi đến Yves, Tibon, Wilner, và Odette. Cả bọn chúng tôi đều trông nhếch nhác và lấm lem bùn đất. Dù cho chúng tôi có giấu bọc đồ của mình kỹ thế nào,

bọn họ vẫn có thể nhận ra chúng tôi là những người đang gấp rút chuẩn bị để chạy trốn. Chúng tôi cố gắng hòa lẫn vào đám đông, cố gắng tỏ ra mình là những người khách vắng lai lơ ngơ từ các vùng nông thôn chứ không phải những kẻ nô bộc da đen trong cơn khiếp sợ.

Tôi đi theo sau Yves, cố gắng không để anh rời khỏi tầm mắt trong lúc anh rẽ lối đi qua đám đông lộn nhộn. Tibon đi đằng sau tôi. Cứ chốc chốc, anh ta lại vịn cánh tay xương xẩu lên vai tôi mỗi khi chúng tôi phải dừng lại để nhường cho một nhóm người chen lấn lên trước.

Trong một lần đứng lại nghỉ, Tibon ghé tai tôi thì thầm rằng Wilner và Odette đã tách ra khỏi nhóm. Họ đã đi tìm những người họ có thể trả tiền để đưa chúng tôi qua sông một cách an toàn. Họ dặn chúng tôi đợi họ ở đài phun nước lớn nằm ở chính giữa quảng trường.

Tôi chen lên trước để báo tin cho Yves.

“Chúng ta sẽ cố gắng đợi họ,” anh đáp, mắt tiếp tục nhìn xuống trong lúc chúng tôi luồn lách qua các khe hở nhỏ giữa những thân người san sát.

Nhà thờ được trang hoàng bằng những ngọn đèn từ trên tháp chuông rủ xuống tới cửa trước. Các quý bà xúng xính trong váy đầm dạ tiệc với chiếc eo bó sát và cổ áo xếp viền chéo. Họ hớn hở nhón bàn chân bọc trong những đôi giày thắt quai ra khỏi ô tô và ríu rít đi về phía cửa nhà thờ, bỏ rơi đám tùy tùng lại đằng sau trong cơn phấn khích. Tôi tự hỏi không biết Señor Pico có ở trong số họ không. Có rất nhiều xe tải quân đội đậu thành hàng trước mặt chúng tôi, một số khác nằm rải rác quanh quảng trường. Quân lính đang lùng sục và quan sát đám đông, đề phòng những kẻ gây rối.

Tôi đồng tai nghe ngóng những mẩu đối thoại vụn vặt xung quanh và biết rằng Generalissimo đang ở trong nhà thờ. Trước đó, ông ta đã có một bài phát biểu trước đám đông, khẳng định một lần nữa rằng vấn nạn của những người Haiti ở Dominicana sẽ nhanh chóng được giải quyết.

Trong giọng nói của những người tường thuật lại bài phát biểu chất chứa sự hào hứng vui mừng. Vài kẻ cho rằng Generalissimo sẽ gây chiến với Haiti để ép tất cả chúng tôi phải quay về nước. Tôi cũng nghe được một vài lời thì thầm đầy âu lo bằng tiếng Kreyòl từ những người mong muốn được vượt biên như chúng tôi nhưng lại sợ rằng việc tụ tập thành nhóm đông là quá nguy hiểm cho tất cả mọi người.

Một vài người Dominicana đứng kế bên nhìn chúng tôi bằng ánh mắt thương hại nhiều hơn là căm ghét. Những người khác thì chỉ trỏ và cười cợt. Họ kể cho con cái họ nghe rằng chúng tôi là những kẻ ăn thịt trẻ con và chó mèo.

Đám đông đổ dồn vào quảng trường đối diện nhà thờ. Tất cả bọn họ đều mong chờ tới lúc Generalissimo bước ra khỏi nhà thờ. Sự hiện diện của ông ta như một sự kiện thiêng liêng có thể làm thay đổi cuộc đời của họ.

Dàn nhạc của Presidente Trujillo⁽¹⁾ đang chơi xung quanh đài phun nước nơi Wilner dặn chúng tôi ngồi đợi anh và Odette.

⁽¹⁾ *Tiếng Tây Ban Nha: La Orquesta Presidente Trujillo.*

Yves nắm tay tôi và kéo tôi ra ngoài rìa đám đông. Tôi ngoái lại để chắc chắn rằng Tibon vẫn bắt kịp chúng tôi.

Chúng tôi tìm đến một góc tối dưới một bụi cây keo trang trí bằng những con chim thiên đường đỏ thắm. Một toán năm gã

thanh niên du đang chăm chú nhìn chúng tôi từ bên dưới một dàn hoa giấy cách đó vài bước chân. Mặt họ đỏ gay như thể họ cũng đi bộ cả ngày dưới ánh nắng mặt trời như chúng tôi vậy.

“Tốt nhất là chúng ta nên đi tới biên giới ngay bây giờ,” Yves vừa nói vừa đưa mắt nhìn đám thanh niên đang quan sát anh. “Tôi không chắc chúng ta có thể trông cậy vào bạn bè của tôi. Tôi còn không biết rằng liệu họ có còn ở đây không nữa.”

Tibon đồng ý, nhưng anh muốn cho Wilner và Odette thêm một chút thời gian để tìm chúng tôi.

“Chúng ta nên đi ngay bây giờ,” Yves nói qua những kẽ răng mà không mấp máy môi. “Chúng ta phải tranh thủ cơ hội trong lúc bọn quân lính và đám đông không chú ý.”

Đám thanh niên bước ra khỏi bụi hoa giấy và tiến về chỗ chúng tôi. Họ vung vẩy những nắm mùi tây trên tay và bắt đầu lè nhè, “Perejil. Perejil.”

Một vài người ngồi trên băng ghế nhanh chóng lảng đi khi những gã du côn xấp lại gần chúng tôi hơn. Đám quân lính đang ở quá xa và tôi cũng không nghĩ rằng bọn họ sẽ ra tay bảo vệ chúng tôi.

Trong nháy mắt, đám côn đồ bao vây và tách chúng tôi ra khỏi đám đông đang háo hức chờ đợi giây phút cánh cửa nhà thờ bật mở và Generalissimo từ trong đó bước ra. Lúc bọn chúng bắt đầu quay vòng tròn, Yves lôi cây mã tấu ra và giữ nó như một cái băng đeo ở trước ngực. Hai tên trong số chúng lao về phía Yves và giật cây mã tấu ra khỏi tay anh. Ba tên còn lại xé rách áo của Tibon và cầm một cái cán chổi khều chọc cánh tay xương xẩu của anh. Tibon cố gắng lùi lại, nhưng bọn chúng liên tục xô anh về phía cán chổi.

Tôi lùi sang khoảng trống bên tay phải và vô tình dẫm vào chân của một tên trong số bọn chúng. Hắn phồng miệng lên và nhổ vào mặt tôi. Tôi đưa tay lên quẹt nước dãi của hắn đang chảy trên mặt tôi. Nước bọt của hắn xanh lét màu của cây mùi tây.

Tibon huých bả vai cơ bắp của anh vào một trong những tên đang cầm cán chổi chọc vào ngực anh. Hắn chỉ là một tên nhãi, có lẽ chỉ khoảng mười bốn tuổi, đang cầm cán chổi chọc vào Tibon như thể hắn đang ngồi cạnh một cái ao và cầm cành cây chọc những con cá nhỏ bơi quanh chân. Tên này bị bất ngờ khi Tibon húc vào người hắn. Cây cán chổi tuột khỏi tay hắn trong lúc hắn loạng choạng lấy lại thăng bằng. Tibon lập tức siết chặt cổ hắn bằng cánh tay lực lưỡng hơn của anh. Anh nghiêng răng cắn vào phần xương lồi lên đằng sau tai trái của tên nhóc con và dùng cánh tay xương xẩu còn lại bịt chặt miệng hắn để những tiếng kêu của hắn không thể bật ra khỏi cuống họng. Hai tên đồng bọn của gã thanh niên ra sức đâm cật lực lên lưng Tibon, nhưng chỉ khiến anh siết chặt hơn quanh cổ hắn. Hắn bắt đầu nghẹt thở, máu mũi tràn ra và chảy xuống tay Tibon. Khuôn mặt hắn tái nhợt đi trong lúc cố gắng hít hơi.

Yves cố gắng gỡ tay Tibon ra nhưng anh nhất quyết không nói lỏng vòng tay quanh cổ gã thanh niên. Hắn giờ đang vật lộn để hít từng hơi thở, cổ hắn ngoẹo sang một bên và toàn thân hắn co giật.

Một tên chộp lấy cây mã tấu của Yves – đã từng là của Félice, và trước đó là của Doña Sabine và Don Gilbert – và đâm nó vào lưng Tibon.

Tibon sững người, bất ngờ trước cảm giác sắc lạnh của thanh kim loại đâm sâu vào sống lưng. Trông mặt anh như thể đang ở đâu đó trong một giấc mơ. Buông tay khỏi cổ gã thanh niên, anh

đưa tay ra sau để kiểm tra vết thương. Gã trai ngã vật xuống đất, ho sặc sụa, rồi lăn ra khỏi tầm với của Tibon.

Tibon quờ tay ra phía trước nhưng chỉ tóm vào không khí. Những tên khác đá vào mạng sườn Tibon khiến anh khụy xuống đất. Anh xoay người qua một bên, mắt nhắm nghiền trong đau đớn. Gã trai bị anh siết cổ đã đứng dậy, lấy lại thăng bằng, và giơ chân đá trúng ngực Tibon.

Những tên còn lại bắt đầu vây lấy tôi và Yves. Dàn nhạc Presidente Trujillo bắt đầu chơi bản thánh ca cổ điển “Compadre Pedro Juan”. Đám đông hò reo tán dương một trong những nhạc công trẻ nhất khi anh giơ cây kèn accordion lên trên đầu mình và nhấn một cách cuồng nhiệt lên những phím kèn.

Tôi luống cuống tìm con dao trong bọc đồ của mình. Túi đồ tuột khỏi tay tôi và ngay tức khắc bị kẻ nào đó chộp lấy. Tôi chỉ kịp nhìn thấy những bàn tay thò ra tóm lấy nó trước khi nó biến mất vào trong đám đông.

Yves và tôi bị nhấc bổng lên trên một tấm nệm kết từ những bàn tay và bị vác đi bên cạnh Tibon. Hai tên lính vừa chứng kiến cảnh ấy vừa cười ngặt nghẽo. Bọn còn đồ bắt đầu ve vẩy những nhánh mùi tây trước mặt chúng tôi.

“Nói cho bọn tao biết đây là cái gì,” một tên trong bọn nói. “Que diga perejil.”⁽¹⁾

(1) Tiếng Tây Ban Nha: Cái này gọi là mùi tây đấy.

Vào giây phút đó, tôi đã tin rằng nếu tôi muốn, tôi đã có thể nói được tên loại cây đó một cách trôi chảy, bình tĩnh, và chậm rãi, như cách tôi vẫn thường hỏi mua “Perejil?” của các bà già người Dominica ngồi họp chợ ở ven đường hay bên cạnh những khu

vườn với những cô cháu gái ngoan ngoãn ngồi bên cạnh, mặc dù việc uốn cong chữ “r” và phát âm chữ “j” thật chuẩn xác đôi khi là quá sức với lưỡi của tôi. Nó là một việc mà bạn sẽ quên tuốt khỏi trí nhớ nếu như bạn bị giật mình trong đêm tối. Nhưng nếu hoàn toàn bình tĩnh, tôi có thể làm được điều đó. Tuy nhiên, đã không còn cơ hội nào cho tôi nữa. Yves và tôi bị bắt quỳ xuống đất. Chúng cạy hàm chúng tôi ra và cứ thế nhét mùi tây vào trong miệng chúng tôi. Mắt tôi ứa nước và tôi cố gắng nhai rồi nuốt nhanh hết sức có thể, nhưng vẫn không thể lại được so với những bàn tay hung bạo đang ra sức nhồi từng nắm mùi tây lớn xuống họng tôi.

Bên cạnh tôi, Yves cũng đang phồng mang trợn má nhai với tất cả sức lực của quai hàm. Ít nhất thì bọn chúng không đánh chúng tôi, tôi tự nhủ.

Tôi cố gắng bỏ ngoài tai những giọng nói đang cổ vũ cho đám thanh niên nhồi thêm mùi tây vào miệng chúng tôi. Tôi bảo với bản thân rằng tôi cần phải ăn hết đám mùi tây này nếu còn muốn sống.

Yves ngã gục đầu về phía trước, vừa ho vừa sặc. Mặt anh vùi trong một vũng mùi tây màu xanh nhầy nhụa. Anh nằm xuội ra bất động. Một kẻ nào đó dội một thùng nước đầy lên đầu, lên gáy anh.

Một vài người khác bị lôi đến xếp hàng bên cạnh chúng tôi, chờ đến lượt bị nhét mùi tây vào họng.

Tôi ho sặc sụa và phun nắm mùi tây đã nhai nát xuống đất. Ngay tức khắc, một bàn chân đạp thẳng vào giữa lưng tôi. Ai đó quăng một hòn đá to bằng nắm tay vào mặt tôi khiến môi tôi và má trái tôi sưng tấy lên. Tôi ngã đập mặt xuống đất. Một hòn

đá nữa chọi về phía Yves. Anh giơ tay lên vừa che đầu che mặt vừa giữ cho vững mũi tây bầy nhầy không dính vào mắt.

Khuôn mặt của những kẻ trong đám đông mập mờ ẩn hiện trước mắt tôi. Một cú đá mạnh nữa vào mạng sườn khiến tôi muốn ngưng thở. Cơn đau nhói như từ một con dao hay cái dùi chọc đá, nhưng khi tôi sờ tay xuống thì không thấy máu chảy ra. Cuộn tròn người lại, tôi cố gắng lẩn tránh những cú đấm cú đá điên cuồng. Tôi kêu thét lên, trong giây phút tuyệt vọng tưởng như sắp chết. Tiếng thét của tôi làm bọn chúng chậm lại đôi chút. Nhưng sau một hồi lâu thì tôi cũng không còn đủ sức lực để tiếp tục la hét nữa. Tai tôi rung lên, và tôi cố che mặt mình bằng hai bàn tay. Cả người tôi tê dại. Tôi vẫn cảm thấy cơ thể mình rung lên trước những cú đánh, nhưng tôi không còn cảm thấy đau đớn nữa. Miệng tôi be bét đầy máu. Tôi cố sức nuốt những mẩu mũi tây đắng ngắt trong cổ họng. Một vài bó mũi tây đã được nhúng vào ớt cay trước khi bọn họ nhồi chúng vào miệng chúng tôi. Có thể bọn họ đã tắm độc chúng cũng nên. Vậy thì tôi còn cố gắng kháng cự làm gì nữa?

Tôi nghe loáng thoáng tiếng kèn gióng lên, tiếng nổ của pháo đại bác, rồi lại đến tiếng kèn. Dàn nhạc của Presidente Trujillo cũng đã ngừng chơi.

Không khí rung chuyển trong loạt đạn bắn chào mừng của hai mươi mốt khẩu súng trường. Đám đông vỗ tay hoan hô, vừa dậm chân vừa hát bài quốc ca của Dominicana. “Quisqueyanos valientes,”⁽¹⁾ họ bắt đầu hô vang. Có lẽ Señor Pico đang ở đâu đó trong đám đông, quan sát, lắng nghe, đưa hiệu lệnh, và tham gia. Tôi nghe thấy tiếng còi huýt lên kèm với tiếng hoan hô, và những bàn chân thi nhau dậm đạp lên đầu, thỉnh thoảng lên tay và lên vai tôi.

(1) Tiếng Tây Ban Nha: Những người Quisqueya dũng cảm. Quisqueya là tên của hòn đảo Hispaniola trong tiếng thổ dân Arawak.

Generalissimo đang đi ra khỏi nhà thờ. Những tiếng còi lại vang lên. Những giọng nói huyên náo. Tiếng ầm ầm của động cơ xe tải quân đội, rồi một tràng hai mươi một phát súng bắn chào mừng nữa. Những tiếng hoan hô cổ vũ nổ ra ầm ĩ khi chiếc xe của Generalissimo phóng đi với một đội quân bảo vệ và dàn nhạc nổi gót đằng sau.

Tôi cố gắng ngồi dậy nhiều lần, nhưng đều bị dúi ngã trở xuống bởi những người đang chen chúc nhau để được nhìn thấy cái gáy của Generalissimo hay được hít một chút bụi khói còn sót lại từ chiếc ô tô của ông ta.

Cuối cùng, đám đông cũng bắt đầu tan rã, chỉ còn lại một vài gương mặt quau cọ, lầm bầm tức tối vì đã bỏ lỡ cơ hội được diện kiến Generalissimo, hay được đón ánh mắt, thậm chí là một cái liếc ngang thôi, mà ông ta dành cho họ.

“Ngồi dậy ngay.” Hai bóng người xuất hiện trước mặt chúng tôi. “Đứng dậy đi nào.”

Yves đã chống được chân lên và gắng gượng đứng dậy. Anh loạng choạng bám vào thành của đài phun nước để giữ thăng bằng. Mặt Tibon bị dí sấp xuống mặt đường và trên lưng anh đầy những vết chân.

Một bàn tay đỡ tôi lên và tôi cảm thấy người mình tựa vào một bờ vai mềm mại.

“Chúng ta đã đến gần con sông lắm rồi,” tiếng một người đàn bà thì thầm vào tai tôi.

“Chúng ta đã đến gần bên con sông rồi,” tiếng một người đàn ông nhắc lại.

Tôi nhận ra giọng nói của họ và lập tức cố gắng lên tiếng hỏi, “Odette, Wilner, có thật là hai người đây không?”

Chỉ có những tiếng rên rỉ phát ra từ miệng tôi. “Cô hãy giữ sức đi,” Odette khuyên bảo.

“Chúng tôi đã đợi cô và Wilner, Odette,” tôi cố cất tiếng nói, nhưng một lần nữa chỉ thốt lên một tràng dài những tiếng rên vô nghĩa.

“Hãy bình tĩnh lại nào,” Odette nói. “Trong lúc đám người này đang chạy theo Generalissimo của họ, chúng ta sẽ đi đến nhà một người quen của Wilner. Sáng mai chúng ta sẽ đi tới con suối. Nó không còn cách chúng ta bao xa nữa đâu.”

“Liệu họ có đánh chúng ta nữa không, Odette?” Tôi cố hỏi tiếp. Cô tưởng tôi đang hỏi về Yves và Tibon.

“Chỉ có mình Yves sẽ đi cùng chúng ta thôi,” cô nói.

Xác Tibon nằm ngửa bên cạnh đài phun nước giữa quảng trường. Hai người bạn họ kéo tôi và Yves vào một ngõ tối nằm giữa hai căn nhà. Những cử chỉ đầy lo âu của Odette làm cho tôi cảm thấy như mình sắp bị tấn công thêm lần nữa. Khi tôi thốt lên một tiếng rên vì đau, cô tưởng rằng tôi đang hỏi về Tibon.

“Chúng ta phải để những người chết lại phía sau,” cô đáp. “Tibon đã chết rồi.”

“Chúng ta không nên bỏ mặc anh ấy lại,” tôi cố gắng nói. “Ai sẽ chôn cất anh ấy? Hơn nữa, chính anh ấy là người muốn ở lại để đợi cô và Wilner.”

Odette dừng lại và nhìn vào mặt tôi. Lần này tôi nghĩ rằng cô ấy hiểu được những gì tôi vừa nói.

“Chúng ta không thể mang anh ấy đi cùng được,” cô đáp. “Anh ấy đã chết rồi. Hãy để cho miệng của cô được nghỉ ngơi. Môi cô sưng vều lên như hai quả dưa vậy.”

“Nhưng làm sao cô chắc chắn là anh ấy đã chết chứ Odette?” Tôi tiếp tục phản đối.

“Ôi wi, môi của cô sưng lên như hai quả dưa ấy,” cô trả lời, “và cô sẽ chỉ mất máu thêm thôi nếu cô cố gắng tiếp tục nói đấy.”

Họ kéo chúng tôi vào một căn phòng nhỏ xíu đằng sau một căn nhà ở phía bên kia quảng trường. Căn phòng gần như trống trơn, ngoại trừ một vài bao tải xi măng ở góc tường.

Wilner đi quanh phòng, cố gắng tìm kiếm thứ gì đó trong bóng tối. Anh bỏ cuộc, đi ra ngoài, và mang vào một cốc đầy nước muối. Odette đưa cái cốc lên kề miệng tôi. Nước muối làm môi tôi xót vô cùng. Tôi nhổ ngụm nước vừa nhấp ra và nó rớt lên chiếc váy xơ xác của tôi.

“Chúng ta sẽ nghỉ ở đây tối nay,” Wilner nói, tiếng anh vang vọng trong bóng tối của căn phòng. “Ngày mai, chúng ta sẽ đi tới con sông.”

Yves ngồi tựa lưng vào những bịch xi măng, áo anh ướt đầm máu. Anh nhìn Odette đắp một tấm chăn bằng vải thô sần sùi lên người tôi trong lúc một cơn sốt từ trong xương tuỷ làm cả người tôi run lên từng nhịp. Hàm răng sứt mẻ của tôi va đập vào nhau và cà lên những vết thương hở bên trong miệng, nhắc tôi nhớ lại cảm giác đau đớn từ những cú đánh đầu tiên. Tôi đưa tay lên sờ nắn khuôn mặt gần như biến dạng của mình. Odette vội

vàng phúi tay tôi đi. Wilner đi lại quanh phòng và lăm bầm điều gì đó với chính mình. Khi anh đặt tay lên trán tôi, tôi có thể ngửi thấy mùi của những nắm mùi tây trên tay anh. Quần áo của Odette cũng nồng mùi lá mùi tây. Tôi nhắm mắt lại và tuột dần vào trong một vùng tối ngự trị bởi những cây mùi tây.

“Anh nên ngồi xuống nghỉ đi,” Odette nói với Wilner khi anh bắt đầu đi đi lại lại một cách lo lắng. “Alberto nói rằng bọn họ sẽ không khám xét khu vực này tối nay đâu.”

“Anh cần phải tìm một chỗ an toàn để tất cả chúng ta có thể vượt sông ngày mai,” Wilner đáp, “một nơi mà chúng ta có thể tránh đụng mặt đám lính ở gần cây cầu.”

“Liệu anh có thể tin tưởng được người cho chúng ta mượn chỗ nghỉ tối nay không?” Yves hỏi Wilner và Odette. Lưỡi anh sừng húp lên choán hết khuôn miệng làm giọng nói của anh lúng búng trong cổ họng. “Làm sao anh có thể chắc chắn rằng hắn sẽ không chỉ điểm cho bọn lính tìm đến đây?”

“Tôi đã trả tiền cho anh ta để làm việc này,” Wilner cam đoan. “Điều đó đâu có bảo đảm được gì?” Yves tiếp tục.

“Chúng ta chưa bao giờ sống một cuộc đời chắc chắn cả,” Odette nói.

“Nói cho tôi biết đi, tại sao chúng ta không nổi dậy và chống lại việc này chứ?” Câu hỏi của Yves dường như dành cho cả anh và chúng tôi. “Tại sao tổng thống của chúng ta không đấu tranh cho chúng ta chứ?”

Wilner không đáp lại Yves ngay lúc đó, nhưng anh tiếp tục lăm bầm như thể nếu có nhiều thời gian hơn thì hắn anh sẽ nghĩ ra câu trả lời.

Yves, Wilner, và Odette ngừng nói chuyện và ngồi lắng nghe tiếng đêm. Tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng người cười đùa la hét, tiếng những tên lính của Quân đội ra lệnh cho những kẻ say khướt đi về nhà. Những bước chân đi vào những con ngõ nhỏ hẹp giữa các căn nhà. Chúng tôi chờ đợi, nín thở lắng nghe tiếng những bước chân lớn dần lên rồi sau đó nhỏ dần đi, như những bước chân trước đó.

Chợt có tiếng ai đó gõ nắm đấm lên cửa.

“Alberto đây,” một giọng nói thì thầm qua khe cửa. Một ánh trăng mỏng như sợi chỉ len lỏi qua khe hở vào trong căn phòng. “Bọn quân đội sắp đi tới chỗ này đây.”

Wilner quỳnh quáng chạy ra mở cửa. Người đàn ông phía bên cánh cửa đang cầm một cây đèn dầu hỏa. Khi anh ta giơ cây đèn vào bên trong, cả căn phòng bỗng sáng bừng lên, như thể mặt trời đột nhiên hiện lên giữa phòng. Wilner cảm ơn người đàn ông và chúc anh ta một buổi tối tốt lành. Ánh sáng từ cây đèn biến mất khỏi cánh cửa ngay khi anh ta quay đầu chạy đi.

Tôi có thể nghe thấy tiếng những tên lính nói chuyện với nhau từ đằng xa, tiếng cười the thé của những ả đàn bà chúng trêu ghẹo, và tiếng những nụ hôn gió chùn chụt mà họ thổi lại.

Wilner nhảy ra ngoài trước rồi giữ cửa hé mở cho Odette. Yves tập tễnh đi theo sau cô, không quên đưa tay ra để dắt tôi đi qua lần cửa. Khi đã ra ngoài rồi, tôi bám tựa vào vai Odette như một cây gậy chống.

Tiếng những tên lính tắt dần đi dưới tiếng ồn ào của những chiếc xe tải ngoài quảng trường. Wilner dắt chúng tôi đi theo đường vòng xuống một con hẻm cắt ngang qua những dãy nhà xi măng xây dang dở. Tôi nghe thấy tiếng bọn lính gõ rầm rầm

lên cửa những ngôi nhà phía xa gần quảng trường. Chúng tôi chạy nhanh qua một mảnh sân bóng đá, rào xung quanh bởi một bức tường bằng những khối bê tông xỉ than. Wilner liên tục quay đầu nhìn quanh rà soát để chắc chắn rằng chúng tôi không bị theo đuôi.

Chúng tôi chạy tới một đồng cỏ xavan trống, nơi những con bò đang quỳ gối nằm ngủ. Một vài con đứng dạt qua một bên khi chúng tôi chạy ngang qua. Chúng tôi băng qua những bụi cây thấp mọc tản mát trên xavan và đi vào một vạt rừng cọ. Tiếng gió thổi xào xạc qua những tán lá cọ trên cao, mặc dù tôi không thể cảm nhận được cơn gió nào dưới mặt đất. Có lẽ cả người tôi bây giờ không còn có thể cảm nhận được điều gì, không thể được chữa lành nữa.

“Tôi nghĩ chúng ta đã bỏ xa bọn chúng rồi,” Wilner thông báo. Tôi không muốn quay đầu nhìn lại. Tán lá cọ rậm rạp bảo vệ chúng tôi khỏi những đôi mắt bên ngoài. Ngay cả khi bọn chúng tới, chúng tôi có thể chạy tản ra đủ xa để làm chậm cuộc truy đuổi của bọn chúng. Chúng sẽ không thể nào bắt được tất cả chúng tôi.

“Làm sao chúng ta có thể tìm được Sebastien và Mimi? Họ có thể ở đâu?” Tôi thì thầm một cách chậm rãi để mọi người có thể hiểu được.

“Cô ấy biết rằng Tibon đã chết rồi đúng không?” Wilner hỏi. “Cô ấy biết,” Odette trả lời hộ tôi. “Cô không biết sao chứ?”

Cô biết Tibon đã chết rồi đúng không? Những người chết không thể tiếp tục đi theo chúng ta trên hành trình dài như vậy đâu.”

Tôi cố gắng giải thích. Tôi muốn tới pháo đài nơi Mimi và Sebastien có thể bị giam giữ. Nhưng những câu chữ của tôi lú

lại, móc vào nhau, và trở nên vô nghĩa. Họ quyết định không nghe tôi nói nữa, cho rằng mỗi câu tôi cố gắng nói chỉ là một lời than phiền về việc chúng tôi đã bỏ Tibon lại phía sau.

Khi ra khỏi rừng cọ, chúng tôi tìm thấy một con đường nhỏ dẫn xuống suối được cây cối che phủ sum suê. Từ đằng xa, dòng sông trông thật tối và sâu, và bờ sông nhìn dốc hơn trong trí nhớ của tôi. Cỏ mọc cao đến tận cằm xung quanh chỗ mà Wilner đã chọn để dẫn chúng tôi qua sông. Cây cầu nằm ở xa phía đầu nguồn con sông, với những ánh đèn lốm đốm dọc theo dầm cầu bằng sắt. Những tên lính gác cầm đèn đi tuần tra từ đầu này qua đầu kia cây cầu. Trông bọn chúng giống những con đom đóm khổng lồ đang bay lượn lơ.

Chúng tôi ngồi đợi một lúc để chờ xem có tên lính gác nào đi về hướng này không, nhưng có vẻ như không có ai ở gần bờ sông ngoại trừ những tên đang đứng trên cầu.

“Có lẽ bây giờ chúng ta có thể vượt sông được rồi,” Wilner nói. Có một tiếng tồm lớn từ phía đầu nguồn. Một vật gì đó đã bị vút từ trên cầu xuống nước.

“Bọn chúng đang ném xác người xuống sông,” Odette thì thầm. “Đừng chú ý tới chúng,” Wilner nói. “Chúng ta chỉ cần cảnh giác với những tên lính đang đi tuần. Anh sẽ vượt sông cuối cùng để canh chừng.”

Đầm lầy trước mặt chúng tôi dẫn thẳng xuống mép sông. Mực nước lập tức dâng lên tới ngực tôi và Odette khi chúng tôi trườn xuống nước. Odette quay đầu nhìn về phía bờ nơi Yves đang mò đường lội xuống sông và Wilner đang đưa mắt canh chừng cây cầu.

Mùi cỏ mục và phân ngựa xộc lên mũi khi chúng tôi lội ra xa hơn. Tôi cố gắng tìm điểm tựa để bước tiếp, lần mò bám chân xuống lớp cát dưới đáy sông. Nước sâu đến độ tôi cảm tưởng như mình đang bước đi trên không khí.

Khi chúng tôi gần như chìm bên dưới dòng nước, tôi giật tay mình ra khỏi tay Odette. Tôi nghe thấy tiếng cô thút thít, phần vì sợ, phần vì sốc. Nhưng lúc đó tôi chỉ nghĩ tới một điều duy nhất: nếu tôi chết chìm, tôi muốn chết một mình mà không lụy phiền tới ai cả.

Một chiếc váy đen bông bênh trôi ngang qua chúng tôi, căng phồng lên đầy bọt khí. Trôi đằng sau chiếc váy trên dòng nước là một mớ cành cây mục và ba bao tải từ sợi xi-đan. Xác một người đàn ông úp mặt xuống nước trôi ngang qua chúng tôi. Tôi bơi về phía cái xác và lật ngửa mặt anh ta lên.

Sebastien? Không phải.

Tôi úp mặt anh ta xuống, ước gì mình biết một lời cầu siêu để an ủi linh hồn người đàn ông xấu số.

Dòng nước dập dềnh đưa Odette về phía hạ nguồn. Cô không đạp tay đạp chân để cố bơi, mà chỉ đơn giản phó mặc thân mình theo sóng nước. Đầu cô bập bênh lúc chìm lên lúc ngụp xuống. Mỗi khi trôi lên khỏi mặt nước, cô lại há to miệng để hớp một hơi đầy không khí.

Tôi bơi theo Odette, một tay vòng quanh eo cô trong khi tay còn lại cố gắng quạt nước để bơi sang bên kia sông. Khi cô ngẩng đầu lên khỏi mặt nước, khuôn mặt cô lộ rõ vẻ kinh hãi. Nước ộc ra từ miệng cô, khiến những tiếng ho của cô nghẹn lại trong cổ họng.

Phía sau chúng tôi, trên bờ sông, có ai đó lên tiếng gọi Wilner.
“¡He! ¡He!”⁽¹⁾

(1) Tiếng Tây Ban Nha: Này! Này!

Chúng tôi lập tức ngừng chống cự và để mặc cho dòng nước đưa đẩy xuống hạ nguồn.

Tôi đưa hai tay bịt chặt miệng Odette lại khi chúng tôi nghe thấy tiếng súng nổ. Wilner thậm chí không có thời gian để trả lời lại tiếng gọi.

Trong khoảng lặng chờ đợi sau phát súng đó, tên lính cất tiếng gọi trấn an bạn của hắn, rằng hắn là Segundo đây và hắn vẫn ổn. Odette cắn chặt răng vào lòng bàn tay tôi, hàm trên hàm dưới của cô nghiền vào thịt da tôi.

Đó là cách mà bạn làm tê liệt một con chim gần chết vẫn còn ra sức vỗ cánh, hay một con gà đã bị chặt đầu nhưng vẫn liều mạng chạy trốn ra đường. Tôi giữ một tay trên miệng cô và bịt tay còn lại lên mũi cô, vì an toàn của chính cô và của tất cả chúng tôi. Cô không chống cự mà chỉ buông xuôi theo dòng nước và không khí đang dần rời khỏi lồng ngực.

Sau khi bắn chết Wilner, tên lính tiếp tục đi về phía thượng nguồn. Nếu hắn muốn, hắn đã có thể trông thấy chúng tôi trên dòng nước. Nhưng mặc dù con sông là nơi tốt để tẩu táng xác chết, nó lại không phải là chỗ thuận tiện cho việc ngắm bắn.

Tôi lấy người mình che chở cho Odette và giữ chặt cô trong vòng tay trong lúc Yves và tôi bơi về phía bờ bên kia.

Yves là người đầu tiên chạm tới bãi cát bên kia dòng sông. Anh bò sấp bụng lên bờ và kéo Odette ra khỏi ngực tôi. Bám lấy một

hòn đá tảng lớn, tôi từ từ rướn người ra khỏi dòng nước.

Chúng tôi đặt Odette nằm sấp xuống. Mặc dù vẫn còn thoi thóp thở, Odette không tỉnh lại. Dường như cô ấy đã quyết định rồi. Odette sẽ không tiếp tục cuộc hành trình này với chúng tôi nữa.

Tất cả những gì tôi muốn chỉ là cô ấy giữ yên lặng, và giúp chúng tôi sống sót.

Yves nhìn xuống Odette và dường như thấy cả tương lai của chúng tôi trong đôi mắt nhắm nghiền của cô ấy. Cô đã cứu chúng tôi ở quảng trường, nên chúng tôi cũng muốn làm điều tương tự cho cô.

Anh bế cô lên và đưa cô vào bụi rậm trong đêm tối mịt mùng. Lần theo con đường dẫn vào khu rừng, chúng tôi đi đến chỗ một bụi cây mở vệt với những tán lá như những bàn tay mềm mại rủ xuống, mời gọi chúng tôi tới nằm nghỉ dưới tán cây.

Trong lúc chúng tôi nằm đó với Odette dưới tán cây giữa một thảm cỏ, cô bắt đầu nôn hết ra chỗ nước sông mà cô đã nuốt vào ngực. Trong giây phút cuối cùng của mình, Odette ngửa mặt và nói rành rọt bằng tiếng Kreyòl, “pèsi”⁽¹⁾. Cô không nói một cách chậm rãi và bình tĩnh như cách cô hỏi mua mùi tây ở vệ đường hay ở một khu chợ, không chất vấn như đang đòi hỏi trời xanh một lời giải thích về ý nghĩa sâu xa đằng sau những việc làm phi nghĩa, không một chút cố gắng nói “perejil” để cầu xin mạng sống của cô. Que diga armor?⁽²⁾ Tình yêu ư? Mối hận ư? Tại sao các người không hỏi chúng tôi về những điều vẫn còn là bí ẩn với thế giới này, hay ý nghĩa của mỗi tiếng kêu của các loài chim, hay những suy nghĩ bí mật của trẻ thơ trong bụng mẹ, của nhịp thở lên xuống đều đặn tự nhiên giữa người đàn ông và người đàn bà, của những gam màu rực rỡ trong lòng của mặt trăng, của những phép nhiệm màu to lớn hàm chứa trong những thứ

bé nhỏ đời thường, của những bí ẩn sâu xa. Tại sao các người lại chọn cây mùi tây? Có phải vì nó được dùng quá nhiều, quá phổ biến, quá dồi dào đến độ bất cứ ai muốn cũng có thể có được một nhánh? Chúng tôi luôn dùng mùi tây để nấu ăn, pha trà, nấu nước tắm, và để gột rửa cả bên trong lẫn bên ngoài cơ thể. Có lẽ theo cách nào đó, Generalissimo cũng đang làm điều tương tự cho đất nước của ông ta.

(1) Tiếng Creole ở Haiti: cây mùi tây.

(2) Tiếng Tây Ban Nha: Bạn nói về tình yêu như thế nào?



Có thể, bên trong đầu óc Generalissimo cũng tối tăm như cái chết. Nhưng nếu ông ta nghe thấy cách từ “pèsi” bật ra khỏi miệng Odette, ông ta chắc hẳn phải giật mình. Không một giọt

nước mắt hay lời cầu xin như ông ta những tưởng, không một tiếng la hét vì hoảng sợ, mà là một câu thách thức, một lời tuyên chiến. Ta nguyện rửa quỷ sứ kéo cả thế giới của người, cỏ của người, gió của người, nước của người, không khí của người, những câu chữ của người xuống địa ngục. Người muốn perejil ư? Ta sẽ ném trả lại vào mặt người còn nhiều hơn thế.

30

Một cha xứ và một bác sĩ trẻ đã tìm thấy chúng tôi vào sáng sớm hôm sau khi họ đang đi quanh xavan để tìm kiếm những người sống sót. Yves đã cõng theo xác của Odette trong đêm tối được một quãng khá xa khỏi bờ sông, đủ xa để chúng tôi không còn nhìn thấy con sông và cây cầu nữa.

Cha xứ gọi người đến giúp đỡ, và trong phút chốc chúng tôi được bao quanh bởi vô số đàn ông và đàn bà, có vài người sắp lặn lặn trong khi số còn lại vẫn thương tật đầy mình. Nhưng tất cả đều muốn biết chúng tôi từ đâu đến, rằng chúng tôi có biết tung tích người này hay người kia từ thị trấn này hay nhà máy kia hay không.

Ai đó đỡ lấy Odette từ trên lưng Yves mà không hỏi chúng tôi điều gì thêm. Cô ấy trông thật nhỏ bé và yếu ớt, gần như không trọng lượng trong cánh tay của một người lạ mặt.

Chúng tôi đi theo sau người đang bế cô ấy tới một cánh đồng khác với những túp lều rải rác. Yves khập khiễng bước đi, mắt không rời khỏi xác Odette.

“Cô ấy tên là gì?” Vị cha xứ với khuôn mặt mệt mỏi và một quyển sổ mở ngổ trong tay lên tiếng hỏi. Ông lau miệng với một cái khăn mùi xoa trắng, món đồ trắng nhất mà tôi được thấy trong suốt cuộc hành trình, chỉ sau tấm ren che phủ bức tượng Đức Mẹ trên con đường xuyên qua núi.

Yves trả lời, “Tên cô ấy là Odette, nhưng chúng tôi không biết họ của cô ấy.”

“Cô ấy có người thân nào không ?” Cha xứ hỏi tiếp. “Chúng tôi không biết cô ấy từ đâu đến.”

Người đàn ông bế Odette trên tay đang đi dọc theo lề đường nơi những xác người được tập hợp lại và xếp thành hàng dài. Các cha xứ và một vị giám mục mặc áo lễ đang cử hành những nghi thức cầu siêu cho mỗi người chết. Chúng tôi không hỏi xem Odette sẽ được chôn cất ở đâu, vì chúng tôi biết rằng cô ấy có lẽ sẽ phải chia sẻ một ngôi mộ tập thể với tất cả những người đang nằm đó. Vả lại, vị cha xứ lúc này cũng đã chuyển sang hỏi tới người khác rồi.

Tôi ngẩng nhìn gương mặt của Odette một lần cuối. Có một sự bình yên trên đó làm tôi thoáng chút ghen tị. Nhìn cô ấy trông không giống một người phải chết đột ngột. Thân thể cô tiếp nhận cái chết dễ dàng, với bàn tay mở rộng, đầu gối khom lại, và khuôn mặt dẫn ra một cách thanh thản.

Tôi cảm giác như mình đã đứng nhìn xuống xác cô hàng giờ đồng hồ. Dù đi đâu ở đâu, tôi vẫn sẽ luôn trông thấy cô ấy mỗi khi nhìn xuống.

Không có một lời từ biệt nào là đủ.

Tất cả những gì tôi muốn chỉ là giúp cô ấy giữ yên lặng.

Yves kéo tay tôi rời khỏi xác Odette và đi vào một trong những lều trạm xá nơi mọi người đang co cụm trên những băng ghế hay chen chúc trên những tấm thảm trải dưới đất. Hai bà sơ ngồi sau một chiếc bàn nhỏ tiếp đón chúng tôi.

“Trông cô có vẻ khá hơn một vài người khác đấy,” một bà sơ với khuôn hàm vuông vức nam tính và nước da màu cà phê sữa nói với tôi bằng tiếng Kreyòl.

Hai bác sĩ đang làm việc đằng sau một tấm bình phong bằng gỗ phía bên trong lều. Yves và tôi được dẫn ngồi xuống trên một băng ghế nhà trường lúc nhúc người và đợi tới lượt của mình.

Chúng tôi cố gắng tránh nhìn những người ngồi xung quanh, đặc biệt là những người đang trần truồng không một mảnh vải khiến cho người khác có thể soi mói họ một cách tường tận.

Trong lúc chúng tôi chờ đợi, nhiều người khác cố gắng tìm cách kêu gọi sự chú ý của các sơ đến vết thương của họ.

“Thưa sơ, làm ơn cho tôi xin một ít nước mát đi.” “Thưa sơ, sơ đừng quên lượt của tôi đấy nhé.”

“Sơ ơi, tôi cảm thấy kiệt sức quá.”

“Thưa sơ, con trai tôi đã đến chưa? Con gái tôi, chồng tôi, vợ tôi, mẹ tôi, cha tôi, bọn họ đã đến chưa?”

Tiếng kêu than của họ vọng lên trên tiếng rên rĩ của những người không thể nói lên nhu cầu của mình giống tôi.

Một vài tiếng trôi qua trước khi bà sơ với khuôn hàm vuông đi tới chỗ của tôi.

“Trông cô không tệ như những người khác. Cô có vẻ ổn đấy,” bà ta lặp lại.

Để lại Yves đằng sau, tôi được dẫn qua một hàng những người mà hầu hết da thịt họ đã bị hủy hoại bởi những vết bỏng, những người đàn ông đàn bà cháy đen co quắp lại trong những tư thế

khổ sở. Tay chân họ đông cứng trong không trung như những khúc cây lìa cành đã chết khô.

Phía sau tấm bình phong, một vị bác sĩ đang chữa trị cho rất nhiều người cùng nằm trên một dãy bàn xếp lại với nhau. Bên cạnh tôi là một người đàn bà với bắp chân chỉ còn dính vào đầu gối bằng vài mẩu gân. Người đàn bà vật vờ lên xuống, lồm bồm cầu xin ông bác sĩ hãy giữ nguyên chân của bà, đừng bắt bà trở thành tàn phế, và để cho bà được đi sang thế giới bên kia theo cách mà bà đã được sinh ra vào cõi trần gian này.

Một bác sĩ khác đi vào và cầm theo một cái cửa nhỏ. Người đàn bà giữ ánh nhìn trên trời lên khung lều làm từ những cột chống và dây rút, với những ô cửa sổ nhỏ tí có bọc lưới chống muỗi.

Tôi nhìn thấy mắt vị bác sĩ của tôi hấp háy phía trên lớp khẩu trang trắng đã ngả màu. Có một sự cấp bách trong mỗi cử động của ông ấy. Ông liếc nhìn về phía người đàn bà kia trong lúc cắt chiếc váy rách nát mà tôi đang mặc. Một tay ông xoay mặt tôi đi để tôi không phải nhìn ca phẫu thuật của người đàn bà nọ, trong khi tay còn lại nâng hai chân tôi lên để kiểm tra xem trên bụng tôi có vết cắt nào không. Đôi mắt ông cứng đanh lại trong giây lát khi cẳng chân của người đàn bà lìa khỏi khớp gối và thân người bà ta quần quai trong cơn đau đang ập đến, khiến cho công việc của bác sĩ còn lại trở nên khó khăn hơn. Máu bắn tóe ra từ vết cưa trên bắp đùi bà ta, một giọt văng lên mí mắt tôi. Ông bác sĩ kia dừng lại và thông báo, “Bà ấy sẽ không qua được đâu”. Tôi nhắm mắt lại để tránh máu của bà ta bắn vào mắt, định ninh rằng đây sẽ lần cuối cùng tôi phải chứng kiến cảnh một người phải chết, đến mức khi ông bác sĩ kia nói rằng “Bà ấy sẽ không qua được đâu”, tôi chắc chắn rằng ông ấy cũng đang nói về tôi.

Khi tôi hồi tỉnh, tôi thấy mình ở trong một căn phòng lớn với tường gỗ và mái tôn bằng nhựa trong như bề mặt một tấm gương mờ đục. Cái nóng giữa ngày xuyên qua trần nhà như muốn thiêu đốt tất cả chúng tôi. Những người còn lại vừa ngồi quạt để lấy gió vừa để đuổi lũ ruồi và kiến ra xa khỏi những vết thương của họ.

Tôi đang nằm trên một tấm chăn mỏng kê bên một cây cột mục ruỗng đang cố chống đỡ cả trần nhà. Phía trên đầu tôi là hai cánh cửa sổ. Một ngọn gió nhẹ từ bên ngoài luồn lách vào trong căn phòng.

Đầu gối và đầu tôi đều được băng bó. Tôi không còn mặc bộ váy người làm nữa, thay vào đó là một cái váy bằng vải denim bạc màu, từng thuộc về một người đàn bà có khổ người to lớn hơn tôi nhiều.

Để giết thời gian, tôi đút tay vào hai túi váy rồi không rồi lại rút tay ra. Một mùi gỗ thông ẩm ướt lướt qua cánh mũi tôi. Tôi chập chờn nghe thấy tiếng rên rỉ của một người đàn ông đang cố ghìm tiếng hét, nhìn thấy khuôn mặt đã chết của Odette, rồi chìm lại vào giấc ngủ.

Trong giấc ngủ, tôi nhìn thấy mẹ tôi hiện lên lơ lửng phía trên dòng nước đã nhấn chìm bà, như một nữ thần của những con sông.

Bà đang mặc một chiếc váy pha lê trong suốt, tựa hồ được dệt từ những giọt nước sông trong vắt. Chiếc váy bay phất phơ sau gót bà như những dải bụi mờ. Bà chạy đến và ôm lấy tôi trong vòng tay nhẹ như sương khói. Khuôn mặt của bà cũng như mặt tôi bây giờ với ba sắc thái khác nhau của đêm cùng hiện diện trên đó. Bà nở một nụ cười để lộ cả hai hàm răng.

“Mẹ đã để dành nụ cười của mình cho tới khi con cần nó nhất,” bà nói bằng một chất giọng tươi vui xa lạ đối với một người vẫn luôn nói chuyện cứng nhắc và cụt lủn. “Mẹ không muốn con nghĩ rằng tình yêu là cái có sẵn và tuôn chảy một cách dồi dào từ khắp mọi nơi, hay nó là thứ mà con có thể trông đợi một cách vô điều kiện từ mọi người.”

“Thế trong lúc con sắp chết và con búp bê tìm đến với con thì sao?” Tôi hỏi bà. “Tại sao lúc đó mẹ vẫn không yêu con?”

“Ồ, nhưng lúc đó con đâu có thực sự cận kề cái chết hả con gái ngọc ngà bé bỏng của mẹ,” bà đáp. “Đầu óc con lúc đó cũng đang rối bời như lúc này vậy. Tim con cũng đập rất nhanh và máu con thì cũng khổ sở vì viêm nhiễm như lúc này vậy. Thế nên con mới cảm thấy như là mình sắp chết nhưng thật ra không phải vậy. Điều đó không thể nào xảy ra được. Mẹ sẽ không cho phép điều đó xảy ra.”

“Con sẽ không bao giờ trở thành một người đàn bà hoàn thiện,” tôi nói, “vì thiếu vắng khuôn mặt của mẹ.”

“Mẹ con không hề ở cách xa con như con vẫn tưởng đâu,” bà âu yếm đáp. “Con như cái bóng của mẹ vậy. Con luôn trốn chạy mỗi khi mẹ tới gần con, và chỉ đi theo mẹ khi mẹ để con yên một mình. Con sẽ khỏe lại thôi, Amabelle yêu dấu của mẹ. Mẹ biết điều này sẽ thành sự thật. Làm sao con có thể nghi ngờ tình yêu mẹ dành cho con? Con là tất cả cuộc đời này với mẹ.”

Tôi không nhớ nổi rằng mình đã ngủ trong bao lâu. Nhưng lần này khi tôi tỉnh dậy, các bà sơ đang đi quanh phòng và phân phát thức ăn bao gồm cháo ngô, sốt đậu đen, và một lát quả bơ. Tôi lắc đầu từ chối, nhưng họ vẫn đặt một đĩa đồ ăn xuống cạnh tôi.

Trong lúc ăn, mọi người tụ tập lại thành nhóm ngồi nói chuyện. Lần lượt từng người một liến thoắng chia sẻ câu chuyện của mình. Sự sốt sắng trong giọng nói của họ đôi khi làm cho các câu chữ lú vào nhau, vì ai cũng thèm khát được kể chuyện hơn là được lắng nghe. Bạn có thể cảm nhận được mong muốn đó qua những lời tuyên bố tha thiết, những câu chửi tục vang lên ông ổng khi ai đó không nhớ lại những việc đã xảy ra đủ nhanh, khi một giây phút ấp úng cũng trở thành cơ hội cho một người khác chen ngang và vội vã bắt đầu câu chuyện của họ trước khi người kia kịp kể hết chuyện.

“Hôm đó là thứ Hai, ngày cuối cùng của tháng Chín,” một người đàn ông bắt đầu kể với giọng điệu của một người đang làm chứng trước một viên thẩm phán trị an. “Tôi đi ra ngoài đồng từ sáng sớm. Khi tôi trở về nhà vào buổi trưa, đám lính quân đội đã đợi sẵn trong nhà tôi rồi. Tôi đã nghe người ta đồn đại về những vụ bắt bớ xảy ra trong đêm tối và đã cẩn thận tránh la cà vào ban đêm. Nhưng đằng này lại là giữa thanh thiên bạch nhật! Bọn chúng ra vườn của tôi bắt vào mấy con gà rồi vu cho tôi tội ăn cắp. Các ông các bà không biết có bao nhiêu người đã bị bắt sau khi bị vu oan là kẻ trộm đầu.”

Một loạt người khác nhao nhao lên giành quyền được nói tiếp, cứ như thể là họ đã phải cắn lưỡi nín nhịn trong lúc người đàn ông này kể chuyện.

“Chỉ cách tôi có vài bước chân thôi,” một người đàn bà la lên, “bọn họ bị bắt trói bằng dây thừng. Don José, người đã biết tôi từ khi còn tấm bé, lao vào chém họ bằng mã tấu. Trước tiên là con trai tôi, rồi đến cha tôi, rồi đến chị gái tôi.”

Cả người tôi gai lên, như thể toàn bộ máu trong người đã bị đun sôi trên một cái nồi rồi rót ngược lại vào huyết quản. Hoặc có thể

mái tôn trên đầu tôi đang tan chảy và nhỏ từng giọt xuống người tôi như một cơn mưa màu bạc.

Một người đàn ông đã ăn một phát đạn vào bụng thuật lại việc ông ta đã chạy hết nửa ngày trời mà không nhận ra là mình đã bị bắn. Ông ta nghĩ rằng một viên đạn, đặc biệt là đạn từ khẩu súng trường loại Krag, sẽ khiến ông cảm thấy đau đớn hơn thế. Cũng may mắn là ông bị trúng đạn từ một khoảng cách khá xa, ông nói. Lúc đầu nó chỉ cảm giác như vết chích của một con côn trùng, một vết ong đốt, thậm chí còn không đau bằng vết đốt có thể gây chết người của loài ong bắp cày.

Một người nữa kể rằng anh ta đã nấp đằng sau một cái cây khi một toán lính càn quét một trang trại ngựa kế bên. Quá tức tối vì không tìm thấy một người Haiti nào trốn ở đó, bọn chúng đã bắn chết hết tất cả những con ngựa.

“Tôi đã ở Santiago,” một giọng nói vang lên từ phía bên kia phòng, “khi họ giam giữ bảy trăm linh hồn xấu số vào một cái sân đằng sau hai tòa nhà hành chính. Bọn chúng bắt họ nằm úp mặt xuống nền đất đỏ và lần lượt bắn vào gáy họ từ phía sau.”

Trong cái nóng đến mù người, trần nhà dường như tách ra làm đôi, mỗi nửa xoè đôi cánh bằng bạc bay lên bầu trời. Chỉ có điều là bầu trời không còn ở đó, mà chỉ là một hố đen giữa ban ngày chiếm chỗ mặt trời.

“Tôi đã ở đó,” đâu đó vọng lại tiếng một người đàn bà với ba vết sẹo do dây thừng cửa quanh cổ, “khi bọn chúng cưỡng ép hơn hai trăm người ở Monte Cristi phải nhảy xuống biển từ đập chắn sóng ở cầu cảng.”

Nhịp thở của tôi trở nên dồn dập hơn, như thể mọi thứ bên trong tôi đang sôi lên sùng sục mặc dù cả người tôi vẫn nằm

yên. Có lẽ tôi đang lên cơn sốt, những cơn sốt vẫn đeo bám tôi từ thuở nhỏ. Nhưng nếu tôi thực sự đang sốt, liệu mu bàn tay nóng rẫy của tôi có phân biệt được nhiệt tỏa ra từ trán tôi với nhiệt bốc ra từ tay tôi không ?

Người kể chuyện tiếp theo là một người thanh niên đã bị chém một nhát mã tấu lên vai rồi bỏ mặc cho chết. Khi anh ta tỉnh dậy vào ngày hôm sau, anh ta đang nằm dưới một cái hố đầy xác chết.

“Lúc đó, tôi cảm thấy giống như người đàn bà của tôi trong đêm đầu tiên chung giường vậy,” anh ta nói. “Cô ấy tỉnh giấc vào giữa đêm và bắt đầu la hét. Tôi nói với cô ấy, ‘Anh xấu xí đến mức em phải kêu la bài hải như vậy trong đêm đầu tiên ngủ với anh hay sao?’ Cô ấy nhìn đăm đăm vào mắt tôi và thú nhận rằng đó là đêm đầu tiên cô ấy không ngủ cùng giường với mẹ mình và cô đã quên mất trong giây lát rằng mình đang ở đâu.”

Cả nhóm bắt đầu mất kiên nhẫn với anh chàng này. Anh ta mất quá nhiều thời gian lan man để đi đến phần hấp dẫn của câu chuyện.

“Tôi đã nghĩ tới cô ấy khi tôi tỉnh dậy vào buổi sáng hôm đó trong cái hố với xác người chất đống và lũ kền kền bay lượn trên đầu,” anh ta kể tiếp.

“Phải rồi, những con kền kền,” mọi người hòa theo. Bọn chúng không bao giờ biết đủ, lũ kền kền đó, luôn che phủ bầu trời như một đám mây đêm. Nếu bạn không nhanh chân, chúng sẽ tìm cách rửa mắt bạn ra, lũ kền kền đó. Dường như chúng có khả năng đánh hơi thấy mùi chết chóc trên người bạn, lũ kền kền đó.

“Mà đâu phải chỉ riêng bọn kền kền,” ai đó thêm vào, “những con chim lành hơn cũng trở thành những loài ăn thịt người nữa.

Từ chim nhạn, chích chòe, đến cả những con chim ruồi bé xíu, tất cả bọn chúng đều muốn nếm mùi vị thịt người.”

“Khi bình tĩnh giữa vũng bầy nhầy đó, tôi bắt đầu la hét hoảng loạn,” người đàn ông nằm dưới hố thây tiếp tục kể. “Rồi tôi chợt nhớ tới người đàn bà của tôi trong đêm đầu tiên chúng tôi ăn nằm như vợ chồng, và tôi nở một nụ cười bất chấp những cái xác chết bao quanh.”

Những người ngồi quanh cũng nở nụ cười trước vẻ đẹp của một giây phút thơ ngây nhường ấy, khi một cô gái trẻ tỉnh giấc trên giường của chồng mình lần đầu tiên và quên mất cô đã đến đó bằng cách nào. Đã bao giờ cảm giác mình là một người xa lạ trên giường của người khác khiến cho chúng ta giật mình như vậy chưa?

“Vậy giờ người đàn bà của anh ở đâu?” Ai đó cất giọng hỏi. Anh ta chập hai tay vào nhau rồi nhún vai thay cho câu trả lời không biết.

“Để giết được tôi thì mất nhiều công sức lắm,” người kẻ tiếp khoe khoang. “Tôi như một cái cây với bộ rễ đâm sâu tới tận tâm trái đất. Chúng có thể chặt đứt cành nhánh của tôi, nhưng chúng sẽ không bao giờ làm tôi bật rễ được. Rễ của tôi bám quá chắc và chúng lan tỏa đi khắp nơi.”

“Ai đã nói câu đó vậy?” Một người hỏi. “Có phải là tướng Toussaint Louverture không?”

“Một người đàn ông tài ba,” một người khác nhận xét. “Đó là lúc dân tộc chúng ta vẫn còn được kính trọng. Khi những lãnh tụ như Dessalines, Toussaint, và Henry còn sống, chúng ta là một quốc gia quật cường. Những người đàn ông đó sẽ xông pha trận mạc để bảo vệ máu mủ đồng bào. Trái lại, ông tổng thống đương

nhệm của chúng ta không hề hé răng nói một câu trước tất cả những vụ thẩm sát này. Papa Vincent của chúng ta – ngài thi sĩ của chúng ta – hoàn toàn im lặng trong lúc chúng ta, những hậu duệ của Dessalines, của Toussaint, của Henry bị giết chết. Ông ta không dám mở mồm lên tiếng bênh vực con dân đất nước ở phía bên kia con sông.”

Một người đàn bà cất tiếng hát, cầu khẩn hương hồn những vị cha già đã đấu tranh cho độc lập dân tộc. Papa Dessalines, người đã để chúng con lại nơi đâu? Papa Toussaint, người đã để lại cho chúng con những gì thế này? Papa Henry, người đã bỏ mặc chúng con rồi ư?

“Tự do chỉ là thứ nhất thời mà thôi,” một người đàn ông nói. “Cuối cùng thì ai đó cũng sẽ đến và tước nó đi.”

Họ tiếp tục tranh luận về cách họ đã khôn ngoan lựa chọn đi qua những thung lũng che phủ bởi rừng rậm thay vì những con đường núi. Họ băn khoăn không biết điều gì sẽ xảy ra với những người thân đã biến mất. Một vài người đã đi theo những nhóm lớn và họ đã bỏ mặc những người sắp chết lại đằng sau. Họ hồi tưởng lại và tái sắp xếp các sự kiện, đưa ra một ý kiến bên lề hay một quan điểm khác. Liệu họ đã có thể làm gì khác đi? Điều gì đã xảy ra với tín điều của đất nước chúng ta, “L’union fait la force”?(¹) Tinh thần đoàn kết của chúng ta ở đâu? Sức mạnh của chúng ta ở đâu? Và làm sao chúng ta có thể không căm ghét bản thân mình vì đã bỏ mặc những người đồng hương ở lại?

(¹) *Tiếng Pháp: Đoàn kết là sức mạnh.*

Đồng thời, họ cũng mơ về bữa cơm đầu tiên mà mẹ và chị họ sẽ nấu cho họ, những người mà họ chưa được gặp lại trong nhiều năm. Họ suy nghĩ chi li từng bước một về cách những trận domino và những buổi chơi gà đầu tiên với cha họ và những

người hàng xóm sẽ diễn ra như thế nào, những cái ôm thăm thiết đầu tiên mà họ sẽ dành cho người yêu và con cái họ.

“Tất cả những chuyện này khiến cho chúng ta nhận ra rằng thịt da của mình cũng chỉ như vạn vật khác,” người đàn ông đã bị ném xuống cái hố đầy xác chết kết luận. “Nó không khác gì so với hoa quả, hay bất cứ thứ gì có thể thối rửa được. Nó không diệu kỳ, cũng chẳng linh thiêng. Nó có thể teo tóp lại, cháy rụi đi, và tan chảy trong lửa như hổ phách. Da thịt chúng ta chẳng là gì cả. Chúng ta chẳng là gì cả.”

Người đàn bà với những vết sẹo dây thừng trên cổ hỏi xin đĩa thức ăn của tôi. Tôi gật đầu rồi lại quay về với giấc ngủ.

Khi tôi tỉnh dậy lần nữa, bà sơ với khuôn hàm vuông đang đập tay lên miếng băng gạc che vết thương ngựa ngáy trên trán tôi.

“Cô có biết mình đã ngủ bao lâu rồi không ?” Bà ta hỏi. Tôi lắc đầu không biết.

“Ba ngày,” bà nói. “Cô đã ngủ li bì suốt ba ngày ba đêm. Trông cô không tệ như những người khác, nhưng cô lên cơn sốt cao đến mức tôi sợ rằng cô sẽ chết chứ.”

Tôi cố gắng mở miệng cười để cho bà ấy thấy là tôi vẫn còn sống đây, rằng tôi chưa muốn chết đâu. Odette và Wilner đã chết thay cho tôi rồi.

“Cô có nhà để về không ?” Bà hỏi tiếp. Tôi lắc đầu không.

“Cô có nói được không ?” Bà hỏi. Không.

Bà ra hiệu cho tôi mở miệng ra. Tôi cảm thấy mặt mình như muốn đứt ra làm đôi trong khi há miệng.

“Thế còn anh chàng đã đến thăm, tắm rửa, và thay quần áo cho cô trong lúc cô vật vã qua giai đoạn nguy kịch nhất của cơn sốt thì sao?”

“Ai cơ?” Tôi nhướn lông mày lên ý hỏi.

“Hắn đó phải là một người mà cô quen biết.”

Tôi cảm giác các mạch máu trên cổ đang hằn lên phập phồng. Cổ họng tôi hít vào những bong bóng khí lớn. Tên anh ấy là Sebastien Onius.

“Anh ta nói tên anh ta là Yves,” bà nhớ lại.

Yves đến gặp tôi khoảng vài ngày sau đó. Tôi muốn cảm ơn anh đã chăm sóc tôi trong lúc tôi ốm sốt. Nhưng tôi có thể cảm ơn anh như thế nào?

Trông anh giờ đã ổn hơn trước, ngoại trừ việc anh vẫn còn những miếng băng gạc dán thành những hình kỳ lạ ở khắp mọi chỗ trên đầu. Anh giải thích khi thấy tôi quan sát đầu tóc lởm chởm của anh, “Tôi vẫn chưa được phép cạo đầu.”

Tôi muốn nói với anh rằng trông anh đã khá hơn rồi. Anh không cần phải cạo đầu làm gì cả. Những vết thương của anh có vẻ cũng đang lành lại.

“Tôi thường nằm ngủ bên ngoài dưới ánh trăng,” anh nói. “Ngủ như thế dễ chịu hơn, trừ những lúc mưa.”

Tốt quá. Tốt quá. Tôi gật đầu.

“Tôi đã tìm Mimi và Sebastien ở khắp mọi nơi có thể.” Tôi có thể cảm nhận từ gương mặt đang chùng xuống của anh rằng có vẻ tôi đang hy vọng quá nhiều. “Các cha xứ và giám mục đang tìm

cách hỏi thăm tên tuổi của những người khác. Tôi đã hỏi họ về Sebastien và Mimi.”

Và sau đó thì sao? Tôi nhượng vai lên để hỏi. “Không có tin tức gì cả,” anh trả lời. “Chẳng ai biết gì về họ. Có thể họ đã đi qua một cửa khẩu biên giới khác. Có thể họ có đủ sức lực để đi về nhà mẹ của họ.”

Bất chấp mong muốn của mình, tôi cảm thấy bản thân đang chìm dần trở lại vào giấc ngủ. Hoặc là tôi khóc hoặc là tôi ngủ. Đó là tất cả những gì mà cơ thể tôi có thể làm được vào lúc này.

Những lần thăm nom của Yves như một câu chuyện trải dài ra trong nhiều ngày. Có những ngày tôi nhớ mình đã nói những gì, những ngày khác thì không.

“Tôi sẽ quay trở về nhà vào sáng mai,” anh thông báo trong một lần tới thăm tôi. Một vài chòm tóc đã mọc xung quanh chỗ anh dán băng gạc. Vết thương của anh đã nhỏ đi nhiều. “Hãy gặt đầu nếu cô muốn đi cùng với tôi.”

Tôi cố gắng nói có, rằng tôi sẽ đi với anh. Tôi sẽ đi với anh tới nhà anh cho dù nó ở đâu, để cố quên đi tất cả những chuyện đã diễn ra trên cuộc hành trình, và để chờ đợi Mimi và Sebastien quay trở về.

“Vậy thì tốt,” anh đáp. “Cô hãy ngủ ở đây nốt đêm nay, rồi mai tôi sẽ tới đón cô.”

Trời mưa cả đêm hôm đó. Đa số những người đang ngủ ở ngoài trời đều chạy hết cả vào trong. Cánh cửa chớp phía trên chỗ tôi nằm bị bật ra làm nước hắt liên tục vào trong phòng. Cuối cùng, ai đó đã đứng dậy và đóng cửa lại, nhưng lúc đó thì người tôi đã ướt nhẹp rồi.

Yves lại gần chỗ tôi và ngồi xuống trong bóng tối, lưng anh dựa vào một cây cột gỗ ở gần đó.

“Tôi sẽ đưa cô đến nhà của Sebastien,” anh nói, “nơi cô có thể ngồi với anh ấy, Mimi, và mẹ của họ để hàn huyên về tất cả những chuyện đã xảy ra như một cơn ác mộng.”

“Chúng ta đã ở đây được bao lâu rồi?” Cổ họng tôi như muốn đứt toạc ra trong lúc cố gắng để nói.

“Sáu ngày rồi,” anh đáp.

“Tôi đã làm gì trong lúc tôi bị sốt?” Tôi hỏi.

“Cô ngủ rồi lại thức, cứ thế lặp đi lặp lại,” anh nói. “Nhưng phần lớn thời gian cô chỉ ngủ thôi.”

“Và anh đã chăm sóc cho tôi trong suốt thời gian đó?” Anh gật đầu.

“Sau trận mưa này, nước sông sẽ dâng lên,” tôi nói tiếp. “Nếu Mimi và Sebastien tìm cách vượt sông lúc này sẽ không tốt chút nào.” “Họ nói rằng cuộc thám sát đã dừng lại rồi,” anh nói.

“Tôi luôn có một giấc mơ thường trực,” tôi nói, “về cha mẹ tôi trong cơn nước xoáy, dưới trời mưa như thế này.”

“Sebastien đã kể với tôi nhiều lần về giấc mơ đó,” anh nói.

Ai đó hét văng lên từ phía bên kia căn phòng. Đó là người đàn ông đã thức dậy trong cái hố toàn xác người. Anh ta nói rằng anh đã nghe thấy tiếng người đàn bà của mình gọi từ phía con sông và anh muốn đi cứu cô ấy.

Trong khi Yves và một vài người đàn ông khác giữ chặt anh ta lại, các bà sơ đã thức giấc và ép anh ta nuốt vài thìa si-rô. Liều thuốc đó, kèm theo nỗi sầu đau của anh ta, giúp người đàn ông cuộn lại như một đứa trẻ, tự mút tay và ngủ say suốt đêm.

Sáng hôm sau, Yves đi cùng với các cha xứ, bác sĩ, và những người khác có nhiệm vụ đi thu nhặt các xác chết bên bờ sông. Công việc tiêu tốn hết cả buổi sáng của họ, mặc dù các bà sơ bảo với chúng tôi rằng việc giết người đã dừng lại và họ không tìm thấy cái xác nào để chôn nữa.

Căn phòng bây giờ đã quá tải với tất cả mọi người chen chúc bên trong để tránh đám bùn nhão bên ngoài.

Tôi nhìn lên mái tôn nhựa và tìm kiếm khuôn mặt mình phản chiếu trên trần nhà trong lúc đợi Yves quay trở về. Vì tất cả mọi người đều đang nằm ngửa sát sạt bên nhau, tôi không thể nhận ra được khuôn mặt nào là của mình.

Người đàn ông bị rơi vào cái hố xác người nằm trên chiếu của mình cả buổi sáng, lầm bầm tên người đàn bà của anh. Nounoune, Nounoune. Nằm bên cạnh anh ta là một người đàn ông Dominicana, người chỉ có thể an ủi anh bằng tiếng Tây Ban Nha.

“Calmate, hombre,”⁽¹⁾ người đàn ông Dominicana lầm bầm nói. Anh ta có nước da đen như bà sơ đến thay băng cho anh vậy. Anh ta đã bị tưởng nhầm là một người trong số chúng tôi và đã lãnh một nhát mã tấu vào sau gáy vì điều đó.

⁽¹⁾ *Tiếng Tây Ban Nha: Bình tĩnh lại đi, anh bạn.*

Tôi được kể lại rằng có rất nhiều người trong phòng đã rơi vào hoàn cảnh tương tự như anh ta.

Buổi chiều hôm Yves và tôi rời trạm xá trên một chiếc xe tải, nền trời phủ một màu xám nhờ như màu bộ lông của một con cá nướng chín. Ở phần này của đất nước, đôi mắt chúng tôi được thỏa mãn trước những dãy núi xanh màu chàm, những cánh đồng xương rồng, hay những đàn chim diệc và hồng hạc. Phong cảnh hữu tình ấy đủ khiến cho những người, dù đang thương tích đầy mình, cũng phải ngoái đầu lại nhìn ra bên ngoài, rùng mình cảm tạ rằng mình đã may mắn còn sống để trở về với đất mẹ.

Yves và tôi phải ngồi ép vào một góc trên một băng ghế chật ních phía đuôi xe. Tôi biết rằng chân tôi đang đè lên mạng sườn của anh, nhưng tôi không còn chỗ nào khác để dựa chân nữa. Yves đang ân hận vì anh đã không tìm thấy Mimi và Sebastien vào sáng hôm đó. Anh ngồi im lặng, mắt cúi xuống vân vê các ngón tay. Mỗi khi xe phanh gấp và chân tôi thúc vào mạng sườn anh, anh chỉ nhăn mặt chứ tuyệt không kêu ca phàn nàn. Có lẽ anh nghĩ rằng tôi căm ghét anh và muốn dấn vật anh vì anh đã sống sót chứ không phải Sebastien. Có thể anh còn nghĩ rằng anh xứng đáng nhận một hình phạt nào đó vì đã không ở bên Sebastien như một người bạn.

Cap¹ vẫn là một thành phố cũ với nhiều nét mới khi chúng tôi trở về với nó, một thành phố đã nhiều lần bị thiêu rụi trong nỗ lực tự cứu rồi chính mình. Lũ trẻ nơi đây đứa nào cũng biết những câu chuyện về những trận cháy đó, vì đôi khi tàn tích đã chôn vùi trong lòng đất của chúng vẫn được tìm thấy: một đồng

xu bằng vàng hay một cái đĩa nhỏ bằng bạc trôi lên khỏi mặt đất dưới cơn mưa, như xương cốt của những người được chôn dưới những huyết đất nông choèn mà không có quan tài. Mơ ước của lũ trẻ là tìm thấy một cái ja, một cái rương đầy vàng bạc mà một chủ đồn điền người Pháp đã chôn cùng với những người nô lệ mà ông ta đã cho giết nhằm trấn yểm linh hồn họ và biến họ thành những hồn ma canh giữ kho báu.

¹ *Tên gọi tắt của Cap-Haïtien, cố đô của Haiti.*

Henry I đã từng nói với những viên tướng người Pháp quay trở lại trên những hạm đội để đòi lại gia tài cũng như linh hồn những người nô lệ của họ, “Ta sẽ không chịu đầu hàng cho tới khi thành phố Cap cháy thành tro bụi. Và ngay cả sau đó ta vẫn sẽ tiếp tục chiến đấu trên mớ tro tàn này.” Ông chính là người đã ra hiệu lệnh bắt đầu đám cháy bằng cách châm lửa đốt ngôi nhà của mình trước tiên.

Giờ đây, những ngôi nhà mới đã được xây lên dọc theo con đường mang tên Tướng Toussaint Louverture. Chiếc xe tải thả chúng tôi xuống cạnh một bức tượng đài của Toussaint. Những ngôi nhà mới của Cap không còn vẻ khang trang đường bệ như trước, cái cao nhất cũng chỉ có hai tầng với ban công có lan can bằng gỗ và cửa chớp hai cánh ở bên trên. Chúng không giống như những căn nhà đồn điền trên những mảnh đất rộng lớn, vốn được xây để đứng vững qua nhiều thế kỷ.

Ngay khi chúng tôi bước xuống xe, Yves lập tức tách ra khỏi đoàn người. Tôi đi theo anh, mắt nhìn lên tìm kiếm hướng chân trời.

Pháo đài khổng lồ, báu vật của vua Henry I, vẫn đang nhìn xuống cả thành phố từ phía sau một quầng mây lấp lóa ánh mặt trời. Tôi băn khoăn tự hỏi liệu Yves có nhận thấy những điều

này, hay thậm chí anh có để ý đến những món hàng được bày bán trong các cửa tiệm hai bên đường trong lúc chúng tôi cuốc bộ qua những đường phố trải nhựa. Từng nhóm người đang đi lại chậm rãi quanh các cửa hiệu bán vải và đóng giày trên phố Rue du Quai. Tôi đã bị Yves bỏ xa trong lúc mải mê ngắm nhìn bầu trời, cố gắng quên đi hai cẳng chân đang nhức nhối. Từng lóng xương nhỏ dưới bàn chân trần của tôi đang cứa vào nhau. Sau mỗi bước chân, tôi phải dừng lại để định hình xem mình đang làm gì, và hai chân tôi có đang đi đúng hướng tôi muốn không.

Một vài người lái buôn, chủ tiệm, cùng những người làm công của họ khẽ thốt lên những tiếng cảm thán khi chúng tôi đi ngang qua. Bọn họ nhận ra chúng tôi mà chưa cần biết chúng tôi là ai. Chúng tôi là những kẻ suýt chết, những người đã trốn thoát từ phía bên kia con sông.

Tôi lê chân mình bước đi, chốc chốc lại cảm giác như chúng đang bị ai dẫm lên. Ánh mắt của họ chỉ cách tôi chưa đầy một gang tay. Bàn tay và những ngón tay của họ tìm đường về phía tôi. Mũi họ như la hét vào tai tôi, “Ồi linh hồn tội nghiệp đáng thương!”¹.

¹ *Tiếng Creole ở Haiti và tiếng Anh: Podyab, poor devil.*

“Đi nào, đi nào,” Yves gọi tôi trong lúc chúng tôi tiếp tục đi ngang qua cánh cửa đan mắt cáo của khách sạn New York cũ, rồi đi tiếp qua một vỉa hè nơi có người đang diễn tả cách sử dụng một cái máy quay đĩa và một cái máy may trong một cửa tiệm trên đường La Rue A. Dường như Yves đang loay hoay tìm kiếm một cánh cửa nào đó để bước vào, nhưng anh đã bị lạc và không còn nhận ra nơi mình cần đến ở đâu.

Trên đường La Rue B, anh đứng giữa một khu chợ cho dân du lịch, gãi gãi những miếng vảy đóng trên cái đầu chưa cạo trong lúc đợi tôi bắt kịp. Khi tôi tới nơi, anh bảo tôi đứng yên bên cạnh một cây cột đằng trước tiệm thuốc và chờ anh chạy vào trong để mua một bao thuốc lá hiệu La Nationale. Khi chúng tôi tới được nhà thờ thì anh đã kịp hút gần hết cả bao.

Một bà già đứng đằng trước nhà thờ tiến lại gần tôi đến mức tôi có thể ngửi thấy mùi thuốc lá nhai trong hơi thở của bà ta, mùi những giọt mồ hôi không ngừng tuôn ra trên trán bà, và mùi ngai ngái của những trái cam vỏ dày cui chất trong một cái thúng nằm thẳng bằng trên đỉnh đầu bà. Không cần đưa mắt nhìn, bà vớ tay lên lấy một quả cam từ trong thúng và đưa nó cho tôi.

“Cô hãy hơ quả cam này trên một bếp lửa đang đun,” bà nói với tôi, “và để cho nó cháy đến lúc vỏ cam chuyển màu đen.”

“Cháu cảm ơn bà,” tôi đáp.

“Ta vẫn chưa nói hết,” bà cắt lời. “Khi toàn bộ vỏ cam đã chuyển sang màu đen là lúc cô biết nó có thể dùng được. Cô hãy cắt nó ra trong lúc nước cam bên trong vẫn còn đang nóng, chà nó lên khắp người, rồi sau đó tắm trong nước ấm và lau sạch tép cam dính trên da. Tất cả những vết cắt của cô sẽ lành. Những cơn nhức xương của cô sẽ dừng lại.”

Tôi cầm chắc quả cam trong tay để không làm rơi nó. Bà già vẫn đi sau lưng tôi, tiếp tục ban phát cam cùng lời dặn dò tương tự cho những người khác.

Yves giảm tốc độ để đi bên cạnh tôi. Một vài người đi đường nhận ra anh trong lúc chúng tôi đi xuống một con đường rải sỏi, xa khỏi khu buôn bán sầm uất. Một người thanh niên cầm trên

tay một chồng áo thêu bán cho khách du lịch đi theo sau chúng tôi và loan báo cho tất cả những cư dân sống trong những ngôi nhà chật hẹp bằng đá vôi ở hai bên đường, “Đây là Yves, con trai của Man Rapadou! Cậu ấy đã trở về từ phía bên kia.”

Anh ta thò tay ra từ dưới chồng áo và bắt tay Yves một cách nồng nhiệt.

“Chúng nó không thể bắt được cậu, đúng không,” anh ta nói. “Chúng chẳng thể nào bắt nổi cậu. Cũng như bọn Yanki cũng chẳng tài nào bắt được tôi vậy!”

Người đàn ông với chồng áo cho khách du lịch thao thao bất tuyệt về những việc đã xảy ra kể từ khi Yves đi, rằng quân Yanki đã cuốn gói về nước từ ba năm trước, và rằng mẹ của Yves vẫn khỏe mặc dù bà lúc nào cũng lo lắng cho anh tới mòn mỗi tâm can.

Ngôi nhà của anh nằm bên cạnh vô số những căn nhà khác được xây từ những thanh gỗ và mái tôn rỉ sét chấp vá lại. Yves chạy như bay xuống một con dốc thoải dẫn tới cửa nhà mẹ anh. Một người đàn bà to béo đang đứng trên bậc thềm, chặt vật xỏ tay vào chiếc áo khoác ngắn tay màu cầu vồng. Ngón tay bà mắc kẹt trong lớp vải và bà vùng vẫy hết sức để gỡ chúng ta. Ngực bà để trần với nước da màu nâu mật mía. Bà đang chuẩn bị chạy ra đường mà không thềm mặc áo khi Yves nhảy chồm tới trước mặt bà. Anh giúp bà xỏ những ngón tay siết chặt vào ống tay áo và nhẹ nhàng cài cúc lại cho bà. Trong lúc đó, bà chỉ biết ngấm nhìn anh, vừa vùng vẫy tay chân vừa gọi tên con trai. Khi anh cài xong chiếc cúc cuối cùng, bà ghì chặt đầu anh vào cổ bà, vừa bật khóc nức nở vừa đưa tay vuốt ve những vết thương đã đóng vảy trên đầu anh.

Mẹ anh không nhìn thấy tôi đứng ở mé cửa gần một đám đông hiếu kỳ đang bu đen bu đỏ lại xem. Tôi xoay quả cam trên tay và cố gắng không bóp nó quá mạnh vì lo lắng.

“Man Rapadou, bà hẳn là rất vui mừng khi gặp lại thằng con đúng không?” Người thanh niên với chồng áo cho khách du lịch trên tay nói to.

Yves tiến lại, nắm lấy tay tôi, và dắt tôi ra khỏi đám đông.

“Và con đã mang về một người đàn bà. Đây có phải là vợ con không?” Mẹ anh hỏi.

“Mẹ đừng hấp tấp thế, Man Rapadou,” Yves đáp.

Bà gật đầu và mở rộng vòng tay về phía tôi. Lúng túng không biết phải phản ứng thế nào, tôi chỉ biết đứng cạnh Yves, giả vờ không hiểu bà đang muốn điều gì. Bà kéo tay tôi và ôm chặt tôi vào lòng. Đám đông phá lên cười lớn. Bà mẹ Yves phẩy tay rồi xua họ đi với một cái quay đầu.

“Cô ấy tên là Amabelle,” Yves nói. Lắng nghe anh nói tên mình, và sau đó đến mẹ anh nhắc lại nó, tôi cảm thấy mình được chào đón trong căn nhà của họ.

“Các con vào nhà đi,” bà mẹ vừa nói vừa vẫy tay chào những người hàng xóm. Bà chỉ mang mỗi một chiếc dép. Chiếc còn lại bà đã để quên trong nhà trong lúc vội vàng chạy ra đón con trai.

Chúng tôi đang ở trong gian phòng thứ nhất của căn nhà. Phòng thứ hai dẫn ra một khoảng sân sau mà gia đình Yves chia sẻ với nhiều gia đình khác. Nó làm tôi nhớ đến khu nhà máy của Don Carlos.

Yves đi chào hỏi những người họ hàng đang sống xung quanh mảnh sân. Họ mang ghế ra cho anh ngồi xuống dưới một cây chuối rễ quạt cao lớn và xanh tốt ở giữa sân, với những tán lá hình cọ vươn dài như những ngón tay trên một bàn tay.

Mẹ anh pha cho mỗi người một tách cà phê mặn. Nó làm cho khoang miệng tôi tê rát, nhưng tôi cố gắng không nhổ nó ra. Vị mặn của cà phê làm trôi đi dư vị của mùi tây và máu vẫn còn phảng phất trên lưỡi tôi từ sau trận đòn ở quảng trường.

Họ hàng của Yves tụ tập lại và nấu một bữa linh đình để thiết đãi anh. Họ chiên và hầm tất cả những món mà anh yêu thích: thịt dê và cà tím, cải xoong nấu trong sốt cá tuyết, cháo ngô, và đậu đen.

Yves ăn tất cả những gì họ bung ra trước mặt anh. Cứ vài phút mẹ anh lại tạm ngừng việc ăn uống của anh để kể rằng hồi nhỏ anh ăn nhiều như thế nào, rằng anh không chỉ ăn đồ ăn và kẹo ngọt mà còn thích ăn cả đất ẩm bám vào rễ cây đậu, và rằng anh thích chà đất lên lợi mình cho đến khi lợi anh bật máu.

Yves ngừng ăn để nghe mẹ anh kể chuyện, như thể anh cũng mới nghe chúng lần đầu. Tôi nhận ra rằng mẹ anh đang kể chuyện để ngăn anh ăn quá nhanh và cho phép miệng và dạ dày anh được nghỉ.

“Hãy nhớ đến một người đàn ông đã bị bắt bỏ tù.” Mẹ anh đứng ở một góc sân và lấy tay xoa cái bụng bự của bà. “Sau khi được cho ăn toàn bánh mì và nước lã trong suốt ba mươi ngày, chúng thả ông ta ra và ông ấy tìm đường trở về nhà. Điều đầu tiên tôi làm là nấu cho ông ấy tất cả những món ngon mà ông ấy đã mơ đến trong lúc bị giam cầm. Ông ấy ăn ngón ngấu cho đến lúc gục mặt xuống đĩa giữa bữa ăn. Ông ấy đã chết trong lúc ăn,” bà kể với những người họ hàng giữa những tràng cười dài và đục.

“Làm ơn, đừng giết con trai tôi như thế. Một người đàn ông có thể chết vì đói, nhưng anh ta cũng có thể chết vì một đĩa thức ăn nữa đây.”

Yves đặt thìa xuống và đẩy đĩa của anh ra xa. Mẹ anh lại cười như nắc nẻ, mặc dù chẳng có ai cười cùng với bà hết. Bà có vẻ như là người duy nhất có thể dùng tiếng cười để thoát khỏi nỗi buồn, một nỗi buồn khiến cho giọng cười của bà trở nên âm vang và thâm trầm hơn, tựa như một tiếng hét vọng lên từ dưới đáy giếng.

Tiếp tục cười, bà mẹ đưa tay vuốt quanh cái cằm đầy lông. Bà làm tôi nhớ đến những bà già ở nhà máy mía với gò má bị chẻ làm đôi. Thịt da họ liền lại vì chúng không còn lựa chọn nào khác, nhưng chúng không bao giờ lành lặn như cũ được cả.

Tôi nhớ lại điều cha tôi thường hay nói trong lúc ông hồi hả chuẩn bị một túi xách đầy chai lọ đựng rượu rum và lá thuốc để chuẩn bị cho một ca đỡ đẻ hay một bệnh nhân sắp chết, và phải suy tính trong đầu cách để hỗ trợ hay trì hoãn sự kiện đó. “Nỗi bất hạnh sẽ không chạm vào con một cách nhẹ nhàng đâu. Nó sẽ luôn để lại những vết hằn trên người con. Đôi khi nó để lại dấu vết ở những chỗ mà mọi người đều nhìn thấy, đôi khi những vết hằn đó chỉ dành cho con mà thôi.”

Bà mẹ Yves có vẻ là một người đã nếm trải đủ những bất hạnh trong cuộc đời. Điều duy nhất mà bất hạnh có vẻ chưa đọng tới trên người bà là một hàm răng trắng bóng thẳng tắp như vành của một cái cốc tráng men, mặc dù chẳng có cái răng nào trong số đó là tự nhiên cả.

Miệng tôi vẫn còn quá sưng để ăn được thức ăn cứng. Một đĩa đầy thịt cừu chiên vẫn nằm gọn trên đùi tôi. Mẹ Yves ngồi

xuống bên cạnh tôi và hỏi, “Cháu ăn một ít súp nhé? Nó không quá nóng hay quá khó nuốt đâu.”

Bà nhắc cái đĩa ra khỏi đùi tôi và quay trở về với một bát súp bí ngô nhỏ. Trong lúc những người khác ngồi nhìn, bà dùng một cái thìa nhỏ xíu để bón súp cho tôi như thể tôi là một đứa bé ốm liệt giường.

Tối hôm đó, mẹ Yves chuyển sáu người em họ ra khỏi gian phòng thứ hai để Yves và tôi có thể cùng nằm trên chiếc giường cũ của anh. Cái giường được đóng từ bốn chân cột dính xuống sàn bằng nhựa đường và một tấm gỗ để đặt một cái đệm nhỏ và một mớ chăn màn cũ kỹ ở trên.

Phòng ngủ của mẹ Yves chỉ được ngăn cách khỏi phòng chúng tôi bởi một tấm màn kết bằng hạt. Lúc bà lên giường đi ngủ, anh đi theo bà vào trong phòng. Tôi ngồi một mình trên chiếc giường mới và mân mê quả cam trong lúc lắng nghe những tiếng động bên ngoài. Tôi có thể nghe được tất cả những gì mọi người quanh sân nói hay làm, tiếng họ cãi cọ hay chung đụng với nhau, từ những câu chuyện ngổ lê đôi mách cho tới tiếng khóc ngằn ngặt của bọn trẻ.

“Cô ấy là ai?” Bà mẹ hỏi Yves. “Gia đình cô ấy đang ở đâu? Họ còn ở đây hay đều đã chết trong cuộc thảm sát phía bên kia?”

Yves không nói gì cả. Tôi đi ra ngoài sân, tìm bếp lửa và một chậu nước, rồi dùng quả cam đắng để tắm gội theo lời chỉ dẫn của bà già trước cửa nhà thờ. Văng vẳng đâu đó tiếng bọn trẻ con cười khúc khích khi chúng nhìn ngó tôi qua những lỗ hổng trên cánh cửa. Bất chấp sự tò mò của chúng, tôi biết rằng cơ thể tôi chẳng còn là một kỳ quan gì hấp dẫn. Tôi cũng chưa bao giờ thực sự là một người đàn bà xinh đẹp, trước kia hay bây giờ cũng vậy. Giờ đây xác thịt tôi chỉ còn là một tấm bản đồ đầy những vết sẹo và vết bầm tím, một chứng nhân đầy tỳ vết.

Lúc tôi quay trở về giường, Yves vẫn còn đang ngồi trong phòng mẹ anh. Câu chuyện của họ đã chuyển qua những chủ đề không liên quan tới tôi, về những người bạn cũ đã chết hoặc chuyển đến nơi khác sinh sống, về miếng đất của cha anh đã bị bỏ hoang từ khi Yves đi.

Mỗi khi nhắm mắt lại, tôi lại nhìn thấy con sông và tưởng tượng ra cảnh Sebastien và Mimi chết đuối giống như mẹ tôi, cha tôi, và Odette. Để trốn chạy những suy nghĩ này, tôi lại tưởng tượng ra pháo đài của Henry I theo cách tôi đã nhìn thấy nó chiều nay, gần chạm tới bầu trời và cách xa con sông. Đắm mình vào những ký ức thời ấu thơ được bảo bọc bên trong pháo đài, tôi thiếp đi trong giấc ngủ.

Sáng hôm sau, tôi loạng quạng ra khỏi giường, cảm thấy ngượng ngùng vì đã ngủ nướng một giấc đầy mắt. Mẹ Yves đang ngồi dưới gốc cây chuối rẻ quạt ngoài sân, rót nước sôi vào trong túi lọc đầy bột cà phê.

“Yves đi đâu rồi bác?” Tôi lên tiếng hỏi. Tôi còn không biết là anh có vào giường và nằm ngủ cạnh tôi tối qua hay không.

“Nó đang cày bừa trên mảnh đất của cha nó,” mẹ anh đáp. “Nó thức dậy sáng nay và nói rằng nó muốn đi trồng đậu trên những thửa ruộng của ông ấy.”

Tôi không biết Yves đã kể cho bà nghe những gì về tôi. Bà đứng dậy đi về phía tôi, nâng mặt tôi lên với hai bàn tay ướt, và đặt một nụ hôn lên trán tôi.

“Cháu hãy gọi bác là Man Rapadou,” bà nói. “Bác đã biết chuyện của cháu rồi.”

Bà đã biết câu chuyện nào của tôi? Yves đã kể cho bà nghe chuyện gì?

“Hãy quên tất cả những điều cháu biết trước cuộc thẩm sát này đi,” bà nói tiếp. Có lẽ bà đang cố khuyên tôi đến với con trai bà và quên Sebastien đi, quên cả những ký ức và hình ảnh về anh vẫn còn trôi nổi trong đầu tôi như những mảnh vụn của một giấc mơ thoáng qua.

Yves cày bừa trên ruộng tới tận sẩm tối. Lúc đi vào nhà, tay anh được phủ một lớp bùn đất và khắp người anh bốc lên mùi đất, như thể anh đã xới tung cả thửa ruộng và đắp hết đất lên người vậy.

“Con đã trông cả một ruộng đậu đũa hôm nay đấy,” anh khoe với mẹ.

“Mẹ đã bảo con rồi. Bây giờ chưa phải mùa,” bà cản nhàn. “Mẹ cứ để rồi xem,” anh trả lời ương bướng.

“Bao giờ thì con định qua chào Man Denise?” Mẹ anh hỏi. Anh không trả lời.

“Con và con trai của bà ấy đã ra đi cùng với nhau. Việc con đến thăm hỏi bà ấy cũng là phải phép mà,” mẹ anh nói tiếp.

Yves đi ra ngoài sân tắm rửa. Tôi quay trở về phòng và nằm xuống giường, cố gắng dỗ giấc trước khi anh quay trở lại.

Khi anh bước vào và gọi tên tôi, tôi vờ không trả lời. Anh nằm xuống và co mình lại trên tấm nệm. Anh không nói mớ trong đêm ấy, và cả những đêm sau đó nữa.

Hôm sau, trong lúc Yves đang ở ngoài ruộng, tôi dò hỏi một vài người họ hàng của anh và biết được chỗ ở của Man Denise, mẹ

của Sebastien và Mimi. Tôi hứa cho một cậu bé con kẹo bạc hà để cậu ấy dẫn tôi tới đó.

Ngôi nhà không cách nhà của Yves quá xa, nhưng nằm ở một khu vực thưa người ở hơn, với những căn nhà to hơn và nhiều cây cối hơn.

Tôi đi đi lại lại xung quanh ngôi nhà. Chẳng có gì diễn ra ở đó, ngoại trừ một cô gái trẻ chạy ra chạy vào sân với bình nước dội trên đầu.

“Người đàn bà sống trong căn nhà đó sẽ không đi ra ngoài đâu,” cậu bé dẫn tôi đến đó nói. “Cô có muốn vào trong nhà và nói chuyện với bà ấy không?”

“Không cần đâu,” tôi đáp. Làm thế thì được ích lợi gì? Bà ấy không biết tôi là ai, ngay cả khi các con bà vẫn sống cùng với bà trong vòng tay bảo bọc của ngôi nhà.

Ít lâu sau, cơ thể tôi bắt đầu cảm thấy khá hơn, mặc dù tôi vẫn hay bị ù tai và một chân của tôi vẫn gặp khó khăn khi co duỗi. Dù vậy, tôi vẫn đi ngang qua nhà Man Denise để xem có gì thay đổi không. Mỗi khi trên đường có nhiều tiếng huyên náo hơn thường lệ, hay có những người tụ tập thành nhóm trước cửa nhà, tôi lại chạy tới để xem có phải Man Denise đang rời khỏi nhà để đón các con bà hồi hương hay không. Luôn luôn có những người mới quay trở về từ bên kia biên giới để tạo dựng lại cuộc sống ở trong khu vực của bà và tôi.

Những ý nghĩ về ngày trở về của Sebastien khiến tôi ước gì tóc mình mọc trở lại dài hơn bây giờ, tai tôi hết ù, chân tôi có thể co giãn thoải mái, và quai hàm của tôi sẽ định hình trở lại và nở một nụ cười mà không làm cho tôi giống như một con la đang nhai cỏ.

Khi đêm xuống, nằm bên cạnh Yves, tôi càng lúc càng bị bủa vây bởi nỗi sợ rằng Sebastien sẽ không nhận ra tôi nữa nếu anh gặp lại tôi.

33

Yves dành hầu hết thời gian cày cuốc và trồng trọt trên những thửa ruộng của cha anh. Sau một ngày làm việc, lúc chiều muộn, anh lại tụ tập chuyện trò cùng bạn bè và hàng xóm.

Tôi không bao giờ trông thấy anh ở nhà mà chỉ nghe thấy tiếng anh cởi quần áo và trèo lên giường khi anh trở về lúc đêm đã khuya.

Vài tuần sau khi anh bắt đầu việc gieo trồng, tôi đợi anh nằm lên phía bên kia tấm đệm rồi hỏi, “Những hạt giống anh gieo đã bắt đầu nảy mầm chưa?”.

Kể từ lúc trở về, chúng tôi chưa hề nói về tình cảnh hiện tại của mình, thậm chí còn chưa bàn bạc với nhau cách thay đổi nó để khiến cho cả hai có thể nhắm mắt ngủ một cách dễ chịu hơn.

“Chỉ có cỏ dại mới mọc lên nhanh thế thôi,” anh đáp. “Thậm chí không phải loại cỏ nào cũng lên nhanh như thế được.”

Giọng nói pha chút hờn giận của anh khiến tôi nghĩ rằng anh không phải là một người nông dân may mắn, hay chí ít anh nghĩ rằng mình không may mắn.

“Một hôm nào đó tôi sẽ đi thăm ruộng cùng với anh nhé,” tôi ngỏ lời.

“Tại sao?” Anh hỏi lại.

“Tôi muốn nhìn mảnh đất của cha anh để lại.”

“Nó cũng đâu có khác gì với những miếng đất khác,” anh nhận xét. Tôi có thể nghe thấy tiếng anh ngồi bật dậy trên giường như tự chống chế cho điều mình vừa nói. Tôi nắm lấy tay anh trong bóng tối và áp chúng vào nhau để chúng tỏ cho anh thấy là tôi thực sự muốn bày tỏ lòng biết ơn âm thầm của mình, để có thể cùng nhau sống với gánh nặng của cả hai một cách tốt nhất có thể.

“Tôi nghe nói rằng các vị thẩm phán trị an của nhà nước đang làm công việc lắng nghe và ghi lại câu chuyện của những nạn nhân sống sót sau vụ thảm sát,” anh kể. “Generalissimo không công khai rằng lão ta đã gây ra vụ thảm sát, nhưng lão đã đồng ý bồi thường cho những người bị hại.”

“Tại sao lão lại làm thế?” Tôi không nghĩ rằng anh có câu trả lời, nhưng tôi hy vọng rằng anh biết.

“Để bớt đi cảm giác tội lỗi,” anh đáp, như ám chỉ rằng Generalissimo không muốn liên quan gì đến những vụ giết chóc. “Còn những người đã chết thì sao?”

“Họ sẽ bồi thường cho gia đình những người đó,” anh nói.

Tôi biết anh đang nghĩ gì, rằng có lẽ Man Denise nên đi gặp họ, trong trường hợp Sebastien và Mimi đã chết rồi.

Tôi bước xuống khỏi giường và ngồi bó gối ở một góc phòng, cách xa Yves hết mức có thể. Tôi thầm cảm ơn vì trời đã tối khiến cho chúng tôi không thể nhìn thấy sắc mặt nhau.

“Tôi muốn tự mình đi gặp ông thẩm phán trị an đó,” tôi nói.

“Tôi không chắc rằng họ sẽ đưa tiền cho cô,” anh đáp. “Đám quan chức có thể sẽ tìm cách ém nhem số tiền đó cho riêng họ. Họ sẽ bắt cô phải trình giấy tờ và bằng chứng.” Nhưng anh biết rằng tôi không trông đợi nhận được tiền, mà là thông tin về tung tích của Sebastien và Mimi.

Sáng hôm sau chúng tôi đi gặp ngài thẩm phán trị an. Ông ta ngồi ở trong một bốt công an sơn màu vàng trông như được tạc từ một khối đá núi khổng lồ. Bên ngoài, một đám đông hơn nghìn người đang đợi được cho vào. Một hàng rào quân lính từ Lực lượng Vũ trang Quốc gia¹ với vũ khí trang bị tạn rằng đứng chắn giữa bọn họ và cánh cửa hẹp dẫn vào tòa nhà.

¹ *Tiếng Pháp: Police Nationale.*

Cả buổi sáng hôm đó, số người chờ đợi bên ngoài càng lúc càng nhiều lên, đến mức lúc tôi đứng dậy và ngoái nhìn lại phía sau, tôi không thể nhìn ra được đâu là con đường và đâu là những khuôn mặt người.

Yves không nói năng gì suốt buổi sáng. Thỉnh thoảng, anh lại bỏ đi lấy nước hay giúp khiêng một vài cụ già đã ngất xỉu vì cái nóng viêm nhiệt về nhà.

Khi chiều tới, những người bán hàng rong bắt đầu xuất hiện và mọi người bắt đầu chia sẻ câu chuyện của mình, như thể họ đang tập dượt cho cuộc gặp mặt chính thức với ông thẩm phán. Người đàn ông ngồi bên cạnh tôi đã đi bộ bảy mươi cây số để tránh đám đông đòi bồi thường ở chính thị trấn của ông. Một người đàn bà khác còn đến đây từ một nơi xa hơn nữa. Một vài người đang lên kế hoạch đi tới tận Port-au-Prince, nơi mới chỉ một số ít những người sống sót đã đến được.

Việc lựa chọn những người được đi vào bên trong diễn ra khá mập mờ. Những người bị dị tật nặng nề hay mang trên người những vết thương chưa lành được cho vào ngay khi họ tới nơi. Các bà bầu cũng được cho vào nhanh chóng cùng với những kẻ có chút tiền để mua chuộc đám quân lính.

Để giết thời gian, tôi nghĩ ra nhiều cách để cắt ngắn câu chuyện của mình. Có lẽ Yves và tôi nên đi vào cùng nhau và kể cùng một câu chuyện. Như vậy, chúng tôi sẽ tạo cơ hội cho một người khác được kể câu chuyện của họ.

Ông thẩm phán trị an bước ra khỏi cửa lúc mặt trời lặn. Ông ta mặc một chiếc áo trong nhà màu xanh lá cây giản dị và một cái đồng hồ quả quýt móc vào túi quần bằng một sợi dây vàng. Một tay ông cầm một cuốn sổ lớn bọc bì da và tay còn lại cầm một cái cặp táp đen bóng. Sự xuất hiện của ông làm khuấy động đám đông. Những người lính giơ súng trường lên ra hiệu giữ yên trật tự để ông có thể phát biểu.

“Tôi không thể tiếp thêm ai hôm nay nữa,” ông thông báo. “Non⁽¹⁾,” đám đông rên lên phản đối.

(1) Tiếng Creole ở Haiti: Không.

“Và nếu tôi nói có thể gặp thêm một người nữa, thì tất cả các vị đây sẽ đều muốn mình là người đó,” ông nói tiếp.

“Non,” đám đông bất bình.

“Tôi sẽ quay trở lại vào ngày mai,” ông kết lời.

“Ngày mai ông hãy lắng nghe nhanh lên nhé,” ai đó kiến nghị. Đám lính bao bọc xung quanh ông thẩm phán trị an trong lúc ông quay vào trong đồn. Sau đó, chúng tôi nhìn thấy chiếc xe

chở ông ta rồi ga phóng đi từ khoảnh sân được bảo vệ ở phía sau tòa nhà.

Đám đông chạy rượt theo ông ta, nhưng họ nhanh chóng bỏ cuộc. Nhiều người không thể chạy xa vì vết thương của họ, hoặc do họ đã kiệt sức vì phải ngồi dưới mặt trời cả ngày.

Người cuối cùng được diện kiến ông thẩm phán là một người đàn bà trạc ba mươi hay ba lăm tuổi. Chị ta mặc một bộ đồ trắng tinh, như thể sắp đi dự một buổi lễ nhà thờ. Chị đội một chiếc mũ rơm bạc phếch với dây quai màu xanh lá mạ buộc quanh cằm.

“Người ta làm gì cho cô ở trong đó?” Yves hỏi toáng lên. Những người khác trong đám đông cũng hòa theo, “Họ có đưa tiền cho cô không?”

Chị cởi mũ ra và nhìn quanh những khuôn mặt đang nhìn lên phía mình.

“Không, ông ta không đưa tiền bồi thường cho tôi,” chị vừa nói vừa ngoái lại nhìn để xin phép đám lính. “Các ông các bà có nhìn thấy cuốn sổ ông ấy cầm trên tay không?” Ngoái lại dò xét những tên lính lần cuối, chị quay lại nhìn đám đông. “Ông ta viết tên chúng ta vào cuốn sổ đó và nói rằng sẽ truyền đạt lại các câu chuyện của chúng ta tới Tổng thống Sténio Vincent để chúng ta có thể lấy tiền bồi thường.” Chị nhìn thẳng vào đám đông, không còn quan tâm xem đám lính có đồng ý cho chị chia sẻ thông tin hay không nữa. “Sau đó, ông ta để cho các ông các bà kể câu chuyện của mình, khóc lóc than thở, rồi hỏi xem chúng ta có đủ giấy tờ chứng minh thân nhân của mình đã chết hay không.”

Những người lính của Lực lượng Vũ trang Quốc gia trong bộ quân phục kaki giống như của quân đội Dominicana – một di sản cả hai bên cùng thừa hưởng từ việc được quân Yanki tập huấn chung trong thời gian xâm lược hòn đảo – tiến tới sau lưng người đàn bà và yêu cầu chị ta tránh ra khỏi cửa. Đám đông phản đối và rít lên giận dữ. Hai trong số những người lính cầm tay chị và lôi chị xuống khỏi bậc thềm. Chị ta giãy giụa cố gắng thoát ra khỏi tay họ. Cuối cùng, ai đó trong đám đông kéo tay lôi chị về để đảm bảo an toàn cho chị.

“Nếu các người cố tình gây rối,” viên trung sĩ – người lãnh đạo nhóm lính – lên tiếng đe nạt, “các người sẽ không được phép quay lại vào ngày mai.”

Đám đông từ từ tản đi với suy nghĩ rằng liệu có ích lợi gì không nếu họ quay lại đây vào ngày mai.

Yves và tôi kiên trì quay trở lại trong suốt mười lăm ngày sau đó. Những gương mặt mới đến rồi lại đi. Một vài người đã không đến nữa. Một vài người nhất quyết không rời bỏ chỗ của mình ở trước cổng công an ngay cả khi trời mưa.

Ông thẩm phán trị an tới bất cứ mỗi ngày, ngoại trừ Chủ nhật. Vào ngày thứ mười sáu, chúng tôi đang chờ đợi trong vô vọng ở đằng sau đám đông khi chúng tôi trông thấy bà ấy.

Tôi nhận ra ngay bà ấy là ai khi Yves đứng bật dậy khỏi chỗ của mình và chạy ra đón bà.

“Man Denise, bác đã đến rồi đấy à,” anh chào bà.

“Tất nhiên bác phải đến chứ,” bà nói với một chất giọng sắc và nhanh giống con gái Mimi của bà. “Bác muốn ra đây cùng đứng với mọi người.”

Trông bà quá trẻ để có thể là mẹ của cả Sebastien và Mimi. Bà có đôi chân thon dài và khuôn mặt với nước da màu tượng đất chưa nung. Bà mặc một chiếc váy dài màu nâu nhạt chấm đất. Cúi cái cổ thanh mảnh, bà chào những người quen trong đám đông và gật đầu với những người còn lại. Bà liếc nhìn về phía tôi, nhưng không trông thấy tôi. Trái lại, bà đứng đó và quan sát đám lính. Mắt bà dõi theo cách họ đổi súng trường từ vai này qua vai khác, cách họ tựa vào nhau để thì thầm những chuyện bí mật. Bà liên tục mân mê vạt váy, lần sờ vào sâu bên trong túi váy để tìm một món đồ gì đó quá nhỏ so với tay bà.

Khi hoàng hôn buông xuống, ngài thẩm phán không đi ra ngoài để phát biểu trước đám đông nữa. Viên trung sĩ chỉ huy bước ra thay mặt ông ta thông báo rằng họ sẽ không tiếp nhận thêm người nào nữa. Tất cả chỗ tiền bồi thường đã được phân phát hết rồi. Vị thẩm phán trị an đã lén đi trong lúc không ai để ý, vì ông ta biết rằng đám đông sẽ nổi cơn thịnh nộ nếu họ trông thấy ông ta bỏ đi.

Phải mất một lúc mọi người mới nhận ra ý nghĩa của thông báo này. Sự thất vọng của họ dâng trào trong lúc tin tức truyền từ miệng người này qua người khác được diễn giải lại. Những tiếng kêu than và la hét biểu tình nổ ra. Nhiều người bắt đầu lên cơn co giật và ngất xỉu trong lúc những hòn đá bắt đầu bay lia lịa về phía đám lính.

Những người ở hàng đầu đám đông xông thẳng về phía cửa đồn. Được đào tạo bởi quân đội Yanki để trấn áp những vụ nổi loạn, đám lính bắn vô số phát súng chỉ thiên lên trời.

Một vài người lính bị đám đông túm được và lãnh hết cú thụi này đến cú đấm khác, nhưng bọn họ không phải là người mà đám đông quan tâm đến. Đám người lòng sục khắp đồn để tìm người sẽ viết tên họ xuống và chuyển câu chuyện của họ đến

cho Tổng thống Vincent. Họ muốn một bộ mặt đại diện cho nhân dân xác nhận rằng những gì mà họ đã chứng kiến và trải qua là sự thật. Khi họ không thể tìm được người họ cần, đám đông giải thoát cho mười tù nhân đang bị nhốt trong phòng giam phía trong và bỏ đi cùng với vài vật dụng mà đám lính đã để lại: bảy cái ghế, sáu chiếc bi-đông, hai bình nước, ba chiếc khăn mùi soa, mười bốn cuộn roi da bò, mười bảy cây roi chín dải, hai chùm chìa khóa buồng giam, và một tấm ảnh cỡ đại của Tổng thống Vincent.

Tổng thống Sténio Vincent là một người đàn ông nhã nhặn với cặp kính nhỏ đeo sát mắt. Khuôn mặt phúc hậu như trăng rằm của ông được tôn lên bởi hai vành tai to đẹp. Một làn ria mép mỏng nằm trên đôi môi đậm chiêu suy nghĩ của ông, đôi môi của một thi sĩ. Trong tấm ảnh, ông thắt một cái nơ con bướm quanh cổ còng. Phần đuôi của cái nơ chạm hờ hững lên tấm Huân chương Công trạng Đại thập tự Juan Pablo Duarte⁽¹⁾ sáng loáng được Generalissimo trao tặng cho ông như một biểu tượng cho tình bằng hữu trường tồn giữa hai dân tộc. Khi đám đông bắt đầu tưới dầu hỏa lên khắp bốn công an, tấm hình là thứ bị đốt cháy đầu tiên. Mặc dù vậy, những bức tường bê tông của tòa nhà không mấy may ảnh hưởng bởi ngọn lửa, chỉ có những cánh cửa gỗ và lớp sơn mỏng phủ lên tòa nhà bắt đầu bốc khói khét lẹt.

(1) Tiếng Anh: Grand Cross of the Juan Pablo Duarte Order of Merit (tiếng Tây Ban Nha: Orden al Mérito de Duarte, Sánchez y Mella). Đây là Huân chương Công trạng của nhà nước Dominicana, được chính phủ Dominicana trao tặng cho các nguyên thủ quốc gia, tổng thống đương nhiệm, hay cựu tổng thống.

Chúng tôi né tránh những viên đá và ngọn đuốc để lách mình ra khỏi đám đông. Yves tức tốc đưa Man Denise quay trở về nhà bà. Những người hàng xóm đã nghe tin về vụ bạo động và tụ tập để

an ủi bà. Chẳng mấy chốc, nhà bà đã đông kín người: bạn bè của bà, những cô giúp việc cho nhà bà, và một vài người bán hàng rong thường hay thuê phòng trống trong nhà bà làm chỗ tá túc qua đêm trên những chuyến đi dài.

Những người bán hàng rong trải chăn chiếu ra trên sàn hai căn phòng trống từng thuộc về Mimi và Sebastien. Man Denise đã dời đồ đạc của hai anh em vào trong phòng bà để làm cho căn phòng bớt cô quạnh và cũng để tránh những người bán hàng táy máy hớt chúng đi, một trong các cô giúp việc giải thích.

Phòng của Man Denise nằm ở phía sau nhà. Trong phòng đầy ắp những thùng đựng dầu đóng kín nơi bà chứa các đồ đạc cá nhân cũng như những kỷ vật của Mimi và Sebastien.

Những người bán rong giúp bà trèo lên nằm trên một mớ quần áo phủ trên giường bà. Họ muốn bà cởi cái váy màu nâu nhạt ra và thay váy ngủ ở nhà vào nhưng bà từ chối.

“Xin các ông các bà bỏ quá cho tôi,” bà nói, xin lỗi vì mớ quần áo bừa bộn trên giường và những thùng dầu ngổn ngang khắp phòng. “Hôm nay quả là một ngày vất vả cho bà già này.”

Những người hàng xóm mang vô số tách trà đến cho bà. Bà gượng ngồi dậy, nhấp từ mỗi cốc một ngụm, rồi nằm xuống vùi đầu vào gối.

“Mọi người làm ơn hãy để cho tôi nằm nghỉ,” bà yêu cầu.

Họ để bà lại một mình, nhưng tất cả đều có thể nhìn thấy bà từ căn phòng đông đúc nằm đối diện vì phòng bà không có cửa.

Tối hôm đó, Yves trở về nhà mẹ anh còn tôi ở lại nhà Man Denise. Sau khi bà ngủ, tôi rón rén đi vào phòng và nằm xuống ở chân giường bà. Tôi lắng nghe tiếng thở khẽ khàng của bà, như

thể ngay trong giấc ngủ bà cũng cố gắng không làm phiền người khác.

Khi bà tỉnh giấc lúc nửa đêm để đi tiểu vào cái xô trắng men màu xanh, bà vấp ngã và suýt nữa đè lên người tôi. Tôi kéo cái xô đến gần giường và bà ngồi xuống mà không buồn hỏi xem tôi đang làm gì ở đó.

Sáng hôm sau, trước khi mặt trời mọc, tôi đi ra ngoài và ngồi cùng với những bà bán rong đang chuẩn bị cà phê sáng trước khi lên đường tới điểm tiếp theo trên hành trình của họ.

Trong lúc uống cà phê, bọn họ bàn tán với nhau liệu có phải Mimi và Sebastien đã biến mất vĩnh viễn nơi miền đất tử thần – cái tên họ dành cho quốc gia láng giềng – hay mọi thứ đã quay trở lại bình thường bên kia biên giới. Có thể tất cả mọi người bên đó đã tiếp tục với công việc thường nhật của mình, chỉ ít họ hy vọng vậy.

Trong lúc các bà bán rong ngồi tán gẫu, tôi nghe thấy tiếng Man Denise gọi xin nước. Tôi nhanh chân đi vào trước cả một trong những cô giúp việc, nhấc cái bình đất nung ở bên tường lên, và rót cho bà một ly nước đầy. Khi tôi kê cái ly gần miệng bà, bà vẫn chưa tỉnh ngủ hoàn toàn. Sau khi nhấp một vài ngụm, bà đẩy tay tôi ra.

Căn phòng trông sáng sủa hơn một chút trong ánh nắng buổi sớm. Bà nheo mắt nhìn, cố gắng nhớ ra tôi là ai.

“Cô là ai trong đám những bà bán rong?” Bà hỏi. “Cháu tên là Amabelle,” tôi trả lời.

“Nếu cô muốn trả tiền thuê chỗ đêm qua thì cứ để nó lên một trong mấy cái thùng dầu,” bà nói.

“Cháu không đến để trả tiền,” tôi giải thích. “Vậy cô đến có việc gì?” Bà hỏi lại.

Tôi đặt cái bình và ly nước xuống cạnh tường.

“Cháu quen với Mimi và Sebastien từ hồi còn ở bên kia,” tôi nói. Bà ngồi bật dậy và áp tay lên hai tai và hai má tôi, vuốt ve chúng như thể khuôn mặt tôi thuộc về bà.

“Cô biết Micheline và Sebastien của ta sao,” bà hỏi dồn dập. “Mimi và Sebastien của ta, cô có biết hai đứa nó ư?”

“Vâng,” tôi đáp.

Một nụ cười đau đớn dần ra trên mặt bà. Bà buông tay khỏi mặt tôi và đan chúng vào nhau. “Ta không hề muốn các con ta bỏ đi và ở lại bên kia vĩnh viễn,” bà kể. “Bố chúng nó qua đời trong cơn bão. Lồng chim bồ câu của Sebastien cũng bị sập trong cơn bão đó, và thằng bé cảm thấy rất buồn phiền. Sau trận bão, lũ Yanki đã chiếm đóng căn nhà này với ý định phá nó đi để xây đường. Chỉ sau khi chúng rời đi thì ngôi nhà này mới được trả lại cho gia đình ta.

Bởi vì lúc đó chúng ta không có nhà để ở, con trai ta đã quyết định vượt biên trước, sau đó đến ta. Nhưng do chúng bệnh viêm phổi của ta, các con ta quyết định rằng ta nên tới sống cùng anh trai ta ở Port-au-Prince. Lúc đó trong nhà không còn một đồng nào, nên con gái ta quyết định đi theo anh trai Sebastien của nó và bọn chúng luôn dành dụm tiền để gửi về cho ta. Sau đó, ta trở về từ Port-au-Prince để nhận lại ngôi nhà. Nhưng các con ta không quay trở lại, một phần vì chúng không biết là tụi Yanki đã bỏ đi, một phần vì chúng không biết bọn ta đã lấy lại được quyền sở hữu ngôi nhà.”

Bà lần mò trong túi váy và lôi ra ba hạt cà phê sơn vàng, giống như những hạt cà phê trên chiếc vòng tay của Mimi của Sebastien.

Tôi đưa tay gầy chúng, nhìn chúng lăn qua lăn lại và va vào nhau trong lòng bàn tay bà.

“Đây là những hạt sót lại từ cái vòng của ta,” bà nói, khép những ngón tay lại quanh chúng, “Nó đã đứt từ lâu rồi. Ta đã tết cho ta và mỗi đứa con ta một cái. Nhưng một lần, khi ta quá lo lắng cho hai đứa nó, ta đã giật cái vòng quá mạnh và làm đứt sợi dây. Đây là tất cả những gì mà ta còn giữ được từ cái vòng của mình.”

Tôi ước gì bà cho phép tôi chạm vào những hạt vòng đó một lần nữa. Bà cho tay vào trong túi váy và thả chúng lại vào đó.

“Cô hãy ngồi xuống đây với ta một lúc,” bà nói.

Tôi tiến lại gần hơn và ngồi xuống bên mép giường của bà. “Vậy là cô biết con gái Micheline của ta?” Bà hỏi.

“Cháu có biết Mimi.”

“Con bé luôn luôn là một đứa bất trị,” bà cười và nói. “Bố con bé đặt tên nó là Micheline. Nó có bao giờ kể cho cô chuyện này không?”

“Không,” tôi đáp. “Cô ấy chưa bao giờ kể cho cháu nghe chuyện đó.”

“Nhưng còn Sebastien, cô biết nhiều hơn về nó chứ? Cô có thân thiết với nó không?”

“Cháu và anh ấy rất thân nhau,” tôi trả lời.

Bà cười một nụ cười đầy ng ụ ý, g iống như nụ cười của Sebastien. Hai má bà nhô lên rồi hạ xuống bên cạnh khóe môi. “Ta đã tự mình đặt tên cho Sebastien,” bà kể, “theo tên một vị thánh. Cô có biết rằng Thánh Sebastien¹ không chỉ chết một mà những hai lần không?”

¹ Vị thánh bảo hộ của quân đội, những vận động viên thể thao, và những người mong muốn một cái chết thanh sạch.

“Không, cháu không biết.”

“Lần đầu tiên, bọn lính bắn vào người ông ấy vô số mũi tên rồi để mặc ông ấy nằm chờ chết. Một góa phụ tìm thấy ông và phát hiện ra ông vẫn còn sống. Bà mang ông về nhà và chữa trị các vết thương của ông. Khi ông đã lành lặn trở lại, Thánh Sebastien quay lại gặp đám lính để chứng tỏ cho họ thấy rằng ông chính là minh chứng cho sự kỳ diệu của tình yêu. Lần này, bọn chúng nện ông bằng gậy gộc cho tới khi ông ấy chết hẳn.”

Bà đưa hai tay lên ôm đầu, như thể nó là một cái gì đó xa lạ, một gánh nặng đã trở nên quá sức với bà. Ngả người xuống giường, bà nắm chặt cái gối ở dưới đầu.

“Ta đặt tên nó là Sebastien,” bà kể tiếp, “vì ta biết rằng sẽ tốt hơn nếu một người đàn ông có thể chết hai lần. Cái chết đầu tiên luôn đến rất nhanh, nên sẽ tốt hơn nếu anh ta có một cái chết để dành.”

Tôi ngồi lại bên bà và kê lại gối cho bà. Tôi áp tay lên trán bà trong lúc bà ngược lên và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi có thể nhận ra rằng bà tin tưởng điều gì đó ở tôi, mặc dù có lẽ chính bà cũng không biết đó là gì.

“Một chàng thanh niên đã đến đây gặp ta vài ngày trước.” Bà đưa tay lên và nắm chặt lấy tay tôi trên trán bà. “Anh ta đến gặp ta trên đường đi tới Port-au-Prince. Anh ta nói mình đã nhìn thấy các con ta bị giết trong một mảnh vườn đằng sau tòa nhà hành chính của một nơi tên là Santiago. Bọn chúng đã lừa các con ta vào cùng một nhóm người, bắt chúng nằm úp mặt xuống đất, rồi bắn chết chúng.”

Tôi cảm giác bà đang đè lên các ngón tay tôi mạnh đến mức chúng dính chặt lên trán bà. Toàn thân bà đang run lên bần bật, nhưng bà không hề khóc.

“Nếu là ta, liệu cô có tin lời anh ta nói không ?” Bà hỏi tôi. “Không, cháu sẽ không tin,” tôi đáp. Nhưng trong thâm tâm, tôi lại nghĩ rằng, làm sao tôi có thể không tin đây? Nếu Sebastien còn sống thì tại sao đến giờ này anh ấy vẫn chưa trở về nhà?

“Cô biết Micheline của ta. Cô biết Sebastien của ta. Liệu cô có tin lời kể của cậu thanh niên đó không ?” Bà hỏi dồn.

“Không, bản thân cháu sẽ không bao giờ tin,” tôi quả quyết. Nhưng sự thực là tôi có tin. Tôi tin bởi vì những gì tôi đã chứng kiến ở Dajabón, bởi vì những gì tôi đã được nghe kể về La Romana, bởi vì những gì tôi đã nghe những người ở trạm xá kể lại về những người đã bỏ mạng ở Santiago.

“Làm ơn hãy để ta nằm nghỉ,” bà nói và thả tay tôi ra. “Cháu muốn ở lại với bác,” tôi nói.

“Hãy để cho ta được nằm yên.”

Trong lúc tôi ra về, bà chặn tôi lại ở ngưỡng cửa và hỏi, “Cô có bao giờ thấy các con ta đeo chuỗi vòng tay mà ta làm cho chúng không?”

“Cháu chưa bao giờ thấy họ tháo chúng ra cả,” tôi đáp.

“Đây là điều mà những người mang tin tức đến cho ta đều nói. Không chỉ một, mà rất nhiều người. Họ nói rằng các con ta đã chết với chiếc vòng trên cổ tay chúng.”

Nhét tay vào túi váy, bà ép những hạt cà phê lên đùi mình. “Những người chết trẻ, họ đều bị lừa,” bà nói. “Không phải họ bị lừa đánh cắp mất cuộc sống, vì cuộc sống vốn dĩ dành cho việc sám hối. Nhưng những người chết trẻ, họ bị lừa bởi vì họ không biết rằng cái chết sẽ xảy đến. Họ không có đủ thời gian để xích lại gần nhau, để trở về nhà. Khi cô biết rằng cô sắp chết, cô sẽ cố gắng được quay về bên nắm xương của những người thân ở nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Khi còn trẻ, người ta không nghĩ rằng mình có xương. Ngay cả khi xương của họ bị gãy, họ vẫn không tin là chúng tồn tại. Nhưng khi cô đã già rồi, những khúc xương của cô sẽ nhắc nhở cô rằng chúng vẫn luôn ở đó. Chúng bắt đầu mủn đi thành cát bụi ngay trước mắt cô, ngay cả trong lúc cô đang bận đi hết nơi này tới nơi khác. Và đây chính là lúc cô ao ước được trở về bên cạnh nắm xương tàn của đồng bào mình. Các con ta chưa bao giờ được cảm nhận điều này. Bọn chúng buộc phải đối mặt trực diện với cái chết, trước cả khi chúng nhận ra cái chết là như thế nào. Giống như cách cô đã đối diện với cái chết, phải vậy không?”

Tôi gật đầu, chủ yếu bởi vì tôi biết bà muốn tôi làm thế.

“Ta ước gì người ta đừng tới và bảo với ta rằng các con ta đã chết nữa,” bà nói. “Ta ước mình có thể nuôi giữ hy vọng rằng chúng vẫn đang sống ở một nơi nào khác, ngay cả khi chúng sẽ không bao giờ trở lại để gặp ta.”

“Có lẽ những người mang tin đó đã nhầm.”

“Những người mang tin tới cho ta luôn luôn là những người lạ,” bà nói. “Họ không hề biết ta. Trước khi các con ta chết, hoặc đơn độc hoặc cùng với nhau, chúng đã nhờ họ tới và nói cho ta biết về số phận của chúng.”

Bà lại cho tay vào túi và nắm thật chặt những hạt cà phê.

“Cô hãy về đi,” bà nói. “Ta sẽ nằm xuống và mơ về những đứa con của mình.”

Tôi bước đi như một bóng ma qua những con phố tấp nập của Cap, tự hỏi mình mỗi khi tôi nhìn thấy những người mang dị tật – từ một cái mũi gãy cho đến cẳng chân tàn tật – rằng có phải họ đã trải qua những chuyện tương tự như tôi?

Tôi đi theo con đường từ nhà Man Denise ra bến cảng, nơi vài chiếc tàu ra vào kéo còi âm ỉ trong khi những chiếc khác đang bong bênh gần cầu tàu chờ đợi người ta tới dỡ hàng. Từng bao tải gạo, đậu, và đường được phân chia giữa các thương lái và sau đó được vận chuyển đi bằng xe đẩy bởi một hàng những chàng trai trẻ mình trần. Với những bao tải đường nặng hơn cả thân người họ đội trên đầu, những chàng trai trẻ tuổi này hò hét những tiếng giận dữ để xin đường khi đi qua các con phố, tạo thành một bản tạp âm vang vọng.

34

Khi tôi về tới nhà, Yves đã đi ra ngoài ruộng rồi. Tôi ngồi ngoài sân, vòng hai tay ôm quanh thân cây chuối rễ quạt, cố gắng kiềm chế để không động đầu vào đó.

Man Rapadou đi ra ngoài sân trong bộ váy ngủ và nụ cười trên môi. Bà cầm theo một cái ghế và ngồi xuống bên cạnh tôi.

“Cháu không cần ông thẩm phán trị an đó,” bà ân cần nói. “Cháu không cần một người để xưng tội. Bác, Man Rapadou, bác biết câu chuyện của cháu.” Bà áp mặt vào gần mặt tôi và thầm thì để những người khác trong sân không nghe thấy. “Bác hỏi con trai bác tại sao giữa cháu và nó không có tình cảm gì, và nó đã kể cho bác nghe về Sebastien.”

Ngắm nhìn nụ cười hoàn hảo đang nở rộng trên gương mặt bà – một nụ cười đáng ra phải mang nhiều nỗi buồn hơn thế - tôi đưa tay vuốt ve thân cây chuối rễ quạt vì không biết nên dùng chúng vào việc gì khác. Tôi với tay chạm vào những phiến lá xẻ hình cọ màu xanh ngả vàng đang uốn vào nhau giống như phần bên trong của một cái giỏ mây tre đan khổng lồ. Tôi muốn òa lên khóc nhưng không thể. Tôi muốn hét lên cho thỏa, nhưng nội việc gồng sức lên để hét thôi cũng đã khiến tôi cảm thấy kiệt sức.

“Khi con trai bác rời đi, bác đã trồng cây chuối rễ quạt này, và giờ cháu nhìn xem nó đã lớn đến nhường nào,” Man Rapadou nói. “Yves nói rằng cháu biết may váy áo và đỡ đỡ. Giờ thì bác chẳng

thể có con được nữa, nên có lẽ cháu sẽ may cho bác một cái váy đẹp chẳng?”

Man Rapadou tử tế để tôi ở trong nhà suốt ngày hôm đó, nằm nghỉ một mình trên giường của con bà. Bà không gọi tôi vào ăn cơm ngay cả khi bữa cơm chiều đã được dọn ra. Trái lại, bà nói thầm từ ngoài cửa vào rằng bà đã để phần một đĩa đồ ăn cho tôi khi nào tôi cảm thấy bụng dạ dễ chịu hơn.

Nằm co ro trên giường, tôi âm thầm cảm nhận nỗi đau bên trong mà tôi không thể chạm tới hay gọi tên. Tôi không thể chấp nhận rằng mình sẽ không bao giờ gặp lại Sebastien một lần nữa, mặc dù tôi biết điều đó là hoàn toàn có thể, giống như việc tôi sẽ không bao giờ được gặp cha mẹ tôi lần nữa, bất luận tôi đã khản tiếng gọi tên họ ngoài miệng và trong đầu không biết bao nhiêu lần. Tôi càng già đi thì ký ức về cha mẹ tôi ngày càng mờ nhạt, đến độ tất cả những gì tôi còn mừng tượng lại được về họ là những giây phút cuối cùng của tôi với họ ở trên dòng sông. Những thứ còn lại tan ra và hòa vào nhau như nguyên liệu của một nồi súp đun quá lửa: những ảo ảnh và những cơn mộng mị, những mơ ước và những điều tưởng tượng. Liệu điều tương tự có xảy ra với Sebastien?

Tôi giả vờ ngủ lúc Yves nằm xuống giường đêm đó. Nhưng khác với mọi lần, tư thế nằm bất động của tôi không thuyết phục được anh.

“Các cây đậu của tôi đã nảy mầm rồi,” anh thông báo. “Có vẻ năm nay tôi sẽ trúng một vụ thu hoạch đây.”

Tôi không muốn cự mình di chuyển. Có lẽ anh chưa biết chuyện của Mimi và Sebastien, và tôi cũng không biết phải kể với anh như thế nào.

“Tôi nghe đồn rằng,” anh nói, “các cha xứ ở nhà thờ sẽ lắng nghe và ghi lại câu chuyện của các nhân chứng trong vụ thảm sát.” Đây là món quà anh dành cho tôi, giống như đất mẹ đã tặng cho anh món quà là những mầm non đang đội đất nhú lên từ các hạt giống mà anh đã gieo.

“Họ không hứa hẹn tiền bạc gì cả đâu.” Tông giọng anh chập chờn lúc lên cao lúc xuống thấp, như thể anh bắt đầu tin rằng tôi thực sự đã ngủ. “Họ đang thu thập những câu chuyện để đăng báo và phát trên radio. Generalissimo đã tìm nhiều cách để mua chuộc đám người đi thu thập chứng cứ ở đây. Ngay cả vùng này cũng đã bị nhuốm bẩn bởi đồng tiền của lão ta.”

Tôi trở mình nằm ngửa và căng mắt ra tìm những đường rỉ sét chạy dích dắc trên mái tôn lợp nhà.

“Anh có định đến gặp các vị cha xứ này không?” Tôi hỏi.

“Tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra,” anh đáp. “Sau khi cô kể chuyện, họ sẽ viết lại nó theo cách họ muốn bằng những câu chữ mà cô không hiểu và bằng thứ ngôn ngữ của họ chứ không phải của cô.”

“Anh có định đi không?”

“Tôi đã đi rồi và nhờ họ kiểm tra trong các cuốn sổ của họ. Tên của Mimi và Sebastien không có ở trong đó. Tôi đang đón chờ những vụ mùa tươi tốt trên ruộng đồng. Điều này có nghĩa là chúng ta sẽ có tiền. Cô có thể mua vải và chỉ để bắt đầu may quần áo, tự kiếm đồng tiền cho riêng mình.”

Giây phút đó làm tôi nhận ra tương lai của mình còn muôn phần đáng sợ hơn quá khứ. Có lẽ việc lao động trên đồng ruộng và ngắm những mầm đậu nảy lên từ những hạt khô dưới đất

đen có thể khiến Yves tin rằng anh đã quên đi tất cả. Nhưng tôi không thể tin rằng tiền bạc hay thời gian có thể khiến tôi quên được những chuyện đã xảy ra.

Đôi lúc, tôi nghĩ về những con người ở trạm xá nơi biên giới, đặc biệt là người đàn ông của Nounoune, người đã tỉnh dậy trong một cái hố toàn thân người, và người đàn bà hấu đói với những vết dây thừng cửa quanh cổ. Tôi tưởng tượng ra cảnh bọn họ sẽ tiếp tục sống cuộc đời của họ, chăm sóc những mảnh vườn của họ, dắt gia súc của họ ra suối uống nước, nhảy tránh qua vệ đường để né xe tải phóng qua, gọi các con họ về nhà tắm rửa trước bữa tối, và làm tình với những người thương sau khi họ đã đoàn tụ.

Tôi muốn kéo họ từ trong tưởng tượng vào đời thực, để nói với họ tôi hạnh phúc thế nào khi thấy họ có thể bước tiếp tới tương lai. Nhưng quan trọng hơn, tôi muốn hỏi họ làm thế nào mà họ có thể mạnh mẽ được như vậy? Bí quyết của họ là gì? Bằng cách nào mà họ có thể gột rửa sạch sẽ cuộc đời mình khỏi quá khứ, dù chỉ trong phút giây ngắn ngủi.

“Làm sao anh có thể tiếp tục gieo trồng ngay cả khi không có hạt giống nào nảy mầm lên từ đất?” Tôi hỏi Yves.

Tôi có thể nghe thấy tiếng anh thở hắt ra và tắc lưỡi, cố gắng tìm cách biểu đạt chính xác câu trả lời của mình. “Những ngôi nhà vắng hay những cánh đồng hoang làm tôi cảm thấy buồn,” anh đáp. “Chúng quá yên ắng, như những mùa chết vậy.”

Anh nằm xích lại gần tôi hơn trên tấm nệm. Dường như cuộc nói chuyện của chúng tôi đã làm cho anh cảm thấy mình được phép làm như vậy.

Sau một khoảng dài im lặng, anh nói thêm, “Cái đêm mà Joël bị ô tô đâm, đáng ra tôi mới là người phải chết.”

“Tôi nghĩ rằng Sebastien cũng đã cảm thấy như vậy về mình,” tôi đáp.

“Không , không phải” anh lắc đầu. “Joël, Sebastien, và tôi đều đang đi cùng nhau trên đường. Joël đi ở giữa, còn Sebastien và tôi đi hai bên anh ấy. Tôi là người đứng gần lề đường nhất. Tất cả bọn tôi đều nhìn thấy đèn xe và nghe thấy tiếng còi xe cùng một lúc. Lúc chúng tôi vừa quay lại thì cái xe đã lao tới gần cổ họng tôi rồi. Joël vội đẩy tôi qua một bên nên anh ấy không đủ thời gian để tự cứu mình. Chiếc xe húc thẳng vào Joël và hất anh ấy bay xuống hẻm núi.”

Tôi lắng nghe tiếng ngáy to và tiếng trở mình Man Rapadou để chắc chắn là bà đã hoàn toàn say ngủ ở phòng bên cạnh.

“Sau đó, chiếc ô tô dừng lại và đám người bên trong xe túa ra,” anh tiếp tục kể. “Tôi không nhìn thấy Sebastien. Tôi không biết anh ấy đã đi đâu. Tôi tưởng rằng anh ấy cũng đã bị đâm trúng. Tôi trốn vào đằng sau một cái cây trong bóng tối. Ông già trên xe muốn ở lại và tìm kiếm chúng tôi, nhưng gã thanh niên còn lại, con rể của ông ta, đang rất nóng ruột muốn về nhà.”

Tôi muốn nói với anh rằng việc anh bỏ chạy là đúng đắn, thậm chí dũng cảm, rằng có lẽ hôm đó là ngày mà định mệnh bắt Joël phải chết, rằng anh ấy có khi sẽ phải chịu đựng một cái chết còn khủng khiếp hơn trong cuộc thẩm sát. Tôi muốn nói với anh tất cả những điều mà người ta thường nói để an ủi chính mình chứ không phải người nghe.

“Nếu tôi không quyết định đi bán mớ gỗ đó thì tôi cũng đã chung số phận với Mimi và Sebastien ở nhà thờ rồi.” Anh tiếp

tục kể. “Đúng, tôi đã nhìn thấy bọn chúng tổng Sebastien, Mimi, cùng những người khác lên một cái xe tải. Tôi đã chứng kiến tất cả từ con đường cái. Chúng bắt họ đứng thành từng nhóm sáu người rồi ép họ leo lên xe. Các cha xứ cầu xin được ở cùng với các con chiên của họ, nhưng bọn chúng kéo họ đi một nơi khác rồi dồn ông bác sĩ và những người còn lại lên xe. Bọn chúng nói với bác sĩ Javier rằng nếu ông ấy muốn sống như một gã Haiti thì bọn chúng sẽ xử ông ấy như một gã Haiti. Tôi nhìn thấy Mimi leo lên xe khi tới lượt của cô ấy. Chân cô ấy run lên và cô ấy suýt nữa thì ngã xuống. Ông bác sĩ đưa tay kéo cô ấy lên, còn Sebastien thì chống lưng cô ấy từ phía sau. Tôi nhìn thấy tất cả những chuyện này từ nơi tôi ẩn nấp ở gần đường cái. Tôi muốn cứu họ như cách mà Joël đã cứu tôi, nhưng tôi đã không làm vậy. Tôi đã không làm được. Ngay cả lúc vượt sông với Wilner, tôi cũng không làm được gì cả. Suy nghĩ rằng tôi nên bơi ngược qua sông và mang xác anh ấy về để chôn cất ở bên kia biên giới đã thoáng qua đầu tôi. Nhưng rồi tôi nghĩ đến tất cả bọn lính và những nòng súng của chúng, và tôi không thể. Tôi đã không thể cứu được ai như cách mà Joël đã cứu tôi. Và tôi sẽ không bao giờ làm được. Không bao giờ và không thể nào. Bởi vì tôi càng nhìn thấy nhiều người chết thì tôi càng muốn bảo vệ cái mạng của mình hơn!”

Tôi đặt tay mình lên bắp chân run rẩy đầm mồ hôi của anh, để giúp anh giữ yên lặng và bình tĩnh lại. Những ngón tay tôi lần mò lên đùi anh dưới sự dẫn dắt của bàn tay anh. Tôi cảm nhận gương mặt anh trong đêm tối và vuốt ve vết hằn to bự của anh. Nó giật lên giật xuống nức nở như sắp sửa vọt ra khỏi cổ họng anh.

Anh quay người về phía tôi và luồn tay kéo chiếc váy ngủ tuột khỏi bờ vai tôi. Trong một lúc lâu, chúng tôi nằm ngửa trên giường và nhìn chăm chăm vào bóng tối trên đầu. Giờ thì sao

đây? Chuyện gì vừa mới xảy ra? Nhưng liệu chúng tôi còn có thể giải bày được với ai khác chứ?

“Tôi cũng đã có thể cùng chung số phận với Mimi và Sebastien ở nhà thờ,” tôi nói, “nếu tôi không trông thấy hai vết máu sau váy của señora và quyết định ở lại với chị ấy thêm một lúc nữa. Và có lẽ Odette đã không bỏ mạng trên con sông nếu tôi không bịt tay lên mũi cô ấy quá chặt, mặc dù tôi không hề có ý định làm như thế.”

“Odette đã chết khi Wilner ra đi rồi,” anh đáp. “Bọn chúng đã giết Odette khi chúng bắn chết anh ấy.”

Tôi thực sự biết ơn anh vì câu nói này, nhiều hơn là anh nghĩ. Cơ thể anh lập tức chồm lên để áp vào cơ thể tôi khi tôi trèo lên người anh. Có lẽ tôi nhẹ cân hơn anh tưởng, xương xấu hơn và nhỏ bé hơn anh vẫn nghĩ. Có lúc tôi cảm tưởng như anh đang bế tôi, như cách mà Señora Valencia đã ôm ấp con trai và con gái chị trong bụng mình, như cách Kongo có lẽ đã cõng con trai Joël của mình sau khi anh ấy chết, như cách Yves và sau đó là những người xa lạ đã khiêng Odette đi. Rồi đến lượt tôi bế anh ấy. Đến một lúc nào đó, tôi cảm thấy như chúng tôi đang bồng bênh trôi trong những suy nghĩ và nước mắt của chính mình, nhưng đồng thời cũng kết dính với nhau theo một cách nào đó.

Trong nhiều tháng, tôi đã tưởng tượng giây phút trở về của Sebastien, và bắn khoan liễu xác thịt tôi lúc đó còn có thể cảm nhận được gì khác ngoài nỗi đau. Có lẽ Yves cũng đã bắn khoan điều tương tự.

Anh hỗn hển từng hơi thở nhanh và mạnh, như tiếng rít của hơi nước sôi làm cho nắp nồi kêu lục đục. Rồi cơ thể anh đột ngột đông cứng lại và trở nên nặng nề hơn. Tôi tưởng rằng tim anh đã ngừng đập và anh đã trút hơi thở cuối cùng ngay trên người

tôi. Anh nghiền chặt răng và thì thầm điều gì đó với chính mình, cố gắng phun ra tất cả những thứ đang cố ẩn náu một cách an toàn trong người anh. Cuối cùng, tất cả những gì anh nặn ra được là một suối nước mắt. Những giọt nước mắt của anh lăn xuống trán tôi làm mắt tôi cay xè, và khiến cho lỗ mũi tôi hắt hơi khi chúng tìm đường lăn vào đó. Chúng để lại trên lưỡi tôi một mùi vị cũng giống những giọt nước mắt của chính tôi.

Sau khi anh quay người và nằm lại phía bên giường của mình, tôi cảm thấy một sự trống rỗng còn lớn hơn phập phồng ở đáy bao tử. Tôi mặc váy ngủ lại và chui xuống dưới tấm chăn.

Anh bước xuống khỏi giường, mặc quần, rồi đi ra ngoài sân, để mặc cánh cửa mở hé. Ngồi dưới gốc cây chuối rễ quạt, anh chăm chú nhìn lên trời và bóc một gói thuốc lá La Nationale nữa.

Trong ánh trăng mờ ảo, tôi có thể nhìn thấy đường nét của những khúc xương lồi lên trên lưng anh. Sau khi hút hết vài điếu thuốc, anh quăng cả bao thuốc vào tường nhà rồi quay vào phòng. Khi anh leo lên giường, tôi giả vờ như đã ngủ - hoặc thậm chí là đã chết.

C hiều hôm sau, khi quay lại nhà Man Denise, tôi thấy căn nhà khóa cửa im ỉm. Một trong những cô giúp việc nói với tôi rằng Man Denise đã chôn vùi hạt cà phê xuống sân trước khi trở về nhà người thân ở Port-au-Prince.

“Em có biết người thân của bà ấy sống ở đâu ở Port-au-Prince không?” Tôi hỏi.

Cô gái lắc đầu, quay lưng về phía tôi, và nhìn xa xăm về những ngọn đồi màu xanh vỏ chanh ở phía bên kia ngôi nhà.

“Có lẽ bà ấy đã mệt mỏi với việc phải nghe đi nghe lại câu chuyện tương tự bằng nhiều cách khác nhau,” cô nói. “Có lẽ bà đã đến một nơi nào đó mà chỉ các con bà sẽ tìm được bà nếu họ quay trở lại.”

Cô đang ngồi chít lại một cái áo cánh còn nguyên vẹn để có thể mặc vừa nó. Tôi ngỏ ý muốn giúp cô sửa nó, nhưng cô nhất quyết không buông tay ra khỏi chiếc áo. Thế là tôi ngồi đó nhìn cô may những mũi chỉ vụng về và chít cái áo lại quá nhỏ so với thân người của cô.

“Tốt hơn là chị nên về đi,” cô nói. “Bà ấy sẽ không quay về ngôi nhà này nữa đâu. Người thân của bà ấy ở Port-au-Prince sẽ tới để bán ngôi nhà, bà ấy đã nói như vậy. Còn riêng bà ấy sẽ không đặt chân vào ngôi nhà này một lần nào nữa.” Cô giật những đường chỉ mới khâu lên chiếc áo ra và cặm cùi viên lại mép áo. Tôi ước gì mình đã có thể ở bên cạnh Man Denise lâu hơn. Tôi ước mình

đã có thể làm được nhiều hơn cho bà. Nhưng có một số nỗi đau quá riêng tư để có thể chia sẻ được với bất cứ ai.

“Tốt hơn là chị nên về đi,” cô gái lặp lại.

Tôi quyết định đi tới nhà thờ lớn ở Cap, nơi đang cử hành một buổi lễ Ban Thánh thể. Một hàng dài những người đi lễ đang đợi để được ban Thánh thể dưới chân một cây thánh giá khổng lồ. Những vệt sơn đỏ rỉ xuống trên cây thánh giá thay cho máu của Chúa Giê-su.

Tôi đứng ở phía sau gần một bức tường xiêu vẹo đặt những cây nến tạ ơn và quan sát hàng người nghiêm trang tiến về phía thánh đường. Họ đi thành vòng, làm dấu thánh và cúi đầu trước cây thánh giá một lần cuối, sau đó quay lưng lại và đi ngược trở ra.

Một người đàn bà lách qua cửa và đứng bên cạnh tôi. Đôi tay cầu nguyện của chị hướng về những ngọn nến và một bức tranh kính hình Đức Mẹ La Vierge¹ mặc một chiếc váy kết từ những tia nắng sàng lọc qua tấm kính màu xanh.

¹ *Tên tiếng Pháp của Đức Mẹ Đồng Trinh Maria.*

“Cô không tham dự lễ Ban Thánh thể ư?” Chị hỏi tôi sau khi rời mắt khỏi đôi mắt đang nhìn xuống của Đức Mẹ.

“Không, em không định tham dự,” tôi đáp.

“Cô cũng không xưng tội luôn ư?”

“Em không có gì để xưng tội hết.”

“Chỉ cần nghe giọng của cô là chị đã biết chuyện gì xảy ra rồi,” chị nở một nụ cười toe toét và nói, “Chị biết cái giọng đó. Cô vừa

mới trở về phải không ?”

“Em vừa về được một thời gian,” tôi nói.

“Chị cũng thế. Được một thời gian rồi,” chị nói. “Chị từng có một cửa tiệm buôn bán nhỏ ở bên kia, nhưng giờ thì chị làm việc cho các cha xứ ở đây, lau dọn nhà thờ và nấu ăn cho họ.”

Tôi nhìn khắp người chị, tìm kiếm một vết cắt, một vết sẹo, hay bất cứ dấu vết tổn hại nào trên cơ thể chị mà tôi có thể thấy được. Còn chị đang nhìn xuống chân tôi và tự hỏi rằng liệu đó có phải là nơi duy nhất mà tôi đã phải chịu đựng đau đớn hay không.

“Ở bên đó thì cô sống ở đâu?” Chị hỏi. “Em ở Alegría,” tôi đáp.

“Chị chưa bao giờ tới đó,” chị nói. “Còn chị sống ở đâu?” Tôi hỏi chị.

“Higüey,” chị trả lời. “Chỗ cô ở có phải là vùng trồng mía không?” “Dạ, ở đó có những đồn điền mía nhỏ và vài nhà máy ép nhỏ.” “Nơi mà cô ở ấy, cái tên Alegría đó có phải là tên chính thức của nó không hay là do những người chúng ta ở đó cải tên thánh lại cho nó?”

“Em vẫn luôn nghe họ gọi tên nó như thế,” tôi đáp.

“Những người mà chị ở cùng, họ luôn đặt tên thánh lại cho những nơi họ ở. Những người ngoài không bao giờ biết được những cái tên này. Nơi cô ở có ngập tràn niềm vui đến mức họ gọi nó là Alegría không ?”¹

¹ *Alegría trong tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là niềm hạnh phúc.*

Trong trí nhớ của tôi từ khi còn nhỏ, những người ở đó đã luôn gọi khu vực bao gồm những căn nhà khang trang, những dãy núi, con sông, và cánh đồng mía bao quanh nhà của Señora Valencia bằng cái tên Alegría.

“Có lẽ những người đặt tên cho nó coi đó là một trò đùa,” tôi đáp. Chị bật cười lớn, có phần quá phấn khích trong một nơi tôn nghiêm.

“Cô đến đây để kể chuyện về cuộc thăm sát cho các cha xứ phải không?” Chị hỏi tôi. “Cha Emil đằng kia là người nghe và ghi lại các câu chuyện đó.”

Chị chỉ về phía Cha Emil. Cha là vị cha xứ với dáng người thấp đậm và lùn hơn cha xứ còn lại. Ông cha còn lại là một người Pháp da trắng, già hơn với mái tóc như một cái bờm ngựa lò xò trước mắt.

“Cô sẽ phải đợi một lúc đấy,” chị nói, “cho tới khi buổi lễ kết thúc và các phần thức ăn cho người khát thực đã được phân phát hết.”

Sau buổi lễ Ban Thánh thể, các cha xứ đi ra ngoài nơi những người nghèo đang chờ đợi trên bậc thềm để được phát bánh mì. Chị chạy vào phòng sau và trở ra với hai ổ bánh mì. Chị dúi chúng vào tay tôi mà không nói một lời nào để không làm tôi cảm thấy ngượng.

Khi các cha xứ đi ngang qua chúng tôi để quay vào nhà thờ, chị nắm lấy vạt áo chùng của Cha Emil và nói, “Thưa Cha, em gái này đã đợi rất lâu để được gặp cha.”

Cha Emil nhìn xuống hai ổ bánh mì trong tay tôi và gật đầu chào tôi đầy thương cảm. Chị ấn tay lên lưng tôi và đẩy tôi lại

gần chỗ Cha.

Tôi đi theo Cha vào một căn phòng phía sau thánh đường. Bên trong căn phòng có một bàn làm việc rộng, hai chiếc ghế mây, một cây thánh giá nhỏ treo trên tường, và một tủ kính chất đầy sách dùng cho trường dòng của nhà thờ.

“Con đến đây để nói về vụ thẩm sát phải không ?” Cha hỏi, tay kéo một chiếc ghế mây cho tôi ngồi. Ông đi ra đằng sau bàn làm việc và ngồi xuống. “Đáng tiếc là bọn ta chẳng có gì để cho những người đã mất đi người thân, ngoài những lời cầu nguyện và một vài ổ bánh mì. Vậy nên bọn ta đã quyết định không tiếp tục gặp họ và lắng nghe những câu chuyện khủng khiếp đó nữa. Việc đó quá mất thời gian, và chúng ta còn quá nhiều thứ khác phải làm.”

“Thưa Cha, con đến đây không phải để kể chuyện cho Cha,” tôi đáp. “Và con cũng đã nhận được một phần bánh mì rồi.”

“Vậy thì ta có thể giúp gì được cho con, con gái của ta?”

“Con muốn biết liệu Cha có nghe tin tức gì về Cha Romain hay Cha Vargas, các cha xứ đã sống và phục vụ giáo dân ở bên kia con sông hay không ?”

Cha chấp tay trước ngực và rướn người về phía ghế của tôi.

“Tất cả các nhà thờ trên khắp đất nước này đã cầu nguyện cho họ,” cha nói, mắt nhìn lên cây thánh giá đơn sơ treo trên tường sau lưng tôi. “Những câu chuyện về nỗi thống khổ của họ đã đến tai bọn ta từ miệng những anh chị em Công giáo khác.”

Ông có vẻ mừng vì chí ít đã làm được điều gì đó giúp cho tôi. “Vậy là bọn họ vẫn chưa chết?”

“Họ đã phải chịu đựng rất nhiều trong nhà giam, nhưng họ vẫn còn sống. Một vài thành viên của Giáo hội đã thay mặt họ đi gặp Generalissimo để xin ông ta thả tự do cho họ. Sau khi được phóng thích, Cha Romain bị buộc phải quay trở lại đây, mặc dù ông ấy vẫn muốn ở lại và giúp đỡ những người Haiti còn sống ở Alegria.”

Tôi đặt tay lên bàn và nắm chặt lấy đôi bàn tay của Cha. “Con có biết bọn họ không?” Cha hỏi.

“Vâng, con có quen họ.”

“Cha Romain hiện đang sống ở gần biên giới ở Ouanaminthe, trong một căn nhà nhỏ với em gái của mình.” Ông cười. “Cô ấy là một ca sĩ. Nhà của họ nằm kế bên một nông trại, nơi một trạm xá đã được xây dựng trong cơn khủng hoảng của vụ thảm sát. Ông ấy muốn được ở càng gần các giáo dân cũ của mình càng tốt.”

“Cha thật là một điều kỳ diệu, thưa Cha,” tôi nói, hôn lên ổ bánh mì vẫn còn nóng thay vì tay Cha.

Tôi hôm đó, tôi viết một bức thư ngắn để đưa cho Cha Romain nếu tôi gặp được ông. Bức thư được gửi cho bác sĩ Javier. Nếu ông ấy không còn ở trong nhà lao, có lẽ ông ấy sẽ đến thăm Cha Romain ở biên giới.

Làm ơn, thưa bác sĩ Javier,

Tôi sẽ vô cùng biết ơn nếu ông có thể chỉ cho tôi nơi tôi có thể tìm thấy Micheline Onius và Sebastien Onius, những người được cho là đã bỏ mạng ở Santiago tại thời điểm của vụ thảm sát. Tôi rất mong được biết nếu ông đã gặp họ hay chứng kiến chuyện đó xảy ra.

Kính thư,

Amabelle Désir

Tôi đề địa chỉ nhà Man Rapadou trong bức thư, cùng với số nhà của người thương lái chuyên cung cấp đường và bột cho chúng tôi.

Nếu bác sĩ Javier nhận được thư của tôi, ông ấy sẽ biết có thể tìm thấy tôi ở đâu.

Khi Yves lên giường tối hôm đó, anh nằm dịch ra sát mép tấm đệm và cố gắng để không có động chạm gì xảy ra giữa chúng tôi. Trước khi anh ngủ thiếp đi, tôi nói với anh rằng ngày mai tôi sẽ đi gặp Cha Romain ở biên giới.

Sáng hôm sau, anh thức dậy sớm để ra đồng. Trước khi đi, anh để lại cho mẹ anh mười đồng gourde và bảo bà đưa một ít cho tôi làm lộ phí cho chuyến xe tải đi tới biên giới.

Trên cuộc hành trình về lại biên giới, tôi không khỏi choáng ngợp trước vẻ đẹp hùng vĩ của những dãy núi. Những đường cong như những vòng eo hoàn hảo trở nên rõ ràng hơn khi xe chúng tôi chạy trên con đường song song với chúng.

Chiếc xe dừng trước một cánh đồng đầy bụi đất và cỏ dại gần nông trại bên cạnh khu trạm xá tạm bợ trước kia. Trong lúc đi tới khoảnh đất nơi những người chết và bị thương từng nằm, tôi nghĩ tới Odette và bụng dạ tôi quặn lên nôn nao.

Đất dưới chân tôi bỗng chao đảo. Tôi cảm giác như mặt trời đang sà xuống sát người tôi cho tới khi nó nằm ngay cạnh mặt tôi làm da thịt tôi tan chảy và mắt tôi mù lòa. Những hòn đá dưới đất phình to lên bằng cái gối. Cuối cùng, tôi nằm khụy xuống trên nền đất như cách người ta thả mình xuống một chiếc giường ấm áp.

Tôi biết rằng mình cần phải kêu cứu, nhưng chẳng có ai qua lại nơi đây, dù còn sống hay đã chết. Vả lại, tôi đang chìm trong một cảm giác vô cùng thư thái và không muốn bị quấy rầy. Một bầu trời đầy cỏ và những thanh gỗ đóng thành chữ X trên cổng trang trại đang xoay vòng trên đầu tôi.

Tôi bỗng nhớ lại, khi còn bé, một lần tôi đã được nhìn cảnh cha mẹ tôi đỡ đẻ cho một bé trai. Một tháng sau, mẹ đưa bé gửi nó ở nhà chúng tôi để đi chợ. Trong lúc ngủ, thằng bé cuộn tròn người lại và bắt đầu xoay vòng tròn ở trên giường. Tôi ngồi nhìn nó một lúc lâu trước khi cất tiếng gọi cha tôi đang bỏ củi ngoài sân và mẹ tôi đang giặt quần áo phía sau nhà.

“Con nghĩ thằng bé này bị quỷ nhập rồi,” tôi bảo họ.

Cha tôi phá lên cười và vỗ đánh đét một cái vào mông thằng nhỏ. Nó lập tức ngừng cơn quay cuồng của mình. Sau đó, cha tôi giải thích rằng, đôi khi trong năm đầu của cuộc đời, cơ thể của trẻ sơ sinh vẫn lưu giữ những ký ức trong lúc được sinh ra, và chúng phải lặp lại trải nghiệm đó nhiều lần trước khi có thể quên nó. Khi chúng làm điều này, con phải giúp chúng nhớ rằng chúng đã chui ra khỏi bụng mẹ rồi bằng cách vỗ vào mông chúng như cách chúng ta đã làm ngay sau khi chúng chào đời.

Một hồi lâu sau, tôi tỉnh lại và gắng gượng đứng lên. Thật kỳ diệu là cú ngã không làm cho tôi xây xát gì. Tôi chùi mặt bằng cả hai mu bàn tay rồi đi về phía một ngôi nhà xây bằng đá vôi ở đằng xa. Nó đứng đơn độc ở giữa một cánh đồng rộng mênh mông. Một bà già đang ngồi tách vỏ đậu Hà Lan bên bậu cửa. Hai ngón cái của bà thoăn thoắt tẽ vỏ đậu và đẩy những hạt đậu màu xanh tròn trĩnh vào một cái bát đã đầy một nửa.

“Cháu tới đây để gặp Cha Romain,” tôi cất tiếng.

Bà ta chỉ tay về phía một túp lều mái tôn giống như một cái hộp bằng giấy bìa ở cuối cánh đồng.

Cửa trước của túp lều không đóng, nhưng tôi vẫn đưa tay gõ cửa. Một người đàn bà trẻ đi ra, mặc trên người một chiếc váy mỏng in hoa. Bộ ngực nhỏ nhắn của cô nhấp nhô nửa kín nửa hở bên dưới lớp vải. Cô đang phe phẩy hai miếng vỏ quả phượng trên tay. Chúng va vào nhau và tạo nên những tiếng động chát chúa.

“Cho tôi hỏi Cha Romain có ở đây không ?” Tôi hỏi.

“Cô là ai mà muốn kiếm anh ấy?” Cô tiếp tục lắc hai mảnh vỏ phượng, khiến cho tôi khó mà nghe được cô nói gì giữa những tiếng lộp độp.

“Họ gọi tôi là Amabelle,” tôi giới thiệu. “Tôi quen Cha từ hồi còn ở Alegría.”

Vung vẩy hai mảnh vỏ có phần mạnh hơn, cô giải thích, “Tôi làm thế này mỗi khi tôi không ở bên cạnh anh trai tôi để anh ấy biết tôi ở đâu. Nó giúp anh ấy cảm thấy yên tâm.”

Bước ra khỏi cửa, cô ra hiệu cho tôi đi vào trong nhà.

“Đừng buồn nếu anh ấy không nhớ ra cô là ai,” cô căn dặn. “Có rất nhiều người đã đến gặp anh ấy để hỏi về tung tích những người thân của họ. Nhưng trong khi bị bắt, anh ấy luôn bị giam cùng với ông cha còn lại, Cha Vargas. Anh ấy không hề biết những tù nhân Haiti khác bị giam ở đâu.”

Cô ngừng phe phẩy và dẫn tôi đi qua một căn phòng trống, rồi tới một khoảng sân nơi Cha Romain đang ngồi trên một cái ghế đẩy dưới những gốc xoài.

“Jacques!” Cô kêu tên ông. “Anh có người quen ở Alegría tới thăm này.”

Cha Romain đội một cái mũ rơm rộng vành che gần kín mặt. Một chùm lông đen rậm rì lấp ló dưới cổ chiếc áo sơ mi rộng của ông. Bàn tay ông run rẩy lỏng ngóng buộc một miếng giấy mỏng màu cam quanh khung của một con điều nhỏ xíu. Mỗi khi quai hàm ông giật cục, ông lại đưa tay lên gãi cằm để xoa dịu cơn co giật.

“Ai đến đó?” ông lẩm bẩm. Nước dãi ở hai bên mép ông nhều ra nhóng nhánh. Dù đang độ tuổi trung niên, ông mang gương

mặt của những người đã không còn nhận biết được mọi thứ xung quanh, những người mà cuộc đời của họ đang dần nhòa đi thành một vũng mờ thăm thẳm và nhãn quan của họ đã mờ đục vì tuổi già.

Em gái ông đi vào nhà và mang ra một cặp ghế nữa. Cha Romain đảo mắt lên xuống, hết nhìn những nhánh xoài rồi nhìn tới em gái ông, trước khi ông nhìn thấy tôi.

“Nói cho anh ấy nghe những gì cô cần nói, và nhớ nói to lên nhé,” em gái ông nói. “Đầu óc anh ấy bây giờ lẫn thẩn lẩn.”

“Thưa Cha, tên con là Amabelle Désir,” tôi nói với ông.

“Phải, Amabelle Désir.” Cổ họng ông phát ra những tiếng lẩm bầm xa xôi trong lúc ông giơ con điều lên ngang mặt.

“Thưa Cha, Cha có nhận ra con không ?” Ông lắc đầu quấy quậy.

“Cha không nhớ con là ai ư?” “Không,” ông lặng lẽ đáp.

“Thưa Cha, con cần biết rằng liệu cha có gặp Mimi và Sebastien Onius trước hay sau khi cha bị bắt giam không.”

Vị cha xù lắc đầu đằng sau chiếc điều. “Nhà giam à? Wi. Wi. Ta đã gặp rất nhiều người trong nhà giam.”

“Cô thấy cách nhà tù đã làm anh ấy già đi đến thế nào rồi đấy,” em gái ông thốt lên căm phẫn.

“Tổ quốc của chúng ta là gia sản thừa kế đáng tự hào nhất mà ta có thể để lại cho con dân của ta,” Cha Romain bắt đầu lảm nhảm. Đôi mắt ông nhìn em gái một cách vô hồn như thể ông đang dùng hết sức lực tư duy để hiểu được những câu từ của cô ấy và cả tôi nữa.

“Chúng ép anh ấy phải nói đi nói lại những điều đó đến nỗi bây giờ anh ấy cứ tự làm nhảm mỗi khi đầu óc anh ấy không tập trung,” em gái ông giải thích.

“Trên hòn đảo này, bước một bước quá xa về bất kỳ phương hướng nào, ta có thể bắt gặp những nhóm người bất đồng ngôn ngữ,” Cha Romain kiên quyết tiếp tục bài diễn ngôn lạc lõng của mình. “Mẫu quốc của chúng ta là Tây Ban Nha, còn bọn chúng thuộc về châu Phi tăm tối, các người hiểu chưa? Bọn chúng từng có thời chỉ đến đây để cắt mía, nhưng bây giờ đám bọn chúng còn sinh sôi nhiều hơn cả những thân mía cần phải cắt, các người hiểu chưa? Vấn đề ở đây là chúng ta đang bị lép vế. Hãy nói ta nghe, có ai trong số các người muốn nhà mình bị chiếm cứ bởi những người khách, đến mức mà đám khách đó thế chỗ cả những đứa con của các người? Làm thế nào mà quốc gia này có thể thuộc về chúng ta nếu chúng ta bị áp đảo về số lượng bởi những kẻ ngoại lai? Chính vì thế, những người yêu nước trong số chúng ta đang ra tay để đảm bảo đất nước này mãi là của chúng ta.”

“Một khi anh ấy đã bắt đầu làm nhảm thì tôi không thể dừng anh ấy lại được,” em gái ông nói, cố gắng dùng ngón tay để lau bọt mép đang dây rớt ra hai bên má anh trai mình.

“Đôi lúc ta không thể tưởng tượng được làm sao hai tộc người khác nhau đến thế lại được sinh ra trên cùng một hòn đảo,” Cha Romain tiếp tục nói như một cái máy thu băng đã hỏng. “Chúng ta, những con dân của Dominicana, phải duy trì truyền thống và nếp sống riêng của mình. Nếu không, chỉ trong vòng không đầy ba thế hệ nữa thôi, tất cả chúng ta sẽ biến thành bọn Haiti. Trong vòng ba thế hệ nữa, dòng máu của con cháu chúng ta sẽ trở nên uế bẩn hoàn toàn nếu chúng ta không tự bảo vệ bản thân mình, các người hiểu chưa?”

Cuối cùng, có lẽ đã thấm mệt vì nói quá nhiều, Cha dừng lại và gục đầu xuống, cảm ông trĩu xuống tận ngực.

“Anh ấy bị đánh đập dã man mỗi ngày,” cô em gái vừa kể vừa xoa vai cho anh trai. “Khi anh ấy mới trở về, anh ấy kể rằng bọn chúng đã thắt một sợi dây quanh cổ anh và siết thật chặt đến nỗi nhiều lúc anh ấy cảm thấy mình sắp phát điên. Chúng không cho anh ấy uống gì ngoài nước tiểu của chính anh ấy. Đôi lúc anh ấy nhớ tất cả mọi chuyện. Nhưng cũng có lúc anh ấy quên hết tất cả mọi thứ, kể cả tôi.”

“Quên hết đi,” Cha Romain lại lẩm bẩm. Ông quay trở lại tập trung vào việc tủa tót chiếc điều. Với một sức mạnh lạ thường mà ít ai ngờ còn tồn tại trong đôi bàn tay run rẩy của mình, ông xé toạc một mảnh vải từ vạt áo trước để buộc thành một cái đuôi điều thật dài.

“Non, Jacques,” em gái ông liên tiếng quở trách, như một bà mẹ trẻ răn dạy đứa con ngỗ ngược. “Anh ấy đã làm hỏng không biết bao nhiêu cái áo rồi đấy,” cô quay về phía tôi và nói.

“Cô có quen biết bác sĩ Javier không ?” Tôi hỏi em gái của Cha. “Jacques, anh có nhớ ông bác sĩ nào tên là Javier không ?” Cô quay sang hỏi ông.

Cha Romain không nói gì, chỉ tiếp tục chăm chú buộc mảnh vải áo vừa xé vào đuôi điều.

“Tôi không biết tất cả bạn bè của Jacques,” cô em gái đáp lời tôi. “Anh ấy là một cha xứ. Còn tôi là một ca sĩ, thậm chí còn không phải một ca sĩ hát thánh ca nữa.”

“Cô định ở lại đây trong bao lâu?” Tôi hỏi cô.

“Cho tới chừng nào anh ấy còn muốn ở đây,” cô đáp. “Cô đang sống ở đâu?”

“Ở Cap-Haïtien,” tôi trả lời, “tại nhà của một người đàn bà tên là Man Rapadou.”

“Gia đình chúng tôi cũng có một ngôi nhà khang trang ở Cap-Haïtien, gần nhà thờ lớn,” cô nói. “Tôi hy vọng anh ấy sẽ sớm để cho tôi đưa anh ấy về đó. Ngay cả trong tình trạng này, Jacques vẫn muốn quay lại bên kia biên giới để tìm những giáo dân mà anh ấy từng phụng sự ở thị trấn nhỏ trong thung lũng đó, nhưng anh ấy sẽ cầm chắc cái chết nếu anh ấy dám vượt biên lần nữa.”

Cô em gái lại lắc hai miếng vỏ quả phượng một lần nữa. Cha Romain ngẩng đầu nhìn lên, hai mắt ông chột long lanh như mắt của một chú chó đói bụng được gọi để chuẩn bị cho ăn.

Khi tôi chào từ biệt Cha, ông chào tôi như thể đây lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau.

Tôi đặt lá thư của tôi vào tay em gái của Cha. “Xin cô hãy đưa cái này cho ông ấy lúc ông ấy tỉnh táo hơn và nhớ được mọi chuyện,” tôi khẩn cầu.

Trong lúc rời khỏi nhà của Cha, tôi bỗng dưng nảy ra ý muốn quay lại con sông, nhưng không thể. Thay vào đó, tôi mơ tới việc trốn thoát ra khỏi thế giới này, ở trong nhà mãi mãi, không có ai và cũng không cần ai bầu bạn tâm sự. Tất cả những gì tôi muốn chỉ là cuộc đời định sẵn với những công việc tẻ nhạt mà tôi có thể lặp đi lặp lại mà không cần bỏ công sức hay quyết tâm, một cuộc sống nơi mọi thứ không khi nào thay đổi, ngày hôm nay giống hệt như ngày hôm qua.

Đêm đó, lúc nằm trên giường, tôi kể cho Yves nghe về chuyện đi gặp Cha Romain ở biên giới.

“Cô không nghĩ rằng tôi đã tìm đến đó rồi hay sao?” Anh hỏi. “Cô nghĩ rằng tôi chưa nhìn thấy ông ta hay sao, gã tâm thần⁽¹⁾ tội nghiệp đó?”

(1) Tiếng Creole ở Haiti: bèkèkè. Từ chỉ một người điên hay tâm thần.

“Xin anh đừng gọi ông ấy như thế,” tôi nói.

“Cô có nhìn thấy tình trạng của ông ta bây giờ không, mất tự chủ và nói năng lảm nhảm? Em gái ông ta là người đã nói cho tôi biết rằng bọn chúng đã dàn dựng để cho những vụ giết người trông như được thực hiện bởi đám nông dân cầm mã tấu, như thể không có một khẩu súng trường nào đã nhả đạn như với Wilner hay không?”

“Tại sao anh không nói với tôi rằng anh đã đi gặp ông ấy? Anh có biết rằng Man Denise đã bỏ đi, rằng bao nhiêu người đã đến nói với bà ấy rằng Mimi và Sebastien đã chết rồi hay không?”

“Tôi không có nghĩa vụ phải thông báo cho cô tôi biết những gì hay đi những đâu,” anh gằn giọng.

Yves chìm vào giấc ngủ trong sự im lặng nặng nề trộn lẫn cơn giận và cảm giác tội lỗi. Như Sebastien, anh ấy đã luôn sống để lao động. Hai chu kỳ quan trọng nhất trong cuộc đời họ là mùa thu hoạch mía và quãng thời gian chết giữa các vụ mùa. Bây giờ tất cả những gì anh ấy còn có thể làm là trồng trọt và gieo hạt để né tránh những mùa chết đó.

Đùa chết đối với tôi giống như một đêm trường bất tận.

Tôi luôn có một giấc mơ thường trực rằng mình sẽ quay trở lại để đối diện với con sông, ngọn thác, ông thẩm phán trị an, hay thậm chí là Generalissimo, để làm chứng cho câu chuyện của mình.

Biên giới là một tấm khăn voan không phải ai cũng có thể khoác lên. Thung lũng ẩn hiện như một giấc mơ trưa, với ngôi làng và cư dân của nó, và Joël tội nghiệp, nằm bên dưới một nắm mồ mà chỉ một ông già với trái tim tan vỡ biết nó nằm ở đâu.

Tôi quay trở về với Odette đang ném trẩu từ “pèsi” vào mặt Generalissimo, vì bản thân tôi sẽ không biết phải phát âm nó như thế nào. Cho dù tôi nói có tệ cách mấy, cổ họng tôi vẫn sẽ bật ra từ “perejil.” Đâu đó bên trong tâm can mình, có lẽ tôi vẫn tin rằng một từ đơn giản như vậy có thể cứu mạng tất cả chúng tôi.

Tôi chưa bao giờ có ý muốn bỏ trốn. Mặc dù tôi biết chuyện gì đang xảy ra, nhưng tôi không muốn chạy trốn. Những câu hỏi “Bỏ chạy đi đâu?” và “Trở về với ai?” cứ ngân lên trong đầu tôi.

Trong số tất cả những người bị giết, tôi đồ rằng có nhiều người cũng hỏi những điều tương tự như tôi. “Trở về với ai?” Ngay cả trong giây phút cận kề cái chết giữa những lời cầu nguyện an nghỉ của các cha xứ, hẳn họ vẫn đang tự hỏi mình, “Ra đi trong thanh thản. Nhưng đi đâu?”

Thiên đường của tôi là một tấm màn nước mỏng manh ngăn cách giữa cha mẹ tôi và tôi. Tôi sống sót bởi vì tôi đã bước qua tấm màn đó và đi sang phía bên kia. Odette và Wilner đã chết vì họ đã không đặt chân qua được bên kia tấm màn.

Tôi chưa bao giờ nhìn đời bằng đôi mắt ngây thơ hay mù quáng. Tôi biết rằng một cuộc thảm sát sẽ xảy ra. Tôi biết rằng nước của những con suối sẽ nhuộm đỏ màu máu. Tôi cũng biết cách nói “pèsi” giống như cách tôi biết nói “perejil.”

Bạn sẽ ngạc nhiên khi phát hiện ra chúng ta sử dụng giấc mơ của mình vào việc tự làm mờ mắt mình, hay mang chúng theo bên người như những lá bùa hộ thân bảo vệ chúng ta khỏi những lời nguyền độc địa.

Những giấc mơ của tôi bây giờ chỉ còn xoay quanh những lời chúng mà tôi chưa được nói với ông thẩm phán trị an, với chính Generalissimo.

Ông ta đòi hỏi “perejil,” nhưng còn rất nhiều những từ khác mà tất cả chúng tôi đều biết cách nói. Có lẽ chỉ một từ đơn giản như vậy không thể cứu mạng chúng tôi. Nhưng nhiều từ khác có thể và sẽ cứu rỗi chúng tôi.

Mỗi ngày trôi qua khiến tôi suy nghĩ nhiều hơn về năm mộ của Joël. (Và cả của Wilner, Odette, Mimi, và Sebastien nữa.) Cơ may để tôi tìm được nơi an nghỉ cuối cùng của họ cũng ngang ngửa việc bắt được một ngôi sao đã bùng cháy và rơi xuống trên nền trời vào chính cái đêm mà mỗi người bọn họ rời bỏ thế gian này.

Càng nghĩ về những năm mộ của họ, tôi càng hình dung rõ ràng năm mộ của chính mình: một bia đá đơn giản mà trên đó chỉ khắc độc tên tôi và ngày tôi tạ thế.

Nhưng tôi muốn mọi người biết rằng tôi hiểu. Tôi nhìn thấy tất cả những thứ đó. Chỉ có điều tôi đã tưởng rằng chúng sẽ không nhìn thấy tôi. Tôi những tưởng rằng chúng sẽ không tìm ra tôi. Chỉ đến khi Mimi và Sebastien bị bắt đi thì tôi mới nhận ra rằng dòng sông máu đã chảy tới trước cửa nhà mình, rằng nó vẫn luôn âm ào chảy ngay trong nhà của tất cả chúng tôi.

Tôi từng nghe một cụ già nói rằng những người chết truyền lại những câu chuyện của họ cho con cháu vì họ chẳng dùng chúng vào việc gì được nữa. Những câu thành ngữ, những tiếng chép miệng, những lời chửi tục, thậm chí cả những tên rên rỉ kêu la vốn từng được đặt vào những vị trí đặc biệt trong một cuộc đối thoại thì nay đều được truyền lại cho người thừa kế tiếp theo.

Tôi luôn cảm nhận sức nặng thường trực của dòng sông đè lên hai tai mình. Màng nhĩ của tôi căng lên chịu đựng như một tấm gỗ kéo kẹt, sắp sập xuống dưới sức nặng của cả tấn đá núi. Con sông há miệng và nuốt chửng tất cả những ai lội vào trong dòng nước, bất kể đàn ông, đàn bà, hay trẻ con, như thể bao tử họ nặng chịch toàn đá.

Đối với những kẻ cố gắng làm thế giới trở nên câm lặng, điều làm chúng bức bối nhất là phát hiện ra rằng bên trong đầu chúng tôi luôn ẩn chứa những tiếng nói. Với mỗi ngày trôi qua, những tiếng nói đó lại lớn mạnh lên, âm vang hơn đến mức có thể át được những tiếng lao xao của thế giới bên ngoài.

Cuộc thẩm sát đó là thứ duy nhất mà tôi có thể truyền lại. Tất cả những gì tôi muốn làm là tìm một chỗ để thi thoảng đặt nó xuống, một cái tổ an toàn nơi những câu chuyện sẽ không tan tác bay theo gió, hay bị chôn vùi vĩnh viễn dưới lòng đất.

Đôi lúc tôi chỉ cần đặt nó xuống mà thôi. Ngay cả trong sự im lặng tịch mịch hiếm hoi của màn đêm khi không có bóng người

nào xung quanh.

38

Trong lúc chờ bác sĩ Javier hồi âm, tôi ngồi nhìn Yves đi ra đồng mỗi sáng và trở về nhà khi trời đã tối. Trong lúc chờ bác sĩ Javier hồi âm, tôi cảm nhận cơ thể ngày một to ra và nặng nề hơn của mình dần dần nhăn nheo và rũ xuống, như thể toàn bộ xương cốt của tôi đang mủn dần ra và hòa vào với đất. Trong lúc chờ bác sĩ Javier hồi âm, tôi ngồi may quần áo cho bất cứ ai mang đến trước mặt tôi một tấm vải để đổi lấy tiền công là một vài đồng gourde, một đĩa đồ ăn, hay đôi khi chỉ là một nụ cười nhân từ. Đúng, trong lúc chờ đợi bác sĩ Javier hồi âm, tôi cũng cứ thế già đi.

Em gái của Cha Romain đã chuyển ông vào một bệnh viện ở Port-au-Prince nên tôi không có dịp gặp lại ông cho tới tận tháng Năm năm 1961, khi Generalissimo bị kết liễu bởi một cơn mưa đạn trong lúc đang tháo chạy khỏi thủ đô trên một con đường cao tốc được đặt theo tên của lão.

Cha Romain lúc đó đang đi dự một buổi họp mặt gia đình ở Cap. Ông đã ra đứng trên các bậc thềm nhà thờ dưới ánh mặt trời và ngắm nhìn một cuộc diễu hành của những người sống sót mùa hát trên đường phố:

Yo tiye kabrit la! Adye!

Họ đã kết liễu con quỷ già đó rồi! *Adye!*

Kể từ sau lần đám đông tụ tập để đợi gặp ông thẩm phán trị an, đây là lần đầu tiên tôi lại được chứng kiến một cuộc hồi tưởng

tập thể, một lễ kỷ niệm lạ lùng cho những người còn sống hay đã chết trong cuộc thăm sát được thực hiện bởi con cháu của họ.

Cha Romain là người bị bào mòn bởi tuổi tác hơn hết thấy chúng tôi. Nhưng tôi có thể nhận thấy đâu đó dưới gò má hõm xuống và mái tóc muối tiêu dày dựng đứng của ông ẩn chứa một niềm vui khó diễn tả. Gương mặt khắc khổ làm ông trông giống như anh trai – không, thậm chí là cha chú – của con người trước kia của ông, người đàn ông đã từng dạy học trò về cách vận hành của gió và các nguyên tố trong không khí thông qua việc thả diều.

Tôi không biết em gái ông ở đâu ngày hôm đó, nhưng cô ấy không đứng cùng ông hay chúng tôi, những người đang đổ xô xuống những con phố của thành phố Cap từng chìm ngập trong đạn bom khói lửa để khua xoong múa chảo và hát vang ăn mừng ngày Generalissimo biến khỏi cõi đời này.

Yves đã bỏ dở việc làm đồng để quay về nhà và hòa mình vào trong dòng người. Anh len lỏi ra vào giữa bọn họ, vừa đi vừa cản chặt môi như chục khóc nấc lên mỗi khi ai đó thốt lên một tiếng kêu đầy vui sướng.

Man Rapadou và tôi khoác tay nhau cùng bước đi. Ở cái tuổi ngoài tám mươi, đầu óc và cơ thể bà vẫn còn minh mẫn và nhanh nhạy.

Man Rapadou đã trở thành một người không thể thiếu trong cuộc sống dung dị thường nhật của tôi. Chúng tôi thức dậy cùng lúc vào mỗi sáng sau khi Yves đã đi ra đồng và cùng nhau sửa soạn đồ để may quần áo. Tôi trân trọng công việc may vá của mình. Tôi có thể dành hàng giờ khoan khoái cảm nhận ngón trở của mình nằm gọn trong cái đê khâu và ngắm nhìn mũi kim đâm lên đâm xuống, luồn lách qua bề mặt tấm vải, và dẫn

đường cho sợi chỉ mỏng manh. Tôi không bao giờ dùng máy khâu vì điều đó sẽ làm giảm thiểu đáng kể niềm vui thích mà tôi có được khi lao động.

Mỗi buổi sáng lúc bình minh ló rạng, Man Rapadou và một vài người đàn bà cùng nhà đi ra chợ và mang về thực phẩm tươi để chuẩn bị cho bữa chiều muộn, gần với lúc Yves trở về nhà. Mặc dù bà biết là anh đã ăn ở một nơi khác, hay thậm chí có một người đàn bà khác chăm sóc cho anh, bà vẫn đối xử với anh như cậu con trai yếu ớt chỉ đủ sức để thổi sinh khí vào mảnh đất của cha anh hàng ngày.

Sau khi đã kiếm được đồng ra đồng vào, Yves đã xây thêm bốn căn phòng trên mảnh sân, hai trong số chúng chỉ để dành cho tôi. (Mẹ anh không muốn chuyển đi nơi khác và làm phiền lòng những người họ hàng còn lại của bà.) Có những lúc tôi nhốt mình trong hai căn phòng và nằm dài trong đó đến cả tháng mỗi khi cổ họng tôi bầm đầy bông vải, hay một cánh tay đau cản trở việc may vá của tôi, hay khi các khớp chân tôi thốn lên nhức nhối và những tiếng rung trong màng nhĩ tôi cứ kéo dài không ngớt. Ngoại trừ những giây phút đó, cái chết của Generalissimo là sự giải thoát tạm thời duy nhất của tôi khỏi vòng xoay của việc may vá, ăn ngủ, và mơ những giấc mơ giống hệt nhau hàng đêm.

“Man Amabelle ơi, hãy nhìn cách bà nhảy điệu kandala kia,” ai đó trong đám đông trước nhà thờ thốt lên.

Tôi không nhận ra rằng chân mình đang nhảy múa. Tôi còn không biết rằng mình có thể nhảy được. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất không phải là lời khen của người đó mà là cách họ đệm thêm tên hiệu dành cho một lão niên vào trước tên tôi – giờ thì tôi đã là một “Man” giống như mẹ tôi Man Irelle, Man Denise, hay Man Rapadou.

Nhìn ngắm những nam nữ thanh niên nhảy múa với những chiếc maraca⁽¹⁾ và trống lục lạc, tôi nhận ra nhiều người trong số họ còn chưa chào đời khi tôi mới trở về. Lúc đó, tôi chợt nhận thức rõ dòng chảy của thời gian xung quanh mình, một cảm giác khác lạ so với khi tôi ngồi cùng với Man Rapadou và những người thân của bà quanh mảnh sân.

(1) Maraca là nhạc cụ thuộc bộ gõ được làm từ vỏ dừa hay vỏ bầu rỗng ruột bỏ đầy các hạt đậu khô (nhiều khi thay thế bằng nhiều loại hạt khác nhau tùy theo vùng).

Yves đi phía trước tất cả chúng tôi, tránh xa đám đông đang tràn vào các cửa tiệm. Hôm nay nhìn anh trẻ hơn ra so với mọi ngày. Với bộ ngực xẹp lép và vòng eo hẹp, anh giống như một người đã trải qua vài nạn đói. Anh vẫn tiếp tục cạo đầu trọc lốc mặc dù bây giờ anh không còn phải sợ lũ bọ mía làm tổ trong tóc nữa.

Tôi có thể nhận thấy rằng anh không hài lòng với chúng tôi vì đã tham dự vào cuộc diễu hành chớp nhoáng này. Anh giờ đây kiệm lời tới mức tôi có thể đọc vị được cả một đoạn hội thoại giữa hai lông mày dậm mồ hôi đang nhú lại của anh. Những câu hỏi viết trên mặt anh ngày hôm đó cũng là những câu hỏi mà tôi tự hỏi mình.

Làm sao các người dám nhảy múa vào một ngày thế này?

Chúng ta còn có thể làm gì ngoài nhảy múa đây?

Nó giống như chúng ta đang nhảy múa trên những nắm mồ vậy.

Chẳng có nắm mồ, hay thậm chí cột mốc đánh dấu nào tồn tại cả. Nếu chúng ta muốn nhảy trên những nắm mồ thì chúng ta sẽ chỉ chạm chân lên không khí mà thôi. Vả lại, đây là một điệu nhảy vô thưởng vô phạt không tốn công sức, một điệu nhảy mà

dân tộc chúng ta đã thuộc nằm lòng , điệu nhảy để nói lời từ biệt với một bạo chúa đã chết.

Trong suốt hai mươi bốn năm, tất cả những cuộc trò chuyện của tôi với Yves đều được giới hạn ở mức xã giao tối thiểu. *Chào buổi sáng, Chào buổi tối. Hôm nay thế nào? Chúc ngủ ngon.* Tất cả đều là những câu chữ kín kẽ trao đổi qua lại giữa hai người mà chỉ nội sự hiện diện của người kia cũng gợi nhớ đến một sự phản bội không thể tha thứ.

Tôi vẫn luôn mong anh sẽ tìm được một người đàn bà yêu thương anh và mang anh đi khỏi mảnh sân đó. Tôi không thể chạy trốn bản thân mình vì tôi không còn nơi nào để đi. Tôi cũng không còn đủ sức lực để tìm kiếm những người họ hàng xa vốn dĩ vẫn sống tốt mà không có tôi. Tôi thậm chí còn không biết họ có thể nhận ra tôi nếu họ trông thấy tôi. Một vài người bạn họ có lẽ đã đi tìm tôi sau khi biết tin cha mẹ tôi chết đuối, nhưng có lẽ họ nghĩ tôi cũng đã chìm dưới dòng nước rồi.

Vì thế, bất chấp vẻ mặt nghiêm trang của nhiều người trong đám đông, bất chấp những giọt nước mắt lăn trên má những người đang nhảy múa, bất chấp linh hồn và tro tàn xương cốt của những người chết đang vắng mặt còn ám ảnh chúng tôi, chúng tôi vẫn sẽ có một buổi liên hoan cho dù cơ hội để chúng tôi phỉ nhổ vào mặt Generalissimo trong lúc nhìn xoáy vào mắt lão ta đã không còn nữa, vì lão đã chết và chúng tôi vẫn còn sống.



Sau khi đám đông đã tản đi, tôi để Man Rapadou và Yves đứng đợi bên vỉa hè và bước lên các bậc thềm của nhà thờ. Cha

Romain đang đứng cạnh một nhóm giáo dân vừa mới bước ra từ trong nhà thờ.

“Cha của con, Cha đã thấy khá hơn chưa?” Tôi hỏi với vào từ bên ngoài đám giáo dân.

“Nhờ ơn phước của Người, ta đã khỏe hơn.” Giọng nói của ông dịu nhẹ và ánh mắt ông đã trở nên nhanh nhạy, hai dấu hiệu rõ ràng nhất của một thời tuổi trẻ.

“Con là Amabelle Désir đây, thưa Cha,” tôi nói. “Con đã đến thăm Cha lúc Cha còn ở Ouanaminthe. Con từng sống ở Alegría. Em gái của Cha thế nào rồi?”

“Con biết em gái của ta ư?” Ông hỏi.

“Vâng, con đã gặp cô ấy ở nhà Cha ở Ouanaminthe.”

“Cô ấy vẫn đi hát ở các hộp đêm ở Port-au-Prince.” Ông đưa tay phải lên nắm tay tôi, ngắm nhìn cách nó giơ lên từ bên hông như thể da thịt ông vẫn còn là một điều kỳ diệu với ông.

“Thưa Cha, Cha có ý định trở về Alegría bây giờ không ?” Ai đó lên tiếng.

Ông tỏ vẻ ngạc nhiên vì có nhiều người biết về Alegría đến vậy. “Alegría, một cái tên gợi lên niềm hoan lạc,” ông nói, giọng ông ngân nga như đang hành lễ trong thánh đường. “Có lẽ đó là ý muốn của những người sáng lập khi họ đặt tên cho nơi đó. Có lẽ họ cảm thấy phần nào hạnh phúc khi phát hiện ra đường có thể được làm ra từ máu.”

Yves và Man Rapadou trèo lên các bậc thềm và ngồi vào bên trong thánh đường mát mẻ. Yves không hề nhìn Cha Romain

lúc anh đi ngang qua, mắt anh tập trung vào việc đỡ cùi chỏ của mẹ và dìu bà bước đi.

“Thưa Cha, liệu Cha có quay trở về Alegría không ?” Một người nữa lặp lại câu hỏi.

Cha Romain nhìn xuống nhóm chúng tôi như thể chúng tôi vừa gieo vào đầu ông một hạt giống ý tưởng.

“Có, ta sẽ quay trở lại,” ông đáp, “để giúp những người của chúng ta vẫn còn sống ở đó, nếu ta có thể.”

“Khi nào thì Cha sẽ quay lại, thưa Cha?” Tôi hỏi.

“Ta không còn là một linh mục nữa rồi,” ông đáp, rồi tự đính chính. “Ta giờ là cha của ba cậu con trai. Ta không còn là cha xứ cho một dòng tu nào nữa.”

“Tại sao vậy, thưa Cha?” Câu hỏi buột ra từ miệng một người vô ý.

“Sau cuộc thẩm sát, ta cần nhiều hơn là những lời cầu nguyện để chữa lành bản thân mình,” ông nói với một vẻ buồn bã mà tôi không nhìn thấy lúc ông còn ở biên giới. “Việc đó đòi hỏi một người vợ xinh đẹp dịu dàng và ba sinh linh mới nằm sát bên ngực ta. Ta đã khóc rất nhiều khi họ bắt giam ta. Ta khóc trong suốt thời gian ta bị cầm tù. Ta khóc lúc bị đày ra biên giới. Ta khóc cho tất cả những người đã bị liên lụy, đánh đập, hay giết hại. Chỉ có một tình yêu gần gũi với đất mẹ, với cơ thể trần tục của ta, mới có thể ngăn được những giọt nước mắt của ta. Có thể ta đã mất rất nhiều, nhưng ta cũng đã học được một cách nhìn lớn lao hơn về những thứ thần thánh và trần tục.”

Đêm hôm đó, tôi ngồi trong phòng và ngắm Yves ngồi dưới một cây chuối rễ quặt đang độ lớn. Anh đã mang cái cây mới về và trồng nó vào chỗ cái cây cũ đã héo đi và chết. Yves đang ngả người trên một chiếc ghế đẩu, trong tay anh cầm một chai rượu rum. Mắt anh nhìn lơ đãng phía trước, không tập trung vào cái gì đích xác ngoại trừ những con đom đóm đang nhóm lên những đốm sáng lập lờ. Cuộc thăm sát đã để lại những sang chấn trong lòng anh: anh không thể chịu được mùi mía (trừ lúc nó được hòa vào rượu rum) và căm ghét vị lá mùi tây; anh không thể bơi dưới sông ; âm thanh của tiếng Tây Ban Nha – cho dù phát ra từ miệng những người Haiti – cũng đủ làm mắt anh mở to ra, hơi thở anh dồn dập hơn, khuôn mặt anh đầy vẻ khiếp sợ, và môi anh như dính cứng vào nhau, không thể mở ra được để nói một câu hoàn chỉnh.

Nhiều năm trôi qua, mảnh đất cha anh để lại đã biến thành hơn hai mươi mẫu đất trồng đậu. Anh càng làm ra nhiều nông sản thì anh càng mua thêm nhiều đất. Giờ đây, gia đình anh đã làm chủ vô vàn những thửa ruộng trồng lúa nước, lúa miến, lúa mì, cà phê, ca cao, và khoai mỡ. Anh cũng tự xây cho mình một ngôi nhà đóng từ bê tông xỉ than gần một con suối nhỏ, nơi anh bàn bạc công việc với người làm, ăn trưa, và nằm nghỉ những buổi chiều muộn. Dọc hai bên bờ suối, anh trồng rất nhiều xoài, bơ, và đu đủ, nơi những con gà rừng và bồ câu rừng tới trú ngụ. Bất cứ ai quanh vùng cũng có thể tới để săn bắt chim hay tận hưởng những trái chín mọng lúc lửu trong khu vườn của anh. Thế nhưng, khi ngồi trên chiếc ghế đẩu cũ kỹ của mẹ anh, anh chỉ là

một người đàn ông cô độc ngồi nhấp từng ngụm rượu từ chai rum hiệu Reserve du Domaine của nhà Gardere. Thi thoảng, anh lại gục đầu ngủ thiếp đi sau những phút mải mê ngắm nhìn bầu trời. Mỗi khi uống một ngụm đầy rum, anh lại phun một ít thứ chất lỏng đắt tiền đó xuống đất, tạo thành một vũng sủi bọt tăm, để chia sẻ với những người mà anh không còn nhìn thấy hay chạm tới được.

Cả anh và tôi đều chọn một cuộc sống xoay quanh công việc để tự an ủi bản thân mình sau cuộc thảm sát. Chúng tôi có quá nhiều bóng ma ám ảnh những giây phút yên tĩnh hiếm hoi, nơi bất cứ ai trong bọn họ có thể hiện hình và từ chối rời đi.

Ngồi trên một cái xô nhựa trắng và nhìn về phía anh từ bậu cửa, tôi cảm thấy tiếc rằng chúng tôi đã không tìm nguồn an ủi từ nhau nhiều hơn. Sau khi tôi nhận ra rằng Sebastien sẽ không quay trở lại, tôi đã muốn tìm một người đàn ông có thể giúp tôi quên được anh và than khóc anh cùng với tôi. Có lẽ đây là một đòi hỏi quá sức với một người đàn ông cũng đang tìm kiếm những điều tương tự cho bản thân mình.

Cái xô đổ ra phía sau trong lúc tôi đứng lên. Yves quay người lại và trông thấy tôi đang chới với, cố gắng giữ thăng bằng trên hai cái chân đau. Khi anh chạy đến đỡ, tôi đã kịp đứng vững trên hai chân mình rồi. Anh buông tay tôi ra và quay về chiếc ghế đẩu, cầm chai rum lên, và đi về phòng mình.

Khi anh đi khỏi, Man Rapadou băng qua sân và đi về phía phòng may vá của tôi. Bà chườm một túi nước lạnh trên đầu, cố gắng không để nước chảy vào mắt. Bà thả người đánh phịch lên một chiếc váy dài mà tôi định may thêm vào vài nếp gấp trước khi đi ngủ.

“Man Rapadou, bác không ngủ được ư?” Tôi hỏi.

“Do hôm nay bác đi bộ dưới trời nắng nhiều quá đó mà,” bà trả lời. “Đáng ra bác không nên đang nắng ngoài trời lâu như vậy.”

“Bác có đang ốm không?”

“Bác không ốm, chỉ cảm thấy rất mệt thôi.” Bà ngả lưng xuống giường tôi, một tấm nệm nhồi bông mà tôi cố tình đặt sát đất.

“Amabelle, cuộc đời của bác và cháu luôn đầy ắp những giấc mơ,” bà nói. “Hàng đêm, bác thậm chí còn chưa đặt đầu xuống gối mà đã mơ thấy bác đang rơi rồi.”

“Bác mơ thấy mình đang rơi?”

“Bác rất hay mơ thấy mình đang rơi,” bà kể. “Với mỗi giấc mơ thì bác lại rơi xuống từ một nơi to hơn, cao hơn. Lúc đầu, bác là một đứa bé rơi ra từ trong bụng mẹ. Sau đó bác rơi xuống từ ngôi nhà của cha mẹ bác, một ngôi nhà gỗ ở giữa một đồi cà phê. Sau đó bác lại rơi xuống từ ngôi nhà của cha của Yves. Rồi tiếp đó bác rơi xuống từ những ngọn đồi hay những vách đá. Cuối cùng bác rơi xuống từ trên những đỉnh núi cao chót vót. Có lẽ trong giấc mơ kế tiếp bác sẽ rơi xuống từ những đám mây chăng?”

“Bác thường rơi xuống đâu trong giấc mơ?” Tôi hỏi. Có lẽ đó là một câu hỏi thừa thãi, nhưng tôi cần biết câu trả lời để chuẩn bị cho bản thân nếu sau này tôi cũng gặp những giấc mơ tương tự.

“Bác luôn tỉnh dậy trước khi chạm đất,” bà trả lời, “ngay cả khi bác có thể nhìn thấy mình càng ngày càng gần mặt đất hơn.”

“Bác nghĩ những giấc mơ này có nghĩa là gì?”

“Khi bác còn là một cô bé,” bà vừa nói vừa đưa những ngón tay cong cong thô kệch lần theo đường viền khuôn mặt của bà, giờ đã nhăn nheo với những vết chân chim nứt nẻ, “da của bác khô

đến mức đôi khi nó tróc ra thành từng mảng rớm máu như vảy cá vậy. Bác rất vụng về vì chân của bác rất yếu, nhưng bác luôn biết cách thả mình lúc ngã và không chống cự lại khi lực hút kéo bác về phía đất. Khi bác trở thành một thiếu nữ, chân bác vì lý do nào đó trở nên cứng cáp hơn và bác không phải lo nghĩ đến chuyện bị rơi nữa, cho đến bây giờ.”

Tôi cố ôm bà vào trong vòng tay nhưng không thể vì người bà quá đồ sộ, nên tôi đưa tay vỗ về lưng bà như cách người ta giúp một đứa bé ợ hơi.

“Thật khó để chấp nhận cái cảm giác rằng nếu một ngày nào đó ta không còn trên thế gian này, cuộc sống vẫn sẽ tiếp diễn như bao ngày,” bà thốt lên.

Chính tôi cũng đã cảm nhận và sống trong những nỗi buồn ngày một chất chứa bên trong cơ thể. Những nỗi buồn, cả cũ lẫn mới, bỗng trở nên không thể thuyên giảm được, và tôi nhận ra rằng những phút giây hạnh phúc ngắn ngủi sẽ không kéo dài lâu. Khi tôi trông thấy một chàng trai trẻ đẹp, tôi thường hình dung anh ta sánh vai với một phiên bản thời còn trẻ của mình. Tôi mơ về cuộc đời an nhàn mà anh ta có thể cho tôi, một phòng khách sạch như li như lau với những món đồ trang trí ngăn nắp mà các con của chúng tôi sẽ không được đụng vào, ngoại trừ để quét bụi chúng vào mỗi thứ Bảy.

“Người ta không nên sống sót qua tuổi già một mình,” Man Rapadou nói, giọng nói của bà như đang đuổi theo những suy tư thầm kín. “Cái chết nên đến với chúng ta một cách chậm rãi và nhẹ nhàng, giống như cách bàn tay một người đàn ông lướt trên cơ thể ta vậy. Người ta chỉ có thể thấy niềm vui trong sự hấp tấp vội vã nếu người ta có đủ thời gian để tìm được niềm vui.”

“Man Rapadou, đã bao lâu rồi chưa có ai đụng chạm vào cái bụng bự của bác vậy?” Tôi hỏi để chọc cho bà cười.

“Không lâu hơn so với lần cuối có ai đụng vào bụng cháu đâu,” bà đáp, nở một nụ cười toe toét đến tận mang tai rồi dùng đầu ngón tay đo kích thước của nó. “Cuộc đời sẽ mang cho cháu hết bất ngờ này đến bất ngờ khác. Ví dụ, cháu ngồi trong vườn ăn xoài. Cháu để cho hạt xoài rơi xuống bất kỳ chỗ nào chúng muốn. Rồi một ngày nào đó cháu thức dậy, và cháu có một cây xoài ở trong vườn của mình.”

Tôi biết rằng đây là một lời khen ngầm của bà với tôi, một ẩn dụ đầy tử tế về sự xuất hiện của tôi trước cửa nhà bà nhiều năm về trước.

“Bác chưa bao giờ tiết lộ điều này với ai,” bà nói, hai tay đập lên bờ hông quá khổ, “nhưng bác tin rằng có nhiều người đã nghi ngờ, ngay cả con trai bác. Bọn Yanki đã đầu độc tâm hồn của cha Yves lúc ông ấy ở trong tù. Ông ấy đã trở thành gián điệp ăn tiền của tụi Yanki sau khi ra tù. Rất nhiều người chống đối lại bọn Yanki sống quanh khu này, và họ sẽ chết vì sự phản bội của ông ấy. Thế nên bác đã nấu tất cả những món ăn ông ấy yêu thích và thêm vào đó thủy tinh nghiền vụn và thuốc chuột. Bác đã đầu độc ông ấy. Có lẽ đây là lý do bác luôn rơi tự do trong các giấc mơ của mình. Bác sẽ sớm đến với ông ấy và bác rất sợ. Bác sẽ nói gì với ông ấy ở thế giới bên kia đây? ‘Ái tình chỉ là khoái lạc; danh dự mới là trách nhiệm.’ Bác không thể giải thích đơn giản với ông ấy như cách bác đã tự bao biện với mình trước kia được. Lời giải thích đó không còn là đủ nữa. Lẽ ra bác không nên nói chuyện này với cháu. Có lẽ cháu sẽ mang nó kể lại với con trai bác. Nhưng cháu không yêu nó như cách bác đã yêu cha của Yves. Có điều, tình yêu của bác với đất nước này còn mạnh mẽ

hơn tình yêu của bác dành cho ông ấy. Bác không thể để ông ấy phản bội mọi người và bán đứng họ cho bè lũ Yanki được.”

“Bác thường nghe người ta nói rằng sự cảm lạnh thể hiện lòng thánh thiện, và bác vẫn không cảm thấy mình thánh thiện hơn chút nào,” bà nói, đưa tay quệt một giọt nước mắt trên gò má. “Ngày đó, bác vẫn tin rằng vận may sẽ không phụ lòng người can đảm. Bác vẫn còn quá trẻ. Tất cả mọi thứ đều có thể chữa trị được, ngoại trừ cái chết. Bác ước gì mặt trời may mắn đã soi rọi vào đời bác khi bác vẫn còn là một cô gái trẻ trung, yêu đời với một người đàn ông bên cạnh, một người với niềm vui trong đôi mắt và trái tim quả cảm đầy danh dự.”

Sáng hôm sau, tôi để yên cho Man Rapadou nằm trên giường tôi, ôm ấp những nỗi sầu muộn trong giấc ngủ. Tôi đi xuống phố, về phía con đường lát đá bấp bênh dẫn lên pháo đài trên đỉnh đồi. Tại đó, trong những bao lơn hai bên pháo đài, tôi đi cùng một nhóm khách du lịch đang lượn lờ chụp hình những khu nhà kho, những bức tường đá, những khẩu pháo đã hoen rỉ, và những mái vòm uốn cong.

Sử dụng thứ tiếng bồi của tạp nham ngôn ngữ, những cậu bé người Haiti xung phong làm hướng dẫn viên cá nhân cho các đoàn khách đi thăm quan những hành lang phía bên trong pháo đài. Một trong những người hướng dẫn đặc biệt là một người đàn ông Haiti to lớn mặc một chiếc sơ mi trắng dài tay và thắt cà vạt đen. Ông ta đang dẫn một đoàn khách gồm một tá những khách du lịch da trắng trong trang phục đi biển.

Với một cái khoát tay lạnh lẽo, người đàn ông hướng dẫn nhóm khách đi về cạnh cửa một bờ tường thấp để chỉ cho họ xem những tàn tích của Palais de Sans-Souci, nơi ở chính thức của nhà vua trước kia nằm phía bên dưới ngọn đồi.

Chỉ tay về phía những ngọn đồi phủ đầy thứ cỏ màu hung đỏ chuyên dành cho lũ dê, nơi từng có ngôi nhà của cha mẹ tôi, ông nói, “Trước kia, có rất nhiều người sinh sống trên những ngọn đồi đó, cho tới khi những trận động đất thường xuyên xảy ra đã đẩy họ dạt đi nơi khác. Quý vị có thể cảm nhận những rung chấn dù là nhỏ nhất ấy.” Tôi không tài nào nhận ra nơi nào trên những ngọn đồi còn mang dáng dấp của nơi tôi từng ở, mà tôi cũng không muốn nhận ra. Đất đai chỉ trở thành mối quan tâm của bạn khi bạn có con cái. Tất cả con cái của tôi sẽ giống như tổ tiên của tôi: những xác sống, những bóng đen, và những hồn ma.

Tôi vẫn ngờ ngợ không hiểu tại sao mình lại chọn đi theo đám khách da trắng và ông hướng dẫn viên người Haiti này cho đến khi tôi nhận ra rằng những lời giới thiệu của người hướng dẫn lẫn những lời thì thầm to nhỏ của những người khách trong đoàn đều bằng tiếng Tây Ban Nha.

Tôi đi theo họ đến một khoảng sân mở, nằm trên một trong những tầng cao nhất của pháo đài. Đó là nơi tôi không bao giờ léo hánh tới khi còn nhỏ. Ở giữa khoảng sân là một khối bê tông có hình dáng như một cỗ quan tài, nơi đôi khi được tin là mộ phần của Vua Henry I.

Trong lúc cả đoàn đi quanh khối bê tông, ông hướng dẫn kể cho họ nghe câu chuyện của Henry I.

“Henry Christophe từng là một người ngoại quốc trên đất nước này. Ông ta được sinh ra là một người nô lệ trên Những hòn đảo Đón gió¹ và đã biến mình thành một ông vua trị vì nơi đây.” Người hướng dẫn viên to lớn nói cà vạt quanh cổ trong lúc kể chuyện. Sau đó, dường như muốn nhắc nhở những vị khách trẻ tuổi của ông về những hư vinh, hay để tỏ ra công bằng hơn với lịch sử, ông thêm vào, “Nhà vua đôi khi rất tàn nhẫn. Ông ta

thường bắt từng nhóm lính nhỏ nhảy xuống từ vách núi để làm ví dụ răn đe những kẻ khác.

¹ *Tiếng Anh: The Windward Islands. Đây là tên chung cho một nhóm các quốc đảo ở phía Đông biển Ca-ri-bê bao gồm Martinique, Dominica, St. Lucia, St. Vincent và Grenadines, và Grenada. Tên của chúng ám chỉ vị trí trực tiếp đón những ngọn gió Đông Nam hơn là Những hòn đảo Kín gió (Leeward Islands) nằm sâu hơn bên trong về phía Bắc biển Ca-ri-bê.*

Hàng ngàn người Haiti đã chết để xây dựng pháo đài mà các vị đang thấy đây. Nhưng sự tàn bạo này không phải là ngoại lệ. Tất cả những công trình hay tượng đài đồ sộ như thế này đều được xây dựng trên xương máu của dân chúng.”

Để tỏ rõ thái độ của mình, ông đập tay lên khối bê tông, nhắc nhở nhóm du khách về điểm yếu khó tha thứ nhất của người đã chết: sự vắng mặt và im lặng của họ.

“Khi nhà vua năm mươi ba tuổi,” ông tiếp tục kể, “một cơn trúng phong bất chợt làm cho ông tê liệt toàn thân. Những kẻ thù của ông lập tức tổ chức một cuộc nổi dậy. Một vài người kể lại rằng, thay vì đầu hàng, ông đã tự kết liễu đời mình bằng một viên đạn vàng hay bạc. Tương truyền rằng ông được chôn ở trong pháo đài này, ở tại vị trí này. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bí ẩn đằng sau việc ông có thực sự được chôn ở đây hay không. Ông ấy có thể ở bất cứ đâu trong pháo đài này hoặc chẳng ở đâu cả.”

Khi họ rời khỏi khoảng sân với khối bê tông đó, người hướng dẫn nhìn quanh một lượt để chắc chắn rằng mọi người trong đoàn vẫn đang tập trung nghe ông nói. “Những người nổi tiếng trong lịch sử không bao giờ chết,” ông nói. “Chỉ có những con

người vô danh không ai biết mặt mới tan biến như sương khói
vào bầu không khí buổi sớm mà thôi.”

40

Quá khứ này của chúng tôi không lãng đãng như khí trời mà nặng nề dấp dính tựa da thịt. Và những câu chuyện của chúng tôi cũng vậy, mặc dù chúng chưa bao giờ được ông thẩm phán trị an hay chính Generalissimo lắng nghe.

Tên của anh ấy là Sebastien Onius, và câu chuyện của anh ấy giống như một con cá không đuôi, một cái váy không đường viền, một giọt nước không bao giờ rơi, một thân xác đứng dưới ánh nắng mặt trời mà không đổ bóng.

Sự vắng mặt của anh ấy như một cái bóng đeo đuổi tôi; hơi thở của anh phả vào trong những giấc mơ của tôi. Những giấc mơ mới trở thành thừa thãi, những phiền toái không cần thiết. Tôi không còn chỗ để nhồi nhét chúng vào khoảng trống chật hẹp còn rơi rớt lại trong đầu.

Dù vậy, tôi nghĩ tôi vẫn muốn tìm những cách khác để khỏa lấp tâm trí mình, những nhãn quan mới cho một cuộc đời đã cũ, những con sông cạn lòng để băng qua, và những hang động thật sự dang sau thác nước để nằm vào trong đó hàng giờ mỗi ngày.

Tên của anh ấy là Sebastien Onius. Đôi khi đây là tất cả những gì tôi biết. Lưng tôi đau nhức ở những nơi anh từng chiếm hữu, những phiến da trần trụi đã từng thuộc về anh, những vết thương chưa khép miệng mà mỗi lần bong vảy lại để lộ một vết cắt mới còn sâu hơn.

Tôi hy vọng rằng chỉ ít anh cũng trở thành một phần của không khí phía bên này con sông, một hạt cát nhỏ bé theo cơn gió lùa vào căn phòng tôi trong đêm tối. Tôi hy vọng rằng chỉ ít một chút xương tàn tro bụi của anh sẽ tìm đến với tôi trong cơn gió đêm.

Những người nổi tiếng không bao giờ thực sự chết. Chỉ có những con người vô danh không ai biết mặt mới tan biến như sương khói vào bầu không khí buổi sớm mà thôi.

Tên của anh ấy là Sebastien Onius. Bảy năm trước cái chết của chính mình, anh đã chứng kiến cái chết của cha anh. Cái chết đối với Sebastien Onius bạo liệt như một cơn lốc xoáy điên cuồng, một con quái thú hất tung đất đai cây cối. Nó xé toạc bầu trời và phá tan mặt đất, khiến cho quỷ khóc thần sầu. Nó không phải là nơi dành cho những kẻ cô độc trên thế gian này.

Có thể trong cú rơi cuối cùng của mình, nước đã bảo bọc và ôm ấp anh ấy như một tấm đệm nhồi lông chim. Có lẽ có ai đó đã thì thầm những lời cầu nguyện bên tai anh ấy: “Ale avèk Bon Dye,” “Hãy đi cùng với Chúa,” “Hãy ra đi trong thanh thản.” Có lẽ anh ấy đã có một cuộc chia ly không quá đơn độc và đường đột, như ánh tà dương nhẹ nhàng mờ nhạt, từ từ trải màn đêm lên nền trời nơi những ngôi sao chơi đùa cùng bóng tối.

Tên của anh ấy là Sebastien Onius và linh hồn anh ấy hẳn vẫn còn lưu lại bên trong hang động sau thác nước ở thượng nguồn con suối nơi những người phu cắt mía hay tắm gội, nơi nền hang đầy rêu ẩm ướt và đá vôi và những mảng xanh óng ánh – màu xanh thắm tươi mát của lá cây đu đủ ướt nước.

Đôi khi tôi có thể triệu hồi anh từ trong khoảng không sâu thẳm của những giấc mơ để nghe tôi trò chuyện. Một người đàn ông điển trai, mình đồng da sắt, anh bước vào phòng ngủ của tôi từ

trong hang động, mang theo một cái bao bố đan bằng lá dừa nước.

“Amabelle, anh là Sebastien đây, anh đến để gặp em đây,” anh nói. “Anh mang cho em những vị thuốc để chữa lành các vết thương của em. Đây là sả và gỗ tuyết tùng cho những vết kiến cắn và muỗi đốt. Đây là long não, húng quế, và những trái cam đắng để hạ sốt và làm giảm những cơn đau khớp. Anh còn mang cả gừng và cần tây, hạt hồi và quế cho tiêu hóa, bột nghệ để em bớt đau răng, và trà măng cầu xiêm để em có thể mơ những giấc mơ đẹp.”

Anh đứng bên cạnh giường tôi, hít thở đầy buồng phổi những đám vụn vải trong căn phòng. Tôi đưa tay ra chạm vào người anh, nhưng anh tan biến trong tầm tay tôi, như những hạt bụi lơ lửng trong một làn ánh sáng chói chang của mặt trời ban trưa.

Tôi cảm giác rằng chúng tôi không còn biết hay nói chung một thứ ngôn ngữ. Chia cách chúng tôi là nước, là gió, là đất, là núi, là tấm màn im lặng của số phận.

“Sebastien, xin anh hãy nói cho em hay” tôi khẩn khoản. “Em cần phải biết, liệu anh và Mimi có phải chịu đựng nhiều đau đớn trước lúc chết không?”

Anh tiếp tục hít vào những bụi vải trong phòng tôi, như thể muốn hít cả tôi và mọi thứ còn lại trong căn phòng vào trong lồng ngực.

“Sebastien, cuộc thẩm sát đã dạy cho em rằng cuộc sống thật là một món quà kỳ lạ,” tôi nói tiếp. “Những hơi thở giống như thủy tinh, luôn mong manh dễ vỡ. Em chọn một cuộc sống mà như chết vì em không có đủ can đảm. Như anh vẫn nói đó, người ta

cần phải kiên nhẫn bền bỉ lắm thì mới có thể kéo được mặt trời lên. Hai ngọn núi sẽ chẳng bao giờ hạnh ngộ, nhưng có lẽ anh và em thì có thể. Em sẽ tìm đến thác nước của anh.”

41

Thoạt nhìn, con sông Thảm Sát trông cũng giống như bất cứ con sông lớn nào ở miền Bắc Haiti. Vào một ngày họp chợ đông đúc, nó chỉ đơn thuần là một dòng chảy bên dưới một cây cầu bê tông, nơi những người đàn bà ngồi trên những hòn đá tảng bên bờ sông để giặt đập quần áo và nơi những con la, con bò dừng lại để uống nước.

Nước triều đang ở mức thấp so với một ngày tháng Mười. Thấp đến mức khi những người đàn bà giặt quần áo nhúng thùng xuống để lấy nước, họ múc lên nửa thùng đầy nước và nửa còn lại toàn phù sa màu nâu đỏ.

“Các bà đừng nhìn con sông lúc này mà tưởng nhầm nhé,” một bà nói trong lúc quăng một nắm cát đầy trở lại dòng nước. “Khi triều lên, nước có thể dâng lên sát thân cầu đấy.”

Trên cây cầu, những người lính trẻ với khuôn mặt non nớt bung ra sữa đi qua đi lại, canh gác sợi dây đánh dấu đường biên giới ngăn cách đất nước của chúng tôi với đất nước của họ. Họ mặc quân phục màu xanh thẫm, bông súng trường trên vai, và nện bột thành thạch lên thân cầu. Những người lính của chúng tôi thì ngồi tuốt phía sau cách xa cây cầu, trong căn nhà của cục kiểm soát nơi họ có thể canh chừng những người vượt biên tốt hơn.

Biên giới đã mất đi khá nhiều cây. Những lỗ hổng trên mặt đất vẫn còn há miệng, nơi những cái cây đã bị bứng lên và thay thế bởi những cột gỗ để chằng hàng rào kẽm gai. Dọc theo bờ tường

dính dây mảnh kim loại sắc nhọn là những biển cảnh báo mọi người không được bò xuống dưới hàng rào kẽm gai để vượt biên.

Một người đàn ông cao kều với cặp chân vòng kiềng và bộ râu bạc rồi nài bước tới phía sau tôi. Ông ta quẩn quanh mình ba lớp vải rách bện rơm, bẩn thỉu hết như bàn tay ông. Bù lại, khuôn mặt của ông sạch sẽ, thơm mùi va-ni và dầu dừa. Đôi mắt ông ánh lên sắc đỏ của trái sơ ri, một màu đỏ đậm và mềm mượt như nhung. Những người đàn bà giặt quần áo gọi ông ta là “Giáo sư”¹ và bám nhau cười khùng khục lúc ông vòng tay ôm quanh eo tôi.

¹ *Tiếng Creole ở Haiti: Pwofese.*

“Ông đang đi đâu thế hả ông Giáo sư?” Họ lần lượt hỏi ông, như đang ngân nga một bài vè.

“Cỏ không mọc nơi tôi đứng nữa,” ông giáo sư thì thầm vào tai tôi với một chất giọng mà tôi có thể nhận ra rằng ông chỉ dùng cho những lúc bông đùa thế này. “Tôi sẽ ra đi về phía bình minh.”

Trước khi tôi có thể vùng ra khỏi tay ông, ông giáo sư đặt một nụ hôn ẩm ướt lên môi tôi. Tôi lập tức chùi miệng, vục tay xuống sông múc nước súc miệng. Những người đàn bà ngồi giặt quần áo ngửa đầu ra sau, há hốc miệng lên trời mà cười vang.

“Đầu óc ông giáo sư không được bình thường kể từ sau vụ thảm sát,” một bà trong số họ nói. “Đừng chùi nó đi. Hãy để nụ hôn của ông ấy nằm lại trên môi bà. Bà không biết là nếu được một người điên hôn thì bà sẽ gặp may mắn à?”

Trong lúc ông giáo sư chạy về phía những bãi đất trống, tôi đi về phía một cậu bé mình trần đang ngồi bên bờ sông, hí hoáy tô vẽ

lên một quyển sách hình. Có người đã mách với tôi rằng cậu ta có thể giúp tìm người đưa tôi qua bên kia sông. Ngồi xổm bên cạnh cậu, tôi nhúng chân xuống dòng nước. Nước sông sủi bọt lăn tăn, những bong bóng nước nhẹ nhàng đỡ gót chân tôi như đỡ thóp đầu mềm mại của một đứa bé.

“Cháu có biết ai có thể giúp bác vượt biên mà không cần giấy tờ không?” Tôi hỏi, mắt vẫn nhìn xuống nước. Cậu bé không nói gì cho đến lúc cậu viết xong cả một đoạn văn bằng thứ chữ loằng ngoằng gà vịt.

“Nếu bác muốn vượt biên không cần giấy phép, bác sẽ phải làm việc đó khi đêm xuống,” cậu thì thầm.

“Liệu bác có thể vượt biên tối nay được không?” “Có lẽ là được,” cậu trả lời.

Đêm hôm đó, tôi gặp một người thanh niên lái một chiếc xe jeep đen trên con đường phía trước cây cầu. Anh ta là cư dân duy nhất ở đây, và là chủ một quầy xổ số ở gần biên giới – ít nhất thì đây là những gì cậu bé nói cho tôi. Người lái xe đội một chiếc mũ lưỡi trai bằng vải bò và quấn một mảnh khăn rằn màu đỏ che kín từ chóp mũi xuống hết mặt.

Bước ra khỏi xe vào trong bóng tối, người lái xe chỉ cho tôi chỗ mà anh ta dành cho tôi phía sau xe, một khoảng trống nhỏ đằng sau băng ghế trước, được che phủ bởi một tấm chăn dày.

“Họ quen biết tôi ở cửa khẩu,” anh ta thì thầm bằng tiếng Kreyòl. “Họ sẽ không gây rắc rối cho tôi đâu.”

Tôi nhét mình vào chỗ trống chật hẹp đó, cố gắng chịu đựng những cơn đau đang nhói lên dọc theo bắp chân. Cúi đầu xuống thấp, tôi chìa tay ra đưa cho người lái xe chỗ tiền công mà anh ta

và cậu bé đã thỏa thuận với nhau. Anh ta sập cửa xe và chúng tôi bắt đầu lên đường.

Chúng tôi dừng lại một vài phút ở cửa khẩu biên giới thứ nhất. Người lái xe dừng lại ở căn nhà của cục kiểm soát biên giới Haiti để đưa tiền hối lộ cho những người gác đêm.

Chúng tôi tiếp tục đi đến một cửa khẩu nữa của quân lính Dominicana nằm trên cầu. Khi nghe thấy những giọng nói, tôi nhấc tấm chắn và ngóng đầu lên tìm cách nhìn qua cửa kính xe.

“Nằm yên xuống,” người lái xe ra lệnh.

Bất chấp lời cảnh báo của anh ta, tôi vẫn hấp háy mắt ở mép dưới của tấm kính. Những người lính gác biên giới đang xin lỗi vì bắt người lái xe chờ lâu và vội vàng mở cửa cho anh ta đi qua.

“Hẹn gặp lại các anh tối mai,” người lái xe nói trong lúc đưa tiền cho đám lính gác.

Tôi ngủ thiếp đi trên chặng đường đi qua những chốt canh gác quân đội trên đường dẫn tới Alegria. Giấc ngủ luôn là một niềm an ủi với tôi trong gần hai chục năm qua. Đó là lúc cơ thể tôi đến gần nhất với việc tan biến vào hư không.

Mặt trời đã lên cao khi tôi mở mắt thức dậy. Chiếc xe đang lao nhanh trên một con đường đất, hai bên là hai bức tường tím sẫm của những thân mía. Người lái xe đã cởi tấm khăn rằn đỏ ra, nhưng vẫn giữ chiếc mũ lưỡi trai kéo xuống che khuất một bên mặt. Anh ta đang quan sát tôi qua tấm kính chiếu hậu, và tôi cũng dò xét lại đôi mắt của anh ta. Chúng rất sâu và nằm cách xa nhau, ánh lên những tia màu hổ phách vẫn đục.

Khi anh ta nhìn thấy tôi đang nhìn lại, anh ta bỏ mũ lưỡi trai xuống và quay đi. Anh ta còn khá trẻ, trẻ hơn Sebastien khi anh

áy biến mất. Tóc anh tết thành những đuôi sam dài, che phủ lòa xòa qua tai.

“VẬY là bây giờ,” tôi hỏi bằng tiếng Kreyòl, “tôi mới được nhìn thấy mặt cậu à?”

“Tôi đang giúp bà làm một việc vô cùng liều lĩnh,” anh ta đáp. Anh ta có một giọng nói lớn và hào sảng. “Ngay cả khi Generalissimo đã chết, vùng đất này vẫn chưa hoàn toàn ổn định. Khắp nơi trong thủ đô đang diễn ra những cuộc biểu tình và đảo chính. Tôi đồ rằng một cuộc xâm lược nữa của bọn Yanki sắp sửa diễn ra.”

Những cánh đồng mía kéo dài thêm một quãng nữa, với những thân mía san sát nhau như một đám đông đi dự lễ hội diễu hành. Anh ta dừng chiếc xe jeep ở giữa một quãng đồng vắng và ra hiệu cho tôi lên ngồi ở ghế trước bên cạnh anh ta. Lúc tôi trèo vào khoang lái, anh ta biến mất sau những bụi mía, sau đó vừa đi ra vừa đưa tay kéo thắt lưng quần.

“Tại sao bà lại muốn làm chuyến vượt biên này?” Anh ta hỏi, quành xe trở lại lên con đường đất.

“Anh có chắc anh biết đường tới Alegria chứ?” Tôi hỏi lại.

“Tôi sẽ gặp bà ở quảng trường của thị trấn đó chiều nay để đưa bà quay trở lại,” anh ta đáp.

“Còn anh? Buổi sáng nay anh định làm gì?” “Tôi sẽ không ở Alegria,” anh ta trả lời.

Chúng tôi đi ra khỏi ruộng mía và leo lên một con đường trải nhựa dẫn tới một công viên nằm bên cạnh một tòa nhà hành chính sơn vàng.

“Đây, chúng ta đã tới mảnh đất hạnh phúc của bà rồi đây.” Anh ta dừng xe trước một bụi hoa giấy với những bông vàng và trắng xen kẽ, che phủ những băng ghế gỗ trước lối vào quảng trường. “Hãy chờ tôi ở đây chiều nay. Cố gắng đừng tới sớm quá, nếu không bà sẽ bị nhầm tưởng là một bà ăn xin đấy.”

Anh ta leo lên chiếc xe và phóng xuống một đại lộ thênh thang, đưa một tay ra ngoài để vẫy chào tôi cho đến khi chiếc xe biến mất sau một khúc quanh.

Con đường chính dẫn lên và rẽ nhánh ra thành vô số con phố nhỏ với những vỉa hè rợp bóng cọ. Alegría giờ đã thành một thị trấn khép kín. Những khu nhà đồn điền san sát, bao quanh bởi tường cao lởm chởm những mảnh sắt và kính vỡ dọc theo bờ rào. Những cây phượng vĩ tỏa bóng phía trên những bức tường. Gần cổng ra vào của các ngôi nhà, những ông già gác cổng ngồi thu lu trên những chiếc ghế mây. Mỗi ngôi nhà giờ đây là một pháo đài, và mỗi người lạ mặt là một kẻ xâm nhập.

Trong lúc đi qua đi lại trên những con phố lát đá đông đúc, dưới bóng của những bờ tường này, tôi cảm giác như mình đang lạc vào một chốn xa lạ. Đầu óc tôi chỉ còn nhận ra một vài điểm quen thuộc: ba cây gạo đại thụ, thân cây già nua to lớn, cùng hàng cây hạnh nhân. Nhưng có lẽ chúng là những cây mới trồng, hoặc đây có thể là một con đường cây hạnh nhân hoàn toàn khác.

Tôi dừng lại nghỉ chân và ngắm nhìn đường phố với lũ trẻ và cha mẹ chúng trên đường đến trường, các cô hầu gái trên đường ra chợ mua thực phẩm, vài người bán rong đang chào mời những người gác cổng, và các ông chồng trên đường đi làm trong những chiếc ô tô với kính sau có màn che. Mọi thứ đã trở nên hoàn toàn lạ lẫm. Công viên nơi người tài xế thả tôi xuống có lẽ từng là nhà thờ của Cha Vargas và Cha Romain. Những khu

nhà máy mía đường trước kia dường như đã bốc hơi. Và sau gần nửa ngày lang thang, do quá kiêu hãnh (hay quá sợ hãi) để hỏi đường, tôi vẫn không thể tìm được vị trí của con suối hay thác nước.

Tôi không biết gì về cuộc sống hiện giờ của Señora Valencia, ngoại trừ một vài điều tôi nghe được từ một người đàn bà đã từng nhờ tôi may vá. Bà ta thường xuyên qua lại biên giới để đánh hàng buôn bán. Bà kể với tôi rằng señora và chồng chị ấy vẫn còn sống. Chồng chị giờ đã trở thành một quan chức nhà nước. Anh dành phần lớn thời gian ở thủ đô, nhưng chị vẫn còn sống ở Alegría cùng với con gái. Dù vẫn kết hôn trên danh nghĩa, señora và chồng chị đều có cuộc sống riêng của mình như trước kia. Trong mọi trường hợp, nếu tôi không thể tìm được nơi tôi cần đến, tôi quyết định sẽ kiểm chứng lời hứa của señora rằng chị sẽ ở lại Alegría, gần bên mộ của mẹ và con trai chị, ràng buộc với nơi chôn nhau cắt rốn và mồ mả tổ tiên giống như tôi.

Sau khi gõ cửa nhầm hơn hai chục căn nhà, cuối cùng tôi cũng tìm thấy ngôi nhà mà mọi người nói là nơi Señora Valencia hiện đang sinh sống. Một cánh cổng lớn bằng sắt uốn đã được dựng lên nơi từng là nhà của bác Juana và bác Luis. Một đoạn đường lát đá cho xe hơi ngoằn ngoèo chạy lên phía cổng, băng qua một khu vườn rải sỏi về phía hàng hiên sơn màu hồng.

Một cô bé con trong bộ đồng phục học sinh màu nâu chạy về phía cổng ngay khi vừa trông thấy tôi đứng đó.

“Bà có phải là bà bán trứng không?” cô bé hỏi. “Bà bán trứng ư?”

“Mami của cháu dặn cháu phải trông chừng xem lúc nào bà bán trứng đến.”

“Mami của cháu tên là gì?” “Là Mami ạ.”

“Còn bà bán trứng là ai thế?”

“Là bà đấy.” Cô bé cười, để lộ hàm răng khuyết bốn chiếc răng cửa, hai cái ở hàm trên và hai cái ở hàm dưới. Lúc một cậu bé lớn tuổi hơn chạy đến nơi thì cô bé đã tháo then cài và mở cửa cho tôi rồi. Cậu ta định chạy tới để ngăn cô bé lại, nhưng tôi đã kịp lách vào bên trong khu vườn.

“Bà ấy là bà bán trứng đấy,” cô bé nói và ngược mắt lên cười với cậu. Cậu xoa đầu cô bé rồi quay qua nhìn tôi từ đầu tới chân xem tôi có cầm theo giỏ trứng nào không.

“Cháu cho bác hỏi Señora Valencia còn sống ở đây không ?” Tôi hỏi. “Tên bác là Amabelle Désir.”

Sau từng ấy năm trôi qua, tôi ngạc nhiên rằng phát âm tiếng Tây Ban Nha của mình vẫn không quá tệ.

Cậu thanh niên trẻ cựa quậy một cách bồn chồn, nhún chân hết bên này qua bên kia. Có thêm bốn người nữa quan sát chúng tôi: ba người làm vườn và một cô hầu gái đang ôm trước ngực một tấm chăn đã gấp phẳng phiu. Cậu ta cúi đầu, liếc mắt nhìn những người kia cầu cứu.

“Bác đã biết señora từ rất lâu rồi, trước khi bác rời đi,” tôi cố gắng trấn an cậu ta.

“Họ đang sống trong một ngôi nhà mới rồi.”

“Cháu sẽ chỉ đường cho bà.” Bé gái tót ra khỏi cửa trước khi ai đó kịp ngăn cô lại. Cậu thanh niên lập cập chạy theo sau cô.

Ngôi nhà mới chỉ cách ngôi nhà cũ vài cây số, trong một khu vực khép kín hơn. Bạn phải đi hết một khu vườn ổi mới tới được cổng nhà. Đó là một khu đồn điền bát ngát, tạo nên bởi bốn căn nhà thông với nhau bằng những lối đi có mái che. Bên ngoài có một khoảnh sân đón nắng bên cạnh một khu vườn rộng lớn. Tôi chạm ngón tay vào một trong những trái tim bằng sắt hàn lên tấm lưới trên cánh cổng và ngó vào nhìn những dãy ghế mây nằm chen giữa những thân phượng trong khu vườn. Trong vườn có rất nhiều phong lan, với chủng loại nhiều gấp đôi so với vườn lan trước kia của Papi.

Cô bé con vừa rung cửa vừa nghịch giỡn cho đến lúc một cô gái bước ra một trong các hiên nhà trước và ngó xuống phía cổng. Cô ta có một khuôn mặt nùng nục thịt với hai lúm đồng tiền sâu, một bờ vai rộng, và thân người đầy đà. Cô mặc một bộ váy cho người làm màu vàng cát và quấn trên đầu một mảnh khăn cùng màu. Cô cất tiếng gọi một người phục dịch khác. Nhưng khi người đó không tới, cô đành đích thân đi xuống chỗ chúng tôi với cây phủi bụi trong tay.

“Bà cần gì thế?” Cô ta hỏi nhanh bằng thứ tiếng Tây Ban Nha pha âm điệu Kreyòl. Quai hàm cô trễ xuống một mỗi, tạo thành một đường vòng cung sâu muện ăn khớp với toàn bộ khuôn mặt cô. Giọng nói của cô ta hết the thé lại khàn khàn, như thể cô sợ mình sẽ hết hơi để nói bất cứ lúc nào. Cô gật đầu chào cô bé con và cậu thanh niên trẻ, rồi tiếp tục dán mắt vào con đường sau lưng chúng tôi, dường như trông đợi rằng có ai đó đang ẩn nấp chờ thời cơ để nhào qua cửa tóm lấy cô ta. Khi cô ngẩng cổ lên, tôi nhìn thấy những vết sẹo nằm trên quanh xương quai xanh của cô do dây thừng cửa vào. Chúng còn sâu và rõ nét hơn những vết sẹo tôi thấy trên cổ người đàn bà ở trạm xá, như những luống cày trên ruộng.

“Tôi muốn đến gặp bà chủ của cô, Señora Valencia,” tôi đáp. “Tại sao?” cô ta hỏi tiếp, ngừng một chút để thở. “Bà cần gì ở bà ấy?”

“Tên tôi là Amabelle Désir,” tôi nói. “Bà ấy chắc sẽ muốn gặp tôi.”

“Các cháu hãy đi về đi,” cô quay qua nói với cô bé và cậu thanh niên.

Cậu thanh niên dắt tay cô bé và bỏ đi. Cô hầu gái đi ngược lại con đường về phía hiên nhà một cách hốt hải, điệu bộ của những người luôn sợ sẽ làm phật ý chủ của mình bất cứ lúc nào trong ngày. Làm người ở cho người khác, bạn luôn luôn phải chạy tới hay chạy khỏi chỗ chủ của mình.

Khi cô ta quay lại mở khóa cổng cho tôi, cô ta gần như hết hơi và tỏ ra khó chịu thấy rõ. Cô đưa tay ra hiệu cho tôi đi theo mình trên con đường, băng qua một khu vườn trái sỏi dưới những tán cây ổi.

Trong khi theo chân cô hầu gái đi qua những hành lang dài hun hút trong ngôi nhà, một cảm giác hân hoan bất chợt ủa đến với tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy mừng rằng mình đã tới đây, vui sướng rằng tôi sắp được gặp lại señora lần nữa.

Căn nhà thoáng mát và rộng rãi với những cơn gió mơn man thổi vào từ những ban công mở rộng. Mọi thứ trong nhà sạch sẽ và bóng loáng, từ tay vịn hành lang cắt vát bằng đồng đến cây đèn chùm cổ kính treo trên trần nhà. Cô hầu gái dẫn tôi đi qua bếp trên đường đi ra phòng khách. Ở giữa phòng bếp là một chiếc bàn nấu ăn lát đá cẩm thạch. Tôi chà tay lên mặt bàn lúc tôi đi ngang qua để phủi sạch bụi và mồ hôi bám trên lòng bàn tay. Bề mặt bàn mát lạnh, tạo cảm giác dễ chịu như nước chảy trong con suối trước kia vào buổi bình minh.

Phòng khách nằm ở vị trí trung tâm của căn nhà. Những mái vòm chia cách nó thành nhiều phần, với bốn cây quạt trần và những cầu thang với tay vịn sắt dẫn lên phần phía trên của ngôi nhà. Bức tường được che phủ bởi những bức hình của señora và gia đình chị. Tôi bước chậm lại để ngắm nhìn chúng, cố gắng thu thập càng nhiều thông tin càng tốt trước khi gặp chị để tránh hỏi chị những câu hỏi vô ý gây tổn thương về những thành viên đã mất hay những người đã không còn được coi là một phần của gia đình chị nữa. Tất cả các bức ảnh chồng chị đều được chụp lúc anh mặc quân phục. Trên ngực áo anh, những tấm huân chương đã to ra và nhiều hơn. Thời gian đã khiến anh trở nên to béo, và làm dịu bớt vẻ mặt cau có thời trẻ. Từ những khung ảnh thường qua các khung ảnh mạ vàng, anh dần dần già đi thành một ông lão.

Rosalinda cũng có một cơ sở ảnh trên tường, từ bức ảnh của một cô bé nhỏ con và cao hơn đám bạn trong bộ đồng phục học sinh hao hao một chiếc tạp dề, đến bức ảnh của một cô thiếu nữ đứng tạo dáng như một hoa hậu cùng ba mươi cô gái cùng tuổi trong buổi lễ trưởng thành năm mười lăm tuổi¹, với mái tóc đen quăn và dày dài tới ngang vai, và cuối cùng là bức hình chụp cô trong bộ váy cưới tựa người vào vòng tay của một chàng trai mặc quân phục giống như cha cô, trong tay anh cầm một thanh kiếm gươm cao.

¹ *Tiếng Tây Ban Nha: quinceañera. Đây là buổi lễ dành riêng cho các cô thiếu nữ ở các quốc gia có ảnh hưởng của văn hóa thuộc địa Tây Ban Nha. Buổi lễ trưởng thành này đánh dấu rằng các cô không còn là trẻ con nữa, và chính thức được giới thiệu trước gia đình và cộng đồng như một thiếu nữ.*

Tôi có thể nhìn thấy nét của cả bố và mẹ cô trong những bức ảnh chụp Rosalinda. Cô vẫn giữ nước da màu đồng và chiều cao

của cha. Tuy vậy, cô thừa hưởng nụ cười thông thái và suy tư của ông ngoại cô, Papi, kèm theo đường hằn suy nghĩ chạy ngang trán.

Tuy nhiên, tấm hình lớn nhất trong căn phòng là một bức tranh vẽ một bé trai với nước da trắng bóc, đôi mắt tinh anh, và nụ cười tươi. Cậu được quần trong một chiếc áo mặc trong lễ Rửa tội màu trắng ngà viền đăng ten, đầu đội một cái mũ trẻ em cùng màu với dây nơ viền quanh cặp má phúng phính ửng hồng màu bông súng.

Señora Valencia đang ngồi ngắm nhìn bức chân dung trong lúc cô hầu và tôi đứng đợi chị quay lưng lại.

Cuối cùng chị cũng đứng lên khỏi ghế. Chị mặc một chiếc áo caftan in họa tiết hoa dâm bụt, vạt áo dài xuống tận mắt cá chân. Thân người chị hiện lên gầy gò dưới lớp áo, đến độ gần như hốc hác. Chị dùng cái ghế làm điểm tựa trước khi bước về phía chúng tôi. Mái tóc chị điểm một vài sợi bạc. Chị vấn tóc theo kiểu cũ như Doña Eva, thắt mái tóc dày xoắn lộn thành hai bím nằm gọn ở hai bên mặt.

Khi đã đứng trước mặt tôi, chị dí sát mặt vào gần mặt tôi như để kiểm tra, rồi xoay gót quay trở lại ghế ngồi. Tôi vẫn đứng nguyên tại chỗ trong lúc chị ngồi xuống và nhấp cạn tách cà phê, như thể tôi đã hoàn toàn biến mất trong đầu chị. Cô hầu gái kéo khuỷu tay tôi, ra hiệu cho tôi đã đến lúc phải đi.

Cuối cùng señora cũng lên tiếng. “Bà thật độc ác khi tới đây dưới danh nghĩa của Amabelle, thưa bà.” Giống như cô hầu gái, giọng nói không ra hơi của chị có phần dè dặt như đang lo sợ điều gì. Vẫn quay lưng về phía tôi, chị đặt tách cà phê xuống cái bàn trước mặt. “Bà nghĩ tôi là ai chứ? Tôi đã nghe rất nhiều người kể lại rằng họ đã chứng kiến cô ấy bị giết ở La Romana, cùng với

những người đang trốn trong một ngôi nhà ở gần biển. Pico cũng quả quyết với tôi rằng cô ấy đã bị giết.”

Việc chị không nhận ra tôi khiến tôi cảm thấy mình đã quay trở về Alegria chỉ để phát hiện ra rằng nó chưa từng tồn tại. Nhưng đồng thời, dù không hề cố ý, chị đã cho tôi niềm hy vọng rằng có khi nào tất cả những người đã nói rằng Mimi và Sebastien đã chết cũng đều nhầm lẫn.

Cô hầu gái mang một bộ mặt ngơ ngác trống rỗng, giống như mặt của tôi thời tôi còn ở vị trí của cô ta. Cô ta gật đầu với tôi một cách nhẵn nhụi, nhưng cả hai chúng tôi đều biết cô ta có thể sẽ phải mời tôi đi ra ngoài bất cứ lúc nào bà chủ của cô yêu cầu.

Tôi tự hỏi không biết tất cả những người lính gác đang nấp ở đâu trong ngôi nhà. Với địa vị của chồng chị, hẳn ngôi nhà phải được bảo vệ nghiêm ngặt chứ? Có lẽ những tên lính sẽ ập vào đây ngay giây phút này để áp giải tôi ra biên giới cũng nên.

Tôi đã trở nên già nua và to béo đến thế hay sao? Khuôn mặt tôi đã thay đổi nhiều như vậy ư? Làm sao chị ấy có thể không nhận ra giọng nói của tôi chứ? Cũng giống như chị, giọng nói của tôi đã chậm đi và trở nên hấp tấp hơn với tuổi tác nhưng nó vẫn là của tôi cơ mà? “Em đã ở đó với chị – trong ngôi nhà cũ phía cuối đường – trong phòng ngủ của chị lúc các con chị ra đời,” tôi nhắc nhở señora. “Chị không nói cho ai biết về những cơn đau đẻ cho đến lúc bọn trẻ sắp sinh ra vì chị tin tưởng rằng người mẹ quá cố của chị sẽ che chở chị. Con trai Rafael của chị, Rafi, được đặt theo tên của Generalissimo, là đứa sinh ra trước. Con gái chị sinh ra với một cái màng bao quanh mặt. Chị đặt tên con bé là Rosalinda Teresa theo như tên của mẹ chị.”

Phải mất một lúc sau señora mới quay lại lần nữa. Tôi cảm giác mình phải tiếp tục nói cho chị nghe. “Bức chân dung chị vẽ Generalissimo ở đâu rồi? Nó từng nằm trong phòng khách của ngôi nhà cũ ở cuối đường phải không ? Juana và Luis giờ đang ở đâu? Có phải bác Juana đã quay về sống với các chị em nữ tu của bác ấy không?”

“Chúng tôi đã tìm thấy Amabelle ở đâu?” Chị hỏi, giọng nói đã bớt phần chắc chắn.

Bây giờ, chúng tôi như đang ở trong một cuộc đấu trí, và tôi biết mình phải thắng. Chị ấy phải nhận ra tôi là ai.

“Cha chị đã nhìn thấy em ngồi bên bờ sông Thảm Sát,” tôi trả lời, “Cha chị đã nhờ một trong những đứa trẻ sống ven sông hỏi em bằng tiếng Kreyòl, rằng em thuộc về ai. Em đã trả lời rằng em thuộc về chính bản thân em.”

Tôi có thể nhìn thấy vẻ ngượng ngùng và hối hận trong dáng điệu của chị trong lúc chị bước về phía tôi. Sự bẽ bàng lẫn cỡ đến từ sự chối bỏ lúc đầu của chị, kèm theo việc tôi trở về quá muộn, khiến cho chúng tôi không thể ôm chầm lấy nhau và khóc những giọt nước mắt đoàn tụ.

Chị tiến thêm vài bước nữa về chỗ tôi, sau đó giật lùi lại như thể tôi là một sinh vật nguy hiểm không được đụng vào. Với một cái phẩy tay luống cuống khiến cho xương ống tay chị nhô lên, chị ra hiệu cho tôi chọn một trong những cái ghế mây trong phòng và đứng chờ tôi ngồi xuống.

“Sylvie, cô hãy để chúng tôi nói chuyện riêng.” Chị phẩy tay thêm một lần nữa, ra hiệu cho cô hầu gái rời khỏi phòng.

Tôi cũng muốn bỏ đi ngay giây phút đó, nhưng tôi quyết định ngồi xuống và ở lại. Một phần nhỏ trong tôi hài lòng vì đã chiến thắng và lôi kéo được sự chú ý của chị.

“Bọn chị không còn nhiều người làm nữa,” chị nói sau khi Sylvie đã đi khuất. “Còn rất ít người trung thành ở lại sau nhiều năm trôi qua.”

Chị nhìn xuống hai bàn tay chị. Chúng mềm mại, hoàn hảo, và không tỳ vết. Tôi cũng nhìn xuống bàn tay chai sạn của mình, đầy những vết cắt của dao kéo và kim may. Tại sao tôi chưa từng mơ về chị? Tôi băn khoăn suy nghĩ. (Những giấc mơ của tôi đôi khi là cách để níu giữ cũng như từ bỏ hy vọng.) Có phải bởi vì tôi chưa bao giờ thực sự yêu thương señora không? Tất cả những gì tôi muốn bây giờ là chị hãy nói cho tôi biết vị trí của thác nước đó ở đâu. Điều gì đã xảy ra với ngọn thác và con suối? Không lẽ nào chúng lại biến mất được. Một vài ước mơ nghe thật ngốc nghếch khi ta thổ lộ chúng ra, nhưng đây là lý do tôi đã quay trở lại nơi này, để đến thăm một ngọn thác.

“Amabelle, xin em hãy thứ lỗi cho chị vì đã không nhận ra em.” Chị luôn mang một nụ cười khó khăn trên mặt, như thể chị đang suy nghĩ về quá nhiều thứ và không tài nào tìm được từ ngữ chính xác để diễn đạt chúng. “Chúng ta đều đã đổi thay quá nhiều.”

“Em hiểu,” tôi trả lời, cảm giác như một bóng ma từ quá khứ đã quay trở lại trú ẩn dưới lớp da trên cơ thể.

“Hiện giờ em đang sống ở đâu? Ở đây hay là Haiti?” “Em đang ở Haiti.”

“Chị vẫn còn vẽ đấy. Em có thấy bức tranh chị vẽ Rafi không?” Chị chỉ tay về phía tấm chân dung của cậu bé trong bộ đồ rửa

tội.

Sau đó chị thông báo với tôi, “Rosalinda đã kết hôn rồi.”

Tôi cảm giác như chị đang đại diện cho ai khác để nói chuyện với tôi. Có lẽ một thành viên già hơn của gia đình chị, một doña với khuôn mặt và giọng nói giống như chị, đã đến ngồi tâm sự với tôi trong lúc tôi chờ để được gặp Valencia.

Khi chị còn trẻ, tôi có thể dễ dàng đoán biết suy nghĩ của chị. Nhưng lúc này đây, tôi không có một ý niệm nào về những gì đang diễn ra trong đầu chị.

“Chị có để thêm đứa nào nữa không?” Tôi hỏi.

“Chị chỉ có hai đứa mà em đã biết rồi thôi,” chị đáp. “Chị không thể sinh thêm con cái được nữa. Còn em thì sao? Em đã có chồng con hay cháu chắt gì chưa, Amabelle?”

“Em không có.”

“Sau khi em bỏ đi, chị bị băng huyết trong vài ngày. Có lẽ chị đã sơ sẩy trong thời gian ở cữ ngay sau khi mới sinh bọn trẻ. Javier là bác sĩ duy nhất mà chị tin tưởng, và có lẽ ông ấy đã giúp được chị nếu ông ấy không biến mất. Ngay cả những mối quan hệ của Doña Eva cũng không giúp bà ấy tìm lại được con trai. Pico nói rằng anh ấy đã làm tất cả những gì có thể để tìm Javier nhưng không đi đến đâu. Một vài người đơn giản là đã biến mất vĩnh viễn.”

Chị gọi Sylvie vào phòng. Cô hầu gái ba chân bốn cẳng chạy vào trong phòng khách. Ánh mắt của Sylvie đảo vòng quanh căn phòng để tránh nhìn vào señora. Làm tôi tò mò cho người khác, bạn luôn bị rà soát ngay khi vừa đặt chân vào phòng, như thể ông

chủ bà chủ của bạn đang chờ cơ hội để bắt được một món đồ quý giá của họ trong tay bạn.

Sylvie đứng trước một cây cột chống ở giữa phòng và kiên nhẫn đợi lệnh. Cô nhanh chóng bị bỏ ở đó, chìm vào quên lãng.

“Papi qua đời trước khi Rosalinda kết hôn,” señora giải thích, chỉ tay về phía tấm ảnh cưới của Rosalinda. “Rosalinda muốn kết hôn sớm lúc còn trẻ. Giờ con bé đang theo học trường y cùng với chồng tại thủ đô. Bọn chúng có một cuộc sống ổn định. Tuy nhiên, với những cuộc bạo động và biểu tình gần đây trong thành phố, chúng có thể sẽ quay về nhà cùng với bố chúng cuối tuần này.”

“Còn Señor Pico thì thế nào rồi chị?” Tôi cảm thấy đây là lúc hỏi chị về chồng chị.

Chị khép tay lại trên đùi và chân chú trước khi trả lời tôi. “Đây là một khoảng thời gian bất ổn định của đất nước bọn chị,” chị đáp.

“Chị đã chuyển nhà lúc nào thế?” Tôi hỏi tiếp.

“Hắn mọi thứ bây giờ trông rất khác lạ với em,” chị nói. “Pico đã mua lại ngôi nhà này từ gia đình một viên đại tá đã chết. Bọn họ đều đang sống ở Nueva York¹, trên miền Bắc Mỹ, giống như Doña Eva và Beatriz.” Chị thở dài một tiếng, rồi ngân nga một bài hát ngắn ngủi với giai điệu sôi nổi – “Yo tiro la cuchara. Yo tiro el tenedor. Yo tiro to’ los platos y me voy pa’ Nueva York.” Đó là một bài đồng dao về nỗi buồn viễn xứ, trong những cuộc du hành tha hương nửa mừng nửa tủi để đến với bến bờ Nueva York. “Ta bán cái thìa của ta. Ta bán cái nĩa của ta. Ta bán hết chỗ đĩa này rồi ta đến với Nueva York.”

¹ *Tiếng Tây Ban Nha, chỉ thành phố New York ở Hoa Kỳ.*

“Khi bọn chị chuyển nhà,” giọng nói của chị đã hơi dịu xuống, “Juana và Luis đã quay về sống với gia đình của họ. Bọn họ đã quá già và không thể tiếp tục làm việc được nữa. Chị muốn giữ hai người ấy lại, nhưng bọn họ muốn được trở về quê hương.”

Chị cúi người về phía trước và nắm tay tôi thật chặt. Những ngón tay chị siết chặt quanh các đốt ngón tay tôi như thể chị muốn hằn những dấu vân tay của mình lên từng lóng xương của tôi vậy.

“Amabelle, chị vẫn tiếp tục sống ở đây,” chị nói, giọng pha chút khản khoản. “Nếu chị từ bỏ đất nước này thì chị cũng từ bỏ chính bản thân mình. Và chị sẽ phải bỏ xứ này mà đi nếu chị dám chống đối chồng chị. Chị cũng không bao giờ dám chắt vẩn hay đặt câu hỏi gì cả. Em biết đấy, không tin tưởng Pico cũng đồng nghĩa với việc chống đối lại anh ấy.”

“Em hiểu,” tôi đáp.

“Em thật sự hiểu cho chị ư?” Khuôn mặt chị sáng bừng lên với một tia hy vọng mà tôi nghĩ mình không còn có thể mang lại cho chị được nữa. “Trong lúc El Corte⁽¹⁾ diễn ra, mặc dù chị bị mất nhiều máu đến tưởng chết được, chị đã giấu rất nhiều người bọn em trong nhà chị,” chị thì thầm với tôi. El Corte – đợt cắt tỉa – là một từ có vẻ dễ dàng để nói. Giống như phía bên này con sông, rất nhiều người gọi cuộc thảm sát đó là kout kouto, một nhát đâm, giống như một vết thương từ một con dao vậy. “Chị đã giấu một đứa bé và bây giờ

⁽¹⁾ *Cách những người Dominicana gọi cuộc thảm sát Cây mùi tây.*

nó đang học trường y cùng với Rosalinda và chồng con bé. Chị đã giấu Sylvie và hai gia đình nữa trong căn phòng cũ của em. Chị cũng giấu cả một số người làm của Doña Sabine nữa trước khi bà ấy cùng chồng quay về Haiti. Chị đã làm tất cả những gì có thể trong hoàn cảnh của chị lúc đó.”

Chị đang trông đợi tôi nói điều gì chứ? Tôi chẳng có cái huân chương nào để trao tặng cho công lao của chị cả. Nếu thực sự chúng tồn tại, tôi cũng không biết chỉ cho chị tới chỗ nào để nhận chúng.

“Em hiểu,” tôi đáp lời chị.

“Chị giấu tất cả bọn họ vì chị đã không thể giấu được em, Amabelle. Lúc ấy, chị tưởng rằng em đã bị giết, nên tất cả những gì chị làm đều là vì em.”

“Em không nhìn thấy dấu vết gì của khu nhà máy của Don Carlos. Có phải những người ở đó đã bị giết hết không ?” Tôi không muốn phải cảm thấy mắc nợ señora.

“Tất cả những người làm trong khu nhà máy của Don Carlos đều sống sót.” Câu trả lời của chị đã xác nhận nghi ngờ của tôi, rằng nếu đêm hôm đó tôi không hẹn Sebastien rời khỏi nhà máy và đi tới nhà thờ, thì có lẽ anh và Mimi đã thoát chết. “Bây giờ ở vùng này không còn những nhà máy nhỏ kiểu đó nữa,” chị nói thêm, “chỉ còn những khu nhà đồn điền như nhà chị thôi.”

Có khi nào con suối đó đã cạn khô rồi không ? Có lẽ khi người ta bắt đầu xây nhà quanh đây, họ đã khai thác hết đá và cát để làm vữa, đồng thời chặn dòng nước lại để làm thủy điện chẳng?

“Amabelle, Pico lúc đó chỉ tuân theo mệnh lệnh được giao phó cho anh ấy mà thôi,” chị thả tay tôi ra và tiếp tục phân trần. “Chị

đã suy nghĩ rất nhiều về điều này trong suốt những năm qua. Anh ấy nhận được lệnh đi bắt giam những người đang âm mưu đảo chính Generalissimo ở nhà thờ tối hôm ấy, rồi sau đó bị chặn đường bởi những người đi cùng với cậu thanh niên Unèl, người đã từng xây lại nhà vệ sinh cho chúng ta.”

Chị ngồi im lặng một lúc lâu, như thể Unèl đã hiện hồn về trước mặt chị và chị đang nhìn anh qua cặp mắt rơm rớm nước.

“Chúng ta đã trải qua một thời kỳ đầy rẫy những cuộc thẩm sát.” Chị thở hắt ra. “Trước khi Papi mất, tất cả những gì ông làm là ngồi nghe radio nói về những vụ thẩm sát khác nhau trên toàn thế giới. Việc chúng ta vẫn đang ngồi đây và chờ đợi cái chết đến một cách tự nhiên quả thực là một điều kỳ diệu.”

Trong suốt quãng thời gian sống cùng một nhà, tôi và chị lúc thì là bạn bè, lúc thì lại như những người xa lạ. Nhưng vào lúc này đây, chúng tôi chẳng còn quen thân cũng không xa cách. Chúng tôi chỉ là hai người gặp nhau qua đường, và đang chào hỏi nhau một cách thái quá và vô nghĩa. Và tôi muốn chấm dứt cuộc trao đổi này ở đây.

“Em muốn biết chuyện gì đã xảy ra với con suối,” tôi nói. “Em đang nói đến con suối nào?” Chị hỏi lại.

“Con suối bắt nguồn từ ngọn thác sau nhà máy.”

“Người ta đã xây dựng rất nhiều nhà cửa ở đó rồi,” chị nói, “nhưng những ngôi nhà chưa hoàn toàn thế chỗ mọi thứ. Quanh khu đó vẫn còn rất nhiều thác nước. Nếu em muốn, chị có thể đưa em tới ngọn thác gần nhất còn lại.”

Đỗ đằng sau ngôi nhà chính là một chiếc xe ô tô to với hai màu xanh trắng và bên trong sơn màu vàng. Sylvie trèo lên băng ghế

sau trước tiên, sau đó đến lượt tôi ngồi xuống ghế trước bên cạnh señora. Tôi thoáng thấy señora che miệng ngăn sự sững sốt khi chị nhận ra một bên chân tôi trông ngấn hơn chân còn lại vì những vết thương cũ.

Một người đàn ông chạy ra từ một trong những ngôi nhà nhỏ hơn khi chị nổ máy để khởi động xe.

“Señora, bà chuẩn bị đi ra ngoài sao?” Ông hỏi, dựa tay vào thành xe.

“Ta sẽ không đi lâu đâu,” chị nói.

“Tôi có cần đi với bà không?” Ông ta hỏi tiếp. “Xin hãy mở cổng cho bọn ta,” bà yêu cầu.

Người đàn ông nhanh chóng đi ra cổng, vừa đi vừa cài lại hai cúc áo dưới. Mặc dù ông ta chạy hết sức có thể, chiếc ô tô của señora vẫn đi đến cổng trước ông. Chị dừng xe lại và đợi ông ấy mở cổng cho chị.

“Đây là xe của con gái chị,” chị nói trong lúc lái xe qua cánh cổng đã mở. “Amabelle, Rosalinda của chúng ta đã lớn lên thật xinh đẹp. Con bé là cả cuộc đời đối với chị. Hai mẹ con chị rất thân nhau. Nếu trước kia Mami sống lâu hơn thì hẳn bà và chị cũng thân thiết với nhau như vậy. Chiếc xe này là quà cưới từ bố con bé. Nó dạy chị lái xe để chị có thể tự mình đi đây đi đó khi chị muốn. Chồng chị thậm chí còn không biết là chị biết lái xe ô tô, phải vậy không Sylvie?”

“Đúng là vậy đấy, thưa Señora,” Sylvie ngoan ngoãn trả lời. Señora lái xe với tốc độ gần như của người đi bộ. Chị đi qua những con phố mà tôi vừa cuộc bộ qua trước đó, rồi quẹo gấp ở một khúc cua. Con đường trước mặt dẫn chúng tôi đi xa khỏi

những ngôi nhà rộng lớn và đi về phía những cánh đồng. Nơi này trước kia từng là những ruộng mía thì bây giờ đã chuyển thành những cánh đồng trồng lúa mì và ngô, với những ngọn núi hùng vĩ phía xa. Chúng tôi lái xe ngang qua những căn biệt thự đồng quê và những nông trại nhỏ nơi đám trẻ con chạy ủa ra để đuổi theo chiếc xe. Một lúc sau, chiếc xe tăng tốc và băng qua một con đường hẹp ngoằn ngoèo giữa một ruộng ngô, rồi đột ngột lên dốc và đi về phía một thác nước. Chúng tôi càng đi về gần đầu ngọn thác thì nó càng trở nên rộng lớn.

Señora đột ngột phanh gấp khiến Sylvie bắn người về phía trước và va vào ghế của tôi. Chúng tôi đang đậu xe trên một mỏm đá dựng đứng phía trên thác nước, ngắm nhìn dòng nước tuôn trào qua bờ đá và chảy xuống một hồ nước bọt tung lên trắng xóa bên dưới. Thác nước này cao hơn và hồ nước bên dưới sâu hơn so với thác nước trong trí nhớ của tôi. Có lẽ thời gian đã xóa đi những ký ức của tôi về tỷ lệ thực tế của ngọn thác, hoặc đây có thể là một thác nước hoàn toàn khác.

Chúng tôi ngồi đó và ngắm nhìn dòng nước chuyển màu từ trắng trong suốt sang màu nâu đỏ phù sa.

“Thác nước hôm nay chảy mạnh quá. Có lẽ vừa có mưa ở trên đỉnh núi,” chị nhận xét. “Chị hiểu tại sao em lại lặn lội đường xa tới đây để nhìn ngọn thác này. Hồi chúng ta còn nhỏ, em luôn bị thu hút bởi nước, Amabelle ạ. Từ sông suối đến hồ rồi đến những thác nước. Em còn nhớ chứ?”

Tôi vẫn nhớ.

“Mỗi khi không thấy em, chị luôn biết chính xác phải tìm em ở đâu. Thường thì em sẽ ngồi bên một con suối nào đó, ngắm nghía hình bóng của mình dưới nước. Chị không nhớ mình đã

đi đến bao nhiêu con suối, con sông, và thác nước để tìm em rồi.”

Chúng tôi ngắm nhìn hồ nước cho đến khi nó trở thành hình ảnh phản chiếu sống động của bầu trời. Mặt trời bắt đầu xuống núi. Sylvie liên tục hắng giọng, như muốn ra hiệu rằng đã đến lúc chúng tôi phải quay trở về. Khi cả hai chúng tôi không ai động đậy, gương mặt lo âu của cô càng trở nên nhăn nhó hơn. Cô chùi hai bàn tay ướt mồ hôi lên đùi và cố gắng điều chỉnh hơi thở phì phò trong họng.

“Có chuyện gì thế, Sylvie?” Señora quay lại hỏi. “Cô cảm thấy bệnh hả?”

Những giọt mồ hôi lấm tấm trên bờ môi đã ngả sang màu thịt tái của Sylvie. Trong một phút ngắn ngủi, gương mặt của cô làm tôi nhớ tới Félice, người tình của Joël, với cái bớt màu củ dền ở chỗ đáng ra là bộ ria mép của một người đàn ông.

“Con có một câu hỏi,” Sylvie nói, giọng cô lên xuống thất thường, dường như ngoài tầm kiểm soát của cô. “Bà cho phép con hỏi một câu chứ ạ?”

Señora mở một ngăn trong xe ô tô, lấy ra một chiếc khăn mùi xoa, và đưa nó cho Sylvie để lau mặt.

“Câu hỏi của cô là gì, Sylvie?” Chị hỏi. “Làm ơn hãy bình tĩnh lại.”

Sylvie hít từng hơi thật dài và sâu trong khi dùng khăn mùi xoa của señora để lau mồ hôi đang túa ra trên môi.

“Tại sao lại là mùi tây?” Sylvie hỏi. “Cái gì cơ?” Señora hỏi lại.

“Tại sao họ lại chọn mùi tây?”

Vì lý do nào đó, tôi đã không nhận ra rằng Sylvie còn rất trẻ. Cô có lẽ vẫn còn là một đứa bé khi señora cứu thoát cô khỏi cuộc thảm sát.

Señora nhướn mày lên ngạc nhiên rồi quay qua nhìn tôi. Chị cố gắng mỉm cười, nhưng không thể che giấu vẻ bối rối gượng gạo đang loang ra trên mặt. “Amabelle, em có biết rằng Sylvie và chị chưa bao giờ nói chuyện về những điều này không?”

Sylvie gục mặt xuống và lắc đầu tới lui.

“Có rất nhiều giai thoại. Đây chỉ là một trong số chúng mà thôi,” señora nói, quay mặt nhìn lại về phía thác nước. “Ta đã nghe kể rằng khi Generalissimo còn trẻ, ông ta từng canh gác cho một đồn điền mía. Một ngày nọ, một trong những người phu Haiti của ông ta bỏ trốn sang một cánh đồng lân cận nơi họ trồng rất nhiều thứ, bao gồm cả lúa mì và mùi tây. Để tránh khỏi tầm mắt của Generalissimo, người phu Haiti đó đã bò trong ruộng để lẩn trốn. Sau khi Generalissimo đã quá mệt với việc đuổi bắt anh ta, ông ta liền ra điều kiện với người đàn ông Haiti nọ, ‘Nếu người nói cho ta biết người đang ở đâu, ta sẽ để người được sống. Nhưng nếu người bắt ta phải tìm người, ta sẽ lấy mạng người.’ Người đàn ông đó hẳn không tin lời Generalissimo, nên anh ta tiếp tục bò đi. Nhưng anh ta chắc vẫn hy vọng bằng cách nào đó Generalissimo sẽ giữ lời, nên quyết định hô tên của những loại cây được trồng trong những thửa ruộng mà anh ta bò ngang qua. Khi đến ruộng lúa mì, anh ta hô lên ‘twigo’ thay vì ‘trigo’¹. Và trong ruộng mùi tây thì anh ta hô ‘pewegil’ thay vì ‘perejil’. Generalissimo lúc đó đã phát hiện ra anh ta ở đâu và có thể bắn chết anh ta ngay trên ruộng mùi tây. Nhưng ông ta đã không làm vậy, bởi vì ông chợt nhận ra một điều: Những người Haiti các cô không uốn chữ ‘r’ hay phát âm chữ ‘j’ giống như người Dominicana bọn ta. Lúc đó, Generalissimo đã kêu lên đắc thắng

‘Chùng nào vẫn còn những bụi mù tây bên cạnh, thì lũ các người sẽ không bao giờ trốn thoát được đâu.’ Trên hòn đảo này, chúng ta chỉ cần đi xa một chút là sẽ gặp những người nói một ngôn ngữ khác. Từ ngữ của họ sẽ hé lộ rằng họ thuộc về phía bên nào.”

¹ *Tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là lúa mì.*

Chị kết thúc câu chuyện một cách chóng vánh. Sylvie vẫn đang lắc đầu, có vẻ như không hài lòng với lời giải thích của señora. Có lẽ sẽ không câu chuyện nào có thể giải thích cuộc thẩm sát đó một cách thỏa đáng. Chính tôi cũng không biết câu chuyện mà señora vừa kể có đúng sự thật hay không. Nhưng giống như señora đã nói, có rất nhiều giai thoại dị bản khác nhau. Và câu chuyện của tôi chỉ là một trong số chúng.

“Em hãy nghỉ lại nhà chị tối nay, Amabelle,” señora ngỏ lời. Sylvie ngẩng đầu dậy và quệt nước mắt. “Cháu vẫn luôn mong rằng mình sẽ tìm được một lời giải thích, thưa bà,” cô nói với tôi.

“Em phải trở về quảng trường bây giờ,” tôi nói. Tôi không muốn người lái xe bỏ đi và để tôi ở lại.

“Amabelle, em không thể nán lại lâu hơn sao?” Señora hỏi. “Em không thể ở lại thêm được nữa,” tôi đáp. “Có người đang đợi để đưa em quay về.”

Chị lái thật nhanh về quảng trường, nơi người lái xe đang đứng đợi tôi. Trong lúc anh ta vẫy tay ra hiệu cho tôi nhanh chân lên, chúng tôi ngồi im lặng trong chiếc xe của con gái señora.

“Em sẽ quay lại chứ, Amabelle?” Señora hỏi tôi lần cuối.

Tôi không muốn từ biệt chị với một lời nói dối. Trong một tích tắc sau cái bắt tay gượng gạo, chị hôn lên má trái của tôi thật

nhANH. Tôi mở cửa xe và bước ra ngoài.

“Amabelle, em thật tử tế vì đã tới thăm chị,” señora nói. “Hai người hãy đi trong bình an, Sylvie, Señora,” tôi đáp. Người tài xế trẻ đưa tay đỡ tôi ngồi lên chiếc xe jeep. Señora bước ra khỏi xe, tựa người vào cửa xe, và vẫy tay chào tôi. Sylvie đứng túc trực bên cạnh và nhìn señora với một ánh mắt xa xôi. Ẩn chứa trong ánh nhìn của cô là cả một sự khao khát mà tôi hiểu quá rõ vì ký ức về nó gần như đã hằn sâu lên khuôn mặt của tôi suốt thời niên thiếu: tôi sẽ gánh chịu mọi cực nhọc, chịu đựng mọi khổ nhục, làm bất cứ thứ gì, thậm chí cho dù phải đi cắm mặt xuống đất đến hết đời, nếu một ngày nào đó số phận mỉm cười với tôi và quyết định trả công cho những năm tháng lao động cực nhọc của tôi bằng một cơ hội, dù nhỏ nhoi đến thế nào, để có được một cuộc đời an nhàn bằng một phần nhỏ nhoi cuộc sống của señora thôi cũng được.

Hãy đi trong bình an nhé, Señora.

Người tài xế phóng nhanh trên đường trở lại biên giới. Anh ta có một cuộc hẹn ở đó và muốn về tới nơi trước khi trời sáng. Tôi biết đường đi tắt để tránh chạy qua các chốt kiểm tra của quân đội, anh ta nói với tôi.

Tôi nhắm mắt nghĩ ngợi trong suốt cuộc hành trình. Tôi vẫn có thể nghe trong đầu mình tiếng thác nước đổ ào ào và cảm nhận những tia nước bắn lên mặt mình, mặc dù tôi không hề bước ra khỏi xe. Tôi đã không tìm thấy Sebastien. Anh đã ở lại bên trong thác nước, thay vì bước ra và hiện lên trước mặt tôi.

Một hồi lâu sau, người tài xế trẻ vỗ lên vai tôi và hỏi, “Này, bà còn sống không đấy? Bà không được chết đâu nhé. Nếu bà chết thì tôi sẽ gặp rắc rối to đấy.”

Tôi có thể ngửi thấy mùi bia Presidente và mùi thuốc lá nhai trong hơi thở của anh ta. Vẫn không mở mắt, tôi trả lời, “Không con trai ạ, ta vẫn chưa chết đâu.”

“Sao bà lại ngủ nhiều như vậy?” Anh ta hỏi tiếp. Tôi nhận ra anh ta đang muốn trò chuyện, hay chí ít là được nghe tiếng ai đó để giữ mình tỉnh táo và vững vàng tay lái. “Bà không gặp được những người mà bà đến để tìm sao?”

Chúng tôi tiếp tục lái xe trong im lặng thêm một lúc nữa cho đến khi ngón tay anh ta lại vỗ lên vai tôi lần nữa.

“Bây giờ đã là nửa đêm rồi,” anh ta thông báo. “Bà có thể mở mắt ra và không phải nhìn mọi thứ xung quanh nữa.”

“Chúng ta còn cách biên giới xa không ?” Tôi hỏi. “Cũng không còn xa nữa,” anh ta đáp.

“Công việc của cậu là gì?” Tôi nhắm mắt lại lần nữa. “Tôi chắc là cậu có những công việc khác ngoài bán vé số chứ hả?”

“Tôi giúp đưa những người phu tới La Romana để làm việc trong các đồn điền mía,” anh trả lời.

“Tại sao cậu lại muốn làm công việc này?” Tôi hỏi.

“Những người bên đây cần người thu hoạch mía và những thứ khác cho họ,” anh đáp, “trong khi những người ở nước chúng ta thì đang khốn đốn vì không có việc làm.”

“Cậu có biết về cuộc thảm sát nhiều năm về trước không ?” Tôi hỏi.

“Mẹ tôi đã chạy trốn nó cùng với tôi khi tôi mới còn quần tã,”

anh trả lời. “Cha tôi đã bỏ mạng trong cuộc chém giết đó.” “Vậy là cậu đã sống sót qua cuộc thảm sát đó?”

“Nếu đó là cách bà muốn nói.”

Chúng tôi không nói gì thêm nữa cho tới khi đi đến cây cầu. Những người lính gác thậm chí còn không thèm liếc nhìn tôi khi chiếc xe lái qua cánh cổng. Tôi cố gắng trong tuyệt vọng để nhìn thấy con sông, thậm chí chỉ là một mảnh trăng soi trên bóng nước hay một hình bóng phản chiếu của bầu trời đêm.

Tôi đề nghị người tài xế cho tôi xuống xe trước khi chúng tôi đi tới cục kiểm soát biên giới Haiti và con đường cái. Anh ta dừng xe và tắt đèn pha. “Bà muốn tôi để bà ở đây ư? Tôi không thể làm vậy được,” anh nói. “Tôi biết đây là thời điểm trong năm mà vụ kout kouto xảy ra. Nếu bà muốn dừng lại để cầu nguyện và thắp một ngọn nến thì tôi có thể đợi bà, nhưng đừng nấn ná lâu quá vì tôi có một cuộc hẹn rất quan trọng đang chờ.”

“Tôi muốn cậu để tôi lại đây,” tôi nói. “Bà định ở đây làm gì?”

“Người đàn ông của tôi sẽ đến đón tôi,” tôi nói dối. “Ông ấy sẽ có mặt ở trước cục kiểm soát sớm thôi. Và trong trường hợp ông ấy không đến, những người lính gác sẽ để cho bà già này ngủ trước thềm nhà. Vả lại bình minh cũng sắp lên rồi.”

Có lẽ giả vờ tin những lời tôi nói làm cho tâm can anh ta bớt căng rút. Hơn nữa, anh ta đang trong cơn vội vã nên cũng không muốn đôi co với tôi thêm. Có thể chính anh ta cũng sợ hãi những bóng ma lẫn khuất ở đây. Tôi vẫn được nghe kể những câu chuyện về những người bơi trên sông tìm thấy một đống xương trắng như bột biển, hay cả một bộ xương đang mủn dần đi theo thời gian vì bị chôn vùi quá lâu dưới lòng sông.

“Bà chắc chắn rằng bà muốn ở lại đây hết đêm nay chứ?” Người lái xe hỏi lần cuối.

“Ta chắc chắn,” tôi khẳng định lần cuối.

Anh ta nhổ một nắm thuốc lá nhai ra khỏi khóe miệng trong khi cân nhắc nên làm gì. “Bà quả là một bà già điên khùng đấy,” anh ta thốt lên.

Sau khi anh ta lái xe đi, tôi lần bước xuống bờ sông, cố gắng để không vấp ngã. Trong những đêm mà bóng tối dày đặc bao trùm như đêm nay, trừ phi bạn ngồi gần con sông, bạn sẽ nghĩ rằng nó đã bị bóng đêm nuốt chửng. Và khi đó, bạn có thể tưởng tượng trong giây lát rằng tất cả bọn họ – cha mẹ tôi, Wilner, Odette, và hàng ngàn người đã nằm lại nơi đây – đều được đón nhận cái chết theo cách tự nhiên, những cái chết bình thản, đọng đầy những phút giây ưu tư suy niệm, những khoảng lặng nuối tiếc, một cái chết mà trong đó ta có thời gian để suy nghĩ về những gì ta để lại sau lưng và những điều tốt đẹp hơn đang chờ đợi ta phía trước.

Vào cái ngày cha mẹ tôi chết đuối, tôi chỉ biết ngồi nhìn gương mặt họ trôi lên chìm xuống trên đầu sóng nước. Cả hai người đều đang cố gắng gửi cho tôi một thông điệp hay tín hiệu nào đó, nhưng dòng nước chảy xiết đã không cho phép họ. Trước khi bà chìm xuống, mẹ tôi giơ hai tay bà lên cao, cao hơn cả chóp đầu cơn sóng. Cử chỉ đó của bà đầy tuyệt vọng, đến nỗi tôi không hiểu rằng bà đang muốn tôi nhảy xuống nước cùng với bà hay muốn tôi tránh xa khỏi con sông cuộn lũ.

Tôi đã tưởng rằng, nếu tôi được sống lại giây phút đó nhiều lần, câu trả lời sẽ trở nên rõ ràng hơn, rằng liệu cha mẹ tôi đã muốn tất cả chúng tôi cùng chết với nhau hay họ muốn tôi phải tiếp tục sống, cho dù tôi chỉ có một mình. Tôi cũng từng nghĩ rằng,

nếu tôi đến với con sông vào đúng ngày và đúng thời điểm, thì mặt sông sẽ trả lời câu hỏi đó cho tôi, hay gợi nhớ cho tôi một ký ức rõ ràng hơn về những gì đã xảy ra. Nhưng tự nhiên không lưu giữ những ký ức. Và sớm thôi, tôi cũng sẽ không còn giữ được chúng nữa.

Tôi nghe thấy tiếng của thứ gì trôi lên khỏi mặt nước, thứ tiếng động giống như khi người ta sảy những hạt thóc lên xuống trên cái nia để tách vỏ trấu ra khỏi gạo. Một bóng đen trườn lên khỏi mé sông trước mặt tôi, một bóng ma đang toét miệng cười. Hai gò má của nó bám đầy phù sa, còn hai mắt nó đỏ rực lên như hai hòn lửa.

Đó là ông giáo sư trong ba lớp quần áo bện rơm ướt nhep mà tôi gặp hồi sáng. Nước sông chảy xuống ròng ròng dưới chân ông trong lúc ông đứng lặng và nhìn tôi với ánh mắt vô hồn. Hít từng ngụm đầy hơi đêm, và có lẽ cả một chút cát bụi đáy sông, qua lỗ mũi phì phò, ông gãi bộ râu xồm xoàm của mình, rồi quay đầu đi men theo bờ sông. Đôi xăng đan bằng xộp của ông loẹt quẹt dập dính giữa bãi cát và gót chân.

Tôi nhắm mắt lại và cố gắng hình dung nỗi buồn dâng lên như một màn sương dày đặc trong đầu ông. Liệu một ngày nào đó, dòng sông và cuộc thẩm sát có trả lại cho ông sự minh mẫn như cách chúng đã từng cướp nó đi không?

Tôi muốn lên tiếng gọi ông, nhưng tôi muốn dùng tên thật của ông chứ không phải những cái tên biệt danh như Pwofese hay “lão khùng” mà ông đã bị gán cho. Tôi muốn nhờ ông ta, làm ơn, hãy nhẹ nhàng bế tôi lên và đặt tôi vào trong lòng sông, trong hang động của Sebastien, trong tiếng cười của cha tôi, trong dòng đời vô tận của mẹ tôi. Nhưng ông đã đi mất rồi, lặn sâu vào trong đêm tối.

Tôi cởi váy ra, gấp nó lại ngay ngắn, và đặt nó lên một hòn đá tảng lớn bên bờ sông. Trần truông, tôi hòa mình vào làn nước.

Nước khá ấm áp so với một ngày tháng Mười. Dòng sông đang ở mức nông, nông đến độ tôi có thể nằm ngả lưng ra mà nước chỉ ngập lên đến nửa vai. Nước sông xăm xấp, vỗ về tôi một cách vụng về trong lúc những hòn đá cuội kỳ cọ lưng tôi.

Tôi ngả vào vòng tay êm ái dịu dàng của những giấc mơ để trấn áp nỗi sợ về những vụ sạt lở đất và những vũng máu rỉ ra từ dưới đáy sông, nơi những linh hồn người chết khóc than và nhỏ những giọt nước mắt xuống nước sông cuộn cuộn chảy.

Ông giáo sư quay lại nhìn tôi nằm đó, vỗ về trong làn nước và đập tay như một đứa bé nằm trong chậu tắm. Ông quay đầu và tiếp tục bước đi. Đôi xăng đan của ông lệt xệt như hai con chim lớn đang vẫy đôi cánh sững nước để rửa lông chứ không phải để bay đi.

Ông ấy, cũng như tôi, đang tìm kiếm ánh bình minh.



LỜI CẢM ƠN

M *èsi Anpil, Mucho Gracias, Cảm ơn rất nhiều ...*

Cuốn sách này là một tác phẩm hư cấu dựa trên những sự kiện lịch sử có thật. Có nhiều ngày tháng cũng như một vài sự kiện đã được thay đổi để duy trì mạch kể của câu chuyện. Do đó, những sai sót về địa điểm và thời gian có thể được giải thích dựa theo lý do vừa nêu. Còn đối với những nhầm lẫn khác nếu có, kính mong quý độc giả tha thứ cho khả năng nghiên cứu vẫn cần nhiều bổ sung của người viết.

Tôi vô cùng biết ơn các tổ chức bao gồm Quỹ Lila Wallace-Reader's Digest vì niềm vinh dự cũng như những hỗ trợ từ giải thưởng cho nhà văn của Quỹ đã giúp tôi có thời gian để hoàn thành tác phẩm; Quỹ Barbara Deming Memorial cùng Hội đồng Cựu học sinh đại học Barnard vì các trợ cấp công tác phí để tôi có thể bắt đầu nghiên cứu cho cuốn sách; Tổ chức Ledig House International Writer's Colony vì một tháng lưu trú. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn nồng hậu đến các cá nhân bao gồm nhà văn Julia Alvarez vì thời gian và những lời hướng dẫn của bà; Lionel Legros (và SELA) vì những lời giới thiệu để tiếp cận tài liệu và tư liệu nguồn; Jonathan Demme vì những cuốn sách và bài viết đã không còn tái bản; và Archibald Lawless vì trái tim nhân hậu cũng như văn phòng ông đã hào phóng cho tôi mượn sử dụng.

Tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Đại sứ Bernardo Vega, Quý bà Jeanne Alexandre, Nicole Aragi, Myriam Augustin, Patricia Benoit, David Berry, Joanne Carris, Angie Cruz, Francis

Cruz, Jacqueline Celestin-Fils-Aimé, Jean Desquiron (đã qua đời), Junot Diaz, Pierre Dômnd, Lionel Elie, Jean Paul Fils-Aimé, Melanie Fleishman, Laura Hruska, Juris Jurjevics, Michèle Marcelin, Caroline Marshall, Sheila Murphy, Kareen Obydol, những người vận chuyển chim bồ câu, và Giáo sư Michel-Rolph Trouillot.

Tới mẹ của con, nàng thơ của con, người đã dạy con về pèsi và những điều huyền bí khác. Vâng, thưa mẹ, con vẫn luôn nhớ những câu chuyện đó, bên cạnh những câu chuyện khác mà mẹ kể và con chỉ là người tường thuật lại. Tới Jacques Stephen Alexis, vì cuốn sách *Compère Général Soleil*. Tới Onè. Mỗi mỗi.

Các tác phẩm và văn bản sau đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong nghiên cứu cá nhân: *Le Massacre de 1937 et les Relations Haitiano- Dominicaines* của Suzy Castor; *Trujillo, the Death of the Dictator của Bernard Diederich*; bài thơ *Parsley* tuyệt vời của Rita Dove; *Blood in the Streets của Albert C. Hicks*; *Trujillo y Haiti của Đức ngài Bernar- do Vega*; cuốn sách *Beyond the Bateyes: Haitian Immigrants in the Dominican Republic*, viết bởi *Patrick Gavigan* và xuất bản bởi Hiệp hội Quốc gia cho Quyền lợi của Công dân Haiti; các lá thư của Cựu Tổng thống Sténio Vincent, nằm trong bộ sưu tập Sumner mùa thu hoạch xương Wells của Thư viện Franklin Delano Roosevelt do Đại sứ Bernar- do Vega hỗ trợ xây dựng. Các trích đoạn từ những bài phát biểu của Rafael Trujillo được trích dẫn và hiệu chỉnh lại từ chương 21 của cuốn sách *Presidente Trujillo, His Works and the Dominican Republic*, viết bởi *Lawrence De Besault* và xuất bản ở Santiago, Cộng hòa Dominicana bởi Nhà xuất bản Editorial El Diario vào năm 1941.

Và những lời nằm ở cuối cùng trang sách nhưng luôn nằm đầu tiên trong ký ức của tôi xin được dành tặng cho những người đã bỏ mạng trong cuộc thảm sát năm 1937, những người còn sống

để kể lại và làm chứng, và những người giờ phút này đây vẫn đang lam lũ trên những cánh đồng mía.